

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

LÊ MẠNH CƯỜNG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN
CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội - Năm 2023

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

LÊ MẠNH CƯỜNG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN
CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

Ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 9.31.01.05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

GS.TS. Ngô Thắng Lợi

Hà Nội - Năm 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án "*Phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam*" là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Số liệu, thông tin sử dụng trong luận án là trung thực, chỉ dẫn nguồn gốc rõ ràng. Nội dung luận án chưa từng được sử dụng để bảo vệ lấy bất kỳ một học vị hoặc đề tài nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Lê Mạnh Cường

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Lãnh đạo Viện và các Thầy, Cô giáo của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thiện luận án tại Viện.

Tôi bày tỏ lòng biết ơn tới GS.TS Ngô Thắng Lợi, người hướng dẫn tôi về mặt khoa học đã có những góp ý xác đáng và giúp đỡ tận tình trong quá trình tôi nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Tôi cũng xin trân trọng cảm ơn các Lãnh đạo, Chỉ huy và đồng nghiệp công tác tại Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng, Cục Kế hoạch và đầu tư/Bộ Quốc phòng; Khoa Tài chính/Học viện Hậu cần, các Quân khu, Binh đoàn, Đoàn Kinh tế - quốc phòng về những giúp đỡ đầy nhiệt huyết và những ý kiến đóng góp, động viên để tôi có thể hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

Cuối cùng, tôi đặc biệt biết ơn gia đình và những người bạn thân thiết đã thường xuyên động viên, giúp đỡ tôi hoàn thành bản luận án này.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Lê Mạnh Cường

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ.....	vii
DANH MỤC BẢNG.....	viii
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN	4
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu và xác định khoảng trống nghiên cứu	4
1.1.1. Tổng quan các nghiên cứu về phát triển kinh tế trên địa bàn Khu kinh tế - quốc phòng	4
1.1.2. Tổng quan các nghiên cứu về tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng	6
1.1.3. Các nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng.....	8
1.1.4. Những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu và khoảng trống tiếp tục nghiên cứu trong luận án.....	13
1.2. Mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	17
1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu.....	17
1.2.2. Đối tượng nghiên cứu.....	18
1.2.3. Phạm vi nghiên cứu.....	18
1.2.4. Câu hỏi nghiên cứu của luận án	19
1.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....	19
1.3.1. Cách tiếp cận và khung phân tích	19
1.3.2. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu	22
1.3.3. Phương pháp phân tích thông tin, số liệu.....	26
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG.....	30
2.1. Khu kinh tế - quốc phòng.....	30
2.1.1. Khái niệm khu kinh tế - quốc phòng.....	30
2.1.2. Sự cần thiết hình thành và phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng	31
2.1.3. Đặc điểm của Khu kinh tế - quốc phòng.....	32

2.2. Phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế -quốc phòng.....	34
2.2.1. Khái niệm về phát triển kinh tế và phát triển kinh tế trên địa bàn Khu kinh tế - quốc phòng	34
2.2.2. Tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng	41
2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng.....	49
2.3.1. Đặc điểm tự nhiên và môi trường chính trị, văn hóa, xã hội của Khu KTQP	49
2.3.2. Các nguồn lực kinh tế - xã hội của Khu KTQP	50
2.3.3. Cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước về kinh tế	51
2.3.4. Các mô hình phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP	53
2.3.5. Sự tham gia của Quân đội	53
Chương 3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM	54
3.1. Khái quát về các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam	54
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam ...	54
3.1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam	55
3.1.3. Đặc điểm về quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội của các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam	59
3.2. Thực trạng phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam	60
3.2.1. Thực trạng tăng trưởng kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam	60
3.2.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng .	67
3.2.3. Thực trạng về tiến bộ xã hội trên địa bàn các Khu KTQP	73
3.2.4. Thực trạng bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng.....	85
3.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam.....	91
3.3.1. Xác định mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng.....	91
3.3.2. Kiểm định và kết quả sử dụng mô hình phân tích nhân tố ảnh hưởng.....	93
3.3.3. Phân tích đặc điểm và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố từ kết quả sử dụng mô hình.....	97

3.4. Đánh giá chung về phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam	109
3.4.1. Những kết quả đạt được	109
3.4.2. Những tồn tại, hạn chế	110
3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập.....	112
Chương 4. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM...	117
4.1. Quan điểm và định hướng phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam	117
4.1.1. Bối cảnh có liên quan đến các Khu kinh tế - quốc phòng và phát triển kinh tế trên các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2021 - 2030	117
4.1.2. Quan điểm của Nhà nước về phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2021 - 2030.....	119
4.1.3. Quan điểm và định hướng của luận án về phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng.....	120
4.2. Một số giải pháp phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng	123
4.2.1. Nhóm giải pháp về tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng	123
4.2.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường quản lý nhà nước về phát triển kinh tế trên địa bàn Khu kinh tế - quốc phòng.....	128
4.2.3. Nhóm giải pháp về hoàn thiện mô hình phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng.....	137
4.2.4. Nhóm giải pháp về tăng cường sự tham gia của Quân đội đối với phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng	144
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	148
TÀI LIỆU THAM KHẢO	151
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	160
PHỤ LỤC.....	161

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa Tiếng việt
ANCT	An ninh chính trị
BĐ	Binh đoàn
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BQP	Bộ Quốc phòng
CN - XD	Công nghiệp - Xây dựng
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
EFA	Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis)
HTX	Hợp tác xã
KTQP	Kinh tế - quốc phòng
KTXH	Kinh tế - xã hội
OLS	Phương pháp bình phương nhỏ nhất (Ordinary Least Square)
QK	Quân khu
QPAN	Quốc phòng an ninh
TNBQ	Thu nhập bình quân
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Hình 1.1. Khung phân tích phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP	21
Biểu đồ 3.1. Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành của các Khu KTQP và của tỉnh có Khu KTQP năm 2021	69
Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ hộ nghèo tại địa bàn các Khu KTQP và tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh có Khu KTQP	74
Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ thiếu việc làm trên địa bàn các Khu KTQP và trên địa bàn tỉnh	75
Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ người lớn biết chữ	77
Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đến trường	78
Biểu đồ 3.6. Tỷ lệ trẻ em chết yếu tại địa bàn các Khu KTQP và của tỉnh có Khu KTQP	78
Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế	80
Biểu đồ 3.8. Tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản	81
Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ người dân trên địa bàn các Khu KTQP được tham gia BHYT	83
Biểu đồ 3.10. Số vụ vượt biên và xâm nhập biên giới trái phép	86
Biểu đồ 3.11. Cơ cấu vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho các Khu KTQP do BQP thực hiện	104
Biểu đồ 3.12. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo toàn tỉnh và tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tại địa bàn các Khu KTQP năm 2021	106

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp một số tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP từ các nghiên cứu đã công bố	14
Bảng 1.2. Bảng tổng hợp một số nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP từ các công trình nghiên cứu đã công bố	15
Bảng 1.3. Phân bố phiếu điều tra đối với các hộ dân	23
Bảng 1.4. Số lượng chuyên gia thực hiện tham vấn.....	24
Bảng 2.1. Tiêu chí và dấu hiệu thể hiện xu hướng phát triển tích cực về tăng trưởng kinh tế.....	42
Bảng 2.2. Tiêu chí đánh giá và dấu hiệu tham chiếu thể hiện xu hướng phát triển tích cực về chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	46
Bảng 2.3. Tiêu chí và dấu hiệu thể hiện xu hướng phát triển tích cực về khía cạnh xã hội	47
Bảng 2.4. Tiêu chí và dấu hiệu thể hiện xu hướng phát triển tích cực về bảo đảm quốc phòng - an ninh	48
Bảng 3.1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất của các ngành trên địa bàn các Khu KTQP.....	61
Bảng 3.2. Tốc độ tăng giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP.....	64
Bảng 3.3. Tốc độ tăng TNBQ đầu người trên địa bàn các Khu KTQP và các tỉnh có các Khu KTQP.....	66
Bảng 3.4. Kết quả khảo sát TNBQ đầu người của các hộ gia đình trên địa bàn các Khu KTQP	67
Bảng 3.5. Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP .	68
Bảng 3.6. Cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP.....	71
Bảng 3.7. Tỷ trọng thu nhập từ các ngành sản xuất trong cơ cấu thu nhập của 400	

hộ gia đình trên địa bàn các Khu KTQP từ kết quả khảo sát.....	72
Bảng 3.8. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng trên địa bàn các Khu KTQP và của tỉnh	79
Bảng 3.9. Số con bình quân trong một gia đình trên địa bàn các Khu KTQP	82
Bảng 3.10. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn các Khu KTQP và của tỉnh	84
Bảng 3.11. Số vụ bắt cóc, buôn người qua biên giới.....	87
Bảng 3.12. Số vụ buôn bán ma túy qua biên giới.....	87
Bảng 3.13. Số vụ biểu tình trái phép	88
Bảng 3.14. Số vụ bạo loạn gây mất an ninh chính trị xã hội	89
Bảng 3.15. Số vụ buôn lậu, gian lận thương mại bị xử lý trên địa bàn các Khu KTQP và của tỉnh	90
Bảng 3.16. Số vụ xâm canh, xâm cư trên địa bàn các Khu KTQP	90
Bảng 3.17. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's Test.....	94
Bảng 3.18. Kết quả phân tích hồi quy	95
Bảng 3.19. Hệ số xác định R^2	96
Bảng 3.20. Kết quả kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy.....	96

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu

Kết hợp kinh tế với quốc phòng là nhiệm vụ chiến lược cơ bản, lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kế thừa, phát triển kinh nghiệm quý báu của dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quân đội và nhân dân Việt Nam đã "vừa kháng chiến, vừa kiến quốc", đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định: "Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng - an ninh (QPAN) và giữa QPAN với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại". Đây là sự phát triển tư duy của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) kết hợp với QPAN.

Ở Việt Nam, thể hiện đậm nét nhất trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng là việc Quân đội trực tiếp và gián tiếp tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế, đây là một nhiệm vụ chiến lược lâu dài, là truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong đó, hai phương thức đã được thực hiện: (i) Thành lập và phát triển các doanh nghiệp Quân đội; hai là, đầu tư xây dựng và phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng (KTQP) ở địa bàn chiến lược. Việc đầu tư xây dựng để hình thành và phát triển các Khu KTQP được xem là biểu hiện rõ nét, trực tiếp nhất, đặc trưng nhất cho sự kết hợp phát triển kinh tế (PTKT) với củng cố QPAN ở Việt Nam. Các Khu KTQP có vị trí chiến lược về QPAN, có vai trò rất quan trọng trong việc củng cố QPAN, hình thành thế trận toàn dân gắn với an ninh nhân dân, tạo vành đai vững chắc để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Việc tổ chức bố trí, sắp xếp dân cư, hình thành các cụm, bản, làng, xã cùng với PTKT, nâng cao đời sống vật chất, ổn định cuộc sống cho người dân trên địa bàn là các mục tiêu quan trọng trong xây dựng các Khu KTQP và luôn được đặt trong nhiệm vụ củng cố QPAN trên các địa bàn này. PTKT có vai trò rất quan trọng, là nền tảng để thực hiện mục tiêu về bảo đảm QPAN trên địa bàn các Khu KTQP.

Theo số liệu Báo cáo năm 2021 của Bộ Quốc phòng về tổng kết 10 năm đầu tư xây dựng các Khu KTQP, trong thời gian qua, việc PTKT trên địa bàn các Khu KTQP đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thể hiện sự hiệu quả của việc triển khai các mô hình PTKT trên địa bàn. Điển hình là mô hình trực tiếp tổ chức sản xuất tập trung của các Khu KTQP thuộc Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 đã tạo việc làm và thu nhập ổn định cho trên 20.000 hộ gia đình đồng bào sinh sống trên địa bàn Tây Nguyên. Ngoài ra, nhiều mô hình chăn nuôi, trồng trọt, hỗ trợ 02 đầu cho người dân (thu mua, chế biến nông sản, cung cấp vật tư nông nghiệp, chuyển giao kỹ thuật...) trên địa bàn các Khu KTQP thực hiện

có hiệu quả, tăng thu nhập cho nhân dân, giảm tỉ lệ hộ nghèo tại địa bàn các Khu KTQP (từ khoảng 45-90% xuống chỉ còn khoảng từ 10-40%).

Tuy nhiên, địa bàn các Khu KTQP chủ yếu thuộc vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, hạ tầng giao thông yếu kém, thường xuyên bị thiên tai, lũ lụt. Các nguồn lực PTKT trên địa bàn các Khu KTQP cũng hạn chế như dân cư thưa thớt, trình độ dân trí thấp, trình độ sản xuất lạc hậu, vốn đầu tư hạn hẹp... Đây là những rào cản trong việc PTKT tại các địa bàn này, nguy cơ ảnh hưởng công cuộc củng cố QPAN tại khu vực biên giới. Việc PTKT trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian qua nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu, một số mặt hạn chế như: Tăng trưởng kinh tế còn chậm, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, việc xóa đói giảm nghèo tại nhiều địa bàn chưa đạt mục tiêu đề ra, việc hỗ trợ người dân định cư và tiếp cận an sinh xã hội tại một số địa bàn còn chưa hiệu quả (theo Báo cáo rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng các Khu KTQP đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Quốc phòng). Do đó, việc nghiên cứu để đưa ra giải pháp nhằm thúc đẩy PTKT trên địa bàn các Khu KTQP là cần thiết, nhất là trong bối cảnh tình hình an ninh - chính trị trong khu vực và trên thế giới đang có những diễn biến phức tạp, khó đoán định.

Hiện nay, các nghiên cứu chuyên ngành về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP còn rất hạn chế, nhất là nghiên cứu đối với quy mô tổng thể các Khu KTQP ở Việt Nam. Do vậy, PTKT trên địa bàn các Khu KTQP đang là vấn đề cần thiết phải nghiên cứu để hoàn thiện về cả về lý luận và đánh giá thực tiễn ở Việt Nam.

Từ lý do trên cho thấy, việc lựa chọn và nghiên cứu đề tài luận án *“Phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam”* mang ý nghĩa cả lý luận và thực tiễn, có thể góp phần giúp các cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt, hiểu rõ về bản chất của PTKT trên địa bàn các Khu KTQP và thực trạng hiện nay, từ đó có thể đưa ra các giải pháp quản lý cho phù hợp.

2. Những đóng góp mới của luận án

2.1. Về lý luận

Thứ nhất, trên cơ sở tổng hợp, phân tích lý luận và tổng quan nghiên cứu, luận án đã đưa ra quan điểm về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Đóng góp mới so với quan niệm về PTKT trước đây là việc luận án đã tách riêng và nhấn mạnh yếu tố bảo đảm quốc phòng an ninh; đồng thời xem yếu tố này như là một trụ cột trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Theo đó, các tiêu chí để đánh giá bảo đảm an ninh quốc phòng cũng thể hiện khá rõ nét và khẳng định tính hợp lý của nó qua sử dụng khảo sát và phỏng vấn chuyên gia.

Thứ hai, luận án đã tổng hợp, phân chia thành 05 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến phát triển Khu KTQP, trong đó nhấn mạnh đến các nhóm nhân tố (xem như là những nhân tố có tính quyết định) về cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước, các mô hình PTKT với sự tham gia khác nhau của Quân đội và sự kết hợp giữa Quân đội với chính quyền địa phương. Luận án đã đề xuất phương pháp sử dụng mô hình kinh tế lượng để phân tích tác động của 13 biến độc lập với 64 biến quan sát (đại diện cho 13 nhân tố ảnh hưởng) đến biến phụ thuộc (PTKT trên địa bàn các Khu KTQP). Đây là điểm mới về phương pháp luận so với các nghiên cứu trước đây về chủ đề này.

2.2. Về thực tiễn

Từ việc so sánh với các địa phương có Khu KTQP và phân chia các Khu KTQP thành 3 nhóm, luận án đã phát hiện được: (i) Trình độ PTKT của các Khu KTQP nhìn chung thấp hơn và chậm hơn khá nhiều so với mức trung bình của các địa phương có Khu KTQP ở trên từng khía cạnh; (ii) các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia thường có trình độ PTKT cao hơn các khu còn lại. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế trong PTKT được tìm thấy (với sự hỗ trợ của công cụ định lượng), đó là những hạn chế về nguồn lực phát triển, các cơ chế, chính sách của nhà nước, sự tham gia của Quân đội cũng như các mô hình PTKT trên địa bàn các Khu KTQP còn nhiều hạn chế.

Dựa trên việc xác định mức độ ảnh hưởng và thực trạng của các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, luận án đã đề xuất các định hướng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian tới, nhấn mạnh đến giải quyết những hạn chế trong PTKT hiện nay và giải pháp thực hiện. Điểm mới trong các giải pháp là nhấn mạnh đến: (i) Cơ chế phân cấp giữa chính quyền địa phương với Quân đội; (ii) Áp dụng các mô hình phát triển sản xuất, có tính đến các đặc điểm khác nhau của các Khu KTQP nhằm khai thác tối đa và hiệu quả các nguồn lực của nhà nước, địa phương và của Quân đội.

3. Kết cấu nội dung của luận án

Ngoài phần mở đầu, danh mục bảng biểu, sơ đồ, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu và hướng nghiên cứu của luận án.

Chương 2: Cơ sở lý luận về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

Chương 3: Thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

Chương 4: Quan điểm, định hướng và giải pháp PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ XÁC ĐỊNH KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

1.1.1. Tổng quan các nghiên cứu về phát triển kinh tế trên địa bàn Khu kinh tế - quốc phòng

Trần Trung Tín (1998) trong “Kết hợp kinh tế với quốc phòng ở nước ta hiện nay” đã khẳng định rằng, PTKT trên địa bàn các Khu KTQP là một trong những hình thức điển hình cho sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, đóng vai trò quan trọng đối với sự PTKT và ổn định chính trị, xã hội của quốc gia.

Trần Xuân Phương (2003) cho rằng, Khu KTQP là khu vực có ranh giới gồm một số xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới thuộc địa bàn chiến lược. Cũng theo tác giả, xây dựng và phát triển KTXH các Khu KTQP là từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, kết hợp bảo đảm QPAN ở địa bàn chiến lược, biên giới trên cơ sở bố trí lại dân cư theo quy hoạch của sản xuất. Trong đó, Quân đội có vai trò quan trọng trong xây dựng và phát triển các Khu KTQP.

Bộ Tư lệnh Quân khu 3 (2003) khi nghiên cứu về sự kết hợp QPAN và phát triển KTXH trong Khu KTQP đã trình bày nội dung, thực trạng về phát triển KTXH Khu KTQP và những thuận lợi, khó khăn đối với việc phát triển KTXH trên địa bàn các Khu KTQP; theo các tác giả, phát triển KTXH trong Khu KTQP vừa phải bảo đảm mục tiêu xóa đói, giảm nghèo cho người dân, nâng cao đời sống; đồng thời vừa phải bảo đảm trật tự an ninh xã hội trên khu vực vùng biên; các lực lượng Quân đội trên địa bàn Khu KTQP có vai trò quan trọng đối với PTKT, ổn định chính trị.

Phạm Tiến Luật (2004) cho rằng, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế tạo ra tiềm lực hậu cần to lớn trên địa bàn các Khu KTQP, các địa phương. Theo tác giả, giải quyết tốt mối tương quan giữa lợi ích kinh tế,

tăng trưởng kinh tế và bảo đảm QPAN, bảo đảm cho mỗi bước phát triển KTXH là một bước tăng cường tiềm lực quốc phòng; chủ động ngăn ngừa và loại trừ ngay từ đầu mưu toan lợi dụng hoạt động kinh doanh để lấn át về chính trị - xã hội, nhưng không vì thế mà gây cản trở giao lưu, PTKT.

Đỗ Mạnh Hùng (2008) cho rằng, Khu KTQP là khu vực có ranh giới địa lý xác định bao gồm một số xã hoặc của một hoặc nhiều huyện, của một hoặc một số tỉnh, phù hợp với quy hoạch của địa phương, được cấp có thẩm quyền chấp thuận và nhằm mục tiêu phát triển KTXH các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng thể trận QPAN trên địa bàn chiến lược biên giới. Cũng theo tác giả, đầu tư phát triển các Khu KTQP phải được thể hiện bằng sự hiệu quả về KTXH và môi trường đối với các Khu KTQP.

Trần Trung Tín (2017) cho rằng, Khu KTQP là một loại hình dự án đầu tư mang tính quy hoạch phát triển KTXH, đầu tư đa ngành, vừa xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu (đường giao thông liên xã, thủy lợi, điện, nước sạch...) vừa đầu tư phát triển sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, cơ sở chế biến...) gắn với quy hoạch dân cư, theo thể trận QPAN. Cũng theo tác giả, Khu KTQP đóng trên địa bàn chiến lược, biên giới, điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên việc phát triển KTXH ở khu vực này rất cần thiết. PTKT ở Khu KTQP chính là làm thế nào để đời sống người dân được nâng lên, người dân có công ăn việc làm, có thu nhập, xóa bỏ được các các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu để mang lại các điểm sáng văn hóa – KTXH ở các khu vực này. Để PTKT trên địa bàn các Khu KTQP thì lực lượng Quân đội cần kết hợp với chính quyền địa phương đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức, bố trí lại các cụm dân cư, chuyển đổi nền sản xuất từ tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị văn hóa, xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt các chương trình y tế và nước sạch.

Hoàng Huy Trọng (2021) đã phân tích tổng thể nội dung PTKT trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới ở không gian nghiên cứu tại một huyện giáp biên giới. Theo tác giả, nội dung PTKT gồm: (a) Xây dựng quy hoạch PTKT theo tiêu chí nông thôn mới; (b) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn;

(c) Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất; (d) Chuyển giao kỹ thuật và ứng dụng mô hình sản xuất, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; (e) Chính sách hỗ trợ sản xuất; (f) Đầu tư công cho PTKT và (g) Tạo việc làm, nâng cao thu nhập và xây dựng các chính sách giảm nghèo. Tác giả đã nghiên cứu cụ thể đối với phát triển trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh (là huyện có một số xã thuộc Khu KTQP Bình Liêu- Quảng Hà).

1.1.2. Tổng quan các nghiên cứu về tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

Trần Trung Tín (1998) đã đánh giá thực trạng tình hình kết hợp, PTKT với quốc phòng của các đơn vị Quân đội đóng quân trên các địa bàn chiến lược như vùng núi phía bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, ven biển dựa trên các tiêu chí về kinh tế và xã hội. Trong đó, các tiêu chí về kinh tế được tác giả nghiên cứu là sự gia tăng của TNBQ đầu người của các Khu KTQP, tỷ lệ đói nghèo của người dân trên địa bàn cũng như là các điều kiện sống, sinh hoạt của dân cư tại vùng dự án. Theo tác giả, bộ mặt của các Khu KTQP và đời sống của người dân đã từng bước được nâng lên khi Quân đội tham gia đầu tư, xây dựng các dự án Khu KTQP. Về cơ bản, tác giả sử dụng phương pháp định tính, thống kê, so sánh giữa các thời kỳ để phân tích và đánh giá.

Bộ Tư lệnh Quân khu 3 (2003) khi phân tích và đánh giá thực trạng phát triển của các Khu KTQP đã sử dụng các tiêu chí đánh giá về kinh tế nông nghiệp và nông thôn gắn với đặc trưng của địa bàn khu vực biên giới, nơi chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, phát triển trồng trọt, chăn nuôi; theo đó, các chỉ tiêu về kinh tế được sử dụng để đánh giá gồm: Cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế (Nhà nước và ngoài Nhà nước), đầu tư từ ngân sách để phát triển Khu KTQP, các chỉ tiêu về sản lượng lương thực, kết quả chăn nuôi gia súc, gia cầm qua các giai đoạn. Bên cạnh đó, các tiêu chí về xã hội như: Tình trạng nghèo đói, thất nghiệp, chăm sóc y tế cho người dân cũng được đề cập để phân tích và đánh giá. Nhóm tác giả đã phân tích những thuận lợi, khó khăn đối với việc phát triển KTXH trên địa bàn các Khu KTQP. Qua đó, đề xuất các giải pháp PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

Phạm Tiến Luật (2004), khi đánh giá thực trạng việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế tạo tiềm lực hậu cần trên địa bàn Quân khu 3 cho rằng sự gia tăng thu nhập của người dân cùng với sự thay đổi cơ cấu các ngành tại địa bàn Khu KTQP thể hiện thành tựu của việc kết hợp kinh tế với quốc phòng ở các địa bàn này. Thêm vào đó, tiêu chí sản lượng trồng trọt, chăn nuôi qua từng giai đoạn cũng là một tiêu chí đánh giá quan trọng đối với sự phát triển Khu KTQP. Tác giả đã đề xuất một số giải pháp kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế tạo tiềm lực hậu cần trên địa bàn Quân khu 3, nhằm chuẩn bị tốt hơn tiềm lực hậu cần cho quân khu.

Trần Văn Tịch (2007) khi nghiên cứu đối với Khu KTQP trên địa bàn Quảng Ninh cho rằng có nhiều tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển KTXH của các Khu KTQP trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Trong đó, bên cạnh những tiêu chí về kinh tế thì để có tính toàn diện cần đánh giá qua các biểu hiện tích cực và sự thay đổi về mặt xã hội. Đó là các tiêu chí về tuổi thọ, chăm sóc y tế, trình độ dân trí, thành tựu về giáo dục. Cũng theo tác giả, các thành tựu đạt được về kinh tế sẽ không có nhiều ý nghĩa nếu không cải thiện được các nội dung về mặt xã hội.

Đỗ Mạnh Hùng (2008) khi nhận diện các tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và QPAN trên địa bàn các Khu KTQP, tác giả cho rằng TNBQ đầu người là tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá sự phát triển dưới góc độ kinh tế đối với địa bàn các Khu KTQP. Tuy nhiên, theo tác giả hiện nay việc tính toán, xác định mức TNBQ đầu người ở các địa phương còn có sự chưa thống nhất nên cần sử dụng phương pháp chung của Tổng cục Thống kê để chuẩn hóa cách xác định. Cũng theo nghiên cứu của tác giả thì cơ cấu ngành kinh tế hoặc cơ cấu thu nhập của người dân cũng là một trong các biểu hiện của sự PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá, tác giả đã phân tích thực trạng đầu tư phát triển các Khu KTQP của Việt Nam và đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, QPAN của đầu tư phát triển các Khu KTQP của Việt Nam. Nghiên cứu rút ra những thành tựu đạt được về mặt xã hội, QPAN và kinh tế, nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; đồng thời đánh giá

những mặt hạn chế cùng những nguyên nhân của hạn chế trong quá trình đầu tư và quản lý đầu tư phát triển các Khu KTQP ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của đầu tư phát triển các Khu KTQP ở Việt Nam.

Trần Trung Tín (2017), trên cơ sở quan hệ hữu cơ giữa kinh tế và quốc phòng, tác giả cho rằng để đánh giá thành tựu của PTKT trên địa bàn các Khu KTQP hiện nay cần sử dụng các tiêu chí về xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức lại dân cư, thành tựu trong việc chuyển đổi nền sản xuất từ tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, đưa văn hóa, y tế về thôn bản, việc xóa đói giảm nghèo và khám, chữa bệnh cho nhân dân. Theo tác giả, khi Quân đội tham gia sản xuất, xây dựng và PTKT trên địa bàn các Khu KTQP thì hiệu quả từ các chương trình xóa đói giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm đã thay đổi tập quán canh tác, sinh hoạt của người dân, chuyển từ nuôi lợn thả rông sang nuôi lợn cao sản nhốt trong chuồng; đưa trâu, bò ra khỏi gầm sàn nhà; trồng các giống cây ăn quả, cây lương thực cao sản...Đời sống của người dân từng bước được nâng cao thể hiện ở việc các bản định cư, di dân đều được xây dựng nhà văn hóa, lớp học tại các bản; một số bản, cụm bản được trang bị hệ thống phát thanh; trẻ em tại các nơi thôn bản sâu xa nhất đã được đến trường học chữ tại nơi sinh sống của mình, có những nơi quân số học tập luôn đạt 100%. Tuy chưa có hệ thống cụ thể các tiêu chí đánh giá thành tựu PTKT trên địa bàn các Khu KTQP nhưng có thể nói tác giả đã nêu tương đối rõ nét về những biểu hiện của sự PTKT, qua đó có thể phần nào xác định được các tiêu chí mà tác giả sử dụng để đánh giá.

1.1.3. Các nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

Trần Xuân Phương (2003) cho rằng, Quân đội có vai trò quan trọng trong xây dựng và phát triển các Khu KTQP. Trong đó, Quân đội là lực lượng nòng cốt xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội và QPAN trong các Khu KTQP. Sự xuất hiện của lực lượng Quân đội đã làm thay đổi bộ mặt KTXH của Khu KTQP; cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư phục vụ giao thông, sinh hoạt của người dân, chất lượng cuộc sống cũng được nâng lên.

Nguyễn Trọng Xuân (2004) khẳng định, xóa đói, giảm nghèo là một trong những chương trình mục tiêu quốc gia quan trọng hàng đầu của quốc gia. Trong thời gian qua, các đơn vị Quân đội, mà lực lượng nòng cốt là các Đoàn KTQP đã có nhiều hoạt động thiết thực trong thực hiện nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo trên các địa bàn trọng yếu là các Khu KTQP và đạt được những kết quả tích cực. Trên cơ sở đánh giá thực trạng Quân đội tham gia xóa đói, giảm nghèo thời gian qua, tác giả đã đề xuất hệ thống các quan điểm cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo của Quân đội thời gian tới, trong đó nhấn mạnh vai trò của các Đoàn KTQP trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH trên các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Nguyễn Như Trúc (2006) đã khái quát những đặc điểm thể hiện tính đặc thù của Quân đội trong công tác vận động đồng bào có tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay. Vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước là nhiệm vụ thường xuyên, là vấn đề có tính nguyên tắc đối với các Đoàn KTQP trong xây dựng và phát triển các Khu KTQP. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, tác giả đã đánh giá cao vai trò của Quân đội trong công tác vận động đồng bào có tôn giáo góp phần xây dựng khối đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên.

Trần Văn Tịch (2007) khi phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả KTXH của các Khu KTQP trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã đưa ra và nhấn mạnh các nhân tố liên quan đến nguồn lực phát triển KTXH. Trong đó, vốn đầu tư từ ngân sách, vốn địa phương, trình độ lao động, yếu tố về đất đai là những yếu tố ảnh hưởng chính. Bên cạnh đó, tác giả cũng cho rằng, hiệu quả KTXH của các Khu KTQP trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh cũng bị tác động bởi cơ chế chính sách, sự giúp đỡ của Quân đội và chính quyền địa phương, phong tục tập quán của người dân, sự ổn định về chính trị và QPAN. Trên cơ sở phân tích các nhân tố ảnh hưởng, tác giả đã đưa ra những nguyên nhân hạn chế trong PTKT tại các Khu KTQP trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và đề xuất giải pháp cho phù hợp. Trong đó, chú trọng vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực

đầu tư phát triển, đổi mới cơ chế, chính sách phát triển đối với các Khu KTQP trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Trần Đình Thăng (2008) khi nghiên cứu về vai trò Khu KTQP trong xây dựng tiềm lực hậu cần quân khu, ông cho rằng, việc Quân đội tham gia vào hầu hết các hoạt động, lĩnh vực trên địa bàn các Khu KTQP nhằm giúp đỡ người dân PTKT, nâng cao đời sống KTXH và xây dựng thể trận QPAN vững chắc là phù hợp với truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong đó, các Đoàn KTQP có vai trò quan trọng trong đầu tư xây dựng, phát triển các Khu KTQP và xây dựng tiềm lực hậu cần quân khu.

Trần Văn Tịch (2008) đã đi sâu phân tích làm rõ khả năng và điều kiện bảo đảm để Bộ đội Biên phòng tham gia phát triển KTXH khu vực biên giới Tây Bắc. Tác giả khẳng định: Tham gia phát triển KTXH là một nội dung thuộc chức năng đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất của Quân đội nói chung, Bộ đội Biên phòng nói riêng. Trên cơ sở đó, đề tài đã phân tích làm rõ thực trạng, đề ra yêu cầu và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tham gia phát triển KTXH khu vực biên giới Tây Bắc của Bộ đội Biên phòng trong thời gian tới. Những yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng tham gia phát triển KTXH khu vực biên giới Tây bắc của Bộ đội Biên phòng cần được nghiên cứu vận dụng đối với đoàn KTQP, nhất là trong hoạt động phối hợp công tác giữa hai lực lượng trong địa bàn Khu KTQP.

Đỗ Mạnh Hùng (2008) cho rằng để nâng cao hiệu quả đầu tư vốn vào các Khu KTQP ở Việt Nam cần phân tích, đánh giá thực trạng PTKT, xã hội tại các Khu KTQP và nhận diện được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển đó. Trong đó, tác giả nhấn mạnh đến hiệu quả sử dụng vốn là yếu tố then chốt trong PTKT tại địa bàn các Khu KTQP. Đặc điểm tự nhiên, khí hậu và địa hình có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sử dụng vốn đầu tư để PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, khi mà chủ yếu các Khu KTQP nằm trên địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; đồng thời những mặt hạn chế về trình độ lao động cũng là một trong những rào cản đối với việc PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của đầu tư phát triển các Khu KTQP ở Việt Nam. Theo tác giả, thực tế có những Khu

KTQP vừa đầu tư đi vào hoạt động trong một thời gian ngắn đã bộc lộ những bất cập như: quy hoạch, kế hoạch đầu tư chưa được khảo sát và dự toán chính xác, đầy đủ; những sản phẩm của các Khu KTQP chưa phù hợp với mục tiêu đề ra, nên hiệu quả kinh tế và xã hội chưa cao; cơ chế QLNN, quản lý đầu tư, quản lý ngân sách đối với mô hình các Khu KTQP chưa được nghiên cứu sâu và đầy đủ; đầu tư từ nhà nước cho các cơ sở công nghiệp động viên và cơ sở công nghiệp lưỡng dụng còn chưa được quan tâm đúng mức và có cơ chế minh bạch, rõ ràng...

Nhìn chung, trong quá trình nghiên cứu về hiệu quả đầu tư vốn ngân sách vào các Khu KTQP, tác giả đã đưa ra nhiều quan điểm về nhân tố ảnh hưởng đến phát triển KTXH trên địa bàn các Khu KTQP. Tuy nhiên, tác giả chủ yếu nhấn mạnh đối với cơ sở hạ tầng và vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, do đó các phân tích, đánh giá còn thiếu tính toàn diện, nhất là các nhân tố tác động đến khía cạnh xã hội.

Nguyễn Xuân Phúc (2012) cho rằng, cơ chế quản lý nhà nước có tác động lớn đối sự phát triển của các Khu KTQP thông qua các doanh nghiệp Quân đội, trong đó có các doanh nghiệp KTQP trên địa bàn. Tác giả đã phân tích thực trạng QLNN đối với các doanh nghiệp KTQP Việt Nam giai đoạn 2006-2010; đánh giá rút ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của QLNN đối với các doanh nghiệp KTQP Việt Nam. Từ đó tác giả đề xuất các nhóm giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện QLNN đối với các doanh nghiệp KTQP ở Việt Nam.

Nguyễn Tiến Dũng (2013) khi nghiên cứu về hoạt động của các đơn vị Quân đội trên địa bàn Tây Nguyên trong tham gia xây dựng cơ sở địa phương trong đó có hệ thống chính trị cơ sở; tác giả đã xây dựng hệ thống lý luận, đánh giá thực trạng và rút ra một số kinh nghiệm trong hoạt động tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở địa phương vững mạnh của các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn Tây Nguyên. Theo tác giả, vấn đề tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở của các đơn vị quân đội là một nội dung, biện pháp được nhấn mạnh; đây là cơ sở để củng cố, xây dựng các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về chính trị, vững

chắc về QPAN, văn hóa - xã hội trong sạch lành mạnh, luôn ổn định và phát triển bền vững.

Nguyễn Xuân Bách (2015) cho rằng lực lượng Bộ đội Biên phòng có vai trò quan trọng trong tham gia xây dựng cơ sở chính trị khu vực biên giới Tây Bắc, nhất là đối với địa bàn Khu KTQP, thể hiện trên các mặt công tác: Giúp đỡ nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương các chủ trương, phương hướng lãnh đạo và thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển KTXH; giới thiệu, đề xuất nhân sự cho các tổ chức; phát triển đảng viên, đoàn viên, hội viên của các tổ chức; giúp đỡ bồi dưỡng đội ngũ cán bộ; trực tiếp huấn luyện những kiến thức về quân sự, quốc phòng cần thiết và có thể bồi dưỡng cả năng lực hoạt động phong trào cho đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ của các đoàn thể nhân dân.

Vũ Trường Khá (2017) đã nghiên cứu cơ sở lý thuyết cơ bản về đoàn KTQP và quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước đối với đoàn KTQP, các nhân tố tác động đến quản lý vốn đầu tư và các nội dung trong quản lý đầu tư tại các đoàn KTQP. Theo tác giả, vốn đầu tư có vai trò quan trọng đối với quá trình hình thành, xây dựng và phát triển các Khu KTQP. Thời gian qua, vốn đầu tư đã ảnh hưởng lớn đến quá trình PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, thay đổi diện mạo các Khu KTQP. Qua nghiên cứu, tác giả cho rằng hiện nay công tác quản lý vốn đầu tư tại các Khu KTQP khu vực phía Bắc Việt Nam còn nhiều hạn chế trên các nội dung như lập kế hoạch đầu tư, tổ chức thực hiện đầu tư, kiểm tra, giám sát đầu tư và công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Tác giả cũng hệ thống hóa quan điểm về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với các đoàn KTPQ và 8 giải pháp, 3 kiến nghị liên quan đến thúc đẩy công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với các đoàn KTQP khu vực phía Bắc đến năm 2025.

Lê Thanh Tuấn (2019) cho rằng, việc PTKT biên giới Việt - Trung địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay đang tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực thương mại, chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất, kho ngoại quan, chợ biên giới và xây

dụng khu hợp tác kinh tế biên giới. Khi đánh giá thực trạng PTKT biên giới Việt - Trung địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tác giả cho rằng còn tồn tại nhiều hạn chế về chính sách phát triển, điển hình là việc chỉ tập trung chủ yếu vào phát triển thương mại và xây dựng, chưa chú trọng xây dựng bền vững khu hợp tác kinh tế biên giới. Cũng theo tác giả, có nhiều nhân tố ảnh hưởng PTKT khu vực biên giới, có thể kể như xuất phát điểm thấp, những hạn chế, yếu kém từ cơ sở hạ tầng, tính kết nối về giao thông, rào cản về ngôn ngữ địa phương, chất lượng lao động và trình độ dân trí thấp.

1.1.4. Những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu và khoảng trống tiếp tục nghiên cứu trong luận án

1.1.4.1. Những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu

1) Nghiên cứu về nội dung của PTKT trên địa bàn Khu KTQP

Khi nghiên cứu về Khu KTQP, về cơ bản, các nhà nghiên cứu đã tương đối thống nhất về khái niệm, đặc điểm các Khu KTQP và sự cần thiết đối với việc PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam. Tuy nhiên, đối với nghiên cứu về nội dung của PTKT trên địa bàn Khu KTQP thì số lượng còn rất hạn chế, chỉ có một số nhà nghiên cứu đề cập một cách gián tiếp tại các công trình nghiên cứu có liên quan. Vì vậy, có thể khẳng định, hiện nay chưa có một công trình nghiên cứu tổng thể nào về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam được công bố.

2) Về tiêu chí đánh giá PTKT trên địa bàn các Khu KTQP

Các nhà nghiên cứu cơ bản thống nhất việc đánh giá mức độ PTKT trên địa bàn các Khu KTQP phải dựa trên các tiêu chí đánh giá về kinh tế và xã hội. Những tiêu chí đánh giá từ các kết quả nghiên cứu đã công bố sẽ được tác giả sắp xếp, bổ sung để kế thừa và sử dụng trong luận án; đồng thời cũng là cơ sở để luận án rút ra khoảng trống tiếp tục nghiên cứu. Tổng hợp nội hàm và các tiêu chí đánh giá phát triển Khu KTQP từ các nghiên cứu trước đây được thể hiện qua Bảng 1.1.

Bảng 1.1. Tổng hợp một số tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP từ các nghiên cứu đã công bố

TT	Tiêu chí đánh giá	Nguồn tác giả
1	Về kinh tế	
-	TNBQ và tốc độ tăng trưởng TNBQ của người dân	Trần Trung Tín; Phạm Tiến Luật; Đỗ Mạnh Hùng
-	Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành (Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu giá trị sản xuất)	
-	Cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế	Quân khu 3
-	Sản lượng lương thực, chăn nuôi	Quân khu 3; Phạm Tiến Luật
-	Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất canh tác	
-	Cơ cấu thu nhập của người dân	Quân khu 3; Đỗ Mạnh Hùng
-	Vốn đầu tư từ ngân sách để PTKT cho KTQP	
2	Về xã hội	
-	Tỷ lệ nghèo đói	Trần Trung Tín; Quân khu 3; Trần Trung Tín
-	Tỷ lệ thất nghiệp	Quân khu 3
-	Trình độ dân trí của người dân	Trần Văn Tịch
-	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường	Trần Trung Tín
-	Tuổi thọ trung bình của người dân	Trần Văn Tịch; Trần Trung Tín
-	Người dân được chăm sóc y tế	Quân khu 3, Trần Văn Tịch
-	Tỷ lệ trẻ em chết yểu	
-	Tỷ lệ trẻ em sơ sinh được chăm sóc y tế	
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng	
-	Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế	Trần Văn Tịch; Trần Trung Tín; Đỗ Mạnh Hùng
-	Số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất được đầu tư vào các Khu KTQP	Đỗ Mạnh Hùng; Quân khu 3
-	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đời sống, sản xuất của người dân	Trần Trung Tín

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các nghiên cứu đã công bố

3) Về nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP

Phần lớn các nhà nghiên cứu có cùng quan điểm khi cho rằng, có rất nhiều các nhân tố ảnh hưởng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP nhưng chủ

yếu xoay quanh các các nhóm nhân tố về điều kiện tự nhiên, đặc tính xã hội, cơ chế chính sách và nguồn lực PTKT. Bên cạnh đó, theo quan điểm của một số nhà nghiên cứu, vai trò của Quân đội là một trong những nhân tố quan trọng đối với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, Quân đội được xác định là lực lượng nòng cốt trong đầu tư xây dựng, phát triển các Khu KTQP, trực tiếp sản xuất hoặc giúp đỡ nhân dân phát triển KTXH. Có thể tổng hợp một số nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP của các nghiên cứu đã công bố trước đây tại Bảng 1.2.

Bảng 1.2. Tổng hợp một số nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP từ các công trình nghiên cứu đã công bố

TT	Các nhân tố ảnh hưởng	Nguồn tác giả
1	Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên	Đỗ Mạnh Hùng
2	Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất	Trần Xuân Phương, Lê Thanh Tuấn
3	Vốn đầu tư và khả năng tiếp cận tín dụng	Trần Văn Tịch; Đỗ Mạnh Hùng; Vũ Trường Khá
4	Sở hữu đất của người dân	Trần Văn Tịch
5	Số lượng lao động và kiến thức, kỹ năng	Trần Văn Tịch; Đỗ Mạnh Hùng; Lê Thanh Tuấn
6	Cơ chế, chính sách của Nhà nước và BQP	Trần Văn Tịch; Nguyễn Xuân Phúc
7	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương	Trần Văn Tịch
8	Quốc phòng an ninh, hợp tác quốc tế	
9	Quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP	Đỗ Mạnh Hùng
10	Cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư	
11	Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội	Trần Văn Tịch; Lê Thanh Tuấn
12	Sự tham gia và vai trò của Quân đội	Trần Xuân Phương; Nguyễn Trọng Xuân; Nguyễn Như Trúc; Trần Văn Tịch; Trần Đình Thăng; Nguyễn Tiến Dũng; Nguyễn Xuân Bách

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các nghiên cứu đã công bố

1.1.4.2. Khoảng trống tiếp tục nghiên cứu trong luận án

1) Khái niệm và nội hàm PTKT trên địa bàn Khu KTQP chưa được làm rõ, chưa được hiểu một cách đầy đủ và toàn diện. Các nghiên cứu vẫn theo khái niệm PTKT nói chung, mới chỉ nghiên cứu, hệ thống lý luận cơ bản về PTKT vùng, biên giới. PTKT trên địa bàn Khu KTQP so với phát triển khu kinh tế thuần túy có sự khác nhau về nội hàm. Sự khác nhau này thực sự có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu.

2) Bộ chỉ tiêu đánh giá chưa thực sự mang tính đặc trưng đối với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, cụ thể: Chưa có chỉ tiêu đánh giá về khía cạnh QPAN, các chỉ tiêu về xã hội còn chưa được nhấn mạnh, chưa gắn với nội hàm của PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, chưa gắn với tính đặc thù về điều kiện KTXH, chính trị, văn hóa, an ninh, quốc phòng trên địa bàn các Khu KTQP nên chưa thể hiện được sự khác biệt giữa chỉ tiêu đánh giá PTKT trên địa bàn các Khu KTQP với PTKT của các vùng khác; ngoài ra, trong các nghiên cứu cũng chưa có sự phân nhóm các tiêu chí và chưa đưa ra được cách đánh giá dựa trên bộ tiêu chí đã đưa ra. Việc đưa ra bộ chỉ tiêu đánh giá khoa học, có hệ thống, phản ánh đầy đủ nội hàm sẽ giúp việc phân tích, đánh giá thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP có nhiều ý nghĩa và giá trị khoa học.

3) Các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP chưa được hệ thống một cách đầy đủ, còn khác rời rạc, chưa thể hiện rõ được ảnh hưởng đến nội dung gì, khía cạnh gì về PTKT, chưa phân nhóm tiêu chí ảnh hưởng, chưa đưa ra cách đánh giá nhân tố ảnh hưởng và xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đối với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

4) Chưa có cái nhìn tổng thể về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam (thực trạng hiện nay như thế nào?), các nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá rời rạc theo từng Khu KTQP hoặc khía cạnh riêng lẻ chứ chưa mang tính tổng thể nên chưa có sự so sánh giữa các Khu KTQP với nhau, so sánh giữa địa bàn Khu KTQP với tỉnh có các Khu KTQP. Ngoài ra, thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam cũng chưa được đánh giá theo bộ tiêu chí mới, gắn với đặc thù của các Khu KTQP.

5) Chưa có kiểm định thực tế bằng mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP để xác định chính xác các nhân tố ảnh hưởng và lượng hóa mức độ ảnh hưởng cụ thể nhằm đảm bảo độ tin cậy. Do đó, một nghiên cứu hiện nay về nội dung này là rất cần thiết.

1.2. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1.1. Mục tiêu tổng quát

Luận án đặt mục tiêu tổng hợp và góp phần bổ sung, hoàn thiện một số khía cạnh lý luận về PTKT trên địa bàn Khu KTQP làm cơ sở đánh giá, phát hiện các vấn đề bất cập trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam, từ đó đề xuất quan điểm, mục tiêu và các giải pháp trong thời gian tới nhằm đáp ứng yêu cầu PTKT gắn với mục tiêu cải thiện đời sống kinh tế, xã hội cho người dân và bảo đảm an ninh quốc phòng vững chắc trên địa bàn biên giới.

1.2.1.2. Mục tiêu cụ thể

1) Hệ thống hóa và bổ sung, hoàn thiện cơ sở lý luận về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP gồm: Khái niệm, nội hàm của PTKT trên địa bàn Khu KTQP, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng.

2) Đánh giá thực trạng PTKT trên địa bàn Khu KTQP có sự phân biệt, so sánh giữa 03 nhóm Khu KTQP, giữa địa bàn các Khu KTQP với địa bàn của các tỉnh có Khu KTQP; xác định được những mặt đạt được, điểm yếu về PTKT hiện nay về các khía cạnh: Kinh tế, xã hội, QPAN.

3) Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam: Sử dụng mô hình kinh tế lượng để xác định các nhân tố, mức độ, thứ tự tác động của các nhân tố ảnh hưởng; từ đó, tìm ra các nguyên nhân gây ra bất cập, hạn chế trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam.

4) Đề xuất định hướng và giải pháp PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam trong thời gian tới.

1.2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam; luận án chia các Khu KTQP ở Việt Nam thành 03 nhóm để thấy được sự đặc trưng khác biệt và giải thích sự khác nhau về PTKT giữa các nhóm Khu KTQP này.

1.2.3. Phạm vi nghiên cứu

1.2.3.1. Về nội dung nghiên cứu

Luận án vẫn dựa trên khung lý thuyết chung về PTKT để nghiên cứu nhưng có gắn với các đặc điểm cụ thể của các Khu KTQP; từ đó, hai nội dung được nhấn mạnh, đó là: Nội hàm PTKT trên địa bàn Khu KTQP để đánh giá thành quả phát triển; (ii) Nhân tố ảnh hưởng nhằm trả lời câu hỏi làm thế nào để PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

1.2.3.2. Về không gian nghiên cứu

Luận án sẽ chỉ nghiên cứu địa bàn các Khu KTQP trên đất liền đang tiếp tục được triển khai thực hiện đầu tư xây dựng theo Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng và phát triển các Khu KTQP đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; không nghiên cứu đối với các Khu KTQP chưa được triển khai đầu tư xây dựng và các Khu KTQP đã kết thúc đầu tư xây dựng, chuyển giao cho địa phương quản lý. Theo đó, luận án sẽ tập trung nghiên cứu PTKT trên địa bàn 22 Khu KTQP trên đất liền ở Việt Nam hiện nay. Các khu nay được chia thành 3 nhóm theo vị trí tiếp giáp với biên giới các nước, trong đó các khu tiếp giáp với Trung Quốc có 8 khu; các khu tiếp giáp với Lào có 7 khu; các khu tiếp giáp với Campuchia có 7 khu.

1.2.3.3. Về thời gian nghiên cứu

Phân tích thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021 và đề xuất định hướng, giải pháp phát triển giai đoạn đến 2030.

1.2.4. Câu hỏi nghiên cứu của luận án

- 1) Vai trò và ý nghĩa của PTKT trên địa bàn Khu KTQP?
- 2) Có gì khác giữa PTKT trên địa bàn Khu KTQP so với các khu kinh tế thuần túy khác? Đánh giá PTKT trên địa bàn Khu KTQP bằng những tiêu chí nào? Nhân tố nào ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn Khu KTQP?
- 3) Thực trạng về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam hiện nay ra sao? Nguyên nhân gì dẫn đến những hạn chế trong PTKT trên địa bàn Khu KTQP ở Việt Nam thời gian qua?
- 4) Định hướng và giải pháp cho PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam trong thời gian tới là gì?

1.3. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.3.1. Cách tiếp cận và khung phân tích

1.3.1.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

1) Cách tiếp cận theo chuyên ngành kinh tế phát triển

Nội hàm PTKT trên địa bàn Khu KTQP được xem xét dưới góc độ thành quả cuối cùng của sự phát triển, bao gồm cả mặt số lượng trong phát triển (quy mô kinh tế), chất lượng phát triển (về kinh tế - cơ cấu kinh tế và về xã hội (tiền bộ xã hội cho con người), về QPAN, về môi trường sống.

Các giải pháp phát triển được khai thác trên cơ sở các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển (đến các thành quả của phát triển), giúp tìm hiểu được các nguyên nhân của những thành tựu hay hạn chế trong phát triển các Khu KTQP hiện nay để từ đó đề xuất các chính sách hay giải pháp để đạt được các mục tiêu phát triển.

2) Cách tiếp cận lịch sử/logic

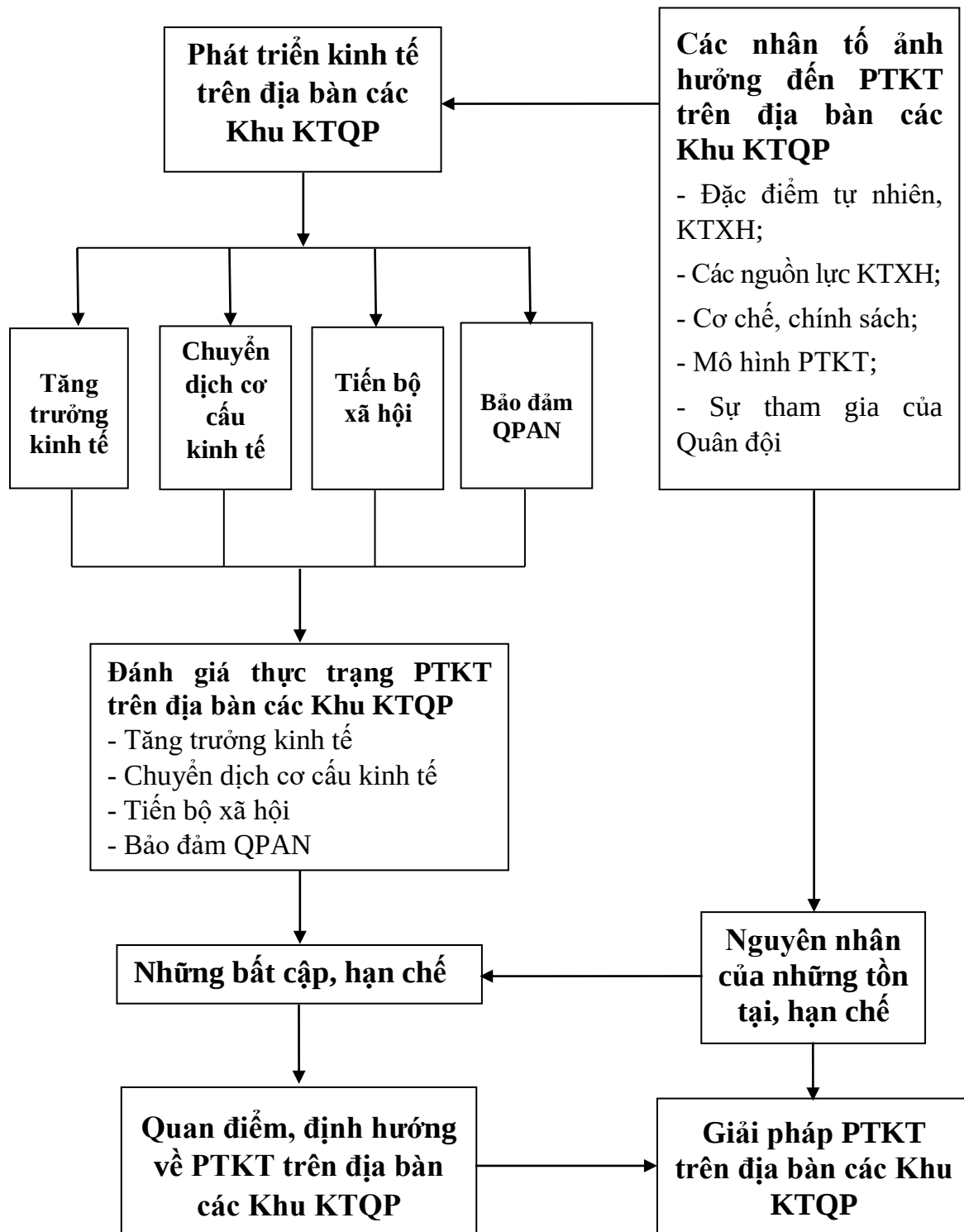
Xem xét các công trình nghiên cứu trước đây về PTKT vùng, PTKT gắn với quốc phòng, PTKT vùng biên giới, vai trò của Quân đội đối với xây dựng, phát triển các Khu KTQP, đối với PTKT các Khu KTQP; các nội dung đã được nêu, các vấn đề còn chưa làm rõ; từ đó, xác định phạm vi nghiên cứu trong đề tài của mình.

3) Cách tiếp cận từ lý thuyết đến thực tiễn

Cách tiếp cận từ lý thuyết đến thực tiễn là cách tiếp cận phổ biến trong các nghiên cứu về KTXH. Cách tiếp cận này cho thấy rằng, cần phải nghiên cứu một cách toàn diện về lý thuyết sau đó đối chiếu khung lý thuyết vào thực tiễn để xác định những kết quả đạt được và những bất cập trong thực tiễn. Cụ thể: i) về lý thuyết luận án đã chỉ rõ các khái niệm Khu KTQP, vai trò, đặc điểm của Khu KTQP; vai trò của Quân đội trong việc xây dựng, phát triển các Khu KTQP; các lý thuyết về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; xác định các tiêu chí đo lường PTKT; các mô hình đánh giá tác động của các nhân tố tới PTKT. (ii) về thực tiễn, luận án đã đối chiếu các vấn đề lý luận vào thực tiễn PTKT của 22 Khu KTQP được chia làm 3 vùng ở Việt Nam.

1.3.1.2. Khung phân tích vấn đề của luận án

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu và lý thuyết về PTKT, kết hợp với đặc điểm riêng có của các Khu KTQP, tác giả đã xây dựng khái niệm và nội hàm PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Trong luận án, PTKT trên địa bàn các Khu KTQP được hiểu là sự kết hợp giữa PTKT, xã hội và bảo đảm QPAN trên địa bàn các Khu KTQP. Theo đó, các tiêu chí đánh giá PTKT trên địa bàn các Khu KTQP bao gồm: Tiêu chí đánh giá về tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh. Các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP bao gồm ba nhóm: Nhóm nhân tố về nguồn lực tự nhiên, KTXH; nhóm nhân tố về cơ chế, chính sách của Nhà nước; nhóm nhân tố về mô hình PTKT và sự tham gia của Quân đội. Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá đã xây dựng, tác giả sử dụng các số liệu thứ cấp để phân tích thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, phát hiện những mặt còn hạn chế, tồn tại. Đối với các nhân tố ảnh hưởng, tác giả sử dụng mô hình kinh tế lượng để xác định chính xác các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; từ đó, kết hợp với dữ liệu thứ cấp để xác định nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Trên cơ sở tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, tác giả đã đề xuất các quan điểm, định hướng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP đến năm 2030.



Hình 1.1. Khung phân tích PTCT trên địa bàn các Khu KTQP

Nguồn: Tác giả mô phỏng

1.3.2. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

1.3.2.1. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu thứ cấp

Vấn đề PTKT trên phạm vi cả nước nói chung và địa bàn các Khu KTQP nói riêng là một vấn đề lớn, phức tạp, phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Vì vậy, việc thu thập tài liệu phải thông qua nhiều nguồn, từ đó phân tích, tổng hợp, chọn lọc để có những tài liệu cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của luận án. Trong quá trình triển khai nghiên cứu, tác giả đã thu thập, sử dụng các nguồn số liệu thứ cấp từ các báo cáo của các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng (Cục Kinh tế/BQP, Cục Tài chính/BQP, Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP...), báo cáo tình hình phát triển KTXH của các địa phương thuộc địa bàn Khu KTQP, các Đoàn KTQP, các kết quả đã công bố tại các hội nghị, hội thảo, các cuộc điều tra, các đề tài nghiên cứu khoa học,...

1.3.2.2. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu sơ cấp qua điều tra

1) Đối tượng và phạm vi điều tra

Chủ thể PTKT chủ yếu ở các Khu KTQP là các hộ gia đình. Vì thế, để có số liệu và dữ liệu phản ánh thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, luận án đã chọn điều tra các hộ gia đình trên địa bàn các Khu KTQP.

Để đảm bảo tính đại diện của mẫu nghiên cứu, đối với mỗi nhóm Khu KTQP, tác giả lựa chọn 01 Khu KTQP có tính đại diện nhất về đặc điểm KTXH, dân cư của nhóm (*chi tiết số liệu về mật độ bản, mật độ dân cư, TNBQ đầu người tại Phụ lục 5 kèm theo*), cụ thể: (i) Đối với nhóm các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc, lựa chọn Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm; (ii) đối với nhóm các Khu KTQP giáp Lào, lựa chọn Khu KTQP Kỳ Sơn; (iii) đối với nhóm các Khu KTQP giáp Campuchia, lựa chọn Khu KTQP Tân Hồng.

Theo số liệu báo cáo rà soát, điều chỉnh quy hoạch các Khu KTQP giai đoạn 2021 - 2025, tổng số hộ gia đình trên địa bàn 03 Khu KTQP lựa chọn khảo sát (Bảo Lạc - Bảo Lâm, Kỳ Sơn, Tân Hồng) khoảng 36.150 hộ. Luận án đã sử dụng công thức chọn mẫu của Slovin (1984), cụ thể như sau:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

Trong đó: n là số hộ cần điều tra; N là tổng số hộ gia đình trên địa bàn 03 Khu KTQP khảo sát; e là sai số cho phép; tác giả sử dụng mức phổ biến nhất là 0,05 (5%).

Từ công thức trên cho thấy, kích thước mẫu cần điều tra tối thiểu là 396 mẫu. Để dự phòng các phiếu điều tra không thu về được hoặc không đạt yêu cầu, thực tế, tác giả đã tổ chức điều tra và thu thập thông tin đối với 430 hộ gia đình (Bảng 1.3). Đối với mỗi Khu KTQP, phiếu điều tra được phân bổ đều cho các xã trên địa bàn để khảo sát ngẫu nhiên người dân.

Bảng 1.3. Phân bổ phiếu điều tra đối với các hộ dân

TT	Nhóm Khu KTQP	Số hộ dân trên địa bàn	Số mẫu điều tra
1	Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm	11.026	132
3	Khu KTQP Kỳ Sơn	7.772	96
4	Khu KTQP Tân Hồng	17.352	202
	Cộng	36.150	430

Nguồn: Tác giả đề xuất lựa chọn

2) Nội dung điều tra các hộ gia đình

Tác giả tiến hành khảo sát, điều tra ý kiến hộ dân về: (i) Thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; (ii) Các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP làm cơ sở đánh giá thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam hiện nay (*Chi tiết tại mẫu phiếu ở Phụ lục 4*)

3) Phương pháp thực hiện điều tra hộ gia đình

Tác giả thực hiện khảo sát dựa trên phiếu khảo sát được thiết kế sẵn. Để có thể thực hiện khảo sát tại 03 Khu KTQP, tác giả kết hợp giữa việc tự thực hiện khảo sát (đối với Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm) và gửi Phiếu khảo sát cho các Đoàn KTQP (Đoàn KTQP 4 và Đoàn KTQP 959) để hỗ trợ khảo sát đối với Khu KTQP Kỳ Sơn và Khu KTQP Tân Hồng.

Tại mỗi phiếu điều tra, luận án sử dụng thang đo Likert với 5 tùy chọn từ 1 đến 5 để khảo sát ý kiến của chuyên gia, người dân trên địa bàn các Khu KTQP, gồm: 1 = Rất không tốt; 2 = Không tốt; 3 = Bình thường; 4 = Tốt; 5 =

Rất tốt hoặc 1= Rất không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Bình thường; 4 = Đồng ý; 5 = Rất đồng ý.

4) Thời gian điều tra

Luận án thực hiện điều tra, khảo sát các số liệu cho nghiên cứu bắt đầu từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 8 năm 2022.

1.3.2.3. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu sơ cấp qua tham vấn chuyên gia

1) Đối tượng chuyên gia được tham vấn

Theo phương pháp phỏng vấn chuyên gia (Delphi), mẫu phỏng vấn tối thiểu là 10 và để đảm bảo tính đầy đủ, đại diện của mẫu khảo sát cho cả 04 nhóm đối tượng (cơ quan quản lý nhà nước, giảng viên, các Đoàn KTQP và chính quyền địa phương), tác giả đã lựa chọn khảo sát 44 chuyên gia, được phân bố như Bảng 1.4. Đối với các Đoàn KTQP và chính quyền địa phương, tác giả được lựa chọn các chuyên gia trên địa bàn 03 Khu KTQP có tính đại diện cho 03 nhóm Khu KTQP (*đã được phân tích, lựa chọn điều tra, khảo sát tại Mục 1.3.2.2*).

Bảng 1.4. Số lượng chuyên gia thực hiện tham vấn

T T	Đối tượng chuyên gia	Số chuyên gia được chọn
1	Cơ quan chức năng của BQP	10
2	Giảng viên các trường đại học, các viện nghiên cứu	10
3	Cán bộ thuộc Đoàn KTQP thực hiện nhiệm vụ trên các Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm, Khu KTQP Kỳ Sơn, Khu KTQP Tân Hồng (<i>mỗi Đoàn KTQP lựa chọn 04 chuyên gia</i>)	12
4	Cán bộ công tác tại UBND huyện thuộc địa bàn Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm, Khu KTQP Kỳ Sơn, Khu KTQP Tân Hồng (<i>mỗi UBND huyện lựa chọn 04 chuyên gia</i>)	12
Tổng cộng		44

Nguồn: Tác giả đề xuất lựa chọn

Về tiêu chuẩn các chuyên gia trong diện khảo sát, tác giả lựa chọn dựa trên các tiêu chí: (i) Có hiểu biết về lĩnh vực kinh tế phát triển; (ii) Có trình độ chuyên môn phù hợp (từ Cử nhân trở lên); (iii) Đang làm việc trong các cơ quan nhà nước, trường đại học, viện nghiên cứu, Đoàn KTQP có liên quan đến PTKT Khu KTQP. Chi tiết các chuyên gia được tham vấn tại Phụ lục 2.

2) Nội dung thông tin cần thu thập khi tham vấn chuyên gia

(i) Nội dung 1 (tham vấn đối với 44 chuyên gia): Tham vấn để xác định tiêu chí đánh giá PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; các biến đại diện, biến quan sát và thang đo được sử dụng trong mô hình phân tích nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP (*Chi tiết tại Phần 1 Mục B của Phụ lục 1*).

(ii) Nội dung 2 (tham vấn đối với 34 chuyên gia là cán bộ thuộc cơ quan chức năng của BQP, các Đoàn KTQP và chính quyền địa phương trên địa bàn các Khu KTQP): Tham vấn để hoàn thiện nội dung đánh giá thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam; tìm ra hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam hiện nay; đề xuất các giải pháp thúc đẩy PTKT trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian tới (*Chi tiết tại Phần 2 Mục B của Phụ lục 1*).

3) Phương pháp thực hiện tham vấn

Tác giả thực hiện khảo sát dựa trên phiếu khảo sát được thiết kế sẵn và phỏng vấn câu hỏi mở. Đối với các chuyên gia đang công tác tại các cơ quan chức năng của BQP, gần nơi tác giả đang công tác, tác giả thực hiện việc khảo sát bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp; còn đối với các chuyên gia ở xa, tác giả đã thực hiện phương pháp khảo sát qua thư kết hợp với gọi điện livestream và giải đáp các thắc mắc nếu có trong quá trình chuyên gia thực hiện việc trả lời.

4) Thời gian thực hiện phỏng vấn chuyên gia

Luận án thực hiện tham vấn các chuyên gia từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022.

1.3.3. Phương pháp phân tích thông tin, số liệu

1.3.3.1. Phương pháp thống kê mô tả, thống kê suy luận và phân tích kinh tế

Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy luận thông qua việc sử dụng phần mềm SPSS để tính giá trị trung bình đối với các chỉ tiêu/tiêu chí cần đánh giá trên phương diện mức độ đánh giá của chuyên gia, người dân trên địa bàn các Khu KTQP. Kiểm định giá trị bình quân thông qua việc tính giá trị trung bình của các chỉ tiêu/tiêu chí cần đánh giá so với giá trị bình quân là 3,0, để thấy được mức độ đánh giá của các chỉ tiêu/tiêu chí cần đánh giá cho mục tiêu nghiên cứu. Nghiên cứu đã sử dụng thang đo Likert với 5 tùy chọn từ 1 đến 5 để khảo sát. Do đó, điểm đánh giá thông qua thống kê mô tả và kiểm định giá trị bình quân sẽ quy các đánh giá của các đối tượng khảo sát về mức trung bình là 3,0; nghĩa là từ dữ liệu khảo sát, nếu giá trị trung bình của các chỉ tiêu tính ra ở mức trên 3,0 là kết quả nhận xét theo hướng tốt hoặc đồng ý, còn ở mức dưới 3,0 là kết quả nhận xét theo hướng không tốt hoặc không đồng ý và nếu ở mức 3,0 là đạt mức bình thường.

Bên cạnh đó, luận án sử dụng kết hợp phương pháp tổng hợp, thống kê và phân tích kinh tế để phân tích dữ liệu thứ cấp trong phần cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP hiện nay. Luận án sử dụng các chỉ số thống kê kinh tế như giá trị trung bình, phần trăm, tốc độ phát triển, tốc độ tăng bình quân... để phân tích. Việc phân tích, đưa ra các lập luận thông qua sự kết hợp giữa phương pháp quy nạp và suy diễn trên cơ sở những kiến thức, kinh nghiệm, các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

1.3.3.2. Phương pháp sử dụng mô hình kinh tế lượng

Về phương pháp sử dụng mô hình kinh tế lượng, luận án sử dụng các công cụ kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy tuyến tính bình phương nhỏ nhất (OLS) để xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến PTKT trên địa bàn Khu KTQP theo phương diện mức độ đánh giá của người dân trên địa bàn. Cụ thể:

1) Kiểm định Cronbach's Alpha:

Là kiểm định nhằm phân tích cũng như đánh giá độ tin cậy của thang đo trong mô hình nghiên cứu của luận án. Luận án sử dụng kiểm định Cronbach Alpha là để tìm hiểu xem các biến quan sát (*là các biến độc lập*) có

cùng đo lường cho một khái niệm cần đo hay không (*là biến phụ thuộc*) trong mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng của luận án.

2) Phân tích nhân tố khám phá EFA:

Phân tích nhân tố khám phá (EFA - Exploratory Factor Analysis) là một phương pháp xử lý dữ liệu định lượng nhằm rút gọn một tập hợp gồm nhiều biến quan sát phụ thuộc lẫn nhau thành một tập biến (gọi là các nhân tố) ít hơn để chúng có ý nghĩa hơn nhưng vẫn chứa đựng hầu hết nội dung thông tin của tập biến ban đầu (Hair & ctg, 1998). Như vậy, có thể hiểu phân tích nhân tố là tên chung của một nhóm các thủ tục được sử dụng chủ yếu để thu nhỏ và tóm tắt các dữ liệu. Các biến quan sát đưa vào EFA sẽ được rút gọn thành một số nhân tố. Mỗi nhân tố gồm có một số biến quan sát thỏa mãn các điều kiện thống kê.

Mô hình EFA được các tác giả sử dụng tương đối phổ biến trong các công trình nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế, tài chính nhằm phân tích định lượng và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề nghiên cứu. Trong các nghiên cứu, thang đo được sử dụng thường bao gồm rất nhiều câu hỏi (biến đo lường) nhằm đo lường các khái niệm trong mô hình và EFA sẽ góp phần rút gọn một tập gồm rất nhiều biến đo lường thành một số nhân tố. Khi đó, nếu sử dụng các nhân tố này với tư cách là các biến độc lập trong hàm hồi quy bội thì mô hình sẽ giảm khả năng vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến. Ngoài ra, các nhân tố được rút ra sau khi thực hiện EFA sẽ có thể được thực hiện trong phân tích hồi quy đa biến (Multivariate Regression Analysis).

Trong EFA, mỗi biến đo lường được biểu diễn như là một tổ hợp tuyến tính của các nhân tố cơ bản, còn lượng biến thiên của mỗi biến đo lường được giải thích bởi những nhân tố chung (common factor). Biến thiên chung của các biến đo lường được mô tả bằng một số ít các nhân tố chung cộng với một số nhân tố đặc trưng (unique factor) cho mỗi biến. Nếu các biến đo lường được chuẩn hóa thì mô hình nhân tố được thể hiện bằng phương trình: $X_i = A_{i1} * F_1 + A_{i2} * F_2 + A_{i3} * F_3 + \dots + A_{im} * F_m + V_i * U_i$.

Trong đó:

X_i : biến đo lường thứ i đã được chuẩn hóa

A_{ij} : hệ số hồi quy bội đã được chuẩn hóa của nhân tố j đối với biến i

$F_1, F_2, \dots, F_m$: các nhân tố chung

V_i : hệ số hồi qui chuẩn hóa của nhân tố đặc trưng i đối với biến i

U_i : nhân tố đặc trưng của biến i

Các nhân tố đặc trưng có tương quan với nhau và tương quan với các nhân tố chung; mà bản thân các nhân tố chung cũng có thể được diễn tả như những tổ hợp tuyến tính của các biến đo lường, điều này được thể hiện thông qua mô hình sau đây:

$$F_i = W_{i1} \cdot X_1 + W_{i2} \cdot X_2 + W_{i3} \cdot X_3 + \dots + W_{ik} \cdot X_k$$

Trong đó:

F_i : ước lượng trị số của nhân tố i ;

W_i : quyền số hay trọng số nhân tố (weight or factor scores coefficient);

k : số biến .

Một số tiêu chuẩn quan trọng trong EFA: Factor loading phải lớn hơn hoặc bằng 0.5; Tổng phương sai trích phải lớn hơn 60%; KMO phải lớn hơn 0.5; trong quá trình EFA cần thực hiện phép xoay nhân tố (Varimax hoặc Proximax).

Khi phân tích nhân tố khám phá, các nhà nghiên cứu thường quan tâm đến một số tiêu chuẩn chính sau đây:

Thứ nhất: Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) $\geq 0,5$, mức ý nghĩa (Sig) của kiểm định Bartlett $\leq 0,05$. KMO là một chỉ tiêu dùng để xem xét sự thích hợp của EFA, $0,5 \leq KMO \leq 1$ thì phân tích nhân tố là thích hợp. Kiểm định Bartlett xem xét giả thuyết về độ tương quan giữa các biến quan sát bằng không trong tổng thể. Nếu kiểm định này có ý nghĩa thống kê (Sig $\leq 0,05$) thì các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể.

Thứ hai: Theo Hair và cộng sự (2010), Factor loading là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của EFA. Factor loading $> 0,3$ được xem là đạt được mức tối thiểu, Factor loading $> 0,4$ được xem là quan trọng, $\geq 0,5$ được xem là có ý nghĩa thực tiễn. Hair và cộng sự (2010) cũng đưa ra lời khuyên như sau: Nếu chọn tiêu chuẩn factor loading $> 0,3$ thì cỡ mẫu ít nhất phải là 350, nếu cỡ mẫu khoảng 100 thì nên chọn tiêu chuẩn factor loading $> 0,55$, nếu cỡ mẫu khoảng 50 thì Factor loading phải $> 0,75$.

Thứ ba: Thang đo được chấp nhận khi tổng phương sai trích $\geq 50\%$ và eigenvalue có giá trị lớn hơn 1.

Thứ tư: Hệ số tải nhân tố của một biến quan sát giữa các nhân tố $\geq 0,3$ để đảm bảo giá trị phân biệt giữa các nhân tố. Nói cách khác, với tiêu chuẩn này sẽ giúp biến quan sát hoàn toàn chỉ thuộc vào một nhân tố, tránh sự trùng lặp.

3) Phân tích hồi quy tuyến tính bình phương nhỏ nhất (OLS)

Hồi quy là phương pháp phân tích mối quan hệ giữa một hoặc nhiều biến độc lập (biến nguyên nhân) với một biến phụ thuộc (biến kết quả). Mối liên hệ này được xây dựng dựa trên phương trình hồi quy, có thể là tuyến tính hoặc phi tuyến tính. Trên cơ sở phương trình hồi quy, người nghiên cứu có thể ước lượng và giải thích được sự biến động của biến phụ thuộc vào sự biến động của biến (các biến) độc lập.

Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính bình phương nhỏ nhất (Ordinary Least Squares - OLS) được sử dụng để ước lượng và đánh giá mức độ tác động của biến độc lập (các nhân tố ảnh hưởng) đến biến phụ thuộc (PTKT trên địa bàn Khu KTQP). Mức độ tác động thể hiện thông qua các giá trị Beta trong phương trình hồi quy chuẩn hóa. Những nhân tố nào có chỉ số Beta lớn hơn sẽ có tác động mạnh hơn và ngược lại. Khi phân tích hồi quy, theo Hair và cộng sự (2010) cần quan tâm đến các thông số sau:

Thứ nhất là Hệ số Beta: Là hệ số hồi quy chuẩn hóa cho phép so sánh trực tiếp giữa các hệ số dựa trên mối quan hệ giải thích chúng với biến phụ thuộc.

Thứ hai là Hệ số R^2 : Đánh giá phần biến động của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến dự báo hay biến độc lập. Hệ số này có thể thay đổi từ 0 đến 1.

Thứ ba là kiểm định Anova: Để kiểm tra tính phù hợp của mô hình với tập dữ liệu gốc. Nếu mức ý nghĩa của kiểm định $< 0,05$ thì có thể kết luận mô hình hồi quy là phù hợp với tập dữ liệu.

Nội dung của các phương pháp này được nêu cụ thể hơn ở mục mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn Khu KTQP tại Chương 3.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG

2.1. KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG

2.1.1. Khái niệm Khu kinh tế - quốc phòng

Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự Bộ Quốc phòng (2004) đưa ra khái niệm: Khu KTQP là vùng lãnh thổ và dân cư thuộc các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển, được đầu tư xây dựng phát triển kinh tế gắn với QPAN; do Quân đội đảm nhiệm, lấy đơn vị KTQP làm nòng cốt; có nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng KTXH; khai thác tối đa tiềm năng đất đai để phát triển sản xuất, từng bước chuyển sang kinh tế hàng hóa với các loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao; bố trí lại dân cư trên địa bàn theo quy hoạch phát triển KTXH; bảo vệ môi trường sinh thái và sử dụng bền vững, hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, kết hợp bảo đảm QPAN, hình thành các cụm làng xã biên giới tạo nên vành đai biên giới trong thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ tổ quốc. Theo khái niệm này, Khu KTQP được xem là một khu vực do các Đoàn KTQP thực hiện nhiệm vụ PTKT gắn với bảo đảm QPAN.

Theo tác giả Trần Văn Tịch (2007) thì Khu KTQP là một mô hình tổ chức kinh tế phức hợp, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa phát triển KTXH gắn với QPAN, được xây dựng trên cơ sở các dự án phát triển KTXH ở các địa bàn khó khăn có vị trí chiến lược về QPAN, do Bộ Quốc phòng tổ chức, giao cho các Đoàn kinh tế- quốc phòng của Quân đội làm lực lượng nòng cốt tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ quy định.

Theo Trần Trung Tín (2017), Khu KTQP là tên gọi tắt của dự án Khu KTQP, là dự án do Bộ Quốc phòng làm chủ quản đầu tư hoặc khu vực được BQP xác định, có các Đoàn KTQP đứng chân, nhằm thực hiện mục tiêu phát

triển KTXH ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, gần với thế trận QPAN trên các địa bàn chiến lược biên giới. Theo quan điểm này, Khu KTQP được xem là một dự án đầu tư phát triển.

Qua các khái niệm và những phân tích nêu trên, để bao quát và thể hiện tính chất, đặc điểm của các Khu KTQP, trong luận án *Khu KTQP được hiểu là khu vực có ranh giới địa lý xác định bao gồm một số xã của một hoặc nhiều huyện, thuộc một hoặc một số tỉnh, các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, địa bàn chiến lược về QPAN của Việt Nam, được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, phù hợp với hệ thống quy hoạch quốc gia của Việt Nam*. Khái niệm này cũng phù hợp với khái niệm về Khu KTQP theo Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với KTXH và KTXH với quốc phòng.

Với khái niệm trên, Khu KTQP được hiểu là hình thức tổ chức kinh tế theo không gian lãnh thổ có chức năng kết hợp kinh tế với quốc phòng đặc biệt, bao hàm tổng thể những quan hệ về kinh tế, xã hội, QPAN. Khu KTQP được phê duyệt hình thành theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, có vị trí thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các địa bàn khó khăn về KTXH nhưng có vị trí chiến lược về QPAN.

2.1.2. Sự cần thiết hình thành và phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng

Thứ nhất, xuất phát từ yêu cầu xây dựng các địa bàn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; ổn định PTKT - xã hội; xây dựng thế trận phòng thủ trên các địa bàn chiến lược làm cơ sở vững chắc cho nhân dân, các lực lượng khác tham gia phát triển KTXH trên tuyến biên giới.

Thứ hai, xuất phát từ mục tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu để nhân dân ổn định sản xuất, đảm bảo an sinh xã hội; tổ chức, bố trí sắp xếp các điểm dân cư, định canh, định cư trên địa bàn biên giới, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Thứ ba, xuất phát từ mục tiêu hỗ trợ người dân vùng biên giới, địa bàn KTXH khó khăn phát triển sản xuất tạo yếu tố ban đầu cho PTKT hàng hóa,

dịch vụ; từng bước thực hiện chuyển giao công nghệ sản xuất cho nhân dân; khai thác hiệu quả đất đai đối với những địa bàn biên giới, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn nhưng có vai trò quan trọng về quốc phòng, an ninh.

Thứ tư, xuất phát từ mục tiêu tuyên truyền, vận động nhân dân nắm vững, thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; đấu tranh phòng, chống các thủ đoạn tuyên truyền, xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch và các hoạt động truyền đạo trái pháp luật; đưa phát thanh, truyền hình, văn hóa, y tế về cơ sở; tạo điều kiện cho con em đồng bào thiểu số được đến trường; phục hồi bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên các địa bàn chiến lược.

Thứ năm, xuất phát từ mục tiêu xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

2.1.3. Đặc điểm của Khu kinh tế - quốc phòng

1) Nằm ở khu vực gần biên giới

Các Khu KTQP có giới hạn, phạm vi địa lý nhất định, chủ yếu được nằm trên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, khu vực gần biên giới, có vị trí đặc biệt, chiến lược về QPAN, do đó tiềm ẩn nhiều vấn đề về an ninh biên giới quốc gia. Ngoài ra, tại các Khu KTQP, điều kiện về cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại rất khó khăn, mật độ dân cư thưa thớt, chủ yếu là người dân tộc thiểu số nên điều kiện PTKT còn rất nhiều hạn chế.

2) Không phải là một cấp quản lý hành chính riêng biệt trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước; chủ thể quản lý của Khu KTQP là sự kết hợp giữa Đoàn KTQP và chính quyền địa phương.

Hệ thống tổ chức các đơn vị hành chính ở Việt Nam gồm 4 cấp: Trung ương; tỉnh, (thành phố) trực thuộc Trung ương; quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và xã, phường, thị trấn. Các Khu KTQP mặc dù gắn với lãnh thổ của một số xã, một số huyện nhất định nhưng không phải là một tổ chức hành chính cấp xã hay cấp huyện, cũng không phải đơn thuần là sự kết hợp

kinh tế với quốc phòng của một ngành, một địa phương trên một địa bàn. Khu KTQP không phải là một cấp hành chính mà có thể nằm trên địa bàn nhiều xã thuộc nhiều huyện thuộc nhiều tỉnh.

Theo quy định tại Nghị định số 164/2018/NĐ-CP của Chính phủ thì BQP là cơ quan chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và phát triển Khu KTQP. Do đó, chủ thể quản lý các Khu KTQP là sự kết hợp giữa Quân đội và chính quyền địa phương, bao gồm: Sự kết hợp trong quản lý Khu KTQP, kết hợp trong hoạt động của doanh nghiệp phục vụ quốc phòng, kết hợp trong hoạt động của đơn vị Quân đội được giao thực hiện nhiệm vụ kinh tế kết hợp quốc phòng. Do vậy, vai trò của Quân đội trong việc kết nối, tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa các bên nhằm thúc đẩy phát triển các Khu KTQP là vô cùng quan trọng.

3) Do lực lượng Quân đội thực hiện quá trình đầu tư, xây dựng và phát triển

Lực lượng triển khai xây dựng các Khu KTQP chủ yếu là các đơn vị quân đội, trong đó vai trò đặc biệt quan trọng là các Đoàn KTQP. Các đoàn KTQP được giao quản lý tổ chức đóng quân, bố trí nơi ăn, chốn ở cho bộ đội, kết hợp với các đơn vị Quân đội khác triển khai các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như: Điện, đường, trường, trạm... từng bước góp phần thúc đẩy PTKT trên địa bàn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc, thu hẹp dần khoảng cách nghèo giữa đồng bằng và miền núi, giữa các vùng miền trong cả nước. Ngoài ra, các Đoàn KTQP là lực lượng chủ yếu giúp nhân dân khai hoang đồng ruộng, xây dựng ruộng lúa nước, hướng dẫn nhân dân kỹ thuật canh tác, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi... tạo động lực mới tại các vùng kinh tế có xây dựng Khu KTQP.

4) Thực hiện nhiệm vụ kép gắn kết mục tiêu kinh tế - xã hội của người dân với mục tiêu tạo thế trận vững chắc cho quốc phòng

Khu KTQP không phải là các vùng kinh tế mới trong quy hoạch kinh tế lãnh thổ của nhà nước. Một mặt quy mô các vùng kinh tế mới có thể lớn (nhỏ) hơn so với các Khu KTQP, mặt khác mục đích xây dựng các vùng kinh tế mới

và các Khu KTQP là khác nhau mặc dù có cùng một nội dung nhằm PTKT. Ở các Khu KTQP phải gắn xây dựng kinh tế với củng cố QPAN, nghĩa là đồng thời với các hoạt động xây dựng về kinh tế tại các khu kinh tế này sẽ diễn ra hoạt động xây dựng hệ thống QPAN, từng bước củng cố, phát triển hệ thống các cụm làng, xã biên giới tạo nên sự vững chắc về thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân cũng như lực lượng vũ trang địa phương. Chính hai mặt hoạt động này là điều kiện hỗ trợ cho nhau cùng phát triển do vậy mà ở các Khu KTQP sẽ càng vững về kinh tế và mạnh về QPAN.

2.2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG

2.2.1. Khái niệm về phát triển kinh tế và phát triển kinh tế trên địa bàn Khu kinh tế - quốc phòng

2.2.1.1. Khái niệm về phát triển kinh tế

Hiện nay có nhiều khái niệm khác nhau về PTKT của các tác giả trong nước và quốc tế. Theo Joseph Alois Schumpeter (1934), PTKT là sự kết hợp của nhiều thuộc tính mới, như sau: (1) Tạo ra hàng hóa mới hay chất lượng hàng hóa mới, (2) tạo ra phương pháp sản xuất mới, (3) mở ra thị trường mới, (4) nắm bắt nguồn cung cấp mới và (5) tổ chức công nghiệp mới.

Theo Michal P.Torado và Stephen C. Smith (2012), PTKT không chỉ quan tâm đến việc phân bổ hiệu quả các nguồn lực sản xuất khan hiếm (hoặc đang nhàn rỗi) hiện có và sự tăng trưởng bền vững của chúng theo thời gian, nó còn phải giải quyết các cơ chế kinh tế, xã hội, chính trị, cả công và tư, cần thiết để mang lại những cải thiện quy mô lớn và nhanh chóng (ít nhất là theo tiêu chuẩn lịch sử) trong mức sống của người dân ở châu Phi, châu Á, châu Mỹ Latin, và các nền kinh tế chuyển đổi. So với các nước phát triển hơn (MDCs), ở hầu hết các nước kém phát triển, thị trường hàng hóa và tài nguyên thường không hoàn hảo, người tiêu dùng và người sản xuất có thông tin hạn chế về những thay đổi cấu trúc lớn đang diễn ra trong cả xã hội và

nền kinh tế, giá cả hàng hóa không được quyết định dựa vào cung cầu. Trong nhiều trường hợp, các tính toán kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi các ưu tiên chính trị và xã hội như thống nhất quốc gia, thay thế cố vấn nước ngoài bằng những người địa phương, giải quyết xung đột giữa các bộ lạc hoặc sắc tộc, hoặc bảo tồn truyền thống tôn giáo và văn hóa.

Cũng theo Michal P.Torado và Stephen C. Smith (2012), phát triển vừa là một trạng thái vật chất vừa là một trạng thái tinh thần của xã hội. Trong đó, thông qua một số sự kết hợp của xã hội, kinh tế và thể chế để đảm bảo các phương tiện để đạt được một cuộc sống tốt đẹp hơn. Bất kể các cấu phần của cuộc sống tốt đẹp hơn này là gì, phát triển trong tất cả các xã hội phải có ít nhất ba mục tiêu sau: (1) Tăng khả năng có sẵn và mở rộng phân phối của các hàng hóa cơ bản để duy trì cuộc sống như thực phẩm, chỗ ở, sức khỏe và sự bảo vệ. (2) Nâng cao mức sống, bao gồm: sự tăng lên của thu nhập, cung cấp việc làm hơn, giáo dục tốt hơn và quan tâm nhiều hơn đến các giá trị văn hóa và con người. Tất cả những điều này sẽ phục vụ không chỉ để nâng cao sự phúc lợi vật chất mà còn tạo ra lòng tự trọng cá nhân và lợi ích dân tộc lớn hơn. (3) Mở rộng phạm vi lựa chọn kinh tế và xã hội có sẵn cho cá nhân và quốc gia bằng cách giải phóng họ khỏi tình trạng nô lệ và sự phụ thuộc, không chỉ trong mối quan hệ với những người khác và các quốc gia dân tộc, mà còn đối với sự thiếu hiểu biết và sự khốn khổ của mỗi con người.

Theo Dwight H.Perkins, Steven Radelet, David L.Lindauer (2013), PTKT bao hàm sự gia tăng trong tổng sản phẩm quốc nội, những cải thiện về y tế, giáo dục và những thay đổi lớn về cơ cấu như công nghiệp hóa và đô thị hóa. Một số quốc gia có tăng trưởng kinh tế nhờ khám phá ra nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú nhưng không phát triển, vì những quốc gia đó vẫn còn tồn tại nhiều đặc điểm cơ cấu của một xã hội truyền thống. Theo đó, PTKT có nội hàm rộng hơn tăng trưởng kinh tế, nó còn đề cập đến những khía cạnh khác về phúc lợi con người.

Theo Nguyễn Văn Ngọc (2006), PTKT là quá trình chuyển đổi kinh tế có liên quan đến việc chuyển biến cơ cấu của nền kinh tế thông qua quá trình công nghiệp hóa, tăng tổng sản phẩm trong nước và TNBQ đầu người.

Theo Đinh Văn Hải và Lương Thu Thủy (2014), PTKT (Economic development) là quá trình thay đổi theo hướng tiến bộ về mọi mặt của nền kinh tế, bao gồm sự thay đổi cả về lượng và về chất, là quá trình hoàn thiện cả về kinh tế và xã hội của mỗi quốc gia.

Theo Bộ GD&ĐT (2021), “PTKT là sự tăng trưởng kinh tế đi kèm với sự hoàn chỉnh cơ cấu, thể chế kinh tế và chất lượng cuộc sống”. PTKT biểu hiện ở các mặt sau: Một là sự tăng lên của GNI, GDP hoặc GNI và GDP/người; hai là sự thay đổi của cơ cấu kinh tế theo hướng tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng lên còn tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm xuống, nhưng giá trị tuyệt đối của các ngành đều tăng lên; ba là, chất lượng cuộc sống của đại bộ phận dân cư được cải thiện, tăng lên.

Theo Ngô Thắng Lợi (2013), PTKT có nội hàm rộng hơn tăng trưởng kinh tế, nó đề cập đến những cải thiện trong lĩnh vực y tế, giáo dục và những khía cạnh khác trong phúc lợi con người. Những quốc gia có thu nhập tăng nhưng tuổi thọ bình quân không tăng, tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh không giảm, tỷ lệ người biết chữ không tăng thì sẽ thiếu đi những khía cạnh quan trọng của phát triển. Nếu toàn bộ sự gia tăng về thu nhập chỉ tập trung chủ yếu ở một nhóm nhỏ những người giàu hoặc được dùng để xây tượng đài thì đó chẳng gắn kết là bao với sự phát triển theo nghĩa mà chúng ta đề cập đến. Như vậy, khi nói về một xã hội phát triển, chúng ta thường hình dung ra một xã hội, ở đó mọi người được ăn ngon, mặc đẹp, có khả năng chủ động trong việc tiếp cận các loại tài sản vật chất, có những trong sạch và lành mạnh. Chúng ta cũng nghĩ tới một xã hội không có sự phân biệt đối xử, với các mức độ công bằng cần thiết. Một yêu cầu tối thiểu của một quốc gia phát triển đó là chất lượng cuộc sống của quốc gia đó phải cao và được phân phối một cách đồng đều thay vì giới hạn một cách bất hợp lý cho một bộ phận tối thiểu giàu có trong xã hội. Cao hơn yêu cầu tối thiểu đó, một quốc gia phát triển còn đề cập đến các quyền và sự tự do của con người về mặt chính trị, sự phát triển về văn hóa và tri thức, sự bền vững của gia đình...

Từ những khái niệm nêu trên, trong luận án khái niệm về PTKT được hiểu như sau: *PTKT là quá trình tăng tiến, toàn diện về mọi mặt kinh tế, xã hội của một quốc gia hay địa phương.*

Theo logic biện chứng của quá trình phát triển, PTKT được xem như là quá trình biến đổi cả về lượng và chất của nền kinh tế. Mặt lượng của sự phát triển bao hàm nghĩa sự gia tăng về quy mô thu nhập và tiềm lực của nền kinh tế, đó là quá trình tăng trưởng kinh tế, còn sự thay đổi về chất bao gồm quá trình thay đổi cấu trúc bên trong của nền kinh tế (chuyển dịch cơ cấu kinh tế) và sự tiến bộ xã hội cho con người (khía cạnh xã hội của sự phát triển). Từ các lý luận về PTKT cho thấy, PTKT là sự đảm bảo về tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội. Nó được khái quát theo công thức như sau:

$$\text{PTKT} = \begin{array}{c} \text{Tăng trưởng} \\ \text{kinh tế} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chuyển dịch cơ} \\ \text{cấu kinh tế} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Tiến bộ} \\ \text{xã hội} \end{array}$$

Theo công thức này, tăng trưởng kinh tế là sự lớn lên về quy mô của nền kinh tế, là điều kiện cần của phát triển chuyển dịch cơ cấu kinh tế phản ánh bản chất trình độ đạt được của PTKT và thực hiện tiến bộ xã hội cho con người là mục tiêu cuối cùng của quá trình phát triển.

2.2.1.2. Khái niệm và nội hàm về phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

Như ở trên đã đề cập, Khu KTQP là hình thức kết hợp kinh tế với quốc phòng đặc biệt, bao hàm tổng thể những quan hệ về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, là hình thức tổ chức KT-XH, QPAN mang tính lãnh thổ với quy mô nhỏ. Trong các nghiên cứu trước đây, có một số tác giả đã đưa ra quan điểm về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, cụ thể:

Theo Bộ Tư lệnh Quân khu 3 (2003), PTKT trong Khu KTQP là sự bảo đảm mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân; đồng thời vừa phải bảo đảm trật tự an ninh xã hội trên khu vực vùng biên; khi đó, các lực lượng Quân đội trên địa bàn Khu KTQP có vai trò quan trọng đối với PTKT, ổn định chính trị ở các địa bàn này.

Phạm Tiến Luật (2004) cho rằng, PTKT trong khu KTQP gắn với việc tạo ra tiềm lực hậu cần to lớn trên địa bàn các Khu KTQP, các địa phương, là quá trình giải quyết tốt mối tương quan giữa lợi ích kinh tế, tăng trưởng kinh tế và bảo đảm QPAN, bảo đảm cho mỗi bước phát triển KTXH là một bước tăng cường tiềm lực quốc phòng; chủ động ngăn ngừa và loại trừ âm mưu về chính trị, nhưng không gây cản trở giao lưu, PTKT.

Theo Trần Trung Tín (2017), PTKT ở Khu KTQP chính là làm thế nào để đời sống người dân được nâng lên, người dân có công ăn việc làm, có thu nhập, xóa bỏ được các các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu để mang lại các diễm phúc văn hóa - KTXH ở các địa bàn chiến lược, biên giới, điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Từ khái niệm chung về PTKT và những nét đặc thù của Khu KTQP, theo tác giả, trong khái niệm PTKT trên địa bàn các Khu KTQP phải có nội hàm về bảo đảm QPAN; theo đó, *PTKT trên địa bàn các Khu KTQP là quá trình tăng tiến toàn diện về mọi mặt kinh tế, xã hội và QPAN trên địa bàn các Khu KTQP hướng tới mục tiêu ổn định và nâng cao đời sống cho người dân, giữ vững an ninh chính trị xã hội và tạo thế trận quân sự vững chắc tại địa bàn Khu KTQP.*

Theo đó, bản chất của PTKT trên địa bàn các Khu KTQP khác với PTKT nói chung đó là việc giải quyết mối quan hệ giữa PTKT, xã hội với đảm bảo QPAN và sự cân đối hữu cơ giữa các yếu tố này; trong những địa bàn cụ thể, thời điểm cụ thể có thể nhấn mạnh đến khía cạnh QPAN, hoặc nhấn mạnh đến khía cạnh kinh tế, xã hội nhưng luôn phải giải quyết tốt mối quan hệ hữu cơ giữa các yếu tố này. Như vậy, PTKT trên địa bàn các Khu KTQP được tác giả khái quát bằng một công thức có phạm vi rộng hơn, bao trùm hơn so với các nhà nghiên cứu trước đây, thể hiện được tính đặc thù đối với địa bàn chiến lược về quốc phòng.

Do đó, công thức PTKT trên địa bàn PTKT trên địa bàn Khu KTQP đó là:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{PTKT trên} & & \text{Tăng} & & \text{Chuyển} & & \text{Tiến bộ} \\ \text{địa bàn} & = & \text{trưởng} & + & \text{dịch cơ cấu} & + & \text{xã hội} \\ \text{Khu KTQP} & & \text{kinh tế} & & \text{kinh tế} & & \text{Bảo đảm} \\ & & & & & & \text{QPAN} \end{array}$$

Về bản chất, bảo đảm QPAN cũng là một yếu tố của tiến bộ xã hội (môi trường chính trị, xã hội an toàn). Tuy nhiên, để nhấn mạnh tính đặc thù riêng có của các Khu KTQP, tác giả tách khía cạnh bảo đảm QPAN thành một nội dung riêng của PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Thực chất, PTKT trên địa bàn các khu KTQP là sự kết hợp đan xen và ràng buộc giữa PTKT (bao gồm tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội) với bảo vệ an ninh quốc phòng

Như vậy, PTKT trên địa bàn các Khu KTQP bao gồm các nội dung sau:

1) PTKT nhằm ổn định và cải thiện đời sống kinh tế của người dân

Đối với các vùng có điều kiện KTXH khó khăn, bất lợi như địa bàn các Khu KTQP, để PTKT, cần tạo ra hệ thống hạ tầng kinh tế kỹ thuật và KTXH cần thiết, đồng thời cần thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh của dân cư từ tự cung tự cấp, du canh du cư sang kinh tế hàng hóa. Đây là nhiệm vụ không dễ dàng thực hiện do những bất cập về vốn đầu tư, về nguồn nhân lực... Đầu tư vào những vùng này phải chịu những chi phí rất cao cho nên rất khó thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ các chủ thể kinh doanh. Vì vậy, sự hình thành các Khu KTQP với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước và của Bộ Quốc phòng phải tạo ra cơ sở ban đầu, hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng tại các khu vực này, tạo tiềm lực cho PTKT như: Đường giao thông, điện, công trình thủy lợi, trường học, trạm xá, phát thanh, truyền hình, trại cây, con giống...

Ngoài xây dựng cơ sở hạ tầng trong các Khu KTQP thì việc xây dựng các Khu KTQP cũng cần ưu tiên đầu tư thích đáng cho hoạt động sản xuất, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, chế biến nông, lâm sản. Các đơn vị KTQP đã tích cực tham gia giúp dân phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo bằng các hình thức thích hợp như: Hướng dẫn kỹ thuật trồng lúa nước, kỹ thuật canh tác, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao; cung cấp cây giống, con giống để nhân dân phát triển sản xuất.

Sự hình thành và phát triển các Khu KTQP về mặt kinh tế phải tạo ra những điều kiện mới, thuận lợi hơn giúp đồng bào các dân tộc ít người phát triển sản xuất, từng bước làm quen với các quan hệ hàng hóa - tiền tệ của nền

kinh tế thị trường, thay đổi tập quán canh tác hòa nhập với sự phát triển nền kinh tế đất nước, góp phần xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển KTXH ở vùng sâu, vùng xa. Đồng thời, các Khu KTQP cần đóng góp vai trò tích cực về chính trị xã hội thông qua công tác dân vận giúp đỡ các địa phương xây dựng hệ thống chính trị và chính quyền cơ sở vững mạnh đủ sức tổ chức, hướng dẫn nhân dân phát triển sản xuất.

2) Gắn kết cải thiện kinh tế với phát triển xã hội vùng biên giới

Những thành quả của PTKT sẽ không mang nhiều ý nghĩa nếu chúng không lan tỏa tới việc cải thiện các vấn đề xã hội trên địa bàn các Khu KTQP. Do vậy, một trong những yêu cầu quan trọng là cần gắn kết cải thiện, PTKT với phát triển và thực hiện tiến bộ xã hội vùng biên giới. Đó là hướng tới mục tiêu nâng cao sức khỏe, chăm sóc y tế, nâng cao trình độ dân trí, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội của người dân.

3) Gắn kết sự PTKT với tạo thế trận, bảo đảm quốc phòng an ninh vững chắc trên địa bàn vùng biên giới

Việc xây dựng và phát triển các Khu KTQP ngoài việc góp phần củng cố an ninh, chính trị, xã hội nơi vùng sâu, vùng xa, biên giới của Tổ quốc thì cũng cần phát huy vai trò trong việc phát hiện, ngăn chặn kẻ thù xâm lược từ bên ngoài biên giới vào, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ XHCN, đảm bảo an ninh chính trị - xã hội, chống lại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù trong giai đoạn hiện nay.

Để gắn kết cải thiện kinh tế với bảo đảm an ninh, chính trị và xã hội vùng biên giới, lực lượng xây dựng các Khu KTQP phải nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đề cao cảnh giác trước âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch; chủ động xây dựng các phương án tác chiến tại chỗ, phương án phòng thủ, bảo vệ an ninh, xây dựng các công trình quốc phòng theo kế hoạch phòng thủ; tổ chức lực lượng chuyên trách ngày đêm tuần tra canh gác bảo vệ kinh tế, bảo vệ địa bàn; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan quân sự địa phương, các đồn biên phòng tuyên truyền, vận động nhân dân thực

hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, giúp địa phương, cơ sở xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, góp phần xây dựng thể trận lòng dân, từ đó xây dựng thể trận QPAN vững chắc bảo vệ biên giới của Tổ quốc.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

2.2.2.1. Tiêu chí đánh giá phát triển về khía cạnh kinh tế

1) Đánh giá tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế được hiểu là sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế, xét trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm). Sự gia tăng được thể hiện ở quy mô và tốc độ. Quy mô tăng trưởng phản ánh sự gia tăng nhiều hay ít, còn tốc độ tăng trưởng được sử dụng với ý nghĩa so sánh tương đối và phản ánh sự gia tăng nhanh hay chậm giữa các thời kỳ. Thu nhập của nền kinh tế có thể biểu hiện dưới dạng hiện vật hoặc giá trị. Thu nhập bằng giá trị được tính bằng các chỉ số như GO, GDP, GNI v.v.. cho toàn nền kinh tế hoặc tính bình quân trên đầu người.

Trên cơ sở lý thuyết chung về tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế, đặc thù của các Khu KTQP và tổng quan các nghiên cứu trước đây; đồng thời, dựa trên kết quả khảo sát ý kiến 44 chuyên gia (chi tiết tại Phụ lục 2), theo tác giả, các tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP bao gồm:

(i) Sự gia tăng về giá trị sản xuất theo ngành kinh tế

Là sự tăng lên về giá trị sản xuất của các ngành nông - lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn các Khu KTQP trong một thời gian nhất định, được đo lường bằng sự tăng lên về giá trị tuyệt đối và tốc độ tăng bình quân trong một giai đoạn.

(ii) Sự gia tăng về giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế

Là sự tăng lên về giá trị sản xuất của các khu vực Nhà nước, ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn các Khu KTQP trong

một thời gian nhất định, được đo lường bằng sự tăng lên về giá trị tuyệt đối và tốc độ tăng bình quân trong một giai đoạn.

(iii) Sự gia tăng về TNBQ của người dân

Đây là tiêu chí phản ánh mức sống của người dân trên địa bàn. Ở quy mô quốc gia (góc độ vĩ mô), GDP thường được sử dụng để tính chỉ tiêu TNBQ của người dân (GDP/người). Tuy nhiên, đối với quy mô nền kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP (góc độ vi mô) thì TNBQ của người dân được xác định thông qua kết quả khảo sát mức sống dân cư (được thực hiện 2 năm/lần). Thu nhập của nhân khẩu thực tế thường trú của xã là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật sau khi trừ chi phí sản xuất mà nhân khẩu thực tế thường trú của xã nhận được trong 1 năm. Quy mô và tốc độ tăng TNBQ của người dân là những chỉ báo quan trọng phản ánh tăng trưởng kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP.

Bảng 2.1. Tiêu chí và dấu hiệu thể hiện xu hướng phát triển tích cực về tăng trưởng kinh tế

TT	Tiêu chí đánh giá	Dấu hiệu phản ánh xu hướng phát triển tích cực
1	Giá trị sản xuất theo ngành kinh tế	Tăng dần
-	<i>Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp</i>	
-	<i>Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành CN-XD</i>	
-	<i>Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành dịch vụ</i>	
2	Giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế	Tăng dần
-	<i>Tốc độ tăng giá trị sản xuất khu vực kinh tế nhà nước</i>	
-	<i>Tốc độ tăng giá trị sản xuất khu vực kinh tế ngoài nhà nước</i>	
-	<i>Tốc độ tăng giá trị sản xuất khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</i>	
3	TNBQ của người dân	Tăng dần
-	<i>Tốc độ tăng TNBQ đầu người</i>	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả tham vấn ý kiến chuyên gia

2) Đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thuộc nội hàm của PTKT, nó được thể hiện ở sự thay đổi về quy mô, tỷ trọng các bộ phận cấu thành nền kinh tế, vị trí và mối quan hệ tác động qua lại giữa các bộ phận này với nhau xét dưới nhiều góc độ khác nhau.

Dưới góc độ phân công lao động xã hội và sự phát triển của lực lượng sản xuất, chúng ta có cơ cấu ngành của nền kinh tế, theo đó nền kinh tế được chia thành 03 nhóm ngành lớn (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ), tiếp theo là các ngành cấp 1, cấp 2, 3, 4, 5 là các ngành chuyên môn hóa. Việc phân chia nền kinh tế thành nhiều ngành chuyên môn hóa phản ánh xu thế phát triển ngày càng cao của nền kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là sự chuyển đổi tỷ trọng của các ngành (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) và sự chuyển đổi tỷ trọng các ngành chuyên môn hóa trong nội bộ các ngành lớn. Xu hướng chuyển dịch hiện đại đó là tỷ trọng nông nghiệp có xu hướng giảm đi, tỷ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng lên. Bên cạnh đó, sự chuyển dịch còn được đánh giá qua sự thay đổi về vị trí, tính chất mối quan hệ trong nội bộ cơ cấu ngành.

Dưới góc độ không gian, có thể chia nền kinh tế thành các vùng động lực và vùng không động lực để giúp cho việc tổ chức hoạt động kinh tế một cách phù hợp và thực hiện mối liên kết KTXH giữa hai nhóm vùng một cách hợp lý. Theo góc độ không gian, có thể chia nền kinh tế thành các vùng kinh tế theo tính chất gần giống về mặt địa lý, cách chia này giúp chúng ta có thể có những phương án phân vùng theo tính chất chuyên môn hóa. Ví dụ như chia thành vùng kinh tế nông thôn và vùng kinh tế thành thị. Chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế được thể hiện qua sự chuyển đổi tỷ trọng kinh tế nông thôn và thành thị, cùng với đó là sự chuyển dịch dân số từ nông thôn ra thành thị.

Ngoài ra cơ cấu kinh tế còn được xem xét theo các góc độ: Xã hội hóa về tư liệu sản xuất (bao gồm hai khu vực kinh tế chính là khu vực kinh tế nhà

nước và khu vực kinh tế tư nhân), theo tính chất luân chuyển của nền kinh tế vĩ mô (bao gồm các khu vực thể chế của nền kinh tế). Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế là sự chuyển đổi của các thành phần kinh tế và đóng góp của các thành phần kinh tế này đến thành quả phát triển, gồm: Kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; tư bản nhà nước và tư bản có vốn đầu tư nước ngoài.

Theo đúng quy luật, sự phát triển thường đi kèm với sự chuyển dịch đáng kể trong cơ cấu nền kinh tế, với ngày càng nhiều người chuyển từ lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ở nông thôn sang những công việc được trả lương cao hơn ở thành thị, thường là trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo hay dịch vụ. Hai trong số những thay đổi cơ cấu quan trọng nhất thường đi kèm với PTKT là tỷ trọng của công nghiệp trong tổng sản phẩm quốc dân ngày càng tăng (trong khi tỷ trọng của nông nghiệp giảm) và phần trăm số dân số sống ở thành thị tăng (trong khi số dân sống ở nông thôn giảm). Bên cạnh đó, những quốc gia bước vào thời kỳ PTKT thường trải qua giai đoạn dân số tăng trưởng cao, rồi sau đó giảm, và trong lúc đó, cơ cấu dân số theo độ tuổi cũng thay đổi đáng kể. Hình thái tiêu dùng cũng tiến triển khi người dân không còn dành toàn bộ thu nhập của mình để mua hàng hóa thiết yếu nữa mà họ chuyển sang mua những hàng hóa lâu bền, và cuối cùng là mua những sản phẩm và dịch vụ giải trí.

Trên cơ sở lý thuyết chung về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc thù của các Khu KTQP và tổng quan các nghiên cứu trước đây; đồng thời, dựa trên kết quả khảo sát ý kiến 44 chuyên gia (chi tiết tại Phụ lục 2), theo tác giả, các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP bao gồm:

(i) Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế

Được đánh giá qua sự chuyển dịch về tỷ trọng giá trị sản xuất của ngành nông - lâm nghiệp; ngành công nghiệp - xây dựng; ngành dịch vụ trong cơ cấu giá trị sản xuất trên địa bàn các Khu KTQP. Xu hướng phản ánh dấu

hiệu tích cực đó là sự tăng lên của tỷ trọng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trên địa bàn các Khu KTQP.

(ii) Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế

Được đánh giá qua sự chuyển dịch về tỷ trọng giá trị sản xuất khu vực kinh tế nhà nước; kinh tế ngoài nhà nước (kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể); kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong cơ cấu giá trị sản xuất trên địa bàn các Khu KTQP. Xu hướng phản ánh dấu hiệu tích cực đó là sự tăng lên của tỷ trọng giá trị sản xuất khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, nhất là đối với kinh tế tư nhân.

(iii) Chuyển dịch cơ cấu thu nhập của hộ gia đình

Thu nhập của hộ gia đình được xác định trên cơ sở thu nhập của các nhân khẩu thực tế thường trú trong gia đình, là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật sau khi trừ chi phí sản xuất mà nhân khẩu thực tế thường trú nhận được trong năm, bao gồm 4 bộ phận cấu thành, đó là:

(1) Thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản;

(2) Thu nhập từ sản xuất phi nông, lâm nghiệp, thủy sản;

(3) Thu từ tiền công, tiền lương;

(4) Thu khác được tính vào thu nhập (được cho, biếu, mừng, giúp từ người không phải là nhân khẩu thực tế thường trú của xã; lãi tiết kiệm; các khoản cứu trợ, hỗ trợ mà hộ trực tiếp nhận được bằng tiền hoặc hiện vật, ...).

Chuyển dịch cơ cấu thu nhập của hộ gia đình được đánh giá qua sự chuyển dịch về tỷ trọng của 04 bộ phận thu nhập nêu trên. Xu hướng phản ánh dấu hiệu tích cực đó là sự tăng lên của tỷ trọng thu nhập hộ gia đình từ ngành công nghiệp, dịch vụ (ngành phi nông, lâm nghiệp, thủy sản).

Bảng 2.2. Tiêu chí đánh giá và dấu hiệu tham chiếu thể hiện xu hướng phát triển tích cực về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

TT	Tiêu chí đánh giá	Dấu hiệu phản ánh xu hướng phát triển tích cực
1	Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế	Tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ tăng dần
2	Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế	Tỷ trọng đóng góp của kinh tế ngoài Nhà nước ngày càng tăng, nhất là đối với kinh tế tư nhân
3	Chuyển dịch cơ cấu thu nhập của hộ gia đình	Tỷ trọng thu nhập từ ngành công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả tham vấn ý kiến chuyên gia

2.2.2.2. Tiêu chí đánh giá phát triển về khía cạnh xã hội

Phát triển về khía cạnh xã hội là một bộ phận cấu thành trong phát triển nền kinh tế, nó song hành với phát triển lĩnh vực kinh tế, thậm chí còn phải đặt ra những mục tiêu cao hơn so với phát triển lĩnh vực kinh tế. Phát triển khía cạnh xã hội cần phải được thể hiện trên nhiều phương diện, nhưng nhìn tổng quát, đó là việc bảo đảm tiến bộ cho con người. Nội hàm của việc bảo đảm tiến bộ xã hội cho con người, xét trên bình diện các nước đang phát triển, bao gồm:

(i) Nâng cao mức sống dân cư bao gồm việc làm thế nào để nâng cao thu nhập dân cư, và quan trọng hơn là giải quyết vấn đề phân phối nguồn thu nhập đó một cách hợp lý.

(ii) Nâng cao trình độ phát triển con người, bao gồm cả việc hình thành và nâng cao năng lực phát triển toàn diện cho con người, trong đó nhấn mạnh đến những năng lực về tài chính, năng lực trí lực (thông qua giáo dục, đào tạo), năng lực thể lực (bao gồm: Tuổi thọ, tiếp cận y tế và chăm sóc sức khỏe) và cách thức con người sử dụng các năng lực đó để khai thác các cơ hội của cuộc sống như nghỉ ngơi, làm việc hay tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa, xã hội, chính trị.

(iii) Cùng với quá trình phát triển con người, việc bảo đảm tiến bộ xã hội cho con người ở các nước đang phát triển gắn chặt với quá trình xóa đói giảm nghèo, quá trình thực hiện bình đẳng xã hội.

Trên cơ sở lý thuyết chung về phát triển khía cạnh xã hội trong PTKT, đặc thù của các Khu KTQP và tổng quan các nghiên cứu trước đây; đồng thời, dựa trên kết quả khảo sát ý kiến 44 chuyên gia (chi tiết tại Phụ lục 2), theo tác giả, các tiêu chí đánh giá phát triển khía cạnh xã hội trên địa bàn các Khu KTQP bao gồm bộ tiêu chí tổng hợp tại Bảng 2.3.

Bảng 2.3. Tiêu chí và dấu hiệu thể hiện xu hướng phát triển tích cực về khía cạnh xã hội

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Dấu hiệu phản ánh xu hướng phát triển tích cực
1	<i>Về tình trạng nghèo đói</i>	
-	Tỷ lệ nghèo đói	Giảm dần
2	<i>Về tình trạng thiếu việc làm</i>	
-	Tỷ lệ thiếu việc làm	Giảm dần
3	<i>Về giáo dục</i>	
-	Tỷ lệ người lớn biết chữ (từ 15 tuổi trở lên)	Tăng dần
-	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường	Tăng dần
4	<i>Về y tế, chăm sóc sức khỏe</i>	
-	Tỷ lệ trẻ em chết yểu (từ 5 tuổi trở xuống)	Giảm dần
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng	Giảm dần
-	Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế	Tăng dần
-	Tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản	Giảm dần
-	Số con bình quân trong một gia đình	Gần bằng 2 (hai)
-	Tỷ lệ người dân được tham gia BHYT	Tăng dần
5	<i>Về sử dụng nước hợp vệ sinh, đảm bảo vệ sinh môi</i>	
-	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	Tăng dần

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả tham vấn ý kiến chuyên gia

2.2.2.3. Tiêu chí đánh giá khía cạnh bảo đảm quốc phòng - an ninh

Nội dung này thể hiện rõ tính đặc thù trong nội hàm PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, khác biệt so với PTKT vùng, khu vực đơn thuần. Việc giải

quyết tốt mối tương quan giữa lợi ích kinh tế, tăng trưởng kinh tế và QPAN sẽ bảo đảm cho mỗi bước phát triển KTXH là một bước tăng cường tiềm lực quốc phòng; chủ động ngăn ngừa và loại trừ âm mưu lợi dụng hoạt động kinh doanh để thực hiện các hoạt động chống phá về chính trị - xã hội của các thế lực thù địch nhưng không gây cản trở giao lưu, PTKT. Đây cũng chính là quan điểm cơ bản và bao trùm nhất của chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng. Nó bắt nguồn từ sự thống nhất biện chứng giữa hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc XNCN. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là tiền đề để xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng chủ nghĩa xã hội là cơ sở tạo nên sức mạnh để bảo vệ Tổ quốc XNCN. Trong xây dựng chứa đựng yếu tố bảo vệ, trong bảo vệ cũng tồn tại và phát triển yếu tố xây dựng.

Trên cơ sở đặc điểm của Khu KTQP (khác biệt với khác khu vực khác) và khung lý thuyết về PTKT, theo tác giả để đánh giá PTKT trên địa bàn các Khu KTQP thì ngoài tiêu chí về kinh tế và xã hội nêu trên thì cần phải dựa trên các tiêu chí về QPAN, trật tự an toàn xã hội, cụ thể thể hiện qua Bảng 2.4 dưới đây.

Bảng 2.4. Tiêu chí và dấu hiệu thể hiện xu hướng phát triển tích cực về bảo đảm quốc phòng - an ninh

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Dấu hiệu phản ánh xu hướng phát triển tích cực
1	<i>Về an ninh biên giới</i>	
-	Số vụ vượt biên và xâm nhập biên giới trái phép	Giảm dần
-	Số vụ bắt cóc, buôn người qua biên giới	Giảm dần
-	Số vụ buôn bán ma túy qua biên giới	Giảm dần
2	<i>Về trật tự an toàn xã hội trên địa bàn</i>	
-	Số vụ biểu tình trái phép	Giảm dần
-	Số vụ bạo loạn gây mất an ninh chính trị xã hội	Giảm dần
-	Số vụ buôn lậu và gian lận thương mại	Giảm dần
-	Số vụ xâm canh, xâm cư	Giảm dần

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả tham vấn ý kiến chuyên gia

2.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KTQP QUỐC PHÒNG

Dựa trên bảng tổng hợp một số nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP từ các công trình nghiên cứu đã công bố (Bảng 1.2) kết hợp với lý luận chung về PTKT, sau khi tham vấn ý kiến chuyên gia (Phụ lục 3), theo tác giả, các nhân tố ảnh hưởng bao gồm:

2.3.1. Đặc điểm tự nhiên và môi trường chính trị, văn hóa, xã hội của Khu KTQP

1) Đặc điểm tự nhiên

Đặc điểm tự nhiên của Khu KTQP là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc xây dựng, phát triển các Khu KTQP; trong đó bao gồm yếu tố về vị trí địa lý, điều kiện thời tiết, khí hậu, đất đai, địa hình và vị trí địa kinh tế chiến lược (gần cửa khẩu, các tuyến giao thông quan trọng, kết nối dễ dàng với khu vực và quốc tế...); Khu KTQP nếu có vị trí liên kề với khu vực kinh tế phát triển sẽ đảm bảo cho khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài và nguồn nhân lực chất lượng cao. Nếu vùng có vị trí địa lý ở đầu mối giao thông, đầu mối giao lưu kinh tế quốc tế sẽ là lợi thế cạnh tranh trong trong PTKT nói chung và công nghiệp nói riêng. Vị trí địa lý thuận lợi cho phép khai thác tối đa các nguồn lực và lợi thế so sánh vùng. Do vậy, đặc điểm tự nhiên thuận lợi sẽ tạo ra lợi thế không nhỏ đối với sự PTKT của các khu kinh tế nói chung và khu KTQP nói riêng.

2) Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội

Môi trường chính trị, pháp luật được tạo lập từ hệ thống pháp luật, các cơ quan quyền lực nhà nước và tác động mạnh mẽ đến hoạt động của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội. Rõ ràng, hệ thống pháp luật sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động kinh tế của các Khu KTQP. Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội là yếu tố quan trọng đối với việc PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Môi trường chính trị ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, PTKT và ngược lại. Xây dựng và phát triển Khu KTQP luôn gắn với việc

phát triển, ổn định các khu dân cư, trung tâm dịch vụ, công nghiệp, cùng với đó là việc xây dựng môi trường chính trị ổn định, môi trường văn hóa, xã hội tốt đẹp, giữ gìn bản sắc dân tộc cho người dân trên địa bàn các Khu KTQP.

2.3.2. Các nguồn lực kinh tế - xã hội của Khu KTQP

1) Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất

Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất có vai trò quan trọng đối với PTKT. Đây là nền tảng để phát triển công nghiệp của vùng, là tiền đề quan trọng, tác động lớn đến chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành, giá cả sản phẩm và lợi nhuận của DN. Kết cấu hạ tầng công nghiệp bao gồm: Các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cung ứng điện năng, cấp thoát nước... Sự phát triển kết cấu hạ tầng phải đi trước sự phát triển công nghiệp của mỗi địa phương. Sự hình thành và phát triển công nghiệp của vùng đến lượt mình, lại thúc đẩy sự phát triển đồng bộ hóa của hệ thống kết cấu hạ tầng. Hỗ trợ đầu tư của Nhà nước là xúc tác ban đầu để xây dựng kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu tại các Khu KTQP. Những dự án đầu tư xây dựng cùng các chính sách hỗ trợ trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng cần cụ thể, rõ ràng, dễ tiếp cận và kịp thời. Cơ sở hạ tầng là một nhân tố quan trọng đối với định hướng PTKT và là yếu tố then chốt cho quyết định của các nhà đầu tư.

2) Vốn đầu tư

Vốn đầu tư vừa là mục tiêu vừa là động lực cho sự phát triển Khu KTQP. Yêu cầu rõ ràng là môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng và chính sách ưu đãi cạnh tranh quốc tế: được áp dụng chính sách về KT-XH ưu đãi đặc biệt, mang tính vượt trội, cạnh tranh toàn cầu, ổn định, đáp ứng yêu cầu nhà đầu tư theo chuẩn mực quốc tế; được phép thử nghiệm thể chế, chính sách mới. Lắng nghe, tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư để hỗ trợ kịp thời, tạo môi trường ngày càng thông thoáng và thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư.

3) Sở hữu đất của người dân

Sở hữu đất của người dân (gồm cả về diện tích đất và chất lượng đất canh tác) là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với địa bàn Khu KTQP, khu vực

mà chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của các hộ gia đình và nguồn lực PTKT nông nghiệp. Trên địa bàn các Khu KTQP, thiếu đất sản xuất hay không có đất sản xuất là tình trạng phổ biến, thường là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến nghèo đói kinh niên đối với người dân khu vực này, là điểm nghẽn trong PTKT.

4) Lao động

Quy mô, mức độ, hiệu quả hoạt động sản xuất trong Khu KTQP phụ thuộc rất lớn vào số lượng và chất lượng nguồn lao động hiện có và xu hướng phát triển. Nguồn lao động có năng lực (thể chất, trình độ chuyên môn, tinh thần), là nền tảng cho sự phát triển bền vững. Do vậy, việc cung ứng đủ số lượng và đảm bảo chất lượng, trình độ tay nghề của người lao động nói chung, cũng như lao động có hàm lượng chất xám cao nói riêng là tiền đề để xây dựng thành công Khu KTQP.

5) Khoa học và công nghệ

Ứng dụng khoa học - công nghệ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Điều này không những tạo ra những khả năng sản xuất mới, đẩy nhanh tốc độ phát triển một số ngành, mà còn tạo ra những nhu cầu mới và chính những nhu cầu này đòi hỏi sự ra đời một số ngành kinh tế trọng điểm, đại diện của công nghệ tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao và tạo ra giá trị gia tăng lớn. Để có công nghệ phù hợp, DN cần có thông tin đầy đủ về công nghệ, chuyển giao công nghệ; nghiên cứu, cải tiến, đầu tư, ứng dụng công nghệ và hợp lý hóa sản xuất; đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề người lao động nhằm sử dụng hiệu quả công nghệ hiện đại.

2.3.3. Cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước về kinh tế

1) Cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước

Cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù của Nhà nước có ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển của các doanh nghiệp và sự PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Một số cơ chế, chính sách cơ bản và có tác động trực tiếp đến sự PTKT trên địa bàn các Khu KTQP bao gồm: Cơ chế tạo môi trường pháp lý, cơ chế đăng ký kinh doanh, cơ chế kiểm soát trong lĩnh vực công nghiệp; cơ

chế đầu tư, xây dựng; chính sách thuế, tài chính, tín dụng; chính sách đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh; chính sách khuyến công; chính sách phát triển nguồn nhân lực; chính sách thu hút đầu tư cho phát triển công nghiệp; chính sách khoa học - công nghệ.

2) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cùng với tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương ảnh hưởng trực tiếp đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; nhân tố này có sự ảnh hưởng ngay từ khi thành lập khu kinh tế KTQP cho đến quá trình hoạt động và phát triển. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo cùng với những cam kết của lãnh đạo địa phương đảm bảo cho sự thành công trong việc thành lập, triển khai xây dựng các Khu KTQP và PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Bộ máy quản lý hành chính của chính quyền địa phương cùng với cơ chế phân cấp, phân quyền, giao quyền, nhất là quyền lập quy về kinh tế là nhân tố ảnh hưởng đến việc vận hành cơ chế quản lý đối với Khu KTQP, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các chính sách PTKT trên địa bàn Khu KTQP. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý ở địa phương với số lượng và trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện và quá trình PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

3) Cải cách hành chính

Cải cách thủ tục hành chính là yếu tố góp phần kích thích đầu tư, nhất là đầu tư vào các ngành nghề mới, có tiềm năng; khuyến khích người dân đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, mạnh dạn vay vốn làm ăn để thoát nghèo; đồng thời góp phần đảm bảo cho môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các nhà đầu tư mới vào khu Khu KTQP. Môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng, không gây trở ngại sẽ tạo sự hấp dẫn với các nhà đầu tư, giảm được thời gian cho việc giải quyết các thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ đưa doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí đầu tư và tăng lợi nhuận kinh doanh.

4) Quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP

Quy hoạch là yếu tố nền tảng trong phát triển khu kinh tế nói chung và PTKT trên địa bàn Khu KTQP nói riêng. Có quy hoạch đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch tổng thể với quy hoạch ngành, quy hoạch các vùng; giữa quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, quy hoạch phát triển các vùng, quy hoạch phát triển KTXH của từng địa phương với quy hoạch nông thôn, đô thị cũng như quy hoạch mạng lưới giao thông vận tải, quy hoạch khu dân cư; giữa quy hoạch Khu KTQP với quy hoạch vùng, quy hoạch sử dụng đất đảm bảo cho việc triển khai nhiệm vụ khác của Khu KTQP.

2.3.4. Các mô hình PTKT trên địa bàn các Khu KTQP

Có rất nhiều mô hình PTKT có thể áp dụng đối với địa bàn Khu KTQP như: Mô hình phát triển theo chiều rộng, chiều sâu; mô hình phát triển của các ngành, các thành phần kinh tế... Tuy nhiên, để thực hiện có hiệu quả, phát huy tối đa có nguồn lực của phát triển thì việc lựa chọn mô hình phù hợp là rất quan trọng. Lựa chọn đúng đắn mô hình phát triển cùng với những giải pháp phù hợp, đồng bộ sẽ đẩy nhanh quá trình PTKT, tạo ra thành quả và lan tỏa thành quả của phát triển đến đời sống KTXH của người dân trên địa bàn các Khu KTQP.

2.3.5. Sự tham gia của Quân đội

Sự tham gia của Quân đội là nhân tố quan trọng, tích cực, ảnh hưởng lớn đến sự hình thành Khu KTQP nói chung và PTKT trên địa bàn các Khu KTQP nói riêng, đặc biệt là giai đoạn đầu khi triển khai đầu tư xây dựng Khu KTQP. Sự tham gia của Quân đội trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP được thể hiện ở các nội dung như: Thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ biên giới quốc gia; tham gia xây dựng, bảo vệ khu vực phòng thủ; thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng Khu KTQP; tổ chức sản xuất làm nòng cốt hỗ trợ nhân dân phát triển sản xuất kinh tế, xóa đói giảm nghèo; hoạt động dân vận, tham gia xây dựng cơ sở chính trị địa bàn, củng cố thể trận QPAN.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT VỀ CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam

Xuất phát từ những yêu cầu về bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, ngày 10/02/1998, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 151/QĐ-QP về việc thành lập Đoàn, Khu KTQP Mường Chà, đánh dấu sự ra đời của Khu KTQP và Đoàn KTQP đầu tiên của Quân đội, đóng quân trên địa bàn biên giới phía Bắc, thực hiện đầy đủ 3 chức năng: Đội quân chiến đấu, đội quân công tác (dân vận), đội quân lao động sản xuất. Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) đã ra Nghị quyết số 150/ĐUQSTW ngày 10/8/1998 về việc Quân đội phát huy vai trò nòng cốt tham gia xây dựng và phát triển KTXH, củng cố QPAN trên các địa bàn chiến lược.

Theo tinh thần Nghị quyết, Bộ Quốc phòng đã phối hợp với các cơ quan Trung ương và địa phương tiến hành khảo sát, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ các đề án quy hoạch tổng thể các Khu KTQP để tiếp tục thành lập và xây dựng các Khu KTQP ở các địa bàn chiến lược khác. Ngày 07/5/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2009/NĐ-CP về xây dựng Khu KTQP; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng và phát triển các Khu KTQP đến năm 2020 định hướng đến năm 2025 để triển khai thực hiện. Đến nay, Bộ Quốc phòng đã xây dựng, phát triển 31 Khu KTQP (giai đoạn 2020 - 2025, tiếp tục đầu tư chuyển tiếp 23 Khu KTQP; triển khai đầu tư xây dựng mới 04 Khu KTQP; kết thúc, bàn giao cho địa phương 04 Khu KTQP).

Đối với các khu KTQP trên đất liền, theo các Dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hiện nay trên địa bàn cả nước đã hình thành 22 Khu KTQP, trong đó có 19 Khu KTQP trực thuộc các Quân khu (Quân khu 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9) và 03 Khu KTQP trực thuộc các Binh đoàn (Binh đoàn 15, Binh đoàn 16). Nếu dựa vào tiêu chí tiếp giáp về vị trí với khu vực biên giới của các nước láng giềng, các Khu KTQP ở Việt Nam được phân thành 03 nhóm.

Nhóm các Khu KTQP tiếp giáp với biên giới Trung Quốc gồm 08 khu; Nhóm các khu tiếp giáp với biên giới Lào gồm 07 khu; Nhóm các khu tiếp giáp với biên giới Campuchia gồm 07 khu (Chi tiết tại Phụ lục 6).

3.1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam

3.1.2.1. Đặc điểm tự nhiên

1) Đặc điểm về địa hình

* *Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc:* Đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc dài 1449,566 km, trong đó có 383,914km đường biên giới đi theo sông suối, tiếp giáp giữa 7 tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh của Việt Nam với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây của Trung Quốc. Khu vực biên giới hai nước có cấu trúc địa hình tương đối phức tạp, độ chia cắt lớn, thấp dần từ Tây sang Đông dẫn đến hệ thống sông suối nơi đây phần lớn có xu hướng chảy từ Tây Bắc xuống Đông Nam, ít có giá trị đối với giao thông đường thủy. Tùy theo mùa, theo từng đoạn, khi thì nước xuống thấp khi thì dâng cao, chảy mạnh gây bồi lở và đổi dòng dẫn đến việc biến đổi địa hình lòng sông. Khu vực này cũng có một số tài nguyên khoáng sản đã và đang được nghiên cứu nhưng nhìn chung các mỏ có trữ lượng thấp, ít có giá trị khai thác thương mại.

* *Các Khu KTQP giáp biên giới Lào:* Đường biên giới giữa Việt Nam và Lào dài khoảng 2.340km, trải dài suốt 10 tỉnh của Việt Nam là: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam và Kon Tum; tiếp giáp với 10 tỉnh phía Lào là: Phòng-sả-lỳ, Luông-pha-bang, Hủa-phăn, Xiêng-khoảng, Bô-ly-khăm-xay, Khăm-muôn, Sa-văn-nạ-khệt, Sả-lạ-văn, Sê-kông và Át-tạ-pư. Phần lớn tuyến biên giới giữa Việt Nam và Lào đều đi qua đỉnh hoặc triền núi và qua rừng rậm nhiệt đới, so với mặt nước biển nơi thấp nhất vào khoảng 300m, cao nhất vào khoảng 2.700m; khu vực các cửa khẩu có độ cao trung bình khoảng 500m, có nơi cao trên 1000m. Giữa hai nước có những dãy núi cao hình thành một đường biên giới tự nhiên: Phía Bắc từ A Pa Chải trở xuống là dãy Pu Xam

Sầu, phía Nam từ Thanh Hoá trở vào là dãy Trường Sơn. Một số đèo đã trở thành các cửa khẩu nối liền hai nước, còn trên các đoạn biên giới khác, hầu hết là núi non hiểm trở, đi lại khó khăn.

* *Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia*: Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Căm-pu-chia khởi đầu từ ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Căm-pu-chia (thuộc tỉnh Kon Tum) kéo dài đến sát mép biển Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đi qua 10 tỉnh biên giới miền Tây Nam của Việt Nam (KonTum, Gia Lai, Đắc Lắc, Đắc Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang), tiếp giáp với 9 tỉnh biên giới của Căm-pu-chia (Ratarakiri, Mônđunkiri, CôngpôngChàm, Carachê, Sveyriêng, Prâyveng, Kândan, Tàkeo và Kămpôt) với chiều dài khoảng 1.137km. Khác với hai tuyến biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Trung Quốc, đường biên giới này có địa hình tương đối bằng phẳng, ít đồi núi hiểm trở. Chính vì vậy, hệ thống giao thông liên kết giữa hai nước bằng đường bộ, đường sông phát triển thuận lợi, hình thành các tuyến đường bộ như đường liên quốc gia, quốc lộ, tỉnh lộ, đường sông và nhiều đường mòn góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy giao lưu, hiểu biết lẫn nhau cũng như mang lại nhiều lợi ích thiết thực về kinh tế và thương mại cho cư dân hai bên biên giới. Do đó, nhóm các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia có địa hình thuận lợi hơn so với 02 nhóm còn lại.

2) Đặc điểm về khí tượng thủy văn

Vị trí của các Khu KTQP trải dài trên 13 đường vĩ tuyến khác nhau, thuộc hầu hết các vùng khí hậu của Việt Nam bao gồm miền khí hậu phía Bắc, miền khí hậu Trường Sơn và miền khí hậu phía Nam. Dưới tác động của những quy luật phân hoá khí hậu quy mô nhỏ hơn, đã hình thành nhiều vùng có tiểu khí hậu mang những nét riêng trong khi vẫn giữ được những đặc điểm chung của miền khí hậu.

Thứ nhất, miền khí hậu vùng phía Bắc: Miền khí hậu này có ở Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc và một số giáp Lào (thuộc QK1, QK2, QK3 và QK4). Tuy nhiên do sự chia cắt về địa hình, có thể chia miền khí hậu này ra làm 2 khu vực khác nhau:

- Khu vực khí hậu Bắc cánh cung Đông Triều và Bắc dãy Hoàng Liên Sơn: Các Khu KTQP trong khu vực này đều ở trên các dãy núi cao có mùa

đông lạnh hơn nhiều so với nhiệt độ trung bình của miền trong cùng vĩ tuyến. Trong mùa đông chỉ có thời kỳ đầu là tương đối khô, còn thời kỳ cuối thì cực kỳ ẩm ướt, nhiều sương mù; mùa hạ ẩm ướt, mưa nhiều, khí hậu Biển Đông mạnh, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm cao hơn 10°C .

- Khu vực khí hậu Tây Nam Hoàng Liên Sơn: Về cơ bản, khí hậu vùng này vẫn giữ những đặc điểm chính của khí hậu miền Bắc, nhưng do đặc điểm riêng của địa hình khu vực mà khí hậu ở đây có nét riêng thể hiện tính chuyển tiếp giữa kiểu khí hậu miền Bắc và miền Đông Trường Sơn. Mùa đông ở đây bớt lạnh hơn so với vùng Bắc cánh cung Đông Triều và Bắc Hoàng Liên Sơn. Nhưng đặc điểm quan trọng nhất của vùng này là có sự xuất hiện một thời kỳ gió Tây khô nóng vào đầu mùa hạ, liên quan đến hiệu ứng “Phơn” của Trường Sơn đối với gió mùa Tây Nam dọc biên giới phía Tây.

Thứ hai, miền khí hậu Trường Sơn (một số Khu KTQP có biên giới giáp Lào, một số giáp Campuchia, từ Khu KTQP Nam Quảng Bình/QK5 đến Khu KTQP Bắc Lâm Đồng/Lâm Đồng - QK7): Miền khí hậu này mang đậm tính chất của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Miền này chia làm hai vùng là vùng Bắc đèo Hải Vân có mùa đông ít hơn miền khí hậu phía bắc và mùa hè chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió Lào, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ phía nam đèo Hải Vân có khí hậu tương tự như phía bắc đèo Hải Vân nhưng nhiệt độ cao hơn, thỉnh thoảng có đợt lạnh nhưng không kéo dài và ảnh hưởng nhẹ của gió Lào. Một đặc điểm quan trọng của miền khí hậu này là mùa mưa và mùa khô không cùng lúc với mùa mưa và khô của hai miền khí hậu còn lại. Mùa hè, trong khi cả nước có lượng mưa lớn nhất, thì miền khí hậu này lại đang ở thời kỳ khô nhất.

Thứ ba, miền khí hậu phía Nam (một số Khu KTQP giáp biên giới Campuchia): Gồm phần lãnh thổ thuộc Tây Nguyên và Nam Bộ. Miền này có khí hậu nhiệt đới xavan với hai mùa: Mùa khô và mùa mưa (từ tháng 4-5 đến tháng 10-11). Quanh năm, nhiệt độ của miền này cao, biên độ nhiệt độ nhỏ hơn đáng kể so với khu vực Bắc Bạch Mã. Nơi đây có một mùa khô kéo dài, đặc biệt sâu sắc. Khí hậu miền này ít biến động nhiều trong năm.

3.1.2.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

1) Đặc điểm kinh tế

Vị trí xây dựng, hình thành các Khu KTQP chủ yếu là địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thu nhập của hầu hết các hộ dân vùng biên giới là thấp, nguồn thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, số rất ít là thu từ dịch vụ và công nghiệp (dưới 10%). Trong đó, sản xuất nông nghiệp chủ yếu phụ thuộc vào bình quân đất nông nghiệp và chất lượng đất, mức độ phát triển chăn nuôi, trình độ thâm canh. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn Khu KTQP nhìn chung còn tương đối cao, đặc biệt là đối với một số Khu KTQP có biên giới giáp Trung Quốc, Lào, nơi có địa hình đồi núi, phức tạp, giao thông khó khăn.

109/254 xã thuộc các Khu KTQP nằm danh sách “xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020” theo Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Hầu hết các xã có biên giới giáp Trung Quốc, Lào thuộc Chương trình 135. Địa bàn các Khu KTQP giáp biên giới với Campuchia nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, đất đai rộng lớn nên hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống KTXH tốt hơn, tỷ lệ hộ nghèo thấp và TNBQ của người dân cao hơn các khu vực khác.

Nhìn chung, mức sống của các hộ dân ở các xã biên giới đều thấp hơn so với địa phương có các Khu KTQP, biểu hiện ở TNBQ đầu người thấp hơn, tỷ lệ hộ nghèo cao hơn, cơ sở hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ, giao lưu kinh tế khó khăn hơn.

2) Đặc điểm xã hội

Các Khu KTQP đều được xây dựng tại các tỉnh có mật độ dân cư thấp. Mật độ dân cư tại các xã thuộc khu vực xây dựng Khu KTQP càng đặc biệt thấp. Dân cư các xã biên giới phân bố chưa hợp lý, bà con sống rải rác có khi không theo cụm bản, gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức sản xuất và phát triển KTXH.

Theo Báo cáo rà soát điều chỉnh quy hoạch các Khu KTQP, mật bằng dân cư tại các Khu KTQP có biên giới với Trung Quốc, Lào là thấp hơn, do đặc điểm

tự nhiên, khí hậu, đất đai, hạ tầng khó khăn và yếu kém, khả năng phát triển sản xuất hạn hẹp, chỉ đảm bảo lương thực được cho những quy mô dân cư nhỏ nên khả năng phát triển dân số là không cao, việc đầu tư hạ tầng đều khó khăn và hiệu quả sử dụng thấp. Thấp nhất là các Khu KTQP giáp biên giới Lào như Mường Chà, Kỳ Sơn, Khe Sanh, Tây Giang-Nam Giang...

Khu vực các xã biên giới là nơi tập trung nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số, chiếm 50% dân số tại các xã biên giới; một số Khu KTQP có biên giới giáp Trung Quốc (điển hình là thuộc QK2) có đồng bào dân tộc chiếm đến 99% dân số. Tỷ lệ đồng bào dân tộc cao tạo nét đa dạng văn hóa nhưng đồng thời cũng là khó khăn trong công tác xóa đói giảm nghèo. Do trình độ nhận thức của bà con và cũng do sự khác biệt về ngôn ngữ dẫn đến việc tuyên truyền giáo dục, giúp đỡ của bộ đội để hỗ trợ bà con gặp nhiều trở ngại. Đặc điểm dân tộc, vùng miền là một trong những yếu tố quan trọng cần xem xét trong định hướng tổ chức ổn định dân cư.

3.1.3. Đặc điểm về quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội của các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam

Đặc điểm dễ nhận diện nhất là tất cả các Khu KTQP đều nằm trên biên giới quốc gia nên nó có đặc điểm quốc phòng và an ninh rất nổi bật so với các khu, các vùng khác. Trong những năm qua, tình hình thế giới và trong nước tiếp tục có nhiều nhiều diễn phức tạp, nhất là sự ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trên phạm vi toàn cầu. Nhìn chung, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thực hiện tốt công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên địa bàn Khu KTQP, nơi có các Đoàn KTQP đứng chân, nền quốc phòng toàn dân được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được tăng cường. Trên tuyến biên giới không phát hiện hoạt động xâm lấn vi phạm của các thế lực thù địch; đa số nhân dân yên tâm lao động sản xuất, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, khu vực và tuyến biên giới của Việt Nam vẫn luôn tiềm ẩn những nhân tố, nguy cơ gây mất ổn định ANCT - trật tự an toàn xã hội. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước vẫn còn những hoạt động móc nối với nhau, lôi kéo, lợi dụng những phần tử xấu tuyên truyền chống phá cách mạng; bằng mọi thủ đoạn thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt lôi kéo những phần tử xấu tham gia các tổ chức phản động, vượt biên sang nước thứ 3 đào tạo sau đó về

địa bàn hoạt động. Các đảng phái đối lập, thế lực chống phá lợi dụng các vấn đề phân giới cắm mốc, chính sách dân tộc, sự ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 để tuyên truyền chia rẽ sự đoàn kết các dân tộc, các quốc gia láng giềng. Truyền học đạo trái phép trên địa bàn biên giới diễn biến phức tạp, nhiều điểm nhóm chưa được cấp phép vẫn lén lút hoạt động.

Bên cạnh đó, tình trạng di dân không theo quy hoạch và người dân tộc Mông như di cư tự do từ miền Bắc vào khu vực Tây Nguyên, chặt phá, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy, nhiều địa phương chưa có cách giải quyết. Buôn bán tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy, tái trồng cây thuốc phiện diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng; tàng trữ trái phép vật liệu nổ; tình trạng tranh chấp đất đai, mâu thuẫn giữa các dòng họ, đòi hỏi yêu sách trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo vẫn còn nhiều phức tạp; việc quản lý tình hình xuất nhập cảnh qua biên giới gặp nhiều khó khăn.

3.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

3.2.1. Thực trạng tăng trưởng kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam

3.2.1.1. Tăng trưởng giá trị sản xuất theo ngành

Giai đoạn 2016- 2021, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp trên địa bàn các Khu KTQP đều thấp hơn nhiều so với hai nhóm ngành còn lại (chỉ từ 5,1%/năm đến 5,6%/năm). Tuy nhiên, nếu xét về giá trị tuyệt đối thì mức tăng của ngành nông - lâm nghiệp là lớn hơn rất nhiều so với mức tăng của ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ (xem tại Bảng 3.1). Điều này cho thấy, ngành nông - lâm nghiệp vẫn là ngành có vai trò dẫn dắt nền kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP. Theo tổng hợp của Cục Kinh tế/BQP và Báo cáo của các Đoàn KTQP, thời gian qua, các dự án phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp được triển khai đã giúp người dân trên địa bàn xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả, góp phần thúc đẩy giá trị sản xuất của ngành (như: Mô hình trồng trám, măng Bát độ, chanh leo, cây dược liệu ba kích tại các Khu KTQP giáp biên giới với Trung Quốc...).

Ngành dịch vụ trên địa bàn các Khu KTQP với nhiều khó khăn, bất lợi trong phát triển nhưng đã có sự chuyển mình nhất định khi có tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn tương đối ấn tượng, nhất là đối với các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia (giá trị sản xuất tăng lên 2.585,3 tỷ đồng và tốc độ tăng bình quân giai đoạn đạt 12,9%) (xem tại Bảng 3.1). Theo Báo cáo của các Đoàn KTQP, các loại hình dịch vụ như khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vận tải... trên địa bàn các Khu KTQP đã dần được hình thành và phát triển. Điều này cũng phù hợp với đa số (82%) ý kiến của các chuyên gia là cán bộ cơ quan chức năng của BQP, Đoàn KTQP và lãnh đạo địa phương được tham vấn khi cho rằng, những năm vừa qua, ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ có tốc độ tăng trưởng tốt do các địa bàn Khu KTQP đã từng bước bổ sung, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho phát triển các ngành phi công nghiệp (chi tiết kết quả tham vấn chuyên gia tại Phần II Phụ lục 3).

Bảng 3.1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất của các ngành trên địa bàn các Khu KTQP

T T	Khu KTQP	GTSX năm 2016 (tỷ đồng)	GTSX năm 2021 (tỷ đồng)	Tốc độ tăng bình quân (%/năm)
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	4.484,3	6.122,0	6,4
	<i>Giá trị sản xuất ngành NLN</i>	4.143,5	5.411,8	5,5
	<i>Giá trị sản xuất ngành CN - XD</i>	183,9	349,0	13,7
	<i>Giá trị sản xuất ngành dịch vụ</i>	157,0	361,2	18,1
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	1.991,0	2.628,0	5,7
	<i>Giá trị sản xuất ngành NLN</i>	1.819,8	2.333,7	5,1
	<i>Giá trị sản xuất ngành CN - XD</i>	35,8	78,8	17,1
	<i>Giá trị sản xuất ngành dịch vụ</i>	135,4	215,5	9,7
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	49.244,4	67.711,0	6,6
	<i>Giá trị sản xuất ngành NLN</i>	43.778,3	57.622,1	5,6
	<i>Giá trị sản xuất ngành CN - XD</i>	2.413,0	4.333,5	12,4
	<i>Giá trị sản xuất ngành dịch vụ</i>	3.102,4	5.687,7	12,9

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Như vậy, giai đoạn 2016 - 2021, các ngành kinh tế trên địa bàn Khu KTQP có sự phát triển khá tốt, tốc độ tăng trưởng GTSX trung bình năm đạt

từ 5,1% đến 18,1%. Kết quả này cũng tương đối phù hợp với ý kiến từ các hộ gia đình sống trong các Khu KTQP khi điều tra. Theo kết quả điều tra 430 hộ gia đình đang sinh sống tại các Khu KTQP cho thấy, người dân trên địa bàn các Khu KTQP cũng đánh giá tích cực về sự phát triển của các ngành kinh tế trên địa bàn trong thời gian qua (Phụ lục 10.1). Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân đối với sự phát triển của các ngành tính trên thang đo 5 lần lượt là 3,28 (Nông nghiệp), 3,26 (CN-XD) và 3,28 (dịch vụ) với độ lệch chuẩn tương ứng là 0,65, 0,62 và 0,6. Tuy nhiên, đa phần người dân chỉ đánh giá ở mức bình thường về sự phát triển của các ngành, vẫn có một bộ phận đáng kể người dân chưa hài lòng, với tỷ lệ người dân không đồng ý là 9,0% (nông nghiệp), 8,5% (CN-XD) và 6,5% (dịch vụ).

3.2.1.2. Tăng trưởng giá trị sản xuất của các thành phần kinh tế

Hiện nay, trên địa bàn 22 Khu KTQP, có 76 doanh nghiệp nhà nước; có 15.457 hộ kinh doanh, có 233 hợp tác xã và có 637 doanh nghiệp ngoài nhà nước. Qua đó có thể thấy, số lượng các thành phần kinh tế ngoài nhà nước chiếm đa số, nhưng chủ yếu là các hộ kinh doanh, số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn Khu KTQP còn rất hạn chế.

Giai đoạn 2016-2021, giá trị sản xuất của các thành phần kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP nhìn chung có sự tăng trưởng tốt (xem tại Bảng 3.2). Đây cũng là kết quả của việc thực hiện chủ trương phát huy tối đa thế mạnh của các thành phần kinh tế trên địa bàn của chính quyền địa phương các cấp, cùng với đó là hiệu quả của các dự án đầu tư, hỗ trợ do Quân đội triển khai về ổn định dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất trên địa bàn. Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia, Trung Quốc với nhiều lợi thế về đặc điểm tự nhiên nên tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của các thành phần kinh tế cao hơn so với các Khu KTQP giáp biên giới Lào.

Kinh tế ngoài nhà nước có tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất cao nhất trong số các thành phần kinh tế (xem tại Bảng 3.2). Kết quả này đã cho thấy sự đầu tư, hỗ trợ từ các Đoàn KTQP cùng chính quyền, địa phương trong thời

gian qua đã mang lại hiệu quả, khi mà các hợp tác xã, các hộ gia đình đã được tập huấn, chuyên giao nhiều mô hình trồng trọt, chăn nuôi có năng suất, hiệu quả kinh tế cao.

Trong 03 thành phần cơ bản của kinh tế ngoài nhà nước (kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể), khu vực tư nhân có sự tăng trưởng mạnh nhất và ngày càng có nhiều đóng góp vào sự PTKT chung trên địa bàn các Khu KTQP với tốc độ tăng trung bình từ 13,3%/năm đến 24,1%/năm (xem tại Bảng 3.2). Trong giai đoạn vừa qua, chính quyền địa phương và các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn đã có sự quan tâm, tạo điều kiện thu hút, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhiều hơn. Tuy có sự tăng trưởng mạnh nhưng sự đóng góp của doanh nghiệp tư nhân vào nền kinh tế trên địa bàn còn tương đối thấp và chưa đạt được kỳ vọng (như đối với các Khu KTQP giáp biên giới với Lào, mức tăng giá trị sản xuất trong giai đoạn chỉ là 129,2 tỷ đồng). Sự phát triển có phần chậm của kinh tế tư nhân trên địa bàn các Khu KTQP chủ yếu do sự bất lợi về đặc điểm tự nhiên, cơ sở hạ tầng, vị trí địa lý, mật độ dân cư trên địa bàn so với các khu vực khác. Tuy nhiên, một phần cũng do các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn chưa phát huy hiệu quả và chưa nhiều dự án phát triển doanh nghiệp tư nhân được triển khai trong thời gian qua. Những phân tích này cũng phù hợp với đa số (85%) ý kiến của các chuyên gia là cán bộ cơ quan chức năng của BQP, Đoàn KTQP và lãnh đạo địa phương được tham vấn. Theo Ông Bùi Duy Quân, Đoàn trưởng Đoàn KTQP 959, khu vực kinh tế nhà nước có vai trò dẫn dắt nhiều hơn nên tốc độ tăng trưởng chưa đạt kỳ vọng, khu vực kinh tế tư nhân gặp nhiều khó khăn và chưa có nhiều đột biến trong phát triển (chi tiết kết quả tham vấn chuyên gia tại Phần II Phụ lục 3).

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không có đóng góp trong giá trị sản xuất trên địa bàn các Khu KTQP. Đây cũng thể hiện tính đặc thù đối với địa bàn các Khu KTQP, là những nơi vùng sâu, vùng xa, không có lợi thế đối với sản xuất - kinh doanh nên gần như không có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu vực này.

Bảng 3.2. Tốc độ tăng giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP

Đơn vị tính: %

TT	Khu KTQP	GTSX năm 2016 (tỷ đồng)	GTSX năm 2021 (tỷ đồng)	Tốc độ tăng bình quân (%/năm)
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	4.484,3	6.122,1	6,4
a	Kinh tế nhà nước	793,7	832,6	1,0
b	Kinh tế ngoài nhà nước	3.690,6	5.289,5	7,5
	<i>Kinh tế tập thể</i>	260,1	367,3	7,1
	<i>Kinh tế tư nhân</i>	233,2	685,7	24,1
	<i>Kinh tế cá thể</i>	3.197,3	4.236,5	5,8
c	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	1.991,0	2.628,2	5,7
a	Kinh tế nhà nước	336,5	375,8	2,2
b	Kinh tế ngoài nhà nước	1.654,5	2.252,4	6,4
	<i>Kinh tế tập thể</i>	169,2	205,2	3,9
	<i>Kinh tế tư nhân</i>	149,3	278,6	13,3
	<i>Kinh tế cá thể</i>	1.336,0	1.768,6	5,8
c	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	49.244,4	67.711,4	6,6
a	Kinh tế nhà nước	5.613,9	6.906,5	4,2
b	Kinh tế ngoài nhà nước	43.630,5	60.804,9	6,9
	<i>Kinh tế tập thể</i>	3.594,8	4.604,7	5,1
	<i>Kinh tế tư nhân</i>	4.038,0	9.073,3	17,6
	<i>Kinh tế cá thể</i>	35.997,7	47.126,9	5,5
c	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Theo kết quả điều tra 430 hộ gia đình đang sinh sống tại các Khu KTQP cho thấy, người dân trên địa bàn các Khu KTQP cũng đánh giá tích cực về sự phát triển của các thành phần kinh tế trên địa bàn trong thời gian qua (Phụ lục 10.1). Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân đối với sự phát triển của các thành phần kinh tế tính trên thang đo 5 lần lượt là 3,26 (DNNN), 3,32 (DNTN) và 3,3 (kinh tế hợp tác xã, hộ gia đình) với độ lệch chuẩn tương ứng là 0,66, 0,62 và 0,62. Tuy nhiên, đa phần người dân chỉ đánh

giá ở mức bình thường về sự phát triển của các thành phần kinh tế (chiếm khoảng 50%).

3.2.1.3. Tăng trưởng kinh tế nhìn dưới góc độ thu nhập hộ gia đình

Theo số liệu thống kê của các Đoàn KTQP, tổng số hộ gia đình hiện nay trên địa bàn các Khu KTQP là 111.030 hộ. Hộ gia đình đang là chủ thể quan trọng tạo nên sự PTKT của khu vực. Sự phát triển của hộ là đặc điểm, là động lực chính tạo nên sự tăng trưởng kinh tế của địa bàn. Nhìn chung TNBQ đầu người trên địa bàn các Khu KTQP có xu hướng tăng dần từ năm 2016 đến năm 2021 (xem tại Bảng 3.3). Có được những thành tựu này là do hiệu quả của chính sách về đầu tư phát triển đối với các Khu KTQP trong thời gian vừa qua.

Tuy nhiên, có thể thấy, TNBQ đầu người địa bàn các Khu KTQP vẫn còn thấp (xem tại Bảng 3.3). Các Khu KTQP giáp biên giới Lào có mức TNBQ đầu người thấp hơn so với các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc và Campuchia. Năm 2021, có tới 12/22 Khu KTQP có mức TNBQ thấp hơn mức chuẩn nghèo về thu nhập ở khu vực nông thôn. Đặc biệt có 06/22 Khu KTQP có mức TNBQ đầu người rất thấp, thấp hơn 12 triệu đồng/người/năm, rải rác ở địa bàn các Khu KTQP có biên giới Trung Quốc và Lào. Thấp nhất là mức TNBQ đầu người địa bàn Khu KTQP Quảng Sơn thuộc nhóm các Khu KTQP giáp biên giới Lào (năm 2021 là 6,1 triệu đồng/người/năm), là địa bàn có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, cơ sở hạ tầng còn yếu và thiếu. Khu KTQP Bình đoàn 15 (thuộc nhóm các Khu KTQP giáp Campuchia) trên địa bàn Tây Nguyên, có lợi thế trong việc trồng, khai thác các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, điều, tiêu... nên có mức TNBQ đầu người cao nhất trong số các Khu KTQP ở Việt Nam.

TNBQ đầu người địa bàn các Khu KTQP thấp hơn nhiều so với TNBQ đầu người của tỉnh có Khu KTQP và tốc độ tăng TNBQ trên địa bàn các Khu KTQP giai đoạn 2016-2021 cũng thấp hơn (xem tại Bảng 3.3). Thực tế, luôn tồn tại khoảng cách về TNBQ đầu người giữa địa bàn các Khu KTQP so với các tỉnh có Khu KTQP. Chênh lệch lớn nhất là đối với các Khu KTQP giáp biên giới Lào (Năm 2021, thấp hơn so với tỉnh là 21,9 triệu đồng/người/năm). Tuy nhiên, điểm chung là mức độ chênh lệch thu nhập trên địa bàn các Khu KTQP so với tỉnh đang có xu hướng tăng lên, thể hiện sự chậm chạp trong tăng

trường trên địa bàn các Khu KTQP và có nguy cơ càng ngày càng bị tụt lại phía sau so với các khu vực khác trên địa bàn tỉnh. Điều này là do nền kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP chủ yếu là nông nghiệp sản xuất nhỏ mang tính truyền thống, thiếu ổn định, sản xuất phụ thuộc lớn vào các yếu tố tự nhiên, dễ bị tổn thương bởi các nhân tố bên ngoài nên khó có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và ổn định. Điều này cũng phù hợp với đa số (85%) ý kiến các chuyên gia là cán bộ cơ quan chức năng của BQP, Đoàn KTQP và lãnh đạo địa phương được tham vấn. Theo Ông Lê Văn Thắng, Đoàn trưởng Đoàn KTQP 4, tuy đã có sự tăng trưởng trong giai đoạn vừa qua nhưng mức TNBQ của người dân trên địa bàn Khu KTQP Mường Lát vẫn còn thấp, chỉ bằng $\frac{1}{2}$ mức bình quân của tỉnh Thanh Hóa và khoảng cách này đang có xu hướng bị nới rộng (chi tiết kết quả tham vấn chuyên gia tại Phần II Phụ lục 3).

Bảng 3.3. Tốc độ tăng bình quân mức TNBQ đầu người trên địa bàn các Khu KTQP và các tỉnh có các Khu KTQP

T T	Khu KTQP	TNBQ năm 2016 (tr.đ/người /năm)	TNBQ năm 2021 (tr.đ/người /năm)	Tốc độ tăng bình quân (%/năm)
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc (i)	10,4	18,6	12,3
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Trung Quốc (ii)	17,8	33,4	13,4
	So sánh (iii)=(i)-(ii)	-7,5	-14,8	-1,1
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào (i)	5,2	8,8	11,1
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Lào (ii)	16,6	30,7	13,1
	So sánh (iii)=(i)-(ii)	-11,4	-21,9	-2,0
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia (i)	19,1	28,3	8,2
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Campuchia (ii)	28,6	47,1	10,5
	So sánh (iii)=(i)-(ii)	-9,4	-18,8	-2,3

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Ngoài ra, như đã trình bày ở Chương 1, để có thêm cơ sở nhằm đánh giá mức độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP, tác giả đã tiến hành khảo sát TNBQ đầu người của 430 hộ gia đình trên địa bàn các Khu KTQP. Qua số liệu khảo sát tại Bảng 3.4 cũng cho thấy bức tranh về mức TNBQ đầu người trên địa bàn các Khu KTQP khá tương đồng với kết quả

phân tích số liệu thứ cấp. Theo đó, các Khu KTQP có mức TNBQ đầu người rất thấp, thấp nhất là đối với các Khu KTQP giáp biên giới Lào, cao nhất là đối với các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia do sự khác nhau về đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội ở các khu vực này. Tuy nhiên, mức TNBQ đầu người trên địa bàn các Khu KTQP đang có dấu hiệu tăng dần và tốt lên trong 05 năm gần đây, tăng nhanh nhất là tại địa bàn Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc (mức tăng bình quân là 10,1%/năm).

Bảng 3.4. Tốc độ tăng TNBQ đầu người trên địa bàn các Khu KTQP theo kết quả khảo sát các hộ gia đình

Đơn vị tính: Triệu đồng/người/tháng

T T	Khu KTQP	Năm 2016 <i>(tr.đ/người/ tháng)</i>	Năm 2021 <i>(tr.đ/người/ tháng)</i>	Tốc độ tăng bình quân <i>(%/năm)</i>
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	0,87	1,41	10,1%
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	0,67	0,82	4,1%
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	1,87	2,28	4,0%

Nguồn: Tác giả tổng hợp trên cơ sở kết quả khảo sát

Cũng theo kết quả điều tra 430 hộ gia đình đang sinh sống tại các Khu KTQP cho thấy, người dân trên địa bàn các Khu KTQP cơ bản đồng tình rằng thu nhập của người dân trên địa bàn trong thời gian qua có sự tăng trưởng nhất định. Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân đối với sự phát triển của các thành phần kinh tế tính trên thang đo 5 lần lượt là 3,3 với độ lệch chuẩn là 0,62 (chi tiết tại Phụ lục 10.1). Tuy nhiên, đa phần người dân chỉ đánh giá ở mức bình thường về sự tăng lên về thu nhập (chiếm 53,2%). Điều đó thể hiện rằng người dân vẫn chưa thực sự hài lòng đối với mức thu nhập hiện có.

3.2.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

3.2.2.1. Đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế

Nhìn chung, giai đoạn 2016-2021, sự chuyển dịch cơ cấu ngành trong các Khu KTQP đang có xu hướng cải thiện tốt lên khi mà các Khu KTQP ở cả 3 nhóm đều có sự chuyển dịch trong cơ cấu ngành kinh tế theo hướng giảm

tỷ trọng của ngành nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ (xem tại bảng 3.5); có được sự chuyển dịch ấn tượng hơn là các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc, nhờ vào sự hiệu quả trong việc thực hiện các chính sách phát triển các ngành phi nông nghiệp (như: Dịch vụ thương mại - hậu cần trong xuất, nhập khẩu hàng hóa).

Tuy nhiên, có thể thấy, cơ cấu ngành kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP vẫn còn lạc hậu khi mà giá trị sản xuất của ngành nông - lâm nghiệp chiếm tỷ trọng rất lớn (bình quân trên 85%), nhất là đối với các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc và Lào khi mà các yếu tố nguồn lực cho PTKT trên các địa bàn này còn thiếu và yếu. Các Khu KTQP giáp Campuchia đã tận dụng được lợi thế về điều kiện tự nhiên để có một cơ cấu ngành kinh tế hiện đại hơn so với 02 nhóm còn lại (xem tại bảng 3.5). Một số Khu KTQP có cơ cấu kinh tế lạc hậu khi tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp còn rất cao, kinh tế phụ thuộc chính vào nông nghiệp thuần túy như: Khu KTQP Xín Mần (98%); Khu KTQP Easup (96%).

Bảng 3.5. Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP

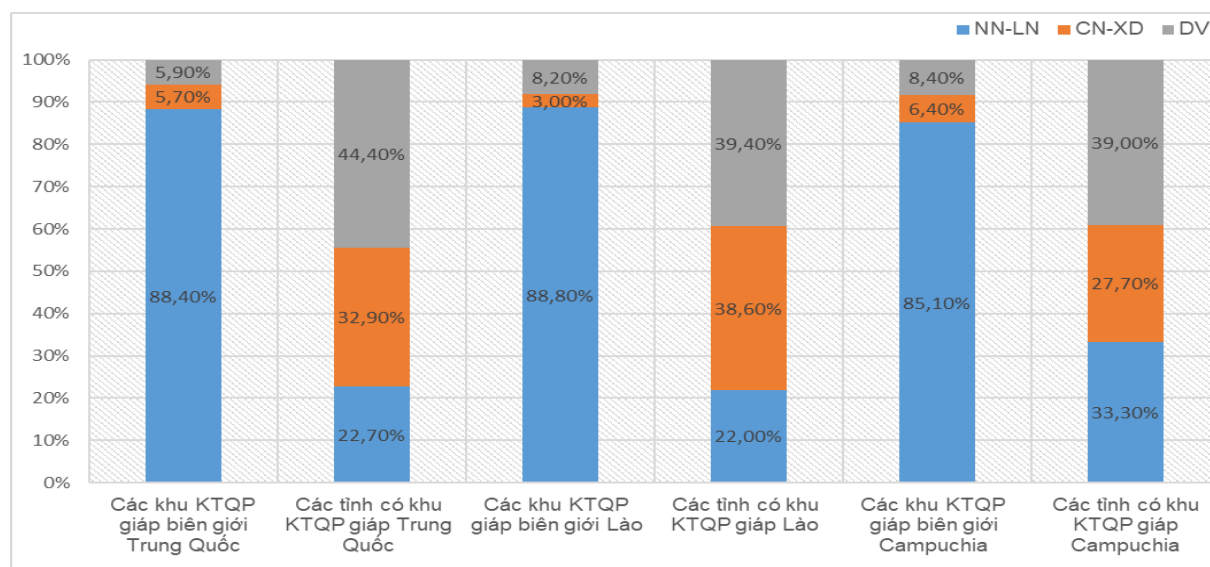
Đơn vị tính: %

T T	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021	So sánh
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	100	100	0
	<i>Nông – Lâm nghiệp</i>	92,4	88,4	-4
	<i>Công nghiệp – Xây dựng</i>	4,1	5,7	1,6
	<i>Dịch vụ</i>	3,5	5,9	2,4
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	100	100	0
	<i>Nông – Lâm nghiệp</i>	91,4	88,8	-2,6
	<i>Công nghiệp – Xây dựng</i>	1,8	3,0	1,2
	<i>Dịch vụ</i>	6,8	8,2	1,4
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	100	100	0
	<i>Nông – Lâm nghiệp</i>	88,9	85,1	-3,8
	<i>Công nghiệp – Xây dựng</i>	4,9	6,4	1,5
	<i>Dịch vụ</i>	6,3	8,4	2,1

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Bên cạnh đó, ngành công nghiệp và ngành thương mại - dịch vụ đóng góp rất nhỏ cho sự phát triển của nền kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP khi có tỷ trọng thấp (dưới 9%). Nhóm các Khu KTQP giáp biên giới Lào do những bất lợi về hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp nên có tỷ trọng ngành công nghiệp thấp hơn 2 nhóm còn lại. Một số Khu KTQP có tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp - xây dựng và ngành dịch vụ rất thấp, chỉ chiếm từ 1% đến 2% trong cơ cấu giá trị sản xuất như Khu KTQP Khe Sanh, Khu KTQP Easup, Khu KTQP Xín Mần, Khu KTQP Bát Xát...

So sánh với địa phương có các Khu KTQP cho thấy, cơ cấu kinh tế theo ngành của Khu KTQP lạc hậu hơn rất nhiều so với cơ cấu ngành kinh tế của địa phương. Tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp trong cơ cấu ngành trên địa bàn các Khu KTQP nhìn chung cao gấp từ 3 đến 4 lần so với tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp trong cơ cấu ngành của tỉnh (xem Biểu đồ 3.1).



Biểu đồ 3.1. Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành của các Khu KTQP và của tỉnh có Khu KTQP năm 2021

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Một số Khu KTQP điển hình về sự lạc hậu so với địa phương về cơ cấu ngành kinh tế khi có chênh lệch rất lớn về tỷ trọng các ngành như: Khu KTQP Bình Liêu - Quảng Hà - Móng Cái, Khu KTQP Tây Giang - Nam Giang. Cơ cấu kinh tế lạc hậu là nguyên nhân dẫn tới sự tụt hậu về kinh tế ở các Khu

KTQP so với địa bàn khác của địa phương. Những phân tích này cũng phù hợp với đa số (88%) ý kiến các chuyên gia là cán bộ cơ quan chức năng của BQP, Đoàn KTQP và lãnh đạo địa phương được tham vấn khi cho rằng, cơ cấu các ngành kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian qua đã có sự chuyển dịch theo xu hướng tốt nhưng sự chuyển dịch còn chậm, chưa rõ nét, nhất là đối với ngành CN-XD. Theo TS Lê Thành Công, Cục Kinh tế/BQP, ngành nông nghiệp vẫn là ngành chủ đạo trên địa bàn các Khu KTQP, bên cạnh đó, thời gian qua, ngành dịch vụ cũng cho thấy sự phát triển nhất định và đóng góp ngày càng lớn đối với PTKT, từ đó tạo ra sự chuyển dịch tích cực trong cơ cấu các ngành trên địa bàn Khu KTQP (chi tiết kết quả tham vấn chuyên gia tại Phần II Phụ lục 3).

3.2.2.2. Đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế

Chính sách PTKT nhiều thành phần trong giai đoạn 2016-2021 đã tạo điều kiện cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP. Nhìn chung, cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế trên địa bàn Khu KTQP có dấu hiệu chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, giảm dần tỷ trọng của kinh tế nhà nước (xem tại Bảng 3.6). Chuyển dịch với tốc độ nhanh nhất là các Khu KTQP giáp biên giới với Trung Quốc do sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp tư nhân, cùng với đó là tình trạng giải thể của một số doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả trên địa bàn. Nhìn chung, các Khu KTQP đang phát triển các thành phần kinh tế theo đúng hướng, cơ cấu ngày càng hợp lý và hiện đại, phù hợp cho sự PTKT ổn định.

Kinh tế cá thể (hộ gia đình) vẫn chiếm vai trò chủ đạo trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Khu vực này luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP. Mặc dù đang có xu hướng giảm nhưng có thể thấy, kinh tế cá thể của các hộ gia đình với các mô hình sản xuất trồng trọt, chăn nuôi trang trại vẫn đóng góp lớn nhất vào giá trị sản xuất trên địa bàn. Điều này cũng phù hợp với ý kiến của PGS.TS Tạ Quang Tuấn, Cục Tài chính/BQP khi cho rằng, trong thời gian qua, Nhà nước đã có nhiều các dự án để thúc đẩy PTKT hộ gia đình và kinh tế hợp tác xã, đạt được những kết quả tích cực (chi tiết kết quả tham vấn chuyên gia tại Phần II Phụ lục 3).

Kinh tế tư nhân có sự phát triển mạnh mẽ và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP. Với nhiều lợi thế trong PTKT tư nhân, cùng với sự phù hợp của các chính sách, kinh tế tư nhân trên địa bàn các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia có tỷ trọng cao nhất (13,4%) so với các nhóm KTQP khác (xem tại Bảng 3.6). Tuy nhiên, đa số (85%) ý kiến các chuyên gia là cán bộ cơ quan chức năng của BQP, Đoàn KTQP và lãnh đạo địa phương được tham vấn cho rằng, do chưa có nhiều yếu tố thúc đẩy tăng trưởng nên đóng góp của các doanh nghiệp tư nhân trong cơ cấu kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP là chưa đáng kể, chưa được như kỳ vọng (chi tiết kết quả tham vấn chuyên gia tại Phần II Phụ lục 3).

Bảng 3.6. Cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP

Đơn vị tính: %

TT	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021	So sánh
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	100	100	0
a	Kinh tế nhà nước	17,7	13,6	-4,1
b	Kinh tế ngoài nhà nước	82,3	86,4	4,1
	<i>Kinh tế tập thể</i>	5,8	6,0	0,2
	<i>Kinh tế tư nhân</i>	5,2	11,2	6
	<i>Kinh tế cá thể</i>	71,3	69,2	-2,1
c	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	100	100	0
a	Kinh tế nhà nước	16,9	14,3	-2,6
b	Kinh tế ngoài nhà nước	83,1	85,7	2,6
	<i>Kinh tế tập thể</i>	8,5	7,8	-0,7
	<i>Kinh tế tư nhân</i>	7,5	10,6	3,1
	<i>Kinh tế cá thể</i>	67,1	67,3	0,2
c	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	100	100	0
a	Kinh tế nhà nước	11,4	10,2	-1,2
b	Kinh tế ngoài nhà nước	88,6	89,8	1,2
	<i>Kinh tế tập thể</i>	7,3	6,8	-0,5
	<i>Kinh tế tư nhân</i>	8,2	13,4	5,2
	<i>Kinh tế cá thể</i>	73,1	69,6	-3,5
c	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không có đóng góp trong giá trị sản xuất trên địa bàn các Khu KTQP. Đây cũng thể hiện tính đặc thù đối với địa bàn các Khu KTQP, là những nơi vùng sâu, vùng xa, không có lợi thế đối với sản xuất - kinh doanh nên gần như không có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu vực này.

3.2.2.3. *Đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thu nhập của hộ gia đình*

Trong cơ cấu thu nhập của người dân trên địa bàn các Khu KTQP thì thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp là chủ yếu (năm 2016, chiếm trên 86%, năm 2021 chiếm trên 82%) (theo số liệu từ kết quả khảo sát tại Bảng 3.7). Điều này là tương đối phù hợp với sự lạc hậu về cơ cấu ngành kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP đã phân tích ở trên.

Bảng 3.7. Cơ cấu thu nhập của 400 hộ gia đình trên địa bàn các Khu KTQP theo kết quả khảo sát

TT	Khu KTQP	Năm 2016		Năm 2021	
		Thu nhập Triệu đồng/năm	Tỷ trọng (%)	Thu nhập Triệu đồng/năm	Tỷ trọng (%)
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	5.413,8	100	8.787,5	100
-	TN từ sản xuất nông, lâm nghiệp	4.693,8	86,7	7.601,2	86,5
-	TN từ sản xuất phi nông, lâm nghiệp	368,1	6,8	650,3	7,4
-	Thu nhập từ tiền lương, tiền công, khác	351,9	6,5	536,0	6,1
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	1.991,7	100	2.455,5	100
-	TN từ sản xuất nông, lâm nghiệp	1.756,7	88,2	2.097,0	85,4
-	TN từ sản xuất phi nông, lâm nghiệp	125,5	6,3	194,0	7,9
-	Thu nhập từ tiền lương, tiền công, khác	109,5	5,5	164,5	6,7
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	7.272,6	100	8.879,7	100
-	TN từ sản xuất nông, lâm nghiệp	6.356,3	87,4	7.343,5	82,7
-	TN từ sản xuất phi nông, lâm nghiệp	545,4	7,5	843,6	9,5
-	Thu nhập từ tiền lương, tiền công, khác	370,9	5,1	692,6	7,8

Nguồn: Tác giả tổng hợp trên cơ sở kết quả khảo sát

Cũng theo kết quả khảo sát, từ năm 2016 đến năm 2021, trong cơ cấu thu nhập của người dân, tỷ trọng thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp đang có xu hướng giảm đi, tỷ trọng thu nhập từ sản xuất ngành nghề phi nông, lâm nghiệp,

thủy sản có xu hướng tăng lên. Điều này có thấy, cơ cấu thu nhập của người dân trên địa bàn Khu KTQP đang có sự chuyển dịch phù hợp với sự chuyển dịch của cơ cấu ngành kinh tế trong các Khu KTQP và xu hướng này là tốt.

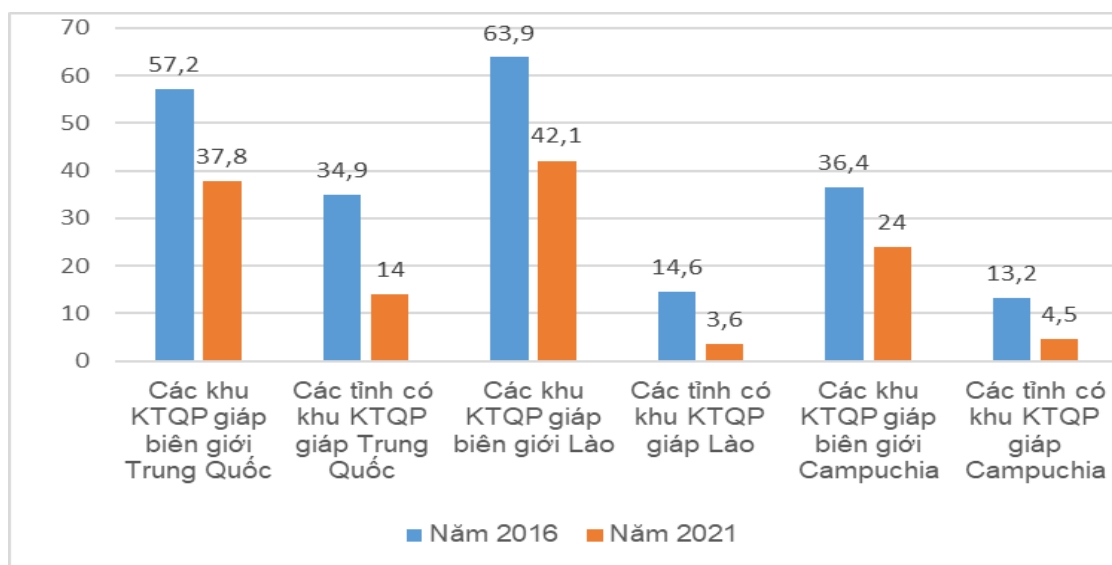
3.2.3. Thực trạng về tiến bộ xã hội trên địa bàn các Khu KTQP

3.2.3.1. Thực trạng nghèo đói

Giai đoạn 2016-2021, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các Khu KTQP có xu hướng giảm dần với tốc độ giảm nhanh (xem tại Biểu đồ 3.2). Đây là sự chuyển biến tích cực trong việc cải thiện tình trạng nghèo đói trên địa bàn các Khu KTQP, đã cho thấy các chính sách giảm nghèo phần nào phát huy tác dụng. Giảm nhanh nhất là đối với nhóm các Khu KTQP giáp biên giới với Lào (bình quân giảm 4,1 điểm %/năm); một số Khu KTQP có tốc độ giảm nghèo nhanh như: Khu KTQP Bình Liêu - Quảng Hà (7,92%/năm), Khu KTQP Mường Lát (5,48%/năm). Điều này đã thể hiện những thành tựu nhất định trong công cuộc giảm nghèo, sự hiệu quả từ mô hình giảm nghèo với số vốn khoảng 76,3 tỷ đồng do các Đoàn KTQP thực hiện, trên 200 lượt mô hình làm kinh tế được triển khai, đã có khoảng 15.000 lượt hộ nghèo được thụ hưởng dự án (theo số liệu từ Cục Kinh tế/BQP).

Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các Khu KTQP nhìn chung vẫn ở mức cao, cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ hộ nghèo bình quân của cả nước (theo số liệu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo do Bộ LĐTB&XH công bố, tỷ lệ hộ nghèo chung của cả nước năm 2021 là 2,23%), nếu so sánh với các tỉnh có các Khu KTQP thì tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các Khu KTQP cũng cao hơn nhiều so với toàn tỉnh (xem tại Biểu đồ 3.2). Một số Khu KTQP có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh từ 40% đến 50% như: Khu KTQP Kỳ Sơn, Khu KTQP Ea Sup, Khu KTQP Nam Quảng Bình. Điều này cho thấy mức chênh lệch tỷ lệ hộ nghèo giữa Khu KTQP và mặt bằng chung của tỉnh vẫn còn là khoảng cách lớn, nguyên nhân là do hầu hết các Khu KTQP đều thuộc địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn, nằm sát với biên giới nên nhìn chung điều kiện để PTKT còn nhiều hạn chế so với mặt bằng chung của tỉnh. Ngoài ra, cũng một phần do việc giảm nghèo tại các xã trên địa bàn các Khu KTQP cũng chưa mang tính bền vững nên tỷ lệ tái nghèo còn cao. Nhóm các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất (24% năm 2021), do kết quả từ tăng trưởng kinh tế mang lại và sự hiệu quả từ các mô hình sản xuất trên địa bàn này trong thời gian qua (trồng cao su, cây công nghiệp...).

Đơn vị tính: %



Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ hộ nghèo tại địa bàn các Khu KTQP và tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh có Khu KTQP

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Ngoài ra, qua kết quả khảo sát cho thấy hầu hết người dân trên địa bàn các Khu KTQP đồng ý và rất đồng ý (chiếm tỷ lệ lên tới 89,5%) với nhận định rằng tình trạng nghèo đói trên địa bàn đang giảm đi, người dân ngày càng có cuộc sống ấm no hơn. Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân theo phương diện tích cực là 4,3 (trên thang đo 5) với độ lệch chuẩn là 0,65 (Phụ lục 10.1).

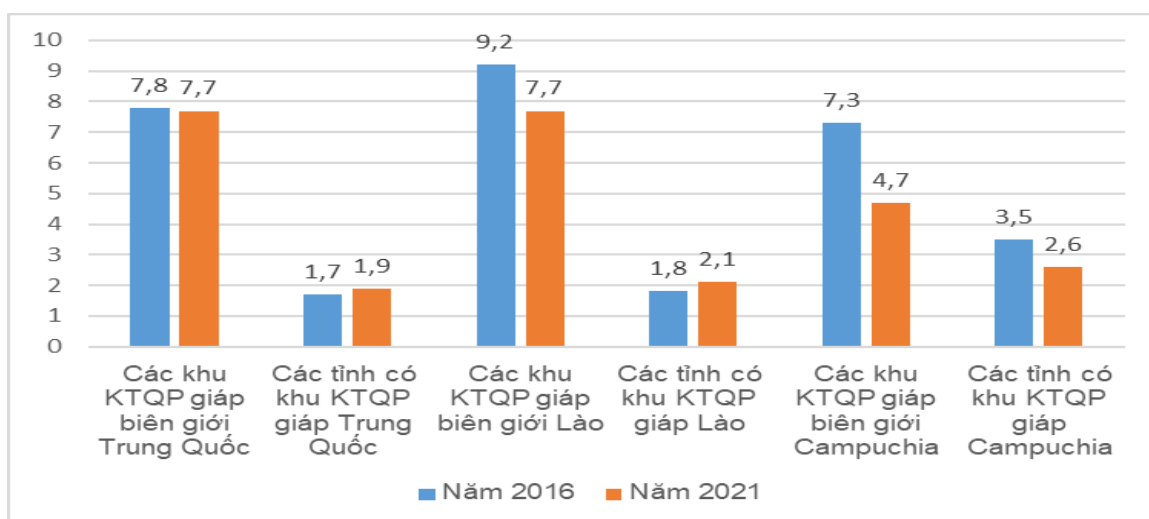
3.2.3.2. Thực trạng thiếu việc làm

Giai đoạn 2016 - 2021, nhìn chung, tình trạng thiếu việc làm trên địa bàn các Khu KTQP có xu hướng giảm nhẹ nhưng không đáng kể (xem tại Biểu đồ 3.3). Điều đó cho thấy đã có dấu hiệu và chuyển biến tích cực về việc giải quyết vấn đề việc làm ở địa bàn này, tuy những chuyển biến này còn tương đối chậm và chưa có nhiều sự đột phá. Theo số liệu báo cáo của các Đoàn KTQP, giai đoạn 2016-2021, các Đoàn KTQP đã phối hợp với chính quyền địa phương tạo việc làm và thu nhập ổn định cho trên 10.000 hộ gia đình đồng bào sinh sống trên địa bàn các Khu KTQP. Một số Khu KTQP có tỷ lệ thiếu việc làm giảm rõ rệt như Khu KTQP Tân Hồng giảm từ 10,1% năm 2016 xuống còn 4,1% năm 2021; Khu KTQP Mường Chà giảm từ 7,3% năm 2016 xuống còn 4,2% năm 2021... là nhờ vào sự đồng bộ và hiệu quả của các mô

hình sản xuất, giúp gia tăng khối lượng việc làm. Tuy nhiên, bên cạnh đó, một số Khu KTQP có tỷ lệ thiếu việc làm có xu hướng tăng, dẫn đến tình trạng thiếu việc làm trở nên trầm trọng hơn như Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm (tăng từ 9,1% năm 2019 lên 12,2% năm 2021), Khu KTQP Thông Nông - Hà Quảng tăng từ 8,9% năm 2016 lên 12,6% năm 2021. Điều đó cho thấy vẫn còn những hạn chế nhất định, sự thiếu đồng bộ trong việc thực hiện các giải pháp phát triển KTXH ở các khu vực này.

Trong 03 nhóm Khu KTQP, nhóm các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia có tỷ lệ thiếu việc làm thấp nhất (xem tại Biểu đồ 3.3). Điều này cũng phù hợp với thực tế khi các Khu KTQP giáp biên giới Lào và Trung Quốc có nhiều rào cản hơn về đặc điểm tự nhiên, khoảng cách địa lý, nguồn lực phát triển nên tình trạng thiếu việc làm là tương đối phổ biến.

Đơn vị tính: %



Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ thiếu việc làm trên địa bàn các Khu KTQP và trên địa bàn tỉnh

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Nếu so sánh với các địa phương thì các Khu KTQP có tỷ lệ thiếu việc làm cao hơn nhiều so với mặt bằng chung của tỉnh có các Khu KTQP (xem tại Biểu đồ 3.3). Các tỉnh có Khu KTQP giáp Trung Quốc, Lào với lợi thế trong PTKT cửa khẩu, kinh tế biển và du lịch, cùng những cơ chế, chính sách phù hợp trong phát triển đã tạo ra khối lượng việc làm lớn hơn cho người lao động trên địa bàn để duy trì tỷ lệ thiếu việc thấp và ổn định. Do đó, dẫn tới sự

chênh lệch lớn giữa tỷ lệ thiếu việc làm trên địa bàn các Khu KTQP giáp Trung Quốc, Lào với các địa phương. Tỷ lệ thiếu việc làm cao đã phản ánh thực tế về điều kiện KTXH và khả năng tiếp cận việc làm của người dân ở các địa bàn này. Do vị trí giáp biên, địa hình khó khăn, giao thông chia cắt, xa các khu công nghiệp, khu kinh tế lớn của tỉnh trực thuộc nên dẫn đến khả năng tiếp cận việc làm thấp hơn so với mặt bằng chung của các địa phương. Điều này cho thấy tình trạng thiếu việc làm trên địa bàn các Khu KTQP là đáng quan ngại hơn rất nhiều so với các khu vực khác trên địa bàn tỉnh.

Qua kết quả khảo sát cho thấy hầu hết người dân trên địa bàn các Khu KTQP đồng ý và rất đồng ý (chiếm tỷ lệ lên tới 93,5%) với nhận định rằng tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm trong thời gian qua đã dần được cải thiện theo chiều hướng tốt hơn. Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân theo phương diện tích cực là 4,4 (trên thang đo 5) với độ lệch chuẩn chỉ là 0,61 (Phụ lục 10.1).

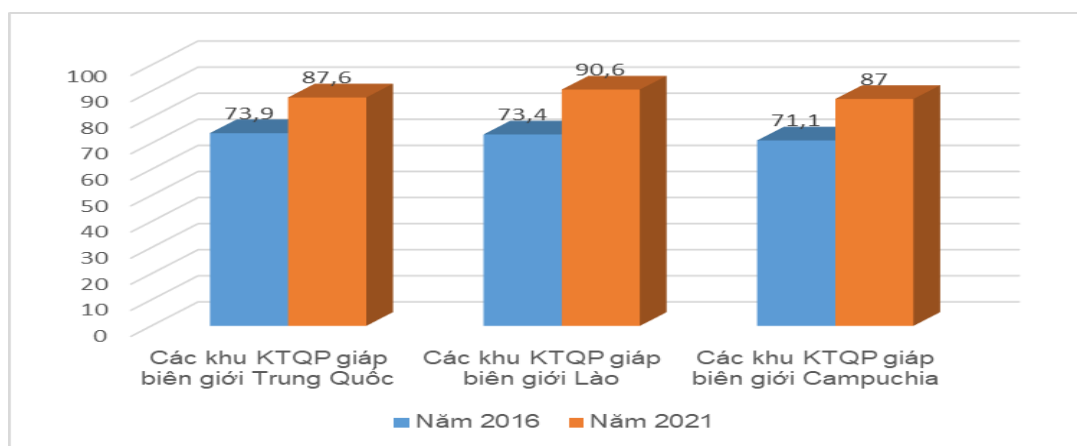
3.2.3.3. Thực trạng về giáo dục

(1) Về tỷ lệ người lớn biết chữ

Giai đoạn 2016 - 2021, tỷ lệ người lớn biết chữ trên địa bàn các Khu KTQP ở mức cao và có xu hướng tăng lên qua các năm (từ khoảng trên 70% năm 2016 lên gần 90% năm 2021) (xem tại Biểu đồ 3.4). Trong đó có nhiều Khu KTQP có tỷ lệ đạt trên 90% năm 2021 như Khu KTQP Mẫu Sơn (97%), Khu KTQP Ea Sup (96%), Khu KTQP Kỳ Sơn (95%). Có được kết quả tích cực nêu trên là do những thành công bước đầu trong việc thực hiện các dự án về giáo dục mà các Đoàn KTQP đã thực hiện. Các Đoàn KTQP đã tích cực tiến hành điều tra, khảo sát, nắm chắc số lượng người mù chữ, trẻ đến tuổi đến trường, trẻ em thất học, thực trạng cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên trong khu vực, trên cơ sở đó đã chủ động xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch phối hợp dạy chữ cho đồng bào. Bộ đội chủ động cử các tổ, các đội công tác đi đến từng gia đình, từng dòng họ, thôn, bản tuyên truyền và vận động người chưa biết chữ đi học và trẻ em đến tuổi đi học được đến trường (điển hình là Đoàn KTQP 338, Đoàn KTQP 5, Đoàn KTQP 337...)

Bên cạnh đó, điểm tích cực là các nhóm Khu KTQP có tỷ lệ người lớn biết chữ bình quân tương đối đồng đều, đã cho thấy sự đồng bộ nhất định trong việc thực hiện các chính sách về giáo dục trên địa bàn các Khu KTQP. Với những khó khăn về điều kiện KTXH, hạ tầng cơ sở tại các Khu KTQP thì rõ ràng những kết quả này là những điểm sáng, phản ánh sự hiệu quả trong thực hiện các chính sách, các dự án giáo dục đào tạo của lực lượng Quân đội và chính quyền địa phương trên địa bàn nơi đây.

Đơn vị tính: %



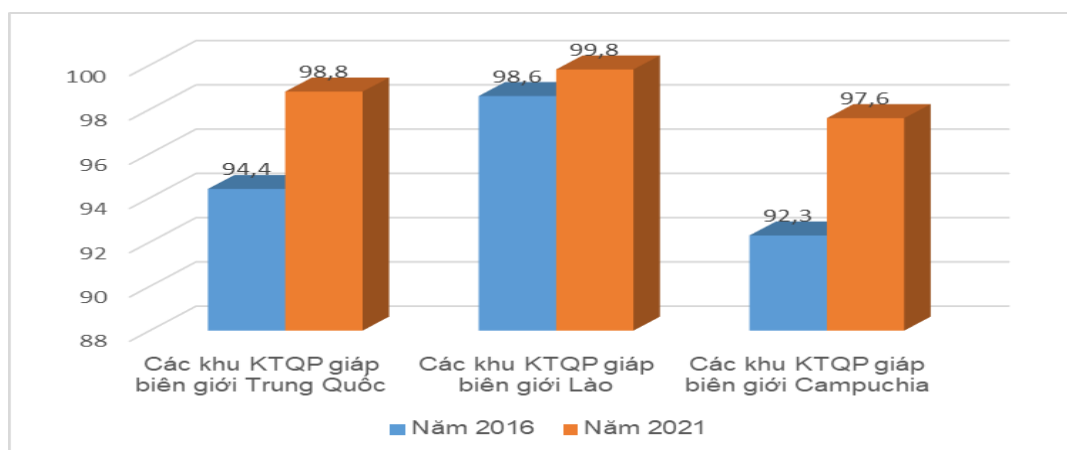
Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ người lớn biết chữ

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

(2) Về tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường

Giai đoạn 2016 - 2021, các Khu KTQP có tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đến trường ở mức cao và có xu hướng tăng dần; năm 2021, cả 3 nhóm Khu KTQP đều có tỷ lệ bình quân đạt trên 97% (xem tại Biểu đồ 3.5). Một số Khu KTQP năm 2016 có tỷ lệ dưới 90% như Khu KTQP Mường Chà, Khu KTQP Phong Thổ... nhưng đến năm 2021, đều đã tăng lên mức trên 96%. Điều này cho thấy, các Khu KTQP đã đạt được nhiều thành quả trong công tác giáo dục đối với trẻ em trên địa bàn, thể hiện những nỗ lực của chính quyền địa phương và các Đoàn KTQP trong việc thực hiện các chính sách về giáo dục đối với trẻ em vùng cao, vùng biên giới, vùng có điều kiện KTXH khó khăn của Nhà nước và BQP; trong bối cảnh kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn thì những kết quả tích cực này là rất đáng ghi nhận.

Đơn vị tính: %

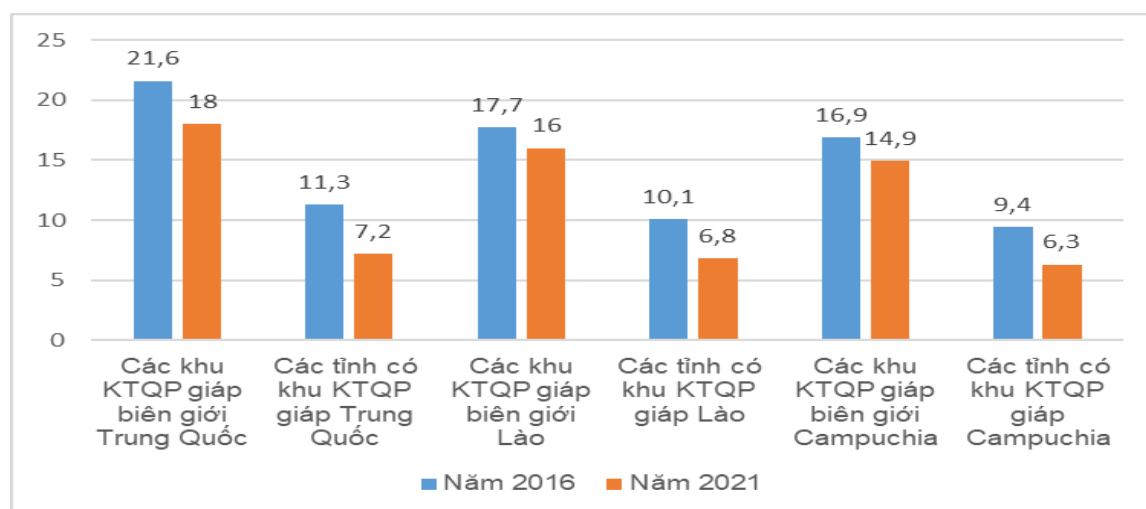
**Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đến trường**

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

3.2.3.4. Thực trạng về y tế, chăm sóc sức khỏe người dân**(1) Tỷ lệ trẻ em chết yểu**

Giai đoạn 2016 đến 2021, tuy có xu hướng giảm qua các năm từ 2016 đến 2021 nhưng nhìn chung tỷ lệ trẻ em chết yểu ở các Khu KTQP vẫn ở mức tương đối cao, cao hơn nhiều so với mặt bằng chung của tỉnh (xem tại Biểu đồ 3.6), đây là một điều rất đáng quan ngại trong chăm sóc sức khỏe trẻ sơ sinh.

Đơn vị tính: ‰

**Biểu đồ 3.6. Tỷ lệ trẻ em chết yểu tại địa bàn các Khu KTQP và của tỉnh có Khu KTQP**

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Nhóm các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc do điều kiện chăm sóc y tế hạn chế nên tỷ lệ trẻ em chết yếu bình quân cao hơn so với hai nhóm còn lại, một số Khu KTQP có tỷ lệ trẻ em chết yếu cao điển hình như: Khu KTQP Vị Xuyên (năm 2021: 28,6%), Khu KTQP Xí Mần (năm 2021: 20,9%). Tỷ lệ trẻ em chết yếu cao đã phản ánh khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và chất lượng chăm sóc y tế trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm gần đây vẫn còn nhiều hạn chế ở khía cạnh chăm sóc sức khỏe trẻ em.

(2) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng

Giai đoạn 2016-2021, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng địa bàn các Khu KTQP có xu hướng giảm dần qua các năm (xem tại Bảng số liệu 3.8). Điều này thể hiện sự hiệu quả của các chương trình, chính sách về y tế được thực hiện trên địa bàn các Khu KTQP thời gian qua. Tuy vậy, so với mặt bằng chung của địa phương có Khu KTQP thì tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng địa bàn các Khu KTQP còn ở mức cao hơn rất nhiều, hầu hết cao hơn gấp đôi so với địa bàn tỉnh.

Bảng 3.8. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng trên địa bàn các Khu KTQP và của tỉnh

Đơn vị tính: %

TT	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc (i)	21,6	17,5
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Trung Quốc (ii)	7,8	5,8
	<i>So sánh (iii = i - ii)</i>	13,8	11,7
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào (i)	22,1	17,6
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Lào (ii)	7,5	5,7
	<i>So sánh (iii = i - ii)</i>	14,6	11,9
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia (i)	22,4	17,3
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Campuchia (ii)	7,0	5,3
	<i>So sánh (iii = i - ii)</i>	15,4	12,0

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

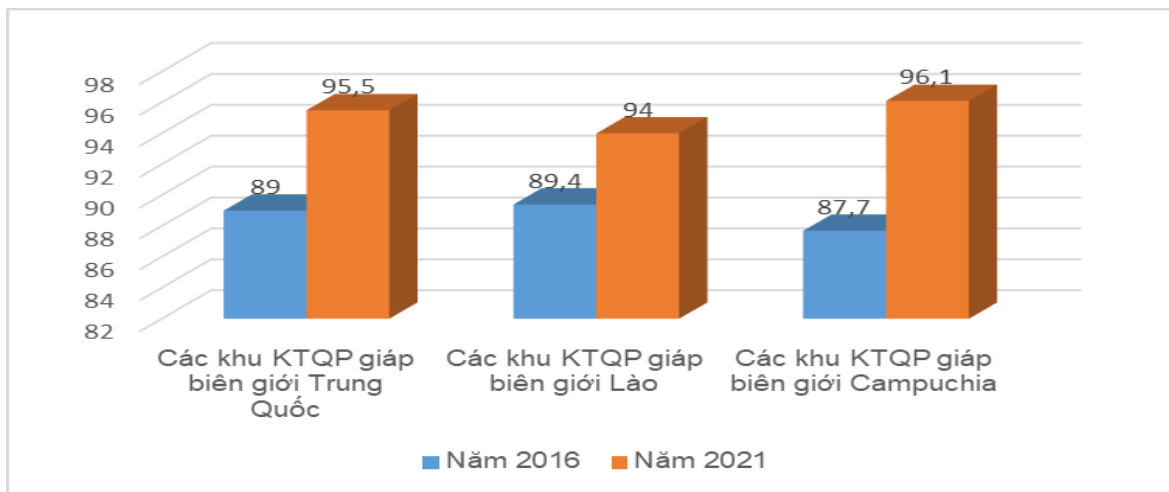
Một số Khu KTQP có tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cao (trên 20%) như Khu KTQP Mường Chà, Khu KTQP Khe Xanh, Khu KTQP Easup; các Khu

KTQP còn lại hầu hết tỷ lệ dao động trong khoảng từ 15% đến dưới 20%. Những số liệu nêu trên cho thấy việc quan tâm đến sức khỏe trẻ em và chế độ dinh dưỡng của trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng biên giới ở các Khu KTQP vẫn còn nhiều hạn chế.

(3) Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế

Có thể thấy, giai đoạn 2016-2021, các Khu KTQP đã đạt được những kết quả tích cực trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ khi tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế đã tăng dần qua từng năm (xem tại Biểu đồ 3.7). Nếu năm 2016, các nhóm Khu KTQP đều có tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế ở mức dưới 90% thì đến năm 2021, tỷ lệ này tại các nhóm Khu KTQP đều đã đạt trên 94%, trong đó một số Khu KTQP có tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế đạt trên 98% như: Khu KTQP Bình Liêu - Quảng Hà - Móng Cái, Khu KTQP Tân Hồng. Có được kết quả trên là do các đoàn KTQP đã phối hợp với y tế địa phương tích cực nâng cao hiệu quả công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân thông qua hoạt động của các bệnh xá quân dân y kết hợp và đạt được nhiều kết quả tích cực.

Đơn vị tính: %



Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế

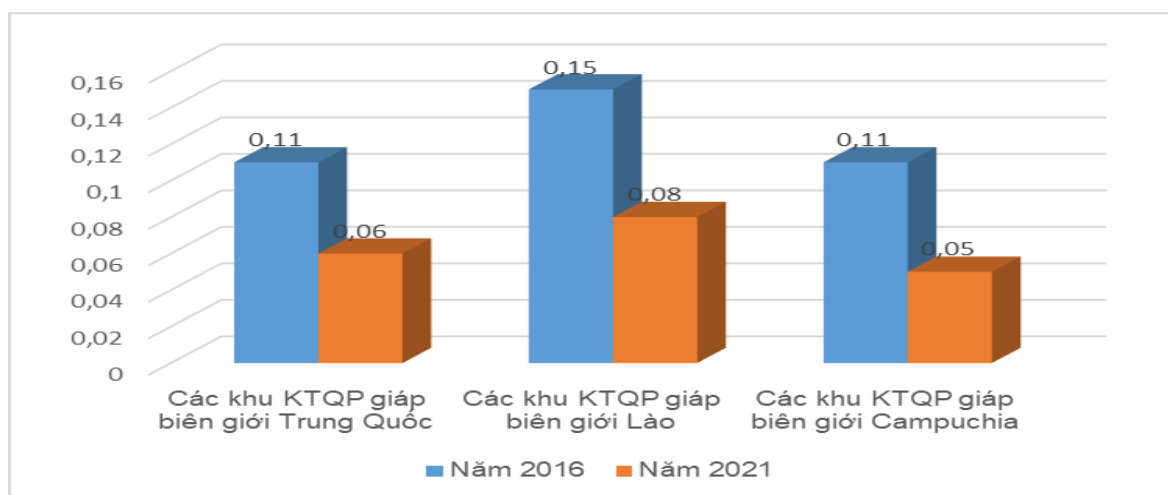
Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

(4) Tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản

Tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản địa bàn các Khu KTQP đã giảm đáng kể trong giai đoạn 2016-2021. Năm 2016, tỷ lệ này tại các nhóm

Khu KTQP trong khoảng từ 0,11% đến 0,15% nhưng năm 2021 đã giảm xuống trong khoảng từ 0,05% đến 0,08% (xem tại Biểu đồ 3.8). Đây là dấu hiệu tích cực của chính sách y tế nói chung, chăm sóc sức khỏe đối với phụ nữ khi sinh nói riêng tại địa bàn các Khu KTQP. Ngoài ra, kết quả này cũng cho thấy sự thay đổi tích cực trong tập tục sinh đẻ của người dân trên địa bàn các Khu KTQP khi đã sử dụng dịch vụ y tế thay vì sinh đẻ truyền thống như trước, điển hình như: Khu KTQP Vị Xuyên (0,03%, năm 2021), Khu KTQP Xín Mần từ (0,03%, năm 2021). Tuy nhiên, bên cạnh đó, tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản tại một số Khu KTQP vẫn còn ở mức cao như KTQP Mường Chà (0,11%, năm 2021), Khu KTQP Quảng Sơn (0,12%, năm 2021). Và nếu so sánh với mặt bằng chung của cả nước thì tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản của các Khu KTQP vẫn cao hơn con số trung bình của cả nước (năm 2021 là 0,046% (UNFPA, 2021)). Điều này cho thấy, trên địa bàn các Khu KTQP vẫn cần phải tiếp tục thực hiện tốt hơn các chính sách về y tế để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ.

Đơn vị tính: %



Biểu đồ 3.8. Tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

(5) Số con bình quân trong một gia đình

Tình trạng sinh nhiều con của các hộ gia đình tại các Khu KTQP đã có những chuyển biến theo dấu hiệu tích cực. Từ tỷ lệ sinh con trung bình năm

2016 ở mức cao (trên 3 con/hộ) tại đa số các Khu KTQP thì đến năm 2021, tỷ lệ này đã giảm đi đáng kể, phần lớn các Khu KTQP có tỷ lệ dưới 3 con/hộ (xem tại Bảng 3.9). Đây là kết quả tích cực của công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình nhằm ổn định dân cư, góp phần giảm thiểu gánh nặng cho người dân và nâng cao chất lượng cuộc sống, trình độ dân trí và nhận thức của người dân bản.

Bảng 3.9. Số con bình quân trong một gia đình trên địa bàn các Khu KTQP

Đơn vị tính: Người/gia đình

T T	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	3,42	2,86	-0,56
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	3,62	3,02	-0,6
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	3,34	2,70	-0,64

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

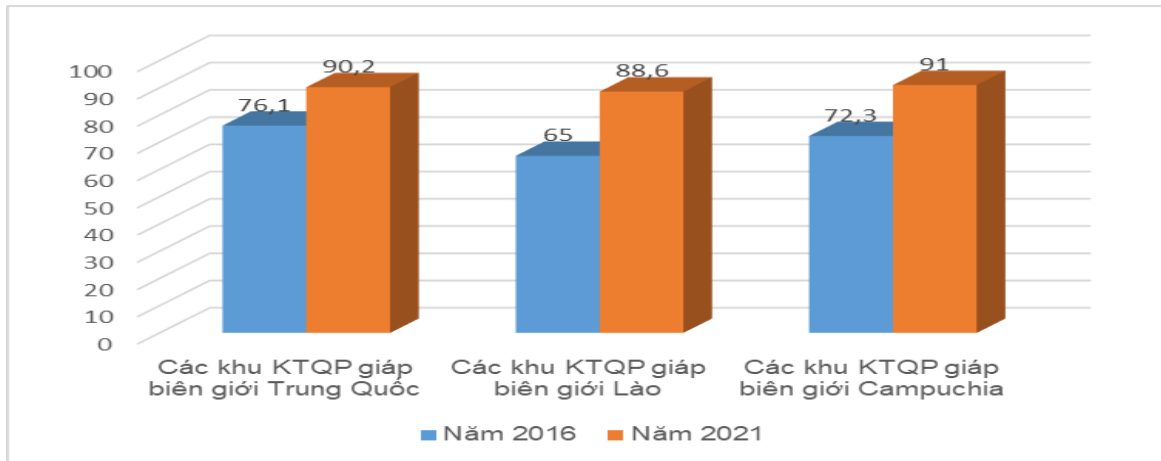
Bên cạnh đó, còn nhờ sự quan tâm của các cấp ủy đảng của Đoàn KTQP và chính quyền địa phương đã thường xuyên quán triệt, tuyên truyền động viên bà con, đồng bào nơi thôn bản có ý thức trách nhiệm trong chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, bài trừ những hủ tục lạc hậu, quan điểm sai trái trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực kế hoạch hóa dân số.

(6) Tỷ lệ người dân được tham gia BHYT

Tỷ lệ người dân được tham gia BHYT trên địa bàn các Khu KTQP đã gia tăng đáng kể trong giai đoạn 2016-2021 (xem tại Biểu đồ 3.9). Năm 2016, tỷ lệ người dân tham gia BHYT bình quân của 03 nhóm Khu KTQP chỉ đạt trong khoảng từ 65% đến 76%. Tuy nhiên, tỷ lệ này đã được tăng dần qua các năm và có sự đồng đều tương đối giữa các nhóm Khu KTQP, bình quân đạt khoảng từ 88% đến 91% năm 2021. Một số Khu KTQP đạt tỷ lệ cao (trên 95%) như: Khu KTQP Bình đoàn 15, Khu KTQP Bình đoàn 16. Khu KTQP Mường Chà có tỷ lệ thấp nhất khi tỷ lệ người dân tham gia BHYT ở địa bàn này mới chỉ đạt 65%. Sự gia tăng của chỉ số này cho thấy, nhận thức, tư duy và quan điểm của người dân về BHYT đã dần thay đổi theo chiều hướng tích

cực. Cùng với đó là chủ trương, chính sách về phát triển đối tượng tham gia BHYT, tiến tới bao phủ BHYT toàn dân đã được thực thi có hiệu quả.

Đơn vị tính: %



Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ người dân trên địa bàn các Khu KTQP được tham gia BHYT

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

3.2.3.4. Thực trạng sử dụng nước hợp vệ sinh, đảm bảo vệ sinh môi trường

Người dân trên địa bàn các Khu KTQP cũng có đặc điểm tương tự như nông thôn các tỉnh vùng núi, các xã biên giới khi sử dụng nguồn khe suối là chủ yếu, giếng khoan, giếng đào ít được sử dụng và việc khoan, đào giếng chưa đúng quy cách nên ảnh hưởng đến chất lượng nước. Ở các Khu KTQP, mô hình nhà ở chủ yếu là nhà sàn, phía dưới nhà sàn thường chăn nuôi gia súc nên không có hệ thống thoát nước. Nước mưa và nước bẩn chủ yếu là tự thấm và chảy tràn xuống các khu vực trũng. Người và gia súc sống trong cùng một môi trường, trong khi nhà vệ sinh xây dựng không đảm bảo vệ sinh nên đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn nước và sức khỏe của người dân.

Nhìn chung, tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh tại các Khu KTQP hiện nay còn thấp và không đồng đều; nhóm các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc có tỷ lệ cao hơn so với 02 nhóm còn lại (xem tại Bảng 3.10), điển hình như Khu KTQP Bát Xát, Khu KTQP Bình Liêu - Quảng Hà - Móng

Cái. Các Khu KTQP này đã thực hiện tốt các chương trình cấp nước sạch nông thôn của UNICEF, chương trình 134 cấp nước sạch cho người nghèo dưới hình thức cấp nước tập trung cho cụm dân cư bằng nguồn nước sông, suối, ao, hồ..., giếng khoan xử lý và khử trùng trước khi đưa vào sử dụng. Ngoài ra, các Đoàn KTQP trên địa bàn cũng đã thực hiện các dự án xây dựng công trình cấp nước như giếng đào lắp bơm tay, giếng cải tạo, lu, bể chứa nước mưa để khai thác và sử dụng các nguồn nước sẵn có tại địa phương.

Bên cạnh đó, tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch tại một số Khu KTQP giáp Lào và Campuchia vẫn còn ở mức thấp, như: Khu KTQP Easup (38%), Khu KTQP Nam Quảng Bình (60%). Ở những địa bàn này, một bộ phận người dân vẫn còn sử dụng nước tự chảy, mó nước, máng lần, giếng đào, lu, bể chứa nước mưa, hoặc sử dụng nước sông, suối, khe, ao, hồ trực tiếp mà không qua xử lý nên nước sinh hoạt chưa đảm bảo vệ sinh; hệ thống cấp nước còn thiếu, chưa đồng bộ và chưa hoàn chỉnh.

Bảng 3.10. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn các Khu KTQP và của tỉnh

Đơn vị tính: %

TT	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc (i)	71,6	90,7
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Trung Quốc (ii)	74,4	88,6
	<i>So sánh (iii=i-ii)</i>	-2,8	2,1
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào (i)	50	77,6
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Lào (ii)	63,4	88
	<i>So sánh (iii=i-ii)</i>	-13,4	-10,4
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia (i)	57,4	79,3
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Campuchia (ii)	73,1	84,1
	<i>So sánh (iii=i-ii)</i>	-15,7	-4,8

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

* Ngoài những phân tích qua số liệu thứ cấp nêu trên, qua kết quả khảo sát 430 hộ dân (Phụ lục 10.1) cho thấy, hầu hết người dân trên địa bàn các Khu KTQP đồng ý và rất đồng ý (chiếm tỷ lệ lên tới 93,45%) với nhận định

rằng các vấn đề về tiến bộ xã hội trong thời gian qua đã được bảo đảm tốt hơn, biểu hiện bằng sự giảm đi của tình trạng nghèo đói, tình trạng thiếu việc làm... Tỷ lệ người dân rất không đồng ý và không đồng ý là 0%. Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân theo phương diện tích cực là 4,38 (trên thang đo 5) với độ lệch chuẩn là 0,61.

Theo kết quả tham vấn ý kiến chuyên gia, hầu hết (97%) các chuyên gia là cán bộ cơ quan chức năng của BQP, Đoàn KTQP và lãnh đạo địa phương được tham vấn cho rằng, thời gian qua, các mặt về đời sống xã hội của người dân đã có sự chuyển biến rõ rệt và tích cực như: Tình trạng nghèo đói giảm dần, người dân có nhiều cơ hội có việc làm, trẻ em được đi học, chăm sóc y tế, người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, điện lưới quốc gia... Theo TS Lê Thành Công, Cục Kinh tế/BQP, các Đoàn KTQP cùng với lực lượng Bộ đội Biên phòng đã tích cực phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt các dự án, chương trình mục tiêu để cải thiện các vấn đề xã hội của người dân trên địa bàn các Khu KTQP, so với trước khi thành lập các Khu KTQP thì giờ đây, người dân các thôn, bản trên địa bàn đã có cuộc sống ấm no, ổn định hơn (chi tiết kết quả tham vấn chuyên gia tại Phần II Phụ lục 3).

3.2.4. Thực trạng bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

3.2.4.1. Bảo đảm các vấn đề về an ninh biên giới

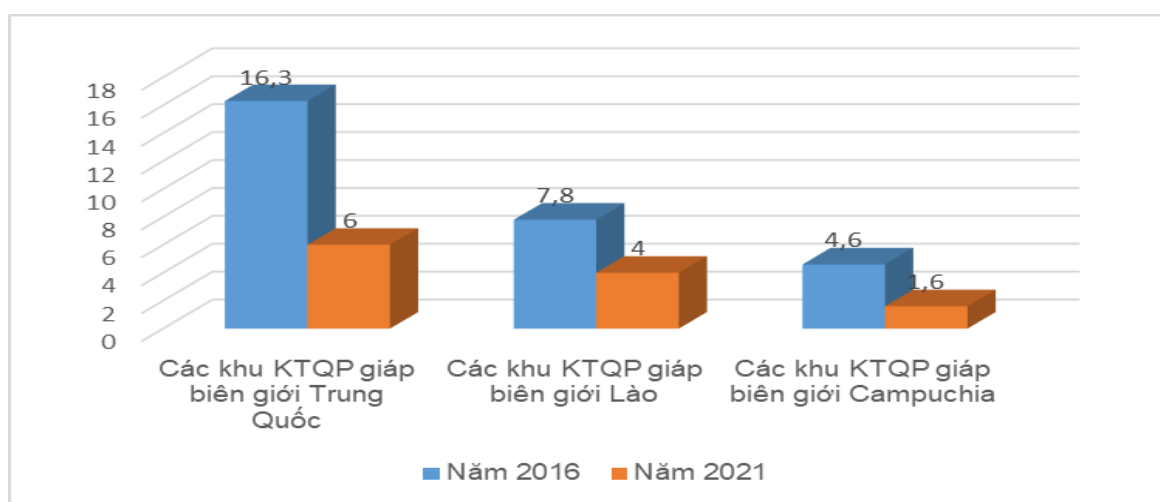
1) Về tình trạng vượt biên và xâm nhập biên giới trái phép

Số vụ vượt biên và xâm nhập biên giới trái phép trên địa bàn các Khu KTQP giai đoạn 2016-2021 có sự khác nhau theo vị trí bố trí. Số vụ vượt biên tập trung nhiều ở địa bàn Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc, ít hơn đối với địa bàn các Khu KTQP giáp Campuchia (xem tại Biểu đồ 3.10). Một số khu Khu KTQP giáp biên giới với Trung Quốc có số vụ vượt biên trái phép cao có thể kể đến như Khu KTQP Mẫu Sơn (Lạng Sơn), Khu KTQP Bình Liêu – Quảng Hà (Quảng Ninh).

Mặt tích cực đó là số vụ vượt biên trên địa bàn các Khu KTQP nhìn chung có xu hướng giảm rõ rệt vào giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021. Trong giai đoạn này, kinh tế nói chung và đời sống của người dân trên địa bàn

các Khu KTQP đã có chuyển biến tích cực, người dân có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để PTKT tại địa phương, thu nhập của người dân trên địa bàn dần tăng lên. Từ đó, người dân đã dần thay đổi tư tưởng cũng như quan điểm du canh, du cư và ổn định đời sống để làm ăn, sinh sống, xây dựng kinh tế trên chính địa bàn các Khu KTQP. Ngoài ra, các Đoàn KTQP đã phối hợp với chính quyền địa phương làm tốt công tác tuyên truyền để người dân trên địa bàn không tiếp tay cho người nước ngoài vượt biên và xâm nhập biên giới trái phép; kịp thời phát hiện và ngăn chặn các trường hợp vi phạm.

Đơn vị tính: Vụ/01 Khu KTQP



Biểu đồ 3.10. Số vụ vượt biên và xâm nhập biên giới trái phép

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

2) Về tình trạng bắt cóc, buôn người qua biên giới

Giai đoạn 2016-2021, số vụ bắt cóc, buôn bán người ở các Khu KTQP gần biên giới đặc biệt là các tỉnh biên giới phía Bắc đã có mức độ giảm rõ rệt (xem tại Bảng 3.11). Các Khu KTQP giáp biên giới Lào trong những năm gần đây không xảy ra tình trạng bắt cóc và buôn bán người trái phép (như: Khu KTQP Mường Lát, Khu KTQP Kỳ Sơn...). Một số ít các Khu KTQP chỉ còn xảy ra 1, 2 vụ nhỏ lẻ. Đây là một trong những kết quả tích cực minh chứng cho sự tham gia có hiệu quả của các Đoàn KTQP trong việc tuyên truyền, giữ gìn ổn định trật tự an ninh quốc phòng tại các khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa của đất nước.

Bảng 3.11. Số vụ bắt cóc, buôn người qua biên giới*Đơn vị tính: Vụ/01 Khu KTQP*

TT	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	3,9	0,9
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	1,2	0,0
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	2,0	0,1

*Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP***3) Về tình trạng buôn bán ma túy qua biên giới**

Thời gian qua, địa bàn các Khu KTQP đã xảy ra tương đối nhiều các vụ buôn bán ma túy qua biên giới, tập trung nhiều nhất tại các Khu KTQP giáp biên giới với Trung Quốc, nơi mà có địa hình phức tạp, nhiều cửa khẩu hoạt động, số vụ buôn bán ma túy qua biên giới gấp đôi 02 nhóm còn lại (xem tại Bảng 3.12), điển hình như Khu KTQP Mẫu Sơn (35 vụ năm 2016, 12 vụ năm 2021), Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm (23 vụ năm 2016, 9 vụ năm 2021).

Tuy nhiên, dấu hiệu tích cực đó tình trạng buôn bán ma túy có xu hướng giảm nhanh trong giai đoạn 2016-2021, số vụ bình quân của các nhóm Khu KTQP giảm gần 1/2. Điều này cho thấy, an ninh chính trị trên địa bàn các Khu KTQP đã dần được ổn định và có dấu hiệu tích cực hơn qua, điển hình như Khu KTQP Kỳ Sơn, Khu KTQP Khe Sanh, Khu KTQP Tân Hồng, Khu KTQP Tứ Giác Long Xuyên...

Bảng 3.12. Số vụ buôn bán ma túy qua biên giới*Đơn vị tính: Vụ/01 Khu KTQP*

TT	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	20,2	10,9
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	10,4	5,2
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	9,9	5,6

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

3.2.4.2. Bảo đảm trật tự an toàn xã hội

1) Về tình trạng biểu tình trái phép

Giai đoạn 2016-2021, tình trạng biểu tình tại các Khu KTQP xảy ra không đáng kể, phần lớn các Khu KTQP không có vụ biểu tình xảy ra (xem tại Bảng 3.13). Năm 2016-2017, một số vụ biểu tình xảy ra tại các Khu KTQP thuộc Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 (giáp Campuchia) xuất phát từ vấn đề mâu thuẫn giữa người dân với chính quyền trong quá trình giao đất sản xuất và đất ở cho đồng bào trong vùng dự án, dẫn đến khiếu kiện và biểu tình. Tuy nhiên những năm gần đây, các mâu thuẫn và khúc mắc về cơ bản đã được giải quyết nên các vụ biểu tình gần như không còn xảy ra; ngày càng tạo được sự đồng thuận, đoàn kết giữa quân và nhân dân trong nỗ lực PTKT cũng như xây dựng chính trị vững chắc tại các Khu KTQP.

Bảng 3.13. Số vụ biểu tình trái phép

Đơn vị tính: Vụ/01 Khu KTQP

TT	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	1,1	0
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	1	0
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	1,7	0,2

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

2) Về tình trạng bạo loạn gây mất an ninh chính trị xã hội

Nhìn chung, tình trạng bạo loạn gây mất trật tự an ninh chính trị xã hội trên địa bàn các Khu KTQP chỉ xảy ra rất nhỏ lẻ, không đáng kể (xem tại Bảng 3.14). Số vụ binh quân của cả 03 nhóm Khu KTQP trong giai đoạn 2016-2018 đều dưới 01 vụ/khu. Đây là giai đoạn tiến hành đầu tư xây dựng một số dự án mới có liên quan đến việc phân chia sắp xếp đất đai của người dân, các thế lực thù địch đã lợi dụng cơ hội này để chống phá, lôi kéo đồng bào dân tộc gây rối trật tự. Tuy nhiên, các Đoàn KTQP cùng với các lực lượng vũ trang trên địa bàn và chính quyền địa phương đã có nhiều giải pháp giúp tình hình an ninh trật tự trên địa bàn các Khu KTQP dần đi vào nề nếp. Từ năm 2019 đến 2021,

trên địa bàn các Khu KTQP đã không còn xảy ra các vụ biểu tình, bạo loạn gây rối trật tự an ninh xã hội, tình hình an ninh chính trị xã hội được ổn định.

Bảng 3.14. Số vụ bạo loạn gây mất an ninh chính trị xã hội

Đơn vị tính: Vụ/01 Khu KTQP

TT	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	0,4	0,0
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	0,3	0,0
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	0,7	0,0

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

3) *Về tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại bị xử lý trên địa bàn các Khu KTQP và của tỉnh*

Do có đặc thù giáp biên giới, địa bàn các Khu KTQP là một trong những địa bàn cũng thường xuyên xảy ra tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại. Số vụ bị xử lý năm 2016 bằng 20% - 30% của tỉnh; trong đó các Khu KTQP giáp Trung Quốc có số vụ bị xử lý bình quân cao nhất (chiếm 27,6% so với tỉnh). Các Khu KTQP nằm trên địa bàn gần biên giới phía Bắc và phía Tây Nam nơi gần các cửa khẩu có số lượng các vụ buôn lậu và gian lận thương mại cao hơn so với các khu vực khác. Tuy nhiên, xét trong giai đoạn 2016 - 2021, tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn các Khu KTQP cũng đã có xu hướng giảm rõ rệt (xem tại Bảng 3.15). Một số Khu KTQP có số vụ vi phạm không đáng kể và chiếm tỷ lệ nhỏ so với địa phương (dưới 10%) như Khu KTQP Mường Chà, Khu KTQP Sông Mã, Khu KTQP Kỳ Sơn. Điều này cho thấy, các Đoàn KTQP cùng với Bộ đội Biên phòng trên địa bàn các Khu KTQP đã phát huy tốt vai trò trách nhiệm trong việc tuyên truyền nhân dân thực hiện nghiêm đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phối hợp kiểm soát tốt các vụ việc vi phạm, góp phần ổn định trật tự, chính trị, an ninh quốc phòng trên địa bàn, thúc đẩy giúp đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa ổn định đời sống của người dân.

Bảng 3.15. Số vụ buôn lậu, gian lận thương mại bị xử lý trên địa bàn các Khu KTQP và của tỉnh

Đơn vị tính: Vụ/01 Khu KTQP

TT	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc (i)	16,9	7,6
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Trung Quốc (ii)	61,2	47,2
	<i>So sánh (iii = i : ii)</i>	27,6%	16,1%
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào (i)	7,8	3,8
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Lào (ii)	37,6	25
	<i>So sánh (iii = i : ii)</i>	20,7%	15,2%
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia (i)	6,1	2,9
	Các tỉnh có Khu KTQP giáp Campuchia (ii)	24,6	18,3
	<i>So sánh (iii = i : ii)</i>	25,0%	15,6%

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

4) Về tình trạng xâm canh, xâm cư

Địa bàn khu KTQP có phạm vi rộng, bao gồm nhiều diện tích đất rừng, đồi núi, thường xuyên xảy ra tình trạng người dân di cư tự do, xâm canh, xâm cư. Tuy nhiên, có thể thấy, quy mô và mức độ nghiêm trọng đã có xu hướng giảm, được thể hiện qua số hộ xâm canh, xâm cư trên địa bàn các khu KTQP đã giảm nhanh từ năm 2016 đến 2021 (xem tại Bảng 3.16). Có được kết quả này là nhờ tới sự nỗ lực, kiên trì và tích cực tuyên truyền, vận động của các Đoàn KTQP và chính quyền địa phương. Nhiều hộ gia đình sau khi được tuyên truyền đã đồng ý ký cam kết tự giác rời khỏi khu vực đất xâm lấn trái phép, trở về các điểm dân cư hợp pháp đã được bố trí theo các dự án để sinh sống, trồng trọt, chăn nuôi.

Bảng 3.16. Số vụ xâm canh, xâm cư trên địa bàn các Khu KTQP

Đơn vị tính: Hộ/01 Khu KTQP

TT	Khu KTQP	Năm 2016	Năm 2021
1	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	15,5	2,9
2	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào	19,9	5,6
3	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	16,6	8,1

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Các khu KTQP giáp biên giới Campuchia có địa bàn phức tạp, vẫn còn nhiều tình trạng xâm canh, xâm cư, tranh chấp đất đai xảy ra chưa được giải quyết triệt để (Khu KTQP Binh đoàn 15, Khu KTQP Binh đoàn 16).

* Ngoài những phân tích qua số liệu thứ cấp nêu trên, qua kết quả khảo sát 430 người dân trên địa bàn các Khu KTQP (Phụ lục 10.1), có thể thấy, hầu hết (chiếm tỷ lệ lên tới 96,83%) người dân trên địa bàn các Khu KTQP đồng ý và rất đồng ý với nhận định rằng các vấn đề về QPAN, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian qua đã được bảo đảm tốt hơn, biểu hiện bằng sự giảm đi của tình trạng biểu tình trái phép, vượt biên trái phép, buôn lậu thương mại... Tỷ lệ người dân rất không đồng ý và không đồng ý là 0%. Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân theo phương diện tích cực là 4,43 (trên thang đo 5) với độ lệch chuẩn chỉ là 0,56.

Theo kết quả tham vấn chuyên gia, hầu hết (97%) ý kiến các chuyên gia là cán bộ cơ quan chức năng của BQP, Đoàn KTQP và lãnh đạo địa phương được tham vấn cho rằng, tình hình QPAN, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các Khu KTQP thời gian qua đã được bảo đảm tốt. Theo ý kiến của Đoàn trưởng các Đoàn KTQP 4, Đoàn KTQP 799, Đoàn KTQP 959, cán bộ thuộc các Đoàn KTQP đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân chấp hành, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nên tình trạng biểu tình, vượt biên, bạo loạn, buôn bán ma túy trên địa bàn giảm đi rõ rệt so với giai đoạn trước đây (chi tiết kết quả tham vấn chuyên gia tại Phần II Phụ lục 3).

3.3. PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

3.3.1. Xác định mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

3.3.1.1. Mô hình sử dụng để đánh giá

Từ mô hình lý thuyết và thực tế sử dụng của các tác giả trước đây, trên cơ sở xác định các nhân tố ảnh hưởng sau khi tham vấn ý kiến chuyên gia (chi

tiết tại Phụ lục 3); để đánh giá được mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng này đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam, luận án sử dụng mô hình hồi quy sau:

$$KKT = \alpha + \beta_1 \cdot TN + \beta_2 \cdot HT + \beta_3 \cdot DT + \beta_4 \cdot DD + \beta_5 \cdot LD + \beta_6 \cdot CN + \beta_7 \cdot CS + \beta_8 \cdot QH + \beta_9 \cdot DP + \beta_{10} \cdot HC + \beta_{11} \cdot VH + \beta_{12} \cdot MH + \beta_{13} \cdot QD + \varepsilon$$

Trong đó:

- *Biến phụ thuộc*: KKT (phát triển kinh tế).

- *Các biến độc lập (các biến thuộc nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP)*: TN (Đặc điểm tự nhiên của Khu KTQP); HT (Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất); DT (Vốn đầu tư); DD (Sở hữu đất của người dân); LD (Lao động); CN (Khoa học và công nghệ); CS (Cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước và Quân đội); QH (Quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP); DP (Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương); HC (Cải cách hành chính); VH (Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội); MH (Các mô hình PTKT trong các Khu KTQP); QD (Sự tham gia của Quân đội).

- α : là hệ số chặn của hàm hồi quy;

- $\beta_1, \beta_2, \dots, \beta_9, \beta_{10}, \beta_{11}, \beta_{12}, \beta_{13}$: là các hệ số thể hiện sự ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc;

- ε : Sai số ngẫu nhiên.

Từ cơ sở lý luận về các nhân tố ảnh hưởng đã nêu ở chương 2, tác giả giả thuyết rằng các nhân tố ảnh hưởng đều có mối quan hệ thuận chiều với phát triển kinh tế trên địa bàn các khu KTQP (chi tiết các giải thuyết của mô hình phân tích tại Phụ lục 7).

3.3.1.2. Các biến đại diện, biến quan sát trong mô hình

Từ nội dung tổng quan các công trình đã nghiên cứu trước đây đã trình bày tại Chương 1 và cơ sở lý luận tại Chương 2, sau khi tham vấn ý kiến chuyên gia (chi tiết tại Phụ lục 3); tác giả xây dựng các biến quan sát của biến đại diện (biến độc lập và biến phụ thuộc) để làm cơ sở xác định

thang đo của PTKT và các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, cụ thể:

1) Biến quan sát của biến phụ thuộc (phát triển kinh tế)

Từ mô hình đề xuất trên cho thấy, biến độc lập (biến KKT) trong mô hình thể hiện thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Biến độc lập này có 3 biến đại diện, mỗi biến đại diện lại có 6 - 9 quan sát. Tổng cộng số biến quan sát của biến phụ thuộc là 23 biến (chi tiết các biến nêu tại Phụ lục 8).

2) Biến quan sát của các biến độc lập (các nhân tố ảnh hưởng)

Từ mô hình đề xuất trên cho thấy, mô hình đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP có 13 biến độc lập. Mỗi biến độc lập có từ 4 - 6 biến quan sát. Vậy, tổng cộng số biến quan sát của 13 biến độc lập là 64 biến (chi tiết các biến nêu tại Phụ lục 9).

3.3.2. Kiểm định và kết quả sử dụng mô hình phân tích nhân tố ảnh hưởng

3.3.2.1. Kiểm định mô hình hồi quy phân tích các nhân tố ảnh hưởng

Như đã trình bày ở Chương 1, tác giả tiến hành khảo sát với 430 phiếu điều tra đối với đối tượng là người dân địa phương trên địa bàn các Khu KTQP nhằm thu thập những thông tin, hiểu biết, quan điểm cá nhân về các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT tại địa bàn các Khu KTQP. Sau quá trình điều tra, thu thập số liệu, tác giả sử dụng phần mềm SPSS và các công cụ phân tích kinh tế lượng để thống kê, đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố ảnh hưởng.

(1) Kiểm định Cronbach's Alpha:

Mục đích của phân tích Cronbach's Alpha là kiểm định độ tin cậy thang đo và dữ liệu khảo sát nhằm đánh giá sự tương quan giữa các biến quan sát là các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP trong phiếu khảo sát để xem các biến quan sát trong cùng một nhân tố ảnh hưởng có quan hệ chặt chẽ với nhau trong việc cùng đo lường mức độ ảnh hưởng của nhân tố kiểm định đó đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP hay không. Hầu hết các nhà nghiên cứu chấp nhận mức Cronbach's Alpha từ 0,8 trở lên là tốt; từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được và nếu các khái niệm trong câu hỏi là mới thì hệ số này chỉ cần trên 0,6. Với mức Cronbach's Alpha lớn hơn hoặc bằng 0,8 thì thang đo được xem là đo lường tốt, các câu hỏi trong phiếu khảo sát được thiết kế chặt chẽ, các thang đo thực sự có tương quan với nhau đạt được độ tin cậy cao.

Với nghiên cứu của luận án, trên cơ sở dữ liệu thu thập được, tác giả đã mã hóa và nhập dữ liệu vào phần mềm SPSS 22.0 và thực hiện các kiểm định đối với các thang đo của 13 biến độc lập là các nhân tố ảnh hưởng đến điểm PTKT trên địa bàn các Khu KTQP đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP (biến phụ thuộc). Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha đối với các biến phụ thuộc và biến độc lập chi tiết tại Phụ lục 10.3.

Sau khi kiểm định thang đo cho từng nhân tố, 4 nhân tố bị loại gồm: Sở hữu đất của người dân (DD), Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương (DP), Cải cách hành chính (HC), Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội (VH) do có hệ số Cronbach alpha khá nhỏ (<0.6). 09 nhân tố còn lại có hệ số Cronbach alpha đều lớn hơn 0.6 (với riêng nhân tố HT, cần loại hai biến HT4 và HT5 thì mới cho hệ số Cronbach's alpha > 0.6) là phù hợp, đáng tin cậy, có ý nghĩa thống kê và đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá EFA đối với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

(2) Phân tích nhân tố khám phá EFA:

Trên cơ sở kiểm định độ tin cậy và mối tương quan bằng Cronbach's Alpha, luận án tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA đối với các biến độc lập, kết quả thu được như sau:

Bảng 3.17. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy		0.657
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	16378.734
	Df	861
	Sig.	0.000

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy mô hình)

Theo bảng KMO và Bartlett's Test ta có hệ số KMO = $> 0,5$ (lớn hơn mức tối thiểu để đảm bảo phân tích EFA thích hợp) và mức Sig của kiểm định Bartlett's là $0,000 < 0,05$ có nghĩa là các biến có tương quan trong tổng thể. Như vậy, phân tích EFA đối với các biến độc lập là thực sự có ý nghĩa.

Trên cơ sở kết quả tổng biến thiên của dữ liệu được giải thích tại Phụ lục 10.4 và ma trận xoay nhân tố tại Phụ lục 10.5, luận án đã rút ra được 08 nhân tố có ảnh hưởng tới PTKT và 08 nhân tố này giải thích 72,489% tổng thể dữ liệu. Trong đó, nhân tố TN và HT gộp thành 1 nhân tố, các nhân tố còn

lại khá chụm lại và có ý nghĩa để chạy hồi quy. Có 01 biến quan sát bị loại là HT3 do có chỉ số component trong ma trận xoay nhỏ hơn 0.5. Kết quả phân tích nhân tố khám phá là cơ sở để xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính các nhân tố ảnh hưởng tới biến phụ thuộc PTKT.

3.4.2.2. Phân tích hồi quy và kết quả sử dụng mô hình

Để thực hiện phân tích hồi quy, luận án đã tiến hành tính giá trị trung bình để đại diện cho biến phụ thuộc và các biến độc lập. Kết quả phân tích hồi quy đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP thu được như sau:

Bảng 3.18. Kết quả phân tích hồi quy

Coefficients^a					
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	B	Std. Error	Beta		
1 (Constant)	4.364	0.007		623.022	0.000
TN,HT	0.022	0.007	0.106	3.175	0.002
QH	0.062	0.007	0.297	8.868	0.000
QD	0.082	0.007	0.393	11.736	0.000
MH	0.061	0.007	0.290	8.660	0.000
CN	0.040	0.007	0.190	5.671	0.000
DT	0.049	0.007	0.234	6.991	0.000
LD	0.048	0.007	0.230	6.875	0.000
CS	0.060	0.007	0.286	8.539	0.000

a. Dependent Variable: KKT

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy mô hình)

Phương trình hồi quy tuyến tính:

$$\text{PTKT} = 4.364 + 0.082 \cdot \text{QD} + 0.061 \cdot \text{MH} + 0.062 \cdot \text{QH} + 0.022 \cdot \text{TN,HT} + 0.048 \cdot \text{LD} + 0.060 \cdot \text{CS} + 0.040 \cdot \text{CN} + 0.049 \cdot \text{DT}$$

Hệ số Sig. của các biến quan trong bảng hồi quy đều nhỏ hơn 0.01 nên hệ số hồi quy của các biến quan sát đều có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%. Và hệ số hồi quy của các biến độc lập đều dương cho ta thấy các giả thuyết ban đầu là đúng.

Trong các hệ số hồi quy, biến QD có giá trị hệ số hồi quy lớn nhất (0.082), cho thấy tác động của biến QD lớn nhất đến PTKT. Sau đó đến biến

QH (0.062) và MH (0.061), là các biến ảnh hưởng khá lớn đến PTKT. Biến tác động nhỏ nhất là biến TN, HT với hệ số hồi quy 0.022.

Bảng 3.19. Hệ số xác định R^2

Model Summary^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0.750 ^a	0.562	0.554	0.1400816	1.854

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy mô hình)

Từ bảng Model Summary ta có R bình phương hiệu chỉnh là 0.554, cho biết 8 nhân tố ảnh hưởng 55.4% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 44.6% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

Bảng 3.20. Kết quả kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy

ANOVA^a						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	9.864	8	1.233	62.833	.000 ^b
	Residual	7.673	391	.020		
	Total	17.536	399			

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy mô hình)

Giá trị Sig của kiểm định F là 0.000 < 0.05. Như vậy, mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng được phù hợp với tổng thể.

Theo kết quả tại Bảng 3.20 ở trên, $k'=8$, $n = 400$; sau khi tra bảng được $dU = 1.735$, do $dU < 1.854 < 4-dU$ ($1.735 < 1.854 < 2.265$) nên không có sự tương quan chuỗi bậc nhất trong mô hình.

Kết luận về mô hình:

Sau khi chạy kiểm định thang đo, 4 nhân tố bị loại: Sở hữu đất của người dân (DD), Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương (DP), Cải cách hành chính (HC), Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội (VH), riêng với nhân tố Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất (HT) ta loại 2 biến là HT4 và HT5. Còn lại 9 nhân tố được sử dụng để phân tích nhân tố khám phá EFA thì có 2 nhân tố TN và HT gộp thành 1 nhân tố

chính, một số biến quan sát có chỉ số component nhỏ hơn 0.5 bị loại ra khỏi mô hình để tăng độ tin cậy. Mô hình sau hồi quy tuyến tính đa biến ta được kết quả: Tất cả các biến độc lập đều tác động đến biến phụ thuộc PTKT ở mức ý nghĩa 1%. Trong đó, mức độ ảnh hưởng theo thứ tự giảm dần là QD (0.082) > QH(0.062) > MH(0.061) > CS(0.060) > DT (0.049) > LD (0.048) > >CN (0.040) > TN,HT (0.022). Các hệ số hồi quy đều có giá trị dương cho thấy sự tác động thuận chiều của biến độc lập lên biến phụ thuộc, kết quả này cũng phù hợp với giả thuyết nghiên cứu.

Một số kết quả kiểm định mô hình cho thấy sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính là phù hợp, không có hiện tượng quan chuỗi.

3.3.3. Phân tích đặc điểm và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố từ kết quả sử dụng mô hình

3.3.3.1. Sự tham gia của Quân đội

Sự tham gia của Quân đội là một trong các yếu tố có ảnh hưởng tốt đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Theo kết quả kiểm định và kết quả mô hình hồi quy cho thấy, sự tham gia của Quân đội có mức ảnh hưởng là 0,082, đây là mức ảnh hưởng lớn nhất trong số 9 nhân tố có ý nghĩa thống kê trong mô hình.

Theo số liệu thống kê biến quan sát (QD) từ kết quả khảo sát (Phụ lục 10.2), đa số người dân đồng ý và hoàn toàn đồng ý (chiếm tỷ lệ lên tới 74,05%) với nhận định Quân đội đã có sự tham gia tốt trong PTKT trên địa bàn Khu KTQP trong thời gian qua với điểm số trung bình là 4,00 (theo thang đo 5). Tuy nhiên, đi vào cụ thể từng nội dung đối với nhân tố sự tham gia của Quân đội thì vẫn còn những mặt hạn chế nhất định. Theo đánh giá của người dân, sự hỗ trợ người dân xóa đói giảm nghèo vẫn chưa thực sự hiệu quả (điểm số trung bình của biến QD4 chỉ là 3,41), sự hỗ trợ người dân phát triển sản xuất vẫn còn chưa thực sự hiệu quả (điểm số trung bình của biến QD5 chỉ là 3,4).

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm đầu tư, xây dựng Khu KTQP của Bộ Quốc phòng, sự tham gia của Quân đội trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP khá đa dạng như trực tiếp tham gia sản xuất và thực hiện vai trò dẫn dắt quá trình sản xuất thông qua hoạt động của Đoàn KTQP có pháp nhân kinh tế (công ty và tổng công ty); tham gia hỗ trợ người dân thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh thông qua hoạt động của Đoàn KTQP không có pháp nhân kinh tế; thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu KTQP; hỗ

trợ nhân dân xóa đói giảm nghèo; thực hiện công tác dân vận; thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ biên giới quốc gia. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, trong thời gian qua, sự tham gia của Quân đội đối với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP vẫn còn tồn tại một số nội dung sau:

(i) Công tác vận động tuyên truyền nhân dân còn chưa thường xuyên, chưa hiệu quả, cán bộ làm công tác dân vận chưa có nghiệp vụ, chưa hiểu biết sâu về lĩnh vực tuyên truyền, chưa thực sự tìm hiểu sâu, nắm vững phong tục, tập quán, tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào;

(ii) Nhận thức của một số lãnh đạo, chỉ huy các cấp chưa thật sự toàn diện, một số đơn vị có thời điểm còn coi trọng hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản; xem nhẹ các nhiệm vụ chính trị khác được giao như công tác dân vận, hỗ trợ dân phát triển sản xuất, kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng thế trận QP - AN, xây dựng khu vực phòng thủ..., vấn đề này chủ yếu tồn tại ở một số Khu KTQP giáp biên giới Campuchia.

(iii) Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách chưa kịp thời, thiếu tính chủ động; chưa kịp thời nghiên cứu, hướng dẫn triển khai thực hiện sau khi cơ chế, chính sách mới được ban hành.

(iv) Phối hợp thiếu chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác quy hoạch dẫn đến một số dự án trong Khu KTQP có quy hoạch chồng lấn với các dự án của địa phương hoặc việc lồng ghép kém hiệu quả;

(v) Việc bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư còn chưa đồng bộ; việc thống kê, phân loại, đánh giá các hộ nghèo, lập mô hình và các biện pháp xóa đói, giảm nghèo cho các nhóm hộ chưa triệt để và hiệu quả. Trong quá trình giúp đồng bào xóa đói, giảm nghèo, chưa tổ chức tốt thực hiện dịch vụ hai đầu (cung ứng vật tư, giống, hướng dẫn kỹ thuật, tạo điều kiện để nhân dân tiêu thụ, trao đổi sản phẩm đầu ra) dẫn đến còn những hạn chế trong thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo theo Quyết định 135/CP của Thủ tướng Chính phủ.

(vi) Sự phối hợp giữa các Đoàn KTQP với BCHQS một số tỉnh còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Khu KTQP. Ngoài ra, việc phối hợp với chính quyền địa phương trong thực hiện công tác dân vận cũng chưa được quan tâm đúng mức làm ảnh hưởng đến việc nắm tình hình địa bàn và giải quyết các tình huống xảy ra trên địa bàn Khu KTQP.

(vii) Việc kiểm tra, đánh giá hiệu quả, mục tiêu các dự án, công trình theo quy hoạch chưa sâu sát; đánh giá tác động của cơ chế chính sách chưa kịp thời; công tác sơ, tổng kết chưa thường xuyên.

3.3.3.2. Quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP

Thời gian qua, công tác lập quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP đã được các Đoàn KTQP phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương thực hiện tương đối chặt chẽ và hiệu quả. Thông qua triển khai thực hiện quy hoạch, các bản định cư đều được xây dựng nhà văn hóa, lớp học, với gần 2.500 trường, lớp được xây mới và sửa chữa; hoàn thành xây dựng hàng trăm tuyến đường giao thông các loại; công trình cấp điện, cấp nước, công trình thủy lợi cùng nhiều công trình khác thiết yếu khác. Các công trình hạ tầng sau khi xây dựng xong đều được bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng đúng quy định; khai thác, sử dụng hiệu quả, gắn chặt với quy hoạch của địa phương và các điểm dân cư, hỗ trợ cho nhiệm vụ phát triển KT-XH địa phương.

Theo kết quả kiểm định và kết quả mô hình hồi quy cho thấy, công tác lập quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP (QH) là một trong các yếu tố có ảnh hưởng lớn đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP (hệ số Beta thể hiện mức độ ảnh hưởng là 0,062), đây là nhân tố có ảnh hưởng lớn thứ hai trong số 9 nhân tố có ý nghĩa thống kê trong mô hình. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê từ kết quả khảo sát (Phụ lục 10.2) thì người dân chưa thực sự hài lòng về công tác quy hoạch trên địa bàn Khu KTQP (có tới 24,15% người dân được khảo sát không hài lòng). Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân tương đối thấp (3,2 theo thang đo 5). Đi vào cụ thể, các nội dung quy hoạch chưa được người dân hài lòng như: Quy hoạch bố trí đất ở, nhà ở (3,18 điểm), quy hoạch đất trồng trọt, chăn nuôi (3,23 điểm), quy hoạch công trình giao thông (3,21 điểm).

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm đầu tư, xây dựng Khu KTQP cũng cho thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác quy hoạch và triển khai quy hoạch vẫn còn một số mặt còn tồn tại như:

(i) Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi, thủy sản, phát triển rừng... chưa thật sự gắn kết với việc tạo hạ tầng, thiết bị chiến trường, các cụm phòng ngự liên hoàn, bảo đảm cho tỉnh giữ tỉnh; huyện, thị giữ huyện, thị; làng, bản

giữ làng, bản và phối hợp tác chiến của KVPT tỉnh. Quy hoạch hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản còn thiếu hiệu quả, chưa được chú trọng và phát huy được nội lực phát triển của vùng; quy hoạch hỗ trợ tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, hỗ trợ thương mại và du lịch còn mang tính hình thức, chưa đảm bảo tính khả thi.

(ii) Tiến độ xây dựng các Khu KTQP còn chậm so với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Còn có một số nội dung quy hoạch chưa đồng bộ với các quy hoạch của địa phương nên dẫn tới chồng chéo như giao thông, du lịch; một số dự án đầu tư xây dựng trong quy hoạch xác định sử dụng vốn địa phương để duy tu, bảo dưỡng nhưng sau một thời gian sử dụng không bố trí được nguồn lực để thực hiện.

(iii) Việc quy hoạch Khu KTQP, xây dựng cụm bản, bản định cư còn chưa chú trọng đến phong tục, tập quán, văn hóa từng dân tộc nên chưa phát huy hiệu quả, điển hình tại một số Khu KTQP giáp biên giới Campuchia như: Khu KTQP Easup, Khu KTQP Tứ giác Long Xuyên; vai trò tham mưu của cơ quan quản lý ngành chưa được phát huy rõ nét...

3.3.3.3. Các mô hình phát triển kinh tế trong các Khu KTQP

Thời gian qua, cùng với chính quyền địa phương, các Đoàn KTQP đã phối hợp triển khai thực hiện một số mô hình PTKT trong Khu KTQP như: Mô hình Quân đội giúp dân làm kinh tế; mô hình Quân đội trực tiếp làm kinh tế trên địa bàn; mô hình đưa trí thức trẻ tình nguyện lên vùng dự án giúp dân PTKT... Các mô hình đều có chung mục tiêu đó là hỗ trợ đồng bào trong vùng dự án xóa đói, giảm nghèo làm mục tiêu hàng đầu, từ đó xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc; góp phần xây dựng Khu KTQP, phát triển KTXH, củng cố QPAN.

Trong đó, mô hình Quân đội giúp dân làm kinh tế là mô hình phổ biến nhất và có hiệu quả nhất, đã hỗ trợ tốt cho người dân trong trồng trọt, chăn nuôi, kỹ thuật canh tác, sản xuất. Theo Báo cáo tổng kết 10 năm đầu tư, xây dựng các Khu KTQP, từ năm 2016 đến năm 2021, các Đội sản xuất thuộc Đoàn KTQP đã xây dựng được 67 mô hình sản xuất, chăn nuôi, tổ chức 357 lớp tập huấn, hướng dẫn về kỹ thuật (trồng lúa nước, cây ăn quả, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm). Các mô hình được triển khai đã tạo đòn bẩy PTKT trên địa bàn các Khu KTQP cũng như tạo thành quả để dẫn dắt sự phát triển của toàn Khu KTQP. Trên cơ sở đó, nhằm tạo động lực phát triển sản

xuất, cung cấp sản phẩm có giá trị kinh tế cao cho xã hội, vừa đầu tư tạo điều kiện phát triển, phân bố lại dân cư, tạo thế bố trí quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới. Các mô hình sản xuất tập trung được thực hiện thông qua tuyển dụng nhân lực địa phương trong hoạt động lao động, sản xuất tại đơn vị, doanh nghiệp Quân đội trên địa bàn Khu KTQP, đặc biệt ưu tiên con em đồng bào dân tộc. Cùng với đó là tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn quy trình kỹ thuật thâm canh cây công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị cao để góp phần xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn.

Theo kết quả kiểm định và kết quả mô hình hồi quy cho thấy, mô hình PTKT trong các Khu KTQP (MH) là một trong các nhân tố có ảnh hưởng lớn đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP (hệ số Beta thể hiện mức độ ảnh hưởng là 0,061), đây là nhân tố có ảnh hưởng lớn thứ ba trong số 9 nhân tố có ý nghĩa thống kê trong mô hình. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê từ kết quả khảo sát (Phụ lục 10.2) thì người dân chưa thực sự hài lòng về mô hình PTKT trên địa bàn Khu KTQP (có tới 21,7% người dân được khảo sát không hài lòng). Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân thấp (2,97 theo thang đo 5). Đi vào cụ thể, các nội dung về mô hình PTKT chưa được người dân hài lòng như: Mô hình trồng trọt, chăn nuôi (2,97 điểm), mô hình hỗ trợ hai đầu (3,02 điểm), mô hình khuyến nông, khuyến lâm (2,91 điểm)...

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm đầu tư, xây dựng Khu KTQP cũng cho thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì các mô hình PTKT tập trung tại các Khu KTQP đã đưa vào triển khai thực hiện nhiều năm song vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định như giá thành nông sản không ổn định, một số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, việc hỗ trợ phát triển hai đầu còn nhiều hạn chế, nhiều mô hình sản xuất, khuyến công, khuyến nông, chế biến nông sản, lâm sản, dịch vụ hai đầu đã được hình thành nhưng phạm vi ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân vùng dự án còn hạn hẹp, nhất là đối với các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc và Lào.

Ngoài ra, mô hình PTKT hợp tác xã vẫn còn hạn chế như: Việc tổ chức sản xuất của hợp tác xã nông nghiệp còn chậm đổi mới cho phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường. Nhận thức về bản chất và vai trò của hợp tác xã trong nông nghiệp chưa phù hợp dẫn tới với mô hình PTKT hợp tác xã chưa phát huy tác dụng và hiệu quả. Đa số các hợp tác xã chỉ cung cấp một số đầu vào cho xã viên như giống, phân bón, thức ăn, nhưng phần lớn chưa chú trọng đến

vấn đề xã viên quan tâm nhất đó là tiêu thụ sản phẩm của hộ xã viên (đầu ra). Chất lượng, hiệu quả hoạt động và lợi nhuận của các hợp tác xã còn thấp (ước tính chỉ có khoảng 10% số hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn các Khu KTQP mang lại hiệu quả, còn lại hoạt động không hiệu quả, cầm chừng hoặc phải ngừng hoạt động, lợi nhuận bình quân hằng năm thấp). Ngoài ra, một số hợp tác xã không còn khả năng hoạt động, muốn giải thể nhưng gặp phải những rào cản liên quan tới vốn góp, tài sản, công nợ của hợp tác xã được chuyển sang từ giai đoạn trước; một số địa phương cố giữ lại những hợp tác xã làm ăn không hiệu quả để đáp ứng tiêu chí về xây dựng nông thôn mới... là những lý do chính khiến một số số hợp tác xã dù đã ngừng hoạt động nhưng chưa giải thể được.

3.3.3.4. Cơ chế, chính sách của Nhà nước

Các cơ chế, chính sách của Nhà nước là nhân tố quan trọng trong việc tiếp cận các nguồn lực phát triển, tiếp cận các dịch vụ công của người dân trên địa bàn các Khu KTQP. Thời gian vừa qua, Nhà nước đã ban hành và thực hiện nhiều cơ chế, chính sách đối với các Khu KTQP, mang lại nhiều hiệu quả đối với PTKT như: Cơ chế đầu tư, chính sách đãi ngộ về tiền lương, phụ cấp, hỗ trợ y tế, giáo dục, phương tiện, nhà ở... đối với các Đoàn KTQP, doanh nghiệp QPAN, lực lượng trí thức trẻ tình nguyện, người lao động, công nhân làm việc trong Khu KTQP.

Theo kết quả kiểm định và kết quả mô hình hồi quy cho thấy, cơ chế, chính sách của Nhà nước là một trong các nhân tố có ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP (hệ số Beta thể hiện mức độ ảnh hưởng là 0,049). Theo số liệu thống kê biến quan sát (CS) từ kết quả khảo sát (Phụ lục 10.2) thì đa số người dân đồng ý và hoàn toàn đồng ý (chiếm tỷ lệ lên tới 74,05%) với nhận định cơ chế, chính sách trong PTKT trên địa bàn Khu KTQP là phù hợp, với điểm số trung bình là 4,2 (theo thang đo 5). Tuy nhiên, đi vào cụ thể từng nội dung đối với nhân tố cơ chế, chính sách thì vẫn còn những mặt hạn chế nhất định. Theo đánh giá của người dân, cơ chế hỗ trợ người dân phát triển sản xuất vẫn chưa thực sự phù hợp (điểm số trung bình của biến CS3 chỉ là 3,58), chính sách xóa đói, giảm nghèo vẫn chưa thực sự hiệu quả (điểm số trung bình của biến CS4 chỉ là 3,64).

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm triển khai xây dựng Khu KTQP giai đoạn 2001 - 2021 của BQP, thực tế, một số cơ chế, chính sách của Nhà nước đối với PTKT các Khu KTQP chưa được triển khai có hiệu quả như: Hỗ trợ phát triển

sản xuất, khuyến công; hỗ trợ người dân định canh, định cư, di dân... Việc đầu tư vào địa bàn các Khu KTQP chưa có tính trọng điểm, chưa có những dự án mang tính mũi nhọn, chính sách đầu tư chủ yếu là đầu tư cho cơ sở hạ tầng, các dự án nâng cao năng lực sản xuất cho người dân còn ít. Chưa có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân các Khu KTQP, tăng số lượng và nâng cao trình độ y, bác sĩ, nâng cao chất lượng trang thiết bị phục vụ khám, chữa bệnh... Ngoài ra, các chính sách về nâng cao khả năng tiếp cận nước sạch cũng chưa phát huy tác dụng ở một số địa bàn nên người dân vẫn phải sử dụng các nguồn nước tự nhiên chưa qua xử lý (nước mưa, nước suối...) cho mục đích sinh hoạt, điển hình là tại một số Khu KTQP giáp Lào và Campuchia (như: Khu KTQP Khe Sanh, Khu KTQP Easup...).

Về cơ chế hỗ trợ tài chính đối với Khu kinh tế - quốc phòng quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính, theo Báo cáo của các Đoàn KTQP, sau gần 06 năm thực hiện, các cơ chế hỗ trợ tài chính đối với các Đoàn KTQP, doanh nghiệp QPAN tham gia hoạt động xây dựng Khu KTQP đã bộc lộ một số hạn chế như: (1) Chưa quy định về việc hỗ trợ trang bị các phương tiện phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai; (2) Chưa quy định về hỗ trợ kinh phí mua thuốc khám chữa bệnh cho dân đối với các đội sản xuất làm nhiệm vụ tuyên truyền, bám dân; (3) Chưa có quy định về hỗ trợ kinh phí đối với các bệnh viện, bệnh xá để bảo quản, sửa chữa trang bị y tế; (4) Một số mức hỗ trợ chưa đáp ứng đủ nhu cầu chi, chưa phù hợp với thực tế (kinh phí mua thuốc khám, chữa bệnh cho dân đối với bệnh viện, bệnh xá; kinh phí mua xăng dầu cho các đội sản xuất).

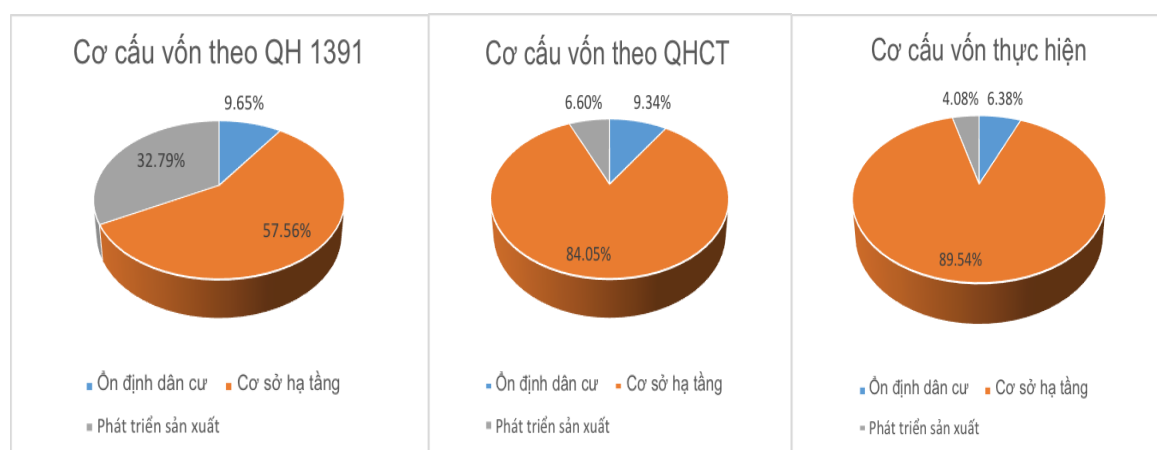
3.3.3.5. Vốn đầu tư và khả năng tiếp cận tín dụng của người dân

Theo kết quả kiểm định và kết quả mô hình hồi quy cho thấy, vốn đầu tư và khả năng tiếp cận tín dụng của người dân (DT) là một trong các nhân tố có ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP (hệ số Beta thể hiện mức độ ảnh hưởng là 0,049). Tuy nhiên, qua tổng hợp kết quả khảo sát (Phụ lục 10.2), người dân chưa thực sự hài lòng về việc huy động, sử dụng vốn đầu tư và khả năng tiếp cận tín dụng của người dân trên địa bàn Khu KTQP (có tới 19,9% ý kiến không hài lòng và rất không hài lòng). Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân theo phương diện tích cực là không cao (3,36 theo thang đo 5). Người dân cho rằng, nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước còn chưa đáp ứng được so với nhu cầu thực tiễn (điểm số trung bình của DT1 chỉ là 3,1), hiệu quả sử dụng vốn đầu tư còn chưa cao (điểm số trung bình của DT4 là 3,35) và việc tiếp cận tín dụng của người dân cũng chưa thực

sự thuận lợi (điểm số trung bình của DT5 là 3,38). Điều này cho thấy, vốn đầu tư và khả năng tiếp cận tín dụng của người dân trên địa bàn các Khu KTQP vẫn còn những hạn chế nhất định cần phải cải thiện.

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm đầu tư, xây dựng các Khu KTQP của BQP và số liệu thống kê của Cục Tài chính/BQP, Cục Kinh tế/BQP, quy mô vốn đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu KTQP trong thời gian qua tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Trong giai đoạn 2013 đến 2021, vốn thực tế được bố trí từ ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng Khu KTQP chỉ đạt 43,24% (2.615 tỷ đồng/6.048 tỷ đồng) so với quy hoạch. Bên cạnh đó, việc bố trí vốn đầu tư hằng năm tính theo tỷ lệ vốn thực tế được bố trí so với quy hoạch của các Khu KTQP cũng không đồng đều (Khu KTQP Sông Mã (25,08%), Bình đoàn 16 (19,59%), Phong Thổ (94,31%), Bắc Lâm Đồng (98,77%)...). Phần lớn các Khu KTQP được bố trí vốn hằng năm tương đối nhỏ giọt và không đều nên dẫn tới khó khăn trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, PTKT.

Ngoài ra, theo báo cáo của các Đoàn KTQP, vốn đầu tư của nhà nước cho các Khu KTQP tuy không lớn nhưng dàn trải (theo nhiều chương trình khác nhau và theo dự án, vốn được cấp theo kế hoạch ngân sách không phù hợp với tiến độ thực hiện dự án) và thứ tự ưu tiên còn chưa phù hợp với tình hình thực tế của từng Khu KTQP, chưa gắn với tính cấp thiết của dự án nên chưa có sự đồng thuận cao từ người dân và chính quyền địa phương. Nhiều hạng mục công trình còn có sự trùng lặp, phải điều chỉnh.



Biểu đồ 3.11. Cơ cấu vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho các Khu KTQP do BQP thực hiện

(Nguồn: Báo cáo của các Đoàn KTQP về tình hình phát triển KTXH trên địa bàn các Khu KTQP)

Theo biểu đồ 3.10 cho thấy, trong cơ cấu vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm tới 89,54%), tỷ trọng vốn đầu tư dành cho phát triển sản xuất là thấp nhất (chỉ chiếm 4,08%). Do chưa có nhiều sự ưu tiên trong đầu tư nên dẫn đến việc thực hiện các dự án phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo, hỗ trợ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, đào tạo nguồn lao động... không đạt được mục tiêu đặt ra

Về tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, hiện nay, hộ nghèo và cận nghèo trên địa bàn các Khu KTQP đã được tiếp cận các dòng tín dụng với lãi suất ưu đãi của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Dòng vốn này đã góp phần mang lại hiệu quả cao trong phát triển KTXH trên địa bàn các Khu KTQP, giúp người dân có nguồn vốn ổn định để trồng trọt, chăn nuôi, thoát nghèo và tiếp cận với các dịch vụ công thiết yếu. Bên cạnh đó, người dân cũng có thể tiếp cận với nhiều nguồn tín dụng phi chính thức khác dưới dạng tiền mặt hoặc đầu vào sản xuất (như phân bón, giống vật nuôi). Tuy nhiên, chi phí của các nguồn tín dụng phi chính thức này thường là cao, một số trường hợp là rất cao.

Nhìn chung, vốn đầu tư trên địa bàn các Khu KTQP phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn từ ngân sách trung ương với quy mô hạn chế. Khả năng tiếp cận tín dụng (cả chính thức và phi chính thức) của người dân và doanh nghiệp còn chưa đa dạng, chưa huy động được từ các nguồn: Ngân sách địa phương, từ nguồn tích lũy của dân và doanh nghiệp, vốn từ bên ngoài; các dự án chưa có sự lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển của các Bộ, ngành, khai thác nguồn vốn từ ngân sách địa phương.

3.3.3.6. Lao động

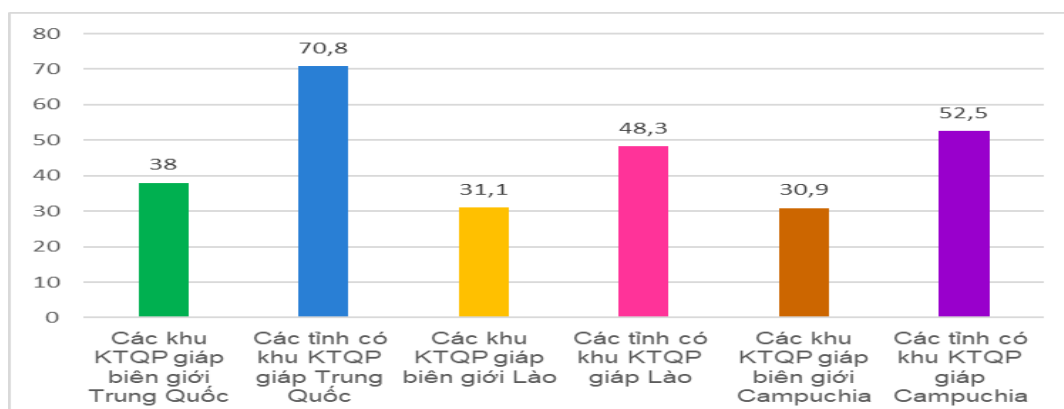
Theo kết quả kiểm định và kết quả mô hình hồi quy cho thấy, nhân tố lao động có ảnh hưởng nhất định đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP (hệ số Beta thể hiện mức độ ảnh hưởng là 0,048), đây là hệ số có giá trị ở ngưỡng trung bình trong số các nhân tố ảnh hưởng, thể hiện rằng mức độ ảnh hưởng của nhân tố lao động đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP không quá lớn.

Theo số liệu thống kê từ kết quả khảo sát (Phụ lục 10.2) thì đa số người dân đồng ý và hoàn toàn đồng ý (chiếm tỷ lệ 92,55%) với nhận định rằng yếu tố lao động trên địa bàn các Khu KTQP là tốt, đáp ứng với nhu cầu sử dụng, được thể hiện qua sự hài lòng về số lượng, trình độ, tay nghề của lực lượng lao động trên địa bàn...; điểm số trung bình theo đánh giá của người dân tương đối cao (4,47 theo thang đo 5); chỉ có 7,15% người dân đánh giá ở mức độ bình thường và 0,3% người dân không hài lòng về nhân tố lao động trên địa bàn. Cũng theo ý

kiến của người dân, trong thời gian qua, các Đoàn KTQP cùng với địa phương đã quan tâm và có những chính sách nhằm nâng cao trình độ dân trí, tăng cường các chương trình đào tạo tay nghề, bồi dưỡng lao động phổ thông.

Theo số liệu của Cục Kinh tế/BQP và Báo cáo của các Đoàn KTQP, thực tế hiện nay, các Khu KTQP đều có lực lượng lao động dồi dào với số lượng lớn (chiếm khoảng 40-45% dân số trên địa bàn). Tuy nhiên, chủ yếu là lao động hộ gia đình, không có trình độ chuyên môn, tỷ lệ lao động qua đào tạo tại các Khu KTQP nhìn chung vẫn còn thấp (chiếm dưới 40%) và tất cả các Khu KTQP đều có tỷ lệ thấp hơn nhiều so với địa phương (xem tại Biểu đồ 3.6). Một số Khu KTQP có khoảng cách giữa tỷ lệ lao động được đào tạo so với các địa phương trên toàn tỉnh còn lớn (30% - 40%) như: Khu KTQP Mường Chà, Khu KTQP Quảng Sơn...

Đơn vị tính: %



Biểu đồ 3.12. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo toàn tỉnh và tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tại địa bàn các Khu KTQP năm 2021

Nguồn: Cục Kinh tế/BQP và các Đoàn KTQP

Với lực lượng lao động về cơ bản còn thiếu kiến thức, kỹ năng, trình độ học vấn thấp, chưa có kinh nghiệm và chưa qua đào tạo nên thật khó để nâng cao năng suất lao động, PTKT. Thời gian qua, đã có một số dự án đào tạo lao động trên địa bàn các Khu KTQP được triển khai hoặc các khóa tập huấn do lực lượng tri thức trẻ tình nguyện thực hiện nhưng chưa đạt hiệu quả cao, có nơi chưa được chú trọng và quan tâm dẫn đến còn mang tính hình thức.

3.3.3.7. Khoa học và công nghệ

Theo kết quả kiểm định và kết quả mô hình hồi quy cho thấy, khoa học và công nghệ (CN) là một trong các nhân tố có ảnh hưởng đến PTKT trên địa

bàn các Khu KTQP (hệ số Beta thể hiện mức độ ảnh hưởng là 0,04). Đây là hệ số Beta có giá trị tương đối thấp trong số các nhân tố ảnh hưởng; điều đó thể hiện ảnh hưởng của nhân tố khoa học và công nghệ đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP là không quá lớn.

Qua tổng hợp kết quả khảo sát (Phụ lục 10.2), người dân không đánh giá cao về nhân tố khoa học công nghệ trong PTKT trên địa bàn Khu KTQP (chỉ có 45,2% ý kiến hài lòng về nhân tố này). Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân là không cao (chỉ là 3,32 theo thang đo 5). Người dân cho rằng, việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào trồng trọt, chăn nuôi chưa mang lại hiệu quả, việc tập huấn kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cho người dân trong thời gian qua cũng chưa được chính quyền quan tâm. Qua đánh giá của người dân cho thấy, việc ứng dụng khoa học và công nghệ trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP vẫn còn nhiều hạn chế.

Theo Báo cáo rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng các Khu KTQP đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Quốc phòng, thời gian qua, cùng với sự nỗ lực của các Đoàn KTQP cùng chính quyền địa phương thì địa bàn các Khu KTQP cũng đã từng bước ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, canh tác, trồng trọt để mang lại hiệu quả kinh tế cao. Cây giống, con giống được nghiên cứu, lựa chọn phù hợp với đặc điểm của từng vùng; một số địa bàn Khu KTQP giáp biên giới Campuchia đã hình thành nên các trang trại trồng trọt, chăn nuôi tập trung, có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, bên cạnh đó thì việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào PTKT trên địa bàn các Khu KTQP vẫn còn một số hạn chế nhất định như: Công nghệ sản xuất về cơ bản vẫn tương đối lạc hậu, trình độ thâm canh thấp, sản xuất theo lối quảng canh là phổ biến. Đặc biệt là chưa có nhiều các mô hình sản xuất hàm lượng khoa học công nghệ được ứng dụng đưa vào trồng trọt, chăn nuôi, chế biến. Các sản phẩm nông nghiệp tại một số Khu KTQP giáp biên giới Lào như: Khu KTQP Mường Lát, Khu KTQP Kỳ Sơn, Khu KTQP Khe Sanh... tuy đã được chế biến để tăng giá trị nhưng cơ bản là ở dạng chế biến thô và gia công, giá trị thấp, năng suất thấp, sản xuất manh mún (bột sắn dây, miếng dong giềng, chè...).

3.3.3.8. Đặc điểm tự nhiên, cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất

Theo kết quả kiểm định và kết quả mô hình hồi quy cho thấy, đặc điểm tự nhiên (TN), cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất (HT) là một trong các

nhân tố có ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP (hệ số Beta thể hiện mức độ ảnh hưởng là 0,022). Đây là hệ số Beta có giá trị thấp nhất trong số các nhân tố ảnh hưởng; điều đó thể hiện, ảnh hưởng của nhân tố đặc điểm tự nhiên, cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP là thấp hơn so với các nhân tố còn lại.

Qua tổng hợp kết quả khảo sát (Phụ lục 10.2), người dân không thực sự hài lòng về mặt tích cực mà đặc điểm tự nhiên (TN), cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất (HT) mang lại đối với PTKT trên địa bàn (chỉ có 69,2% ý kiến hài lòng về vị trí địa lý và 44,4% ý kiến hài lòng về cơ sở hạ tầng trên địa bàn). Điểm số trung bình theo đánh giá của người dân là không cao (chỉ là 3,67 đối với nhân tố TN và 3,94 đối với nhân tố HT). Nhiều ý kiến cho rằng, địa bàn các Khu KTQP không có vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên thuận lợi cho PTKT, thường xuyên xảy ra mưa, bão, sạt lở đất; bên cạnh đó, hạ tầng giao thông, trường học, trạm y tế, công trình thủy lợi cũng như hạ tầng điện lưới trên địa bàn vẫn còn thiếu về số lượng và chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân. Qua đó cho thấy, trên địa bàn các Khu KTQP còn có nhiều rào cản về đặc điểm tự nhiên, cơ sở hạ tầng làm ảnh hưởng đến PTKT.

Theo Báo cáo rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng các Khu KTQP đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Quốc phòng, địa bàn các Khu KTQP chủ yếu thuộc khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng núi có địa hình phức tạp thời tiết khắc nghiệt, hầu hết đều nằm ở vùng núi cao, rừng rậm, suối sâu hiểm trở, nhiều địa bàn thường xuyên xảy ra mưa bão, sạt lở đất, lũ quét và các rủi ro thiên tai khác, điển hình là các Khu KTQP giáp biên giới với Lào (Khu KTQP Mường Lát, Khu KTQP Kỳ Sơn, Khu KTQP Quảng Sơn). Ngoài ra, đối với địa bàn các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia như Khu KTQP Easup, Khu KTQP Bình đoàn 15 thì tình trạng khô hạn cũng là một loại rủi ro tự nhiên phổ biến khác thường xuyên xảy ra. Những bất lợi về vị trí địa lý đã ảnh hưởng đến nhiều mặt của PTKT trên địa bàn các Khu KTQP như kinh tế lạc hậu, tăng trưởng kinh tế thấp, TNBQ đầu người thấp, cơ cấu kinh tế lạc hậu, cùng với đó là khó khăn trong việc thực hiện các mục tiêu về xã hội như xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc sức khỏe y tế và khả năng tiếp cận nước sạch của người dân.

Ngoài ra, cơ sở hạ tầng trên địa bàn các Khu KTQP cũng chưa đầy đủ và đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế cho PTKT; về cơ bản, số lượng cơ sở hạ tầng được đầu tư còn hạn chế; hệ thống đường giao thông tuy

đã bố trí đến các trung tâm xã nhưng sự liên kết giữa các khu vực định cư chưa thực sự tốt, chưa đáp ứng nhu cầu đi lại trong vận chuyển hàng hóa và phát triển sản xuất; hệ thống hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất đã được đầu tư nhưng việc duy tu, bảo dưỡng còn hạn chế. Từ đó, dẫn tới những rào cản nhất định trong PTKT đối với địa bàn các Khu KTQP.

3.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

3.4.1. Những kết quả đạt được

1) Tăng trưởng kinh tế và TNBQ đầu người trên địa bàn các Khu KTQP từng bước được cải thiện theo hướng tích cực.

Các dự án đầu tư xây dựng Khu KTQP được triển khai đã mang lại nhiều điều kiện phát triển KTXH cho địa bàn các Khu KTQP, các nguồn lực cho phát triển như cơ sở hạ tầng, vốn, lao động... được bổ sung, tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Từ đó, địa bàn các Khu KTQP đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong tăng trưởng kinh tế. Tổng GTSX trên địa bàn các Khu KTQP đã có sự tăng trưởng nhất định (tăng bình quân từ 5%/năm đến 6%/năm), GTSX của các ngành kinh tế và các thành phần kinh tế đều tăng. TNBQ đầu người được cải thiện đáng kể (tăng bình quân từ 8%/năm đến 12%/năm), chất lượng cuộc sống của người dân nhìn chung ngày càng tốt hơn.

2) Cơ cấu ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực hơn

Cơ cấu ngành kinh tế địa bàn các Khu KTQP đã có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực; tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm dần (giảm khoảng 3 điểm %), tỷ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ tăng dần (tăng khoảng 2 điểm %). Bên cạnh đó, với nỗ lực hỗ trợ người dân phát triển sản xuất của các Đoàn KTQP thì kinh tế nông nghiệp tại các Khu KTQP cũng ngày càng phát triển bền vững, năng suất cao hơn so với trước. Đạt được kết quả đó có sự đóng góp không nhỏ từ việc bộ đội tham gia tích cực vào việc giúp người dân xây dựng các mô hình kinh tế trang trại, vườn đồi, chăn nuôi gia súc kết hợp với việc phân vùng kinh tế, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, việc phân bố dân cư, điều chỉnh lực lượng lao động, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất.

3) Các khía cạnh về xã hội có sự phát triển, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội của người dân ngày càng được nâng lên.

Quá trình phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP cũng đã đạt được nhiều thành tựu về tiến bộ xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân

dần được nâng cao. Tình trạng nghèo đói giảm nhanh (giảm từ 12 điểm % đến 20 điểm %) và dần thu hẹp khoảng cách với mặt bằng chung của tỉnh. Công tác giáo dục được Đoàn KTQP và chính quyền địa phương quan tâm, tỷ lệ người lớn biết chữ, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đến trường tăng nhanh qua từng năm, nhiều địa bàn đạt tỷ lệ gần 100%. Nhiều thành tựu đạt được trong chăm sóc sức khỏe, y tế đã thể hiện rõ nét những kết quả tích cực của quá trình PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Đó là, xu hướng giảm của tỷ lệ trẻ em chết yếu, trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng, tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản, số con bình quân trong một gia đình và xu hướng tăng đáng kể của tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế, tỷ lệ người dân được tham gia BHYT.

Ngoài ra, tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, điện lưới quốc gia ngày càng cao hơn qua từng năm, chất lượng cuộc sống của người dân được quan tâm, từng bước nâng lên. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng cũng dần được hoàn thiện với hệ thống đường nhựa liên xã, từ các thôn đến trung tâm của xã, hệ thống cầu đường và công trình thủy lợi, kênh mương ngày càng hoàn thiện và gia tăng.

4) Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Khu KTQP ổn định và được bảo đảm

Các đơn vị của Khu KTQP đã phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội địa phương, tổ chức tốt các hoạt động quản trị địa phương, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; tích cực đấu tranh phòng chống âm mưu của các thế lực thù địch, tỷ lệ các vụ biểu tình trái phép, bạo loạn giảm rõ nét; các hoạt động trái phép như buôn bán ma túy, vượt biên trái phép, gian lận thương mại, buôn lậu... đã giảm đáng kể. Tình hình chính trị xã hội trên địa bàn các Khu KTQP ngày càng được ổn định, củng cố vững chắc, tạo ra thế và lực tại chỗ, sẵn sàng phục vụ chiến đấu bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới.

3.4.2. Những tồn tại, hạn chế

1) TNBQ đầu người thấp và tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người còn chậm

TNBQ đầu người trên địa bàn các Khu KTQP tuy có gia tăng nhưng tốc độ tăng trưởng còn tương đối chậm và không có sự ổn định. Đây là đặc trưng

của sản xuất nông nghiệp nhỏ mang tính truyền thống, dễ bị tác động bởi các yếu tố tự nhiên như thời tiết, khí hậu, thiên tai... So với mặt bằng chung của địa phương có Khu KTQP thì mức TNBQ đầu người địa bàn các Khu KTQP còn thấp hơn nhiều (năm 2021, thấp hơn khoảng từ 14-22 triệu đồng/người/năm) và khoảng cách có xu hướng ngày càng bị nới rộng, tốc độ tăng thu nhập trên địa bàn các Khu KTQP cũng thấp hơn so với tốc độ tăng của tỉnh.

2) Cơ cấu kinh tế còn lạc hậu và chưa bền vững.

Tuy cơ cấu kinh tế ngành đã sự chuyển dịch tích cực nhưng nhìn chung cơ cấu kinh tế vẫn còn rất lạc hậu, nông - lâm nghiệp vẫn là ngành chủ đạo, chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu giá trị sản xuất (trên 85%). Tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu giá trị sản xuất tăng rất chậm và thiếu ổn định. So với cơ cấu ngành kinh tế của địa phương có Khu KTQP thì cơ cấu ngành kinh tế của Khu KTQP kém phát triển hơn rất nhiều.

- Trong nông nghiệp, cơ cấu sản phẩm có chuyển dịch nhưng vẫn chưa phát huy hết được tiềm năng sẵn có, chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa thực sự tương xứng với nguồn lực của các Khu KTQP. Kinh tế nông nghiệp trên địa bàn chưa phát triển đồng đều.

- Công nghiệp tuy đã có phát triển nhưng còn thiếu ổn định, giá trị sản xuất trong từng ngành, lĩnh vực còn nhỏ bé, sản xuất còn phân tán, công nghệ lạc hậu; khả năng cạnh tranh chưa cao, chưa thu hút được đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư từ ngân sách hạn hẹp, tích lũy của nền kinh tế gần như chưa có nên khó có thể chủ động để phát triển ngành công nghiệp.

- Ngành dịch vụ nói chung còn chưa phát triển, chưa được quan tâm và thực tế có nhiều rào cản như về trình độ dân trí ở vùng sâu vùng xa còn thấp, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật chưa được quan tâm, quan niệm về PTKT ngành dịch vụ còn hạn chế.

3) Một số mặt của tiến bộ xã hội còn hạn chế, thiếu bền vững

Trước hết, tình trạng nghèo đói địa bàn các Khu KTQP tuy có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao, tỷ lệ nghèo đói cao hơn nhiều so với tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh có Khu KTQP (năm 2021, các Khu KTQP giáp biên giới Lào có tỷ lệ cao hơn gần 40%) và tỷ lệ hộ nghèo bình quân của cả nước. Ngoài việc có tỷ lệ hộ nghèo cao thì việc giảm nghèo tại các xã trên địa bàn các Khu KTQP cũng chưa mang tính bền vững, tỷ lệ tái nghèo còn cao.

Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm cho người lao động trên địa bàn các Khu KTQP cũng tương đối phổ biến. Mức độ thiếu việc làm trầm trọng

hơn so với mặt bằng chung của địa phương nơi có các Khu KTQP (cao hơn khoảng 5 điểm % so với địa phương). Điều kiện kinh tế, xã hội cùng với những rào cản về địa lý, địa hình, giao thông đã làm giảm đi khả năng tiếp cận việc làm của người dân ở các địa bàn này.

Công tác chăm sóc sức khỏe đối với trẻ em cũng là một vấn đề đáng lưu tâm khi tình trạng trẻ em thấp còi, trẻ em chết yểu trên địa bàn các Khu KTQP vẫn tương đối phổ biến. So với mặt bằng chung của địa phương có Khu KTQP thì tỷ lệ trẻ em chết yểu, trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng địa bàn các Khu KTQP cao hơn trên 2 lần, đây là một điều rất đáng quan ngại tại địa bàn các Khu KTQP về công tác y tế.

Ngoài ra, tại một số Khu KTQP, hệ thống cấp nước trên địa bàn các Khu KTQP còn thiếu, chưa đồng bộ và chưa hoàn chỉnh, tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh tại một số Khu KTQP vẫn còn thấp, một bộ phận người dân vẫn còn phải sử dụng nước tự chảy, mớ nước, máng lần, giếng đào, lu, bể chứa nước mưa, hoặc sử dụng nước sông, suối, khe, ao, hồ trực tiếp mà không qua xử lý nên nước sinh hoạt chưa đảm bảo vệ sinh.

Nhìn chung, đời sống KTXH tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa thực sự có bước đột phá so với các địa bàn khác trên toàn tỉnh nơi có Khu KTQP. Đời sống vật chất, an sinh xã hội như giáo dục đào tạo, y tế có nhiều bước cải thiện nhưng chưa thật bền vững, lâu dài và thường xuyên.

4) Tình hình an ninh chính trị vẫn còn tiềm ẩn một số nguy cơ bất ổn, những vấn đề về mất trật tự an toàn xã hội chưa được khắc phục triệt để. Các thế lực thù địch tiếp tục tìm cách phá hoại với những thủ đoạn tinh vi xảo quyệt với việc mượn cớ những vướng mắc trong phân chia, thu hồi và dịch chuyển đất đai trong các Khu KTQP và người dân địa phương để tìm cách chống phá, tuyên truyền, lôi kéo đồng bào nhằm biểu tình, bạo loạn. Từ đó, có nguy cơ gây mất đoàn kết nội bộ và phá vỡ chuỗi liên kết vững chắc chính trị của Quân đội và nhân dân.

3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

3.4.3.1. Đặc điểm tự nhiên của các Khu KTQP không thuận lợi

Địa bàn các Khu KTQP chủ yếu thuộc khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng núi có địa hình phức tạp thời tiết khắc nghiệt, hầu hết đều nằm ở vùng núi cao, rừng rậm, suối sâu hiểm trở, nhiều địa bàn thường xuyên xảy

ra mưa bão, sạt lở đất, lũ quét và các rủi ro thiên tai khác; điển hình nhất là tại các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc và Lào. Điều kiện tự nhiên không thuận lợi đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn các Khu KTQP.

3.4.3.2. Các yếu tố về nguồn lực kinh tế - xã hội (vốn đầu tư, lao động, khoa học công nghệ, cơ sở hạ tầng) của các Khu KTQP còn hạn chế

1) Vốn đầu tư chưa đáp ứng đủ nhu cầu và cơ cấu còn hạn chế

Vốn đầu tư chưa đa dạng và khả năng tiếp cận tín dụng của người dân còn thấp. Vốn đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn từ ngân sách trung ương đầu tư tập trung cho Khu KTQP, ngân sách địa phương rất ít, vốn ngoài ngân sách từ tư nhân gần như không có. Khả năng tiếp cận tín dụng (cả chính thức và phi chính thức) của người dân và doanh nghiệp còn hạn chế, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong phát triển sản xuất. Quy mô vốn đầu tư do ngân sách bố trí còn hạn hẹp, chưa đáp ứng đủ so với quy hoạch và nhu cầu thực tế triển khai. Vốn đầu tư từ ngân sách còn dài trải, chưa có thứ tự ưu tiên phù hợp. Cơ cấu vốn đầu tư chưa phù hợp, quá tập trung cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tỷ trọng vốn đầu tư dành cho phát triển sản xuất, thực hiện mô hình giảm nghèo, hỗ trợ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, đào tạo nguồn lao động là rất thấp... Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý dự án, chính quyền địa phương và nhân dân trong giám sát, kiểm tra chất lượng thi công xây dựng còn hạn chế.

Ngoài ra, cơ chế, chính sách trong đầu tư trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, dịch vụ y tế, hệ thống nước sạch cũng còn bộc lộ một số hạn chế khi thiếu tính chiều sâu và tính đồng bộ, bền vững.

2) Lao động cơ bản chưa qua đào tạo, trình độ, kỹ năng, tay nghề còn hạn chế

Chất lượng lao động còn chưa đáp ứng yêu cầu cho PTKT. Lao động chủ yếu là lao động hộ gia đình, không có trình độ chuyên môn, thiếu kiến thức, kỹ năng, trình độ học vấn thấp, chưa có kinh nghiệm và chưa qua đào tạo. Bên cạnh đó, trình độ quản lý lao động cũng còn nhiều hạn chế, ít kinh nghiệm và còn non trẻ.

3) Hàm lượng đóng góp của nhân tố khoa học công nghệ cho PTKT tại các Khu KTQP còn chưa đậm nét

Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn các Khu KTQP còn hạn chế. Nhìn chung, công nghệ sản xuất vẫn còn lạc hậu, trình độ

thâm canh thấp, sản xuất theo lối quảng canh là phổ biến. Các sản phẩm nông nghiệp ở dạng chế biến thô và gia công, giá trị thấp, năng suất thấp, sản xuất manh mún.

4) Cơ sở hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ

Cơ sở hạ tầng tuy đã được đầu tư xây dựng từ khi hình thành các Khu KTQP nhưng nhìn chung vẫn còn thiếu về số lượng và chưa đáp ứng được yêu cầu cho PTKT, nhất là đối với các công trình có tính kết nối địa lý cao (từ nơi cư trú của người dân đến các đô thị, các trung tâm hành chính) và kết nối kinh tế cao (kết nối với các cơ hội tạo việc làm, thu nhập từ các trung tâm kinh tế). Ngoài ra, việc duy tu, bảo dưỡng cũng chưa thường xuyên và thiếu tính kịp thời.

3.4.3.3. Cơ chế hỗ trợ tài chính và công tác quản lý nhà nước về PTKT trên địa bàn Khu kinh tế - quốc phòng còn một số bất cập, hạn chế

1) Cơ chế, chính sách tài chính đối với các Khu KTQP còn một số bất cập, hạn chế

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm triển khai xây dựng Khu KTQP giai đoạn 2001 - 2021 của Bộ Quốc phòng, thực tế, một số cơ chế, chính sách tài chính của Nhà nước đối với PTKT các Khu KTQP chưa được triển khai có hiệu quả như: Hỗ trợ phát triển sản xuất, khuyến công; hỗ trợ người dân định canh, định cư, di dân... Việc đầu tư vào địa bàn các Khu KTQP chưa có tính trọng điểm, chưa có những dự án mang tính mũi nhọn, chính sách đầu tư chủ yếu là đầu tư cho cơ sở hạ tầng, các dự án nâng cao năng lực sản xuất cho người dân còn ít. Chưa có những cơ chế hỗ trợ hiệu quả nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân các Khu KTQP, tăng số lượng và nâng cao trình độ y, bác sĩ, nâng cao chất lượng trang thiết bị phục vụ khám, chữa bệnh... Ngoài ra, các chính sách về nâng cao khả năng tiếp cận nước sạch cũng chưa phát huy tác dụng ở một số địa bàn nên vẫn phải sử dụng các nguồn nước tự nhiên chưa qua xử lý (nước mưa, nước suối...) để sinh hoạt.

Bên cạnh đó, có chính sách mới đã được quy định nhưng chưa có văn bản hướng dẫn đầy đủ hoặc hướng dẫn chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác của Đoàn KTQP (hỗ trợ đất ở, nhà ở cho các đối tượng công tác tại Khu KTQP). Ngoài ra, tính chất pháp lý của một số văn bản pháp quy vẫn chưa cao, chế tài xử lý chưa thật mạnh.

2) Công tác lập quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP còn hạn chế, thiếu đồng bộ

Công tác lập quy hoạch còn hạn chế, hiệu quả chưa cao, chưa bám sát với tiềm năng phát triển của từng địa bàn, chưa chú trọng đến sự phù hợp về phong tục, tập quán, văn hóa của người dân trên địa bàn. Giữa quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết và thực tế thực hiện còn thiếu tính đồng bộ. Công tác lập nhu cầu vốn đầu tư, dự toán chưa sát với thực tế. Tiến độ đầu tư xây dựng tại hầu hết các Khu KTQP còn chậm so với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, khu công nghiệp, quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi, thủy sản, phát triển rừng... còn mang nặng tính hình thức, chiều sâu của sự quy hoạch chưa thật sự đạt được. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án giải quyết việc làm, giảm nghèo, ổn định tình hình kinh tế, đời sống xã hội địa bàn ở một số Khu KTQP phía Bắc chưa đồng bộ, thiếu tính bền vững. Hệ thống hạ tầng KT - XH như hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước... chưa được quy hoạch đồng bộ, chưa đáp ứng tốt yêu cầu cho phát triển.

3.4.3.4. Một số mô hình phát triển kinh tế trong các Khu KTQP còn mang tính hình thức, chưa mang lại hiệu quả

Đa số (79%) các chuyên gia là cán bộ cơ quan chức năng của BQP, Đoàn KTQP và lãnh đạo địa phương được tham vấn cho rằng, mô hình PTKT chưa phát huy hiệu quả là nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua. Theo Ông Lê Văn Thắng, Đoàn trưởng Đoàn KTQP 4, tuy đã có sự chuyển biến tích cực trong việc nâng cao hiệu quả của các mô hình sản xuất trên địa bàn nhưng nhìn chung vẫn chưa đạt được yêu cầu so với mục tiêu đặt ra, một số mô hình còn mang tính hình thức, chưa có ứng dụng vào thực tế (chi tiết kết quả tham vấn chuyên gia tại Phần II Phụ lục 3).

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm đầu tư, xây dựng các Khu KTQP và Báo cáo của các Đoàn KTQP, thời gian qua, một số mô hình sản xuất tập trung của các Đoàn KTQP hoạt động chưa hiệu quả, một số doanh nghiệp Quân đội trên địa bàn chưa phát huy được vai trò dẫn dắt nền kinh tế, có thời điểm hoạt động bị thua lỗ... Mô hình kinh tế hợp tác xã tại địa bàn các Khu KTQP giáp Trung Quốc, Lào chưa phát huy hiệu quả; chưa chú trọng PTKT khu vực kinh tế tư

nhân. Việc hỗ trợ phát triển hai đầu cũng thiếu ổn định, chưa bình ổn được giá thành nông sản, hỗ trợ bao tiêu sản phẩm thiếu hiệu quả. Một số mô hình sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, dịch vụ công đã được hình thành nhưng phạm vi ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân vùng dự án còn rất hạn hẹp.

Một số mô hình trí thức trẻ tình nguyện tham gia giúp dân PTKT còn mang tính hình thức, nhất là các dự án hỗ trợ trồng trọt, phát triển lâm nghiệp, chăn nuôi. Do trình độ trí thức trẻ tình nguyện còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm trong đào tạo, hướng dẫn, tuyên truyền nên các dự án thường không mang lại hiệu quả hoặc phạm vi áp dụng nhỏ.

3.4.3.5. Sự tham gia của Quân đội còn hạn chế ở một số mặt công tác

Do địa bàn quản lý, hoạt động của Đoàn KTQP rộng và phân tán, có khi trải rộng trên 02 đến 03 tỉnh, trong khi quy mô, cơ cấu bộ máy tổ chức của các Đoàn KTQP còn hẹp, lực lượng mỏng, quân số biến động nên dẫn đến việc tiếp cận, thâm nhập địa bàn gặp nhiều khó khăn; công tác chỉ đạo, quản lý thực hiện dự án trong đầu tư PTKT tại các Khu KTQP có thời điểm chưa mang lại hiệu quả cao.

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm đầu tư, xây dựng các Khu KTQP của BQP và Báo cáo của các Đoàn KTQP, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được trong PTKT, sự tham gia của Quân đội vẫn tồn tại, hạn chế ở một số mặt công tác như: Công tác tham mưu, xây dựng cơ chế, chính sách còn chưa kịp thời, thiếu chủ động; công tác tuyên truyền vận động quần chúng chưa đạt hiệu quả cao; công tác phối hợp với chính quyền địa phương chưa chặt chẽ, nhất là trong công tác quy hoạch, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư, xác định các công trình đầu tư, phối hợp lồng ghép dự án; khảo sát, lập mô hình và đề xuất các biện pháp xoá đói, giảm nghèo.

Bên cạnh đó, nhận thức của một số lãnh đạo, chỉ huy các cấp chưa thật sự toàn diện, nhất là về nội dung của PTKT gắn với QPAN; công tác tăng gia sản xuất, làm kinh tế của các Đoàn KTQP trên địa bàn khu vực phía Bắc còn hạn chế, hiệu quả thấp, chưa có mô hình tổ chức sản xuất tập trung, nhìn chung là chưa định hình rõ ràng mô hình xây dựng, PTKT; công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ dân vận giữa các Đoàn KTQP với Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng ở một số địa phương đôi khi còn thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

4.1.1. Bối cảnh có liên quan đến các Khu kinh tế - quốc phòng và phát triển kinh tế trên các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2021 - 2030

4.1.1.1. Bối cảnh quốc tế

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược, xung đột cục bộ diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và gay gắt hơn. Xu hướng đề cao sự tương đồng lợi ích đóng vai trò chi phối; tính đối tác, đối tượng trong quan hệ quốc tế đan xen, chuyển hóa linh hoạt, trên từng lĩnh vực cụ thể: “Tình hình tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh lợi ích giữa các nước diễn ra phức tạp, vừa mang lại cơ hội, vừa đặt các nước khác, nhất là các nước vừa và nhỏ trước nhiều khó khăn, thách thức. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa bảo hộ ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế”. Các nước ngày càng có xu hướng thực dụng trong chính sách đối ngoại vì lợi ích quốc gia - dân tộc. Lịch sử quan hệ giữa các quốc gia đã chứng minh, lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu cơ bản và nhân tố quyết định trong việc hoạch định chính sách đối ngoại. Vì lợi ích của quốc gia - dân tộc mình, các nước lớn có thể thương lượng, điều hòa lợi ích với nhau bằng cách “bật đèn xanh” hay làm ngơ cho những hành động xâm lấn bằng các hình thức, thậm chí dùng sức mạnh kinh tế, quân sự... bất chấp luật pháp quốc tế tiến hành xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích chính đáng, hợp pháp của các nước... khiến luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

Trong một số trường hợp, vì lợi ích trước mắt hoặc lâu dài của mình, nhiều nước không chỉ im lặng không lên án, phản đối hành động sai trái, mà còn lên tiếng ủng hộ những hành động sai trái, vi phạm luật pháp quốc tế... Trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị của thế giới, khu vực, một số nước đã thay đổi lập trường, quan điểm từ đồng thuận, ủng hộ sang quan điểm trung

dung, im lặng và thậm chí là đối lập, từ đó làm thay đổi cục diện trong tương quan so sánh lực lượng, đẩy nước khác vào thế bị động, bất ngờ và bị cô lập. Đặc biệt nguy hiểm hơn là các nước lớn có thể biến độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước nhỏ trở thành “vật trao đổi” lợi ích của họ trong bàn cờ chính trị thế giới... hoặc sử dụng tiềm lực kinh tế và sức mạnh quân sự vượt trội, tiến hành các hoạt động chèn ép về kinh tế, chính trị, ngoại giao, răn đe về quân sự, thậm chí là ngang nhiên, trắng trợn xâm lấn biên giới, vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của nước khác, bất chấp luật pháp quốc tế.

Từ đó, đặt ra yêu cầu mới đó là cần phải kết hợp chặt chẽ hơn nữa giữa PTKT với củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng địa bàn an toàn; thực hiện tốt việc tổ chức di dân, giãn dân ra sát dọc biên giới để phát triển sản xuất và bảo vệ biên giới; phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của bộ đội Đoàn KTQP với các lực lượng trên địa bàn Khu KTQP, làm nòng cốt trong bảo vệ vững chắc hành lang biên giới của Tổ quốc; đẩy mạnh sản xuất bằng những hình thức phù hợp để nhanh chóng PTKT và tăng cường nguồn dự trữ vật chất hậu cần tại chỗ.

4.1.1.2. Bối cảnh trong nước

Ở trong nước, các thế lực thù địch tiến hành chiến lược “diễn biến hòa bình” kết hợp với bạo loạn lật đổ, thúc đẩy tự diễn biến, tự chuyển hóa. Đặc biệt nguy hiểm là, các thế lực phản động ở trong nước móc nối với lực lượng phản động, thù địch ở ngoài nước lựa chọn các phần tử cực đoan để xây dựng ngọn cờ, tập hợp lực lượng, tiến hành các hoạt động chống phá, mưu toan gây mất đoàn kết giữa các dân tộc; tạo ra các “điểm nóng”, gây ra các vụ bạo loạn, để lực lượng phản động, thù địch ở nước ngoài can thiệp, hòng lật đổ chế độ; đòi ly khai, tự trị, đòi thành lập các thực thể riêng, thoát ly khỏi sự quản lý của Nhà nước, như cái gọi là: “Nhà nước Tin lành Đê-ga” ở Tây Nguyên, “Vương quốc Khmer Krom” ở Tây Nam Bộ, “Vương quốc Mông” ở Tây Bắc...; gia tăng lợi dụng quá trình cải cách thể chế, pháp luật, thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam để từng bước tác động chuyển hóa, can thiệp công việc nội bộ của Việt Nam, thông qua việc cấu kết với các đối tượng trong nước chống phá Việt Nam về dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, nhằm từng bước thực hiện “cách mạng màu” ở Việt Nam. Các vấn đề này trực tiếp đe dọa đến an ninh quốc gia và lợi ích quốc gia - dân tộc.

Từ đó, đặt ra yêu cầu cao hơn trong việc xây dựng, củng cố tổ chức, lực lượng của các đơn vị đóng quân trên địa bàn Khu KTQP; trong công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực về quản lý, PTKT, củng cố QPAN, bồi dưỡng kiến thức, kinh nghiệm về kết hợp kinh tế với quốc phòng; làm tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài Quân đội trong giải quyết các vấn đề an ninh, chính trị trên địa bàn các Khu KTQP; thúc đẩy nhanh PTKT, ổn định đời sống người dân.

4.1.2. Quan điểm của Nhà nước về phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2021 - 2030

Một là, xây dựng các Đoàn KTQP là lực lượng nòng cốt trong phát triển các Khu KTQP, tham gia phát triển KTXH địa phương, tạo thế trận quốc phòng vững chắc tại các địa bàn trọng yếu của Tổ quốc. Thông qua các Đoàn KTQP nhằm hình thành các rào chắn là các cụm làng, xã tại các khu vực biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ ở khu vực biên giới trên bộ và bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ lợi ích và tài nguyên quốc gia trên địa bàn đóng quân, ngăn chặn mọi hành động xâm phạm, làm thay đổi đường biên giới quốc gia. Góp phần bảo vệ đường biên giới, bảo vệ lợi ích quốc gia trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội không bị xâm phạm thực hiện sự bình đẳng giữa nước Việt Nam với các nước láng giềng khác.

Hai là, xây dựng, củng cố “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chú trọng chính sách an sinh xã hội, dân tộc, tôn giáo tại địa bàn các Khu KTQP; huy động các nguồn lực của Nhà nước, kết hợp với bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực xã hội, PTKT gắn với quốc phòng, góp phần giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là vùng sâu vùng xa, vùng nông thôn miền núi đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, chú trọng khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

Ba là, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Quân đội với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương, các lực lượng đóng quân trên địa bàn tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, tham gia bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cho địa phương... Tiếp tục tham gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện di dân, xây dựng các cụm bản, làng mới

theo quy hoạch, đỡ đầu, tổ chức định canh, định cư cho các hộ dân, tạo việc làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

4.1.3. Quan điểm và định hướng của luận án về phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

4.1.3.1. Quan điểm của luận án về phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

Thứ nhất, xây dựng, phát triển các Khu KTQP là chủ trương xuyên suốt, lâu dài của Đảng, Nhà Việt Nam nhằm PTKT, xã hội, văn hóa, đời sống vật chất tinh thần cho các đồng bào dân tộc trên các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới; góp phần xây dựng cơ sở chính trị, củng cố QPAN bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ.

Thứ hai, PTKT gắn với quy hoạch Khu KTQP và thực hiện Chiến lược Quốc phòng Việt Nam. Nắm vững và vận dụng sáng tạo, hiệu quả Chiến lược Quốc phòng Việt Nam và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24 NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Quốc phòng Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển các Khu KTQP đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Thứ ba, PTKT trên địa bàn các Khu KTQP gắn với xây dựng thể trận phòng thủ, xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Cụ thể hóa chủ trương liên kết chặt chẽ các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trong từng vùng chiến lược; kết hợp chặt chẽ quản lý quốc phòng bằng cơ chế, chính sách, pháp luật, biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục thuyết phục; thực hiện nghiêm quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát bảo đảm tính thống nhất từ Trung ương đến cơ sở trong lĩnh vực quốc phòng;

Thứ tư, xây dựng, củng cố “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chú trọng chính sách an sinh xã hội, dân tộc, tôn giáo tại địa bàn các Khu KTQP; huy động các nguồn lực của Nhà nước, kết hợp với bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực xã hội, PTKT gắn với quốc phòng, góp phần giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là vùng sâu vùng xa, vùng nông thôn miền núi đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, chú trọng khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

Thứ năm, PTKT trên địa bàn các Khu KTQP phù hợp với quy hoạch xây dựng các Khu KTQP, quy hoạch tổng thể KTXH quốc gia và các địa phương, quy hoạch xây dựng các vùng biên giới, với chương trình phát triển các xã tuyến biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn; gắn phát triển KTXH với thực hiện tốt nhiệm vụ củng cố an ninh - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược; tập trung nguồn lực quy hoạch, sắp xếp, đỡ đầu, đón nhận và ổn định dân cư, thực hiện giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số;

Thứ sáu, PTKT trên địa bàn các Khu KTQP phải đặt trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với sự phát triển KTXH khu vực biên giới các nước có chung đường biên giới, góp phần xây dựng tuyến biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, cùng phát triển.

4.1.3.2. Định hướng của luận án về phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2021 - 2030

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả sản xuất, thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế nhằm tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn. Đa dạng hóa các ngành nghề sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Chú trọng trong tăng trưởng kinh tế, tạo sự ổn định và bền vững cho nền kinh tế. Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, dự báo và hạn chế sự ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, thu hẹp khoảng cách về mức sống của người dân trên địa bàn các Khu KTQP với mặt bằng chung của tỉnh.

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ổn định, bền vững, hiện đại. Cần thực hiện các chính sách nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế làm tiền đề cho tăng trưởng, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trên cơ sở phù hợp với nguồn lực và thế mạnh của từng địa bàn, từng bước thu hẹp khoảng cách và sự chênh lệch với cơ cấu ngành kinh tế của địa phương. Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao tỷ trọng của sản phẩm lợi thế, sản phẩm do Quân đội đầu tư hỗ trợ, phát huy được tiềm năng sẵn có trên địa bàn, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, phát huy tốt đa nguồn lực đầu tư của các Khu KTQP. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị sản xuất trong từng ngành, lĩnh vực, chú trọng mô hình sản xuất tập trung để nâng cao giá trị, phát triển các lĩnh vực sản xuất có ứng dụng công

nghệ, thân thiện môi trường. Chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ theo hướng đột phá, quan tâm xây dựng quy hoạch ngành cụ thể, tỉ mỉ; tập trung phát triển có chiều sâu các ngành dịch vụ có lợi thế, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong kinh doanh dịch vụ. Ngoài ra, cần quan tâm xây dựng, củng cố và phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, kinh tế tập thể, đa dạng hóa các hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực phát triển. Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã và kinh tế trang trại, phát triển thêm nhiều tổ hợp tác, hợp tác xã và kinh tế trang trại

Thứ ba, PTKT trên địa bàn các Khu KTQP phù hợp với quy hoạch xây dựng các Khu KTQP, quy hoạch tổng thể KTXH quốc gia và các địa phương, quy hoạch xây dựng các vùng biên giới, với chương trình phát triển các xã tuyến biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; gắn phát triển KTXH với thực hiện tốt nhiệm vụ củng cố an ninh - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược; tập trung nguồn lực quy hoạch, sắp xếp, đỡ đầu, đón nhận và ổn định dân cư, thực hiện giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số;

Thứ tư, cải thiện đời sống KTXH, gắn tiến bộ xã hội với PTKT, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Thực hiện tốt mục tiêu xóa đói giảm nghèo trên địa bàn, giảm tỷ lệ tái nghèo, đảm bảo giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách về nghèo đói với mặt bằng chung của tỉnh. Giảm tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm cho người lao động trên địa bàn các Khu KTQP trên cơ sở tăng khả năng tiếp cận việc làm và nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động, từng bước xóa bỏ rào cản về địa lý, địa hình, giao thông, tạo cơ hội thuận lợi cho người lao động được làm việc tại các trung tâm kinh tế trên địa bàn.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, y tế, chú trọng đến nâng cao sức khỏe cho người già, bà mẹ, trẻ em, giảm tình trạng trẻ em thấp còi, trẻ em chết yểu trên địa bàn. Hoàn thiện hệ thống điện lưới, cấp nước sạch đến các thôn, bản trên địa bàn đảm bảo đồng bộ, bao phủ toàn diện gắn với việc bố trí, sắp xếp dân cư, từng bước nâng cao đời sống vật chất, an sinh xã hội đảm bảo bền vững, lâu dài và thường xuyên.

Thứ năm, chủ động, bám nắm địa bàn, nắm chắc các nguy cơ bất ổn, mất an toàn an ninh chính trị. Tuyên truyền và vận động nhân dân chấp hành nghiêm đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là đối với chính sách về đất đai. Kịp thời ngăn chặn các thế lực thù địch tìm cách chống phá, tuyên truyền, lôi kéo đồng bào nhằm biểu tình, bạo loạn. PTKT trên địa bàn các Khu KTQP gắn với xây dựng thể trận phòng thủ, xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Cụ thể hóa chủ trương liên kết chặt chẽ các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trong từng vùng chiến lược; kết hợp chặt chẽ quản lý quốc phòng bằng cơ chế, chính sách, pháp luật, biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục thuyết phục; thực hiện nghiêm quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát bảo đảm tính thống nhất từ Trung ương đến cơ sở trong lĩnh vực quốc phòng.

4.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG

4.2.1. Nhóm giải pháp về tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển kinh tế trên bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

4.2.1.1. Đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư phục vụ phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP

Vốn là một yếu tố quan trọng trong PTKT nói chung và trên địa bàn các Khu KTQP nói riêng. Trên cơ sở thực trạng đã nghiên cứu cho thấy, hiện nay, vốn đầu tư trên địa bàn các Khu KTQP còn rất hạn hẹp, chưa đa dạng (chủ yếu từ ngân sách nhà nước) và khả năng tiếp cận tín dụng của người dân còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu đối với PTKT. Ngoài ra, nội dung đầu tư từ ngân sách còn dài trải, chưa có thứ tự ưu tiên phù hợp, cơ cấu vốn đầu tư còn hạn chế.

Để thực hiện mục tiêu PTKT trên địa bàn các Khu KTQP trong điều kiện là những vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống còn hạn chế, cần thực hiện một số giải pháp nhằm đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư phục vụ PTKT trên địa bàn các Khu KTQP như sau:

Thứ nhất, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, lồng ghép các dự án đầu tư để mang lại hiệu quả cao nhất.

Thời gian tới, cần có sự hỗ trợ tích cực của các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, đồng thời cần động viên cao nhất các nguồn lực tại chỗ, để thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH tại các địa phương nói chung

và các Khu KTQP nói riêng. Trong quá trình thực hiện đầu tư cần phải có sự lồng ghép, phối hợp các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn, để dự án thực hiện có hiệu quả. Là vùng có điều kiện sống và sản xuất, kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng thấp kém, cần có sự quan tâm thoả đáng của Nhà nước về nguồn vốn ngân sách để tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, ổn định dân cư của vùng dự án.

Đối với việc bố trí vốn ngân sách hàng năm: Cần hình thành kênh vốn riêng (ngân sách Nhà nước xây dựng Khu KTQP) và được bổ sung tăng tổng nguồn vốn đầu tư để thực hiện mở rộng thêm Khu KTQP, bù trượt giá, chi phí đầu tư hạng mục công trình, địa điểm, ước tính trung bình 550 - 600 tỷ đồng/năm. Các Đoàn KTQP cần tích cực làm việc thường xuyên với địa phương để huy động vốn từ các nguồn khác, lồng ghép các chương trình mục tiêu, dự án trên từng địa bàn cho các hạng mục lồng ghép. Đối với các hạng mục đầu tư cơ sở vật chất cho Đoàn KTQP (Doanh trại...) cần sử dụng nguồn vốn thường xuyên và hoạt động kinh tế của Đoàn KTQP để chủ động xây dựng cơ sở vật chất cho các Đoàn.

Về vốn tín dụng: Tập trung vay vốn từ hoạt động tín dụng trong thực hiện phát triển các loại cây trồng chính có thời gian kiến thiết cơ bản dài. Vì vậy, cần được vay vốn dài hạn, trung hạn để phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, cần nâng cao hơn nữa khả năng tiếp cận của hộ gia đình, doanh nghiệp trên địa bàn đối với các chính sách ưu đãi tín dụng để phát triển sản xuất.

Thứ hai, xây dựng cơ cấu vốn đầu tư hợp lý, thực hiện phân kỳ đầu tư và thực hiện theo thứ tự ưu tiên để phát huy hiệu quả cao nhất của nguồn vốn.

Căn cứ tổng mức đầu tư và nhu cầu đầu tư; căn cứ vào mức độ khó khăn về đời sống và sản xuất của các xã trong Khu KTQP; căn cứ tiềm năng phát triển của các Khu KTQP để bố trí phân kỳ đầu tư cho hợp lý. Các công trình đầu tư phải phát huy được tiềm năng của vùng là đất đai và lao động thủ công. Việc phân kỳ đầu tư là rất cần thiết, để đảm bảo công trình sớm hoàn thành, sớm phát huy hiệu quả trong đầu tư, tránh việc đầu tư tràn lan một thời điểm nhiều công trình mà phải có trọng tâm, trọng điểm và hoàn thành sớm. Phân kỳ đầu tư phải đạt được các mục đích phát huy hiệu quả cao nhất nguồn vốn đầu tư, đạt được tính công bằng giữa các vùng, tránh hiện tượng tập trung đầu tư sớm cho một vùng nào đó. Đối với địa bàn các Khu KTQP, việc phân kỳ đầu tư và lựa chọn thứ tự ưu tiên đầu tư về cơ bản như sau:

(i) Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án đầu tư thành phần trong các Khu KTQP cần thực hiện để đảm bảo mục

tiêu PTKT, khắc phục hạn chế hiện nay trong đầu tư, đó là: Hỗ trợ sản xuất, khuyến nông – lâm – ngư, xây dựng công trình nước sinh hoạt cùng công trình thủy lợi, xây dựng công trình giao thông, hỗ trợ ổn định dân cư, xây dựng các bản biên giới, các công trình khác. Trong từng địa bàn Khu KTQP, cần đánh giá cụ thể tính cấp bách của các hạng mục để xây dựng thứ tự ưu tiên chi tiết cho phù hợp. Đối với các Khu KTQP giáp biên giới Lào và Trung Quốc, ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất; đối với các Khu KTQP giáp Campuchia, ưu tiên các dự án ổn định dân cư, xây dựng cụm bản biên giới.

(ii) Đối với nguồn vốn tín dụng ưu đãi: Tập trung ưu tiên cho vay đầu tư phát triển các lĩnh vực sản xuất kinh doanh có lợi thế, có thị trường, xây dựng hệ thống các nhà máy sản xuất, nhà máy chế biến nông, lâm sản.

(iii) Đối với nguồn vốn vay thương mại, vốn huy động của người dân: Tập trung cho đầu tư cho phát triển sản xuất như trồng cây công nghiệp lâu năm vùng tập trung, hỗ trợ trồng cây ăn quả và cây dược liệu; hỗ trợ trồng rừng sản xuất; xây dựng mô hình trồng rau an toàn, mô hình chăn nuôi tập trung trên cơ sở lợi thế của từng địa bàn.

4.2.1.2. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP

Thực tế cho thấy, hiện nay, chất lượng lao động trên địa bàn các Khu KTQP còn chưa đáp ứng yêu cầu cho PTKT. Lao động chủ yếu là chưa qua đào tạo, không có chuyên môn, kỹ năng, tay nghề, trình độ quản lý hạn chế, ít kinh nghiệm. Do đó, việc đào tạo lao động có kỹ thuật cho khu vực các Khu KTQP để thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một vấn đề cấp bách và có tính chiến lược. Quá trình đào tạo nguồn nhân lực cần có những bước đột phá, chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa với những hình thức đào tạo đa dạng và phong phú trên nhiều lĩnh vực nội dung chuyên môn cụ thể, có thể phát triển nguồn nhân lực tại chỗ hoặc là thu hút nhân lực từ bên ngoài.

(i) Đối với phát triển nguồn nhân lực tại chỗ

Để phát triển nguồn nhân lực tại chỗ này cần đẩy mạnh tuyên truyền vận động cho người dân thấy được sự cần thiết phải nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và đồng thời tạo cơ hội cho nguồn lao động tại chỗ có điều kiện tiếp cận với các cơ sở đào tạo nghề. Khuyến khích các tổ chức kinh tế, tổ

chức xã hội, hội nghề nghiệp và các cá nhân trong và ngoài nước tham gia công tác dạy nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp để chuyển đổi nghề cho lao động trên địa bàn các Khu KTQP. Các Khu KTQP có cơ cấu dân số trẻ cao và đây là tiềm năng to lớn cho sự phát triển KTXH của các Khu KTQP. Tăng cường đào tạo lực lượng lao động trẻ cho khu vực để đáp ứng yêu cầu của các ngành nghề khác nhau của nền kinh tế.

Ngoài ra, nâng cao chất nguồn lao động có thể đạt được nhờ hệ thống giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu trình độ hợp lý. Do đó, cần phân luồng đào tạo từ cấp THCS để tạo điều kiện cho các em tìm được ngành nghề phù hợp với sức học và điều kiện kinh tế.

Các Đoàn KTQP cần phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo nghề phù hợp thực tế trên địa bàn. Đổi mới cơ chế chính sách cho lao động đã qua đào tạo được ưu tiên vay vốn và tạo điều kiện thuận lợi để người dân tự tổ chức sản xuất, kinh doanh, coi trọng chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu KTQP, không ngừng mở rộng các loại hình dịch vụ, phát triển nghề, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

(ii) Đối với thu hút nhân lực từ bên ngoài

Cần tăng chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực, có những chính sách đãi ngộ nhiều mặt để thu hút các trí thức trẻ tình nguyện lên xây dựng kinh tế vùng cao. Bố trí linh hoạt việc sử dụng nguồn nhân lực để tạo điều kiện thuận lợi phát triển của mỗi lao động.

Cho dù phát triển nguồn nhân lực từ bên trong hay thu hút nhân lực từ bên ngoài thì để phát huy hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn nhân lực, cần có những biện pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần đánh giá và dự báo đúng nhu cầu cả về số lượng và chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực cho PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP để xác định nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho PTKT phản ánh cả về quy mô, phạm vi, tính chất và trình độ sản xuất kinh doanh cho PTKT. Đánh giá, dự báo đúng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ PTKT là cơ sở lập kế hoạch phát triển và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý phục vụ nhu cầu quản lý cũng như PTKT sao cho sát với thực tiễn. Trên cơ sở đó, rà soát, đánh giá đầy đủ các tiêu chí về số lượng, chất lượng, cơ cấu, phân bổ nguồn

nhân lực cho PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Từ đó nhận định xu hướng và đưa ra dự báo nhu cầu nguồn nhân lực sát với yêu cầu của thực tiễn, bảo đảm phân bổ, điều chỉnh, cân đối nguồn nhân lực phù hợp với đặc thù KTXH và nhu cầu sử dụng cho quốc phòng trên từng Đoàn KTQP.

Thứ hai, tăng cường công tác giáo dục, đào tạo bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn trong PTKT, kết hợp với bồi dưỡng kiến thức QPAN cho nguồn nhân lực trên địa bàn. Xác định phương pháp đào tạo lại, đào tạo bổ sung nhằm thường xuyên củng cố kiến thức, kỹ năng cả về hoạt động kinh tế và hoạt động quân sự quốc phòng cho các Đoàn KTQP. Muốn vậy, các cơ quan quản lý nhà nước cần làm tốt chức năng quản lý nhà nước theo từng địa bàn Khu KTQP về công tác đào tạo. Mặt khác cần xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt việc phối hợp giữa các Đoàn KTQP với các cơ quan chức năng có liên quan như Cục Kinh tế, Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Tài chính để tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về hoạt động chuyên môn.

Thứ ba, khuyến khích xây dựng các cơ sở đào tạo ngành, nghề kinh tế và dạy nghề trên địa bàn các Khu KTQP.

Tạo ra môi trường giáo dục, dạy nghề đa dạng thông qua đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục nhà trường hoặc trường nghề trên địa bàn các Khu KTQP. Việc đa dạng hóa các trường nghề sẽ được phân bổ theo đặc trưng nhu cầu PTKT theo đặc thù của từng Khu KTQP. Đồng thời, qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng cần lồng ghép các kiến thức về QPAN theo đúng định hướng và mục tiêu của các cấp trong xây dựng các Khu KTQP. Bồi dưỡng, bổ sung kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi và theo xu hướng vùng sản xuất của các Khu KTQP phù hợp với chủ trương và nhiệm vụ PTKT của các Khu KTQP.

Thứ tư, tiếp tục điều chỉnh, sắp xếp, bố trí lại dân cư của các vùng trọng điểm thuận lợi với PTKT đồng thời phù hợp với chiến lược quân sự quốc phòng. Ưu tiên phát huy tiềm lực của từng Khu KTQP, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để thu hút người dân tham gia lao động sản xuất và định cư, sinh sống lâu dài. Kết hợp hài hòa các biện pháp giữa nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ và thu hút nguồn nhân lực từ các vùng lân cận thông qua tập trung phát triển nguồn nhân lực nội tại và những chính sách về tiền lương, tiền công, tiền thưởng... để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của các vùng khác. Bên cạnh đó, cần có những chính sách hỗ trợ về vốn, hỗ trợ bao

tiêu sản phẩm, tạo điều kiện cho nhân dân yên tâm bám biên giới, bảo đảm vừa PTKT, vừa giữ vững thế trận quốc phòng toàn dân.

4.2.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường quản lý nhà nước về phát triển kinh tế trên địa bàn Khu kinh tế - quốc phòng

4.2.2.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với người dân sinh sống trên địa bàn các Khu KTQP

Trên cơ sở chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển KTXH, bảo đảm QPAN, quy hoạch và bố trí dân cư địa bàn các Khu KTQP, các cơ quan chức năng cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ ổn định dân cư địa bàn các Khu KTQP nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, sản xuất. Trong đó, tập trung vào thực hiện chính sách hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ giảm nghèo, hỗ trợ về nhà ở, công trình sinh hoạt cần thiết yếu, BHXH, BHYT đối với hộ dân sinh sống hợp pháp tại Khu KTQP.

Ngoài ra, để có thể phát huy hơn nữa hiệu quả của các mô hình sản xuất hiện nay của các hộ gia đình, các cơ quan chức năng cần xây dựng cơ chế đặc thù cho các Khu KTQP gắn với yếu tố miền núi, biên giới, điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn để vừa nhằm bảo đảm an ninh quốc phòng, vừa phát triển KTXH và bảo đảm sinh kế của người dân; có cơ chế, chính sách mạnh mẽ hơn để khuyến khích hỗ trợ các hoạt động đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn, hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi trong thực hiện các dự án PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; tăng cường nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, sản xuất đối với địa bàn Khu KTQP. Với những khu vực khó khăn, địa bàn trọng điểm nhân dân không có điều kiện sản xuất canh tác cần xem xét, nghiên cứu các chính sách hỗ trợ thuế, đất đai, hỗ trợ tài chính cụ thể.

4.2.2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn các Khu KTQP

Để thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn các Khu KTQP, thời gian tới, các cơ quan chức năng cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất để bổ sung, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân trên

địa bàn các Khu KTQP như: Hỗ trợ về đất đai, mặt bằng SXKD, vốn, khoa học công nghệ, nguồn nhân lực.

Đối với chính sách về đất đai, cần tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận quỹ đất, hoàn thành công tác đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; rà soát, tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến giao đất, cho thuê đất theo hướng công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân tiếp cận đất đai để sản xuất kinh doanh. Xây dựng các cụm công nghiệp vừa và nhỏ, các cụm tiểu thủ công nghiệp ưu tiên cho các doanh nghiệp tư nhân và các cơ sở sản xuất ở các ngành nghề thuê, có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian dài. Mở rộng và nâng cấp hệ thống chợ, siêu thị, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh cá thể ổn định kinh doanh buôn bán.

Đối với chính sách hỗ trợ về vốn: Về nguyên tắc, chính sách hỗ trợ này cần đảm bảo được sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Tuy nhiên, để phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách trong quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế thì các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt chỉ nên tập trung vào một số doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân được xác định là cần thiết, không nên áp dụng chính sách này một cách tràn lan, phân tán. Việc hỗ trợ có thể thực hiện thông qua các hình thức: Thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng để bảo lãnh một phần cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân tiếp cận được các khoản vay tại các tổ chức tín dụng thông qua việc cấp bảo lãnh, tái bảo lãnh tín dụng và chia sẻ rủi ro khi xảy ra bất khả kháng không trả được nợ vay...Ngoài ra, cần phải có sự đổi mới toàn diện phương thức hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại, đảm bảo sự công bằng khi cho vay đối với mọi thành phần kinh tế.

Đối với chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ: Thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, đầu tư đổi mới trang thiết bị, nâng cao năng lực công nghệ và chuyển giao công nghệ dưới hình thức ưu đãi về vốn, mặt bằng và về thuế; Giới thiệu cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị cho doanh nghiệp tư nhân, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá lựa chọn công nghệ, giúp các doanh nghiệp này thực hiện các thủ tục cần thiết trong chuyển giao và mua công nghệ; Khuyến khích, giúp đỡ các doanh nghiệp tư nhân thực hiện đổi mới công nghệ thông qua hình thức thuê mua công nghệ

của các công ty cho thuê tài chính; Thực hiện chính sách ưu đãi khen thưởng đối với doanh nghiệp tư nhân có sản phẩm chất lượng cao, quy trình và công nghệ sản xuất sạch, áp dụng các biện pháp đảm bảo vệ sinh, môi trường.

Đối với chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp tư nhân: Mở rộng, nâng cấp hệ thống các trường đào tạo nghề trên địa bàn Khu KTQP, trong đó tập trung vào đào tạo các nghề, lĩnh vực mà Khu KTQP có khả năng phát triển như: Cơ khí, điện, may mặc, hóa thực phẩm, chế biến.... Đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo nghề của các cơ sở đào tạo, đảm bảo cung cấp những lao động đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Muốn vậy, các cơ sở đào tạo vì lợi ích của mình phải gắn kết với doanh nghiệp, phải đào tạo có địa chỉ còn các doanh nghiệp sẽ đóng vai trò là những nhà cung cấp thông tin để các cơ sở đào tạo nắm được nhu cầu lao động mà thị trường cần. Có kế hoạch điều tra, đánh giá hiệu quả của các chương trình dạy nghề ở các cơ sở hiện có, phân tích ưu điểm hạn chế, từ đó đề xuất nội dung dạy nghề phù hợp với yêu cầu về lao động của doanh nghiệp.

4.2.2.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với các lực lượng làm nhiệm vụ trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

Một là, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chế độ, chính sách ưu đãi đối với lực lượng Quân đội làm nhiệm vụ trên địa bàn các Đoàn KTQP và chính sách hậu phương Quân đội.

Hiện nay, Nhà nước đã ban hành một số cơ chế, chính sách đối với lực lượng làm nhiệm vụ tại các Khu KTQP và hậu phương như: Nghị định số 22/2021/NĐ-CP, Thông tư 02/2018/TT-BTC về cơ chế hỗ trợ tài chính đối với Khu KTQP, được các đơn vị quán triệt và nghiêm túc thực hiện. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù về vị trí đóng quân, môi trường làm việc, yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao nên ngoài việc tiếp tục thực hiện đúng và đủ chính sách ưu đãi cán bộ cho các cán bộ đến công tác tại Khu KTQP, trong thời gian tới, cần nghiên cứu, xây dựng bổ sung và hoàn thiện các chế độ chính sách đối với lực lượng làm nhiệm vụ trên địa bàn các Khu KTQP như: Trợ cấp theo địa bàn hoạt động, phụ cấp đặc thù quân sự; đời sống văn hóa tinh thần; chính sách nhà ở, việc làm cho thân nhân nếu sinh sống trên địa bàn các Khu KTQP... Trong đó, chú trọng đổi mới, hoàn thiện chế độ chính sách tiền lương đối với cán bộ, chiến sĩ, công nhân và viên chức làm việc trên địa bàn

các Khu KTQP để khuyến khích các cơ quan, đơn vị, cá nhân đến, sinh sống và làm việc trên địa bàn Khu KTQP.

Tích cực nghiên cứu, đề xuất chính sách hợp lý hóa gia đình đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, cần xây dựng và ban hành chính sách về động viên, thăm hỏi, chia sẻ đối với cán bộ không được thường xuyên chung sống cùng gia đình. Cán bộ chỉ huy các cấp cần chủ động phối hợp với chính quyền địa phương sở tại để giải quyết các nhu cầu nhà ở cho một số cán bộ thuộc diện chưa được cấp nhà ở trên địa bàn các Khu KTQP. Bên cạnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện chế độ, chính sách khuyến khích nhân dân đến vùng biên giới sinh sống và làm việc ổn định lâu dài cũng cần được xem xét.

Việc ban hành các cơ chế, chính sách mới, có tính chất ưu đãi cao đối với lực lượng làm nhiệm vụ trên địa bàn các Khu KTQP, hậu phương, gia đình sẽ góp phần ổn định cuộc sống, giúp các đối tượng yên tâm công tác, làm việc lâu dài trên địa bàn các Khu KTQP.

Hai là, sửa đổi, bổ sung cơ chế hỗ trợ tài chính đối với các Khu KTQP

Căn cứ quy định tại Nghị định số 22/2021-NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ về Khu kinh tế - quốc phòng và kết quả thực hiện những năm vừa qua, Bộ Tài chính cần phối hợp với Bộ Quốc phòng đánh giá tổng kết và sớm xây dựng Thông tư hướng dẫn Nghị định số 22/2021-NĐ-CP trên cơ sở sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BTC. Trong đó, cần nghiên cứu để bổ sung một số chế độ, chính sách cho phù hợp với thực tiễn như: (1) Bổ sung quy định về hỗ trợ trang bị, phương tiện phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai (xe tải, máy xúc, máy gặt); (2) Bổ sung quy định về hỗ trợ kinh phí mua thuốc khám chữa bệnh cho dân đối với các đội sản xuất làm nhiệm vụ tuyên truyền, bám dân có biên chế nhân viên quân y; (3) Bổ sung quy định về hỗ trợ kinh phí bảo quản, sửa chữa trang bị y tế đối với các bệnh viện, bệnh xá; trường hợp tài sản đã hết hạn sử dụng thì được trang bị lại; (4) Nâng mức hỗ trợ đối với một số nội dung chi để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ (kinh phí mua thuốc khám, chữa bệnh cho dân đối với bệnh viện, bệnh xá; kinh phí mua xăng dầu cho các đội sản xuất).

Ngoài ra, cần có nhiều hơn cơ chế hỗ trợ về công tác vận động, tuyên truyền, khuyến nông - lâm - ngư ở các Khu KTQP để hỗ trợ cho các cán bộ

của Đoàn KTQP cũng như địa phương trong việc phối hợp thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ tuyên truyền người dân trên địa bàn chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Ba là, hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với bộ máy quản lý

Cán bộ quản lý có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành. Chính vì vậy, cơ chế quản lý đối với các Đoàn KTQP bao gồm: Kiện toàn, ổn định cán bộ chuyên trách thuộc Ban quản lý dự án để nâng cao hiệu quả hoạt động, cơ chế phối hợp thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt và đặt ra trước đó. Đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn, cần có cơ chế và lộ trình cụ thể về tổ chức lại hoạt động của các xí nghiệp sản xuất, xây dựng, dịch vụ theo tinh thần Nghị quyết 425-NQ/QUTW, ngày 18/5/2017 của Quân ủy Trung ương “Về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Quân đội đến năm 2020, định hướng các năm tiếp theo” và Đề án cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Quân đội,... Với các khu vực giáp biên giới không có điều kiện làm kinh tế, cần có cơ chế giải thể chức năng công ty, thành lập Đoàn KTQP và ban hành chính sách đặc thù cho từng mô hình cụ thể.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với lực lượng trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại địa bàn Khu KTQP

Thời gian qua, những đóng góp của lực lượng trí thức trẻ tình nguyện được tuyển chọn đến công tác tại địa bàn Khu KTQP theo Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 29/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ đối với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP là rất tích cực. Với chuyên môn sâu trong nhiều lĩnh vực, các trí thức trẻ tình nguyện đã có nhiều giải pháp, mô hình sản xuất có hiệu quả để thúc đẩy PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Để nâng cao hơn nữa vai trò của lực lượng này, thời gian tới, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiền lương, phụ cấp, tiền ăn, điều kiện sinh hoạt, trang bị nghiệp vụ...; trong đó, tại các quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức, cần nghiên cứu sửa đổi và cụ thể hóa chính sách ưu tiên trí thức trẻ tình nguyện khi tuyển dụng công chức, viên chức sau khi hoàn thành nhiệm vụ để tạo thêm động lực, góp phần thu hút lực lượng trí thức trẻ tình nguyện có trình độ chuyên môn cao đến công tác, cống hiến đối với sự phát triển của các Khu KTQP.

Năm là, hoàn thiện cơ chế phối hợp, hiệp đồng giữa các tổ chức, lực lượng dân sự, quân sự trên địa bàn Khu KTQP đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả cả về kinh tế và quốc phòng, cả về chiều ngang và chiều dọc.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các Đoàn KTQP phải phối kết hợp với nhiều tổ chức chính trị của địa phương để phát huy vai trò, trách nhiệm trong phát triển các Khu KTQP. Trên thực tế, công tác phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo giữa các cấp ủy đảng tại đơn vị với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương có thời điểm chưa thật thống nhất. Chính vì vậy để phân định rõ vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên liên quan cần bổ sung hoàn thiện, quy chế phối hợp, hiệp đồng các lực lượng trong quá trình triển khai, chuẩn bị và thực hiện các dự án, chương trình, hoạt động nhằm PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Do vậy, một mặt cần có những chính sách cụ thể để duy trì các hoạt động quốc phòng trong từng đơn vị, từng ngành, một mặt khác cần tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan điều phối chính sách, điều phối nguồn lực để PTKT. Trong đó, chủ đạo là các cơ quan chuyên trách thuộc BQP và lãnh đạo, chỉ huy các Đoàn KTQP. Để xây dựng và hoàn thiện về quy chế, cần được dựa trên nguyên tắc hài hòa về quyền lợi và nghĩa vụ của các chủ thể, đối tượng tham gia PTKT trên địa bàn các Khu KTQP nhằm tạo sự gắn bó, chặt chẽ giữa các cá nhân, tổ chức, đơn vị với nhau nhằm tạo sự đoàn kết thống nhất giữa quân và dân trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu về quân sự QPAN của đất nước.

4.2.2.4. Nâng cao chất lượng lập quy hoạch và thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

Trên cơ sở thực trạng đã nghiên cứu cho thấy, hiện nay, công tác lập quy hoạch còn hạn chế, hiệu quả chưa cao, thiếu tính đồng bộ; công tác lập nhu cầu vốn đầu tư, dự toán chưa sát với thực tế; tiến độ đầu tư xây dựng tại hầu hết các Khu KTQP còn chậm so với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Để thúc đẩy PTKT trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp về công tác quy hoạch PTKT trên địa bàn các Khu KTQP như sau:

1) Nâng cao chất lượng quy hoạch PTKT trên địa bàn các Khu KTQP

Khi triển khai khảo sát, lập quy hoạch, thực hiện sắp xếp, bố trí dân cư phải đặt mục tiêu xuyên suốt đó là “bố trí dân cư ở tập trung”. Trong quy hoạch chi tiết và lập kế hoạch đầu tư xây dựng, tiêu chí lựa chọn mặt bằng triển khai

san ủi phải được thực hiện theo nhiều bước, đảm bảo các yếu tố phong tục, tập quán, lối sống của đồng bào địa phương. Trong đó, (i) thứ nhất là vị trí được chọn nơi lập làng mới phải đảm bảo an toàn, do nhân dân chọn thông qua việc tổ chức họp xin ý kiến của các già làng, người có kinh nghiệm trong thôn; chọn những đồi núi có độ dốc ít, hình bát úp, không sạt lở, không xảy ra lũ quét, tránh được thiên tai và gần nguồn nước sinh hoạt; (ii) thứ hai là nơi đặt làng mới phải phù hợp với văn hóa làng của đồng bào, gần với đảm bảo QPAN, nhất khu vực biên giới, có quỹ đất để dựng nhà sinh hoạt cộng đồng và các thiết chế văn hóa như phòng học mầm non, sân thể thao.... nội dung này cần được chú trọng hơn đối với các Khu KTQP giáp Campuchia; (iii) thứ ba, làng mới phải gần khu sản xuất, chăn nuôi được quy hoạch tập trung, từng bước chấm dứt tình trạng thả rông gia súc trong khu dân cư, tránh dịch bệnh; (iv) thứ tư, đầu tư cho việc san ủi ban đầu tuy lớn nhưng sẽ tạo được mặt bằng rộng cho việc đầu tư các công trình dân sinh cần thiết trong khu dân cư, phát huy hiệu quả, tiết kiệm tối đa nguồn ngân sách nhà nước; (v) thứ năm là ưu tiên đầu tư đối với những thôn, xã làm tốt công tác tuyên truyền vận động, dân đồng thuận hưởng ứng, sẽ tạo được sự lan tỏa, hưởng ứng của các thôn khác.

2) Tổ chức thực hiện tốt quy hoạch PTKT trên địa bàn các Khu KTQP

Thứ nhất, Bộ Quốc phòng cần phát huy vai trò của đơn vị chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành ở Trung ương và ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới, các tỉnh dự kiến xây dựng Khu KTQP, triển khai thực hiện quy hoạch các Khu KTQP, gần với việc bố trí, sắp xếp lại dân cư dọc tuyến biên giới; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu KTQP trình Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể các Khu KTQP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Quốc phòng chỉ đạo các chủ đầu tư lập dự án đầu tư, tổ chức thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng; chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện xây dựng các Khu KTQP để đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực biên giới, biển đảo.

Chiến lược PTKT kết hợp với quốc phòng là chủ trương, đường lối và là biện pháp đặc dụng, phương thức tiến hành có tính khả thi cao trong thực hiện chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước và Quân đội. Tuy nhiên, để thực hiện đòi hỏi một quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch phải vừa tính tổng thể vừa mang tính chi tiết với tầm nhìn chiến lược dài hạn. Do đặc thù phạm vi quy hoạch các Khu KTQP nằm chủ yếu tại khu vực biên giới,

là vùng thuộc diện đặc biệt khó khăn, địa bàn trải rộng, giao thông đi lại khó khăn nên việc tổ chức thực hiện xây dựng các Khu KTQP không chỉ nhằm mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, ổn định dân cư, nâng cao sức khỏe, đời sống văn hoá, tinh thần của cộng đồng dân cư mà còn có ý nghĩa quan trọng là bảo vệ an ninh quốc phòng khu vực biên giới. Vì vậy, trong quá trình triển khai thực hiện các dự án cần có sự phối hợp chặt chẽ, xuyên suốt giữa các cấp, giữa Bộ Quốc phòng với các Bộ, ngành khác và các địa phương trong vùng dự án.

Thứ hai, đối với các Khu KTQP đang triển khai, tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung về mục tiêu yêu cầu và hạng mục đầu tư của từng dự án cho phù hợp.

Trên cơ sở quyết định phê duyệt quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Quốc phòng sẽ tiến hành phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư và thiết kế chi tiết các Khu KTQP theo thẩm quyền. Trong nội dung quy hoạch và hạng mục đầu tư cần xem xét và bổ sung các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất kinh tế thay vì phần lớn hạng mục là cơ sở hạ tầng vật chất và giao thông như hiện nay. Để làm được điều này cần làm tốt công tác khảo sát, điều tra cơ bản và đánh giá đầy đủ thực trạng của quy hoạch đối với vấn đề phát triển KTXH và QPAN. Cần xác định và đánh giá đầy đủ đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, hiện trạng, xu hướng phát triển KT-XH trên địa bàn từng Khu KTQP. Từ đó đánh giá đầy đủ các yếu tố về cơ sở vật chất cả về số lượng và chất lượng, cấu trúc kỹ thuật, ý định bố trí không gian lãnh thổ trên đất liền gần biên giới. Để có hệ thống số liệu tổng thể, cung cấp, dự báo thông tin đầy đủ cho quy hoạch đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cấp, nhiều ngành, địa phương trên địa bàn. Cần xây dựng quy chế thích hợp nhằm trao đổi thông tin hai chiều giữa quy hoạch và kế hoạch PTKT với ý định bố trí, xây dựng thế trận phòng thủ trong phạm vi xây dựng và PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Bên cạnh đó, để xây dựng các chương trình dự án phục vụ sản xuất, cần nghiên cứu phương thức sản xuất, quy mô, cơ cấu và đối tượng, tính cấp thiết cần xây dựng các chương trình dự án đó nhằm đảm bảo đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, tránh lãng phí ngân sách Nhà nước.

Thứ ba, đối với các Khu KTQP mở mới, sớm tổ chức thực hiện dự án, đảm bảo đồng bộ, chặt chẽ ngay từ đầu.

Trên cơ sở Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng cần sớm thành lập các Đoàn KTQP để thực hiện triển khai thực hiện các

dự án đầu tư xây dựng các Khu KTQP mở mới. Việc thực hiện mở mới các Đoàn KTQP cần tuân theo tổng thể quy hoạch kết cấu hạ tầng theo hướng đáp ứng nhu cầu PTKT trên địa bàn các Khu KTQP song vẫn đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ thế trận phòng thủ khu vực của quân sự quốc phòng. Các công trình được quy hoạch phải đảm bảo tính kết nối, liên thông với các công trình hạ tầng của địa phương. Các công trình được xây dựng phù hợp với đường biên giới gắn với xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi... và các công trình nhằm tăng cường tiềm lực QPAN lưỡng dụng trên địa bàn đất liền như: công sự, hầm hào, sân bay..., nhằm bảo vệ chủ quyền, biên giới đáp ứng những tình huống khẩn cấp, xung đột chính trị, chiến tranh có thể xảy ra.

Trong đó quy hoạch cũng như thiết kế kỹ thuật của các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế cũng cần phù hợp và thích ứng với địa hình, phù hợp với công năng sử dụng và bảo đảm mục đích sử dụng hiệu quả kinh tế cũng như lưỡng dụng trong mục tiêu quốc phòng. Trong trường hợp cần huy động sử dụng cho mục đích quốc phòng trong thời bình cũng như thời chiến đòi hỏi các thiết kế kỹ thuật từng loại phải đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Chính vì vậy trong quy hoạch, cần cân nhắc để thiết kế, đề xuất quy hoạch đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm, vừa đảm bảo mục đích hiệu quả cho hoạt động quốc phòng cũng như hoạt động kinh tế.

Trên cơ sở nhu cầu phát triển của các ngành, Khu KTQP để bố trí xây dựng, quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho phù hợp. Trong đó cần làm tốt công tác đánh giá, xem xét nhu cầu cả về PTKT cả trong sử dụng cho quốc phòng để thống nhất phương án bố trí, thiết kế xây dựng hợp lý cả về quy mô chiều dài, chiều rộng, vị trí, địa lý, địa hình xây dựng, chất lượng công trình để đáp ứng được cả yêu cầu tiêu chuẩn cả về dân dụng và quân dụng. Thông thường vị trí bố trí xây dựng thường là vị trí tiềm năng về PTKT, các khu đô thị, các khu vực đông dân cư. Việc bố trí thiết kế xây dựng phải tính đến khả năng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nhằm kết nối, cơ động thuận lợi với các vùng lân cận, đó cũng là điều kiện vật chất cần thiết để xây dựng khu vực phòng thủ về quốc phòng.

Bên cạnh đó, cần kết hợp chặt chẽ PTKT với hoàn thiện kết cấu hạ tầng quân sự, xây dựng khu cơ sở hạ tầng dân sự với hoàn thiện kết cấu hạ tầng quân sự nhằm tăng cường sức mạnh chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Để xây dựng kết cấu hạ tầng quân sự đáp ứng những đòi hỏi trên trong thiết kế xây dựng

phải làm tốt công tác phối hợp giữa BQP và cơ quan quân sự vùng, chính quyền địa phương với các Bộ, Ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành liên quan trong đánh giá các yếu tố tác động về quốc phòng như vị trí bố trí không ảnh hưởng đến các khu vực, các hướng phòng thủ, các vị trí bố trí quốc phòng, khả năng bảo đảm các yếu tố kỹ thuật cho cơ động lực lượng, phương tiện quân sự như máy bay, xe tăng, xe bọc thép, xe tải, xe chuyên dụng chở vũ khí... trên cơ sở đó hình thành các phương án huy động sử dụng từng loại kết cấu hạ tầng cho từng mục đích nhiệm vụ quốc phòng khác nhau.

Thứ tư, chú trọng thực hiện quy hoạch và quản lý đất đai trong Khu KTQP

Đất đai trong Khu KTQP trên đất liền bao gồm đất dự án, đất do địa phương sử dụng và đất quốc phòng. Chủ đầu tư và Đoàn KTQP có trách nhiệm sử dụng diện tích đất được giao đúng mục đích theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc tổ chức di chuyển, tiếp nhận, xây dựng các cụm dân cư, chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng các cơ quan chức năng của địa phương để tổ chức việc di chuyển dân theo tiến độ và kế hoạch Nhà nước giao hàng năm. Trong tổ chức di chuyển tiếp nhận dân, ưu tiên cho các hộ gia đình tại chỗ, trong địa bàn huyện, tỉnh sở tại, đặc biệt là hộ dân tộc ít người. Trong tuyển dụng từ nơi khác đến, ưu tiên các hộ nghèo, các hộ thiếu đất sản xuất, gia đình chính sách, các hộ gia đình quân nhân. Các công trình hạ tầng cơ sở phục vụ cho sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe, sản xuất và chế biến của nhân dân địa phương được đầu tư trong dự án Khu KTQP trước khi thực hiện đầu tư phải được sự nhất trí của chính quyền địa phương.

4.2.3. Nhóm giải pháp về hoàn thiện mô hình phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

4.2.3.1. Phát huy hơn nữa hiệu quả của các mô hình phát triển kinh tế, mô hình sản xuất, phát triển thị trường hiện nay

Từ thực trạng đã nghiên cứu cho thấy, hiện nay, một số mô hình PTKT của hợp tác xã, mô hình sản xuất, mô hình hoạt động của trí thức trẻ tình nguyện chưa mang lại hiệu quả cao, một số doanh nghiệp Quân đội trên địa bàn chưa phát huy được vai trò dẫn dắt nền kinh tế, có thời điểm hoạt động bị thua lỗ... Nhiều mô hình sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, dịch vụ công trên địa bàn Khu KTQP đã được hình thành nhưng phạm vi ảnh hưởng còn rất hạn hẹp. Do đó, để phát huy được hiệu quả của các mô hình này, trước hết, trong thời

gian tới, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, các Đoàn KTQP hoạt động theo mô hình doanh nghiệp trên địa bàn cần tăng cường công tác dự báo thị trường, tiếp thị, quảng cáo để mở rộng sản xuất đúng hướng, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm. Đối với các Đoàn KTQP hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, cần tổ chức sắp xếp, bố trí hợp lý, lựa chọn ngành nghề kinh doanh phù hợp với thế mạnh, tiềm năng của đơn vị. Đồng thời tự lực, tự chủ huy động các nguồn lực đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới, tích cực đổi mới trang thiết bị sản xuất, quan tâm đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn hóa của người lao động. Bên cạnh đó, cần thiết phải phát huy thế mạnh về nguồn lực, uy tín, khả năng quản lý kinh tế chặt chẽ, tính kỷ luật của lao động trong môi trường quân sự để tập trung sản xuất, PTKT tạo nên những tập đoàn, công ty thương hiệu của quân đội như Viettel, Tân cảng Sài Gòn, Tổng công ty Ba Son, Sông Thu... Bảo đảm rằng thương hiệu của những đơn vị của quân đội là yếu tố thúc đẩy sản xuất và có sức lan tỏa đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp trên địa bàn các Khu KTQP.

Bên cạnh đó, cần khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp nông nghiệp, hỗ trợ xây dựng các chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân. Chủ động thực hiện các giải pháp bình ổn thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu thị trường hàng hóa; tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, cạnh tranh không lành mạnh. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư từ tư nhân và bảo đảm hoạt động của kinh tế tư nhân theo cơ chế thị trường.

Chính quyền địa phương cần coi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp là cần thiết, là không thể thiếu. Cần thấy được vai trò của các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả; cần thay đổi quan điểm để có những nhìn nhận tích cực về các doanh nhân; cần nêu cao và phát huy tinh thần kinh doanh, khuyến khích các hoạt động kinh doanh trong xã hội, khuyến khích các lớp trẻ tham gia vào hoạt động kinh doanh. Thường xuyên có những chương trình trên truyền hình, đài phát thanh về doanh nhân, doanh nghiệp điển hình, có các hình thức khen thưởng, khuyến khích các doanh nhân làm ăn kinh tế giỏi, động viên, giúp đỡ những doanh nghiệp bị thua lỗ, phá sản.... Đặc biệt, chính quyền địa phương cần thay đổi nhận thức về vai trò của doanh nghiệp tư nhân trong việc đảm bảo sự phát triển thực sự của nền kinh tế, luôn

nhận thức rằng, kinh tế tư nhân cùng với khu vực kinh tế nhà nước hợp thành nền tảng, là sinh lực, là động lực quan trọng trong phát triển.

Đối với các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc và Lào, trong hỗ trợ người dân phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, các Đoàn KTQP trên địa bàn cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa với chính quyền địa phương trong việc điều tra khảo sát vị trí địa lý, tình hình thị trường để nghiên cứu, bố trí địa điểm tạo điều kiện cho đồng bào trong vùng dự án và phụ cận mua, bán nông, lâm sản, hàng hoá và các vật tư, tiêu dùng khác; hỗ trợ đầu tư công nghiệp chế biến hoặc sơ chế nông- lâm- hải sản của vùng dự án, hạn chế bán nguyên liệu thô, tăng giá trị của sản phẩm nông- lâm- hải sản; có chính sách ưu đãi cho các tổ chức, doanh nghiệp vào đầu tư và tổ chức sản xuất, chế biến, thu mua, vận chuyển nông- lâm- hải sản ở các Khu KTQP.

4.2.3.2. Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng một số mô hình PTKT mới phù hợp với đặc thù của Khu KTQP

Bên cạnh việc thực hiện có hiệu quả các mô hình sản xuất hiện nay thì để thúc đẩy tăng trưởng, PTKT, nhất là đối với kinh tế hộ gia đình, cần nghiên cứu, triển khai thực hiện các mô hình PTKT mới, phù hợp với đặc thù của từng Khu KTQP.

1) Xây dựng và thực hiện mô hình phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

Mô hình phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được xây dựng phù hợp với đặc điểm, tính chất về tự nhiên, khí hậu, cây trồng... từng vùng, miền; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững cho người dân trên địa bàn Khu KTQP.

Đối tượng thực hiện được tập trung ưu tiên vào các nhóm: Các hộ nghèo, cận nghèo; ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn; các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

Nội dung thực hiện: Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó:

(i) Với địa bàn các Khu KTQP có thể mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất (Đối với các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc và Campuchia)

Căn cứ vào tình hình thực tế, các Đoàn KTQP phối hợp với địa phương lựa chọn để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện, tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

- Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường;

- Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật;

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ; hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối;

- Đối với những địa bàn đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ để củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

- Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

(ii) Với địa bàn các Khu KTQP không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (Đối với các Khu KTQP giáp biên giới Lào)

Căn cứ vào tình hình thực tế, các Đoàn KTQP phối hợp với địa phương tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất;

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

- Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Việc triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phải đảm bảo các nguyên tắc như sau:

Một là, ưu tiên nguồn lực để hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường. Với các địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị thì tập trung hỗ trợ để củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm hiện có; với các địa phương có tiềm năng, thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa thì tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị mới do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện.

Hai là, với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (các xã, thôn khó khăn nhất, xa trung tâm, cơ sở hạ tầng yếu kém, dân cư phân bố rải rác, điều kiện địa hình, đất đai hạn chế trong việc phát triển sản xuất hàng hóa với quy mô phù hợp với liên kết theo chuỗi giá trị) thì tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng.

Ba là, hỗ trợ phát triển sản xuất có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm đặc sản, đặc hữu, có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế cao, có ý nghĩa quan trọng đối với giảm nghèo, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai, thúc đẩy bình đẳng giới, hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố QPAN.

Bốn là, hỗ trợ phát triển sản xuất có chu kỳ đủ dài để đảm bảo tính ổn định, hiệu quả, duy trì bền vững và khả năng nhân rộng của mô hình, dự án nhưng thời gian hỗ trợ không quá 05 năm.

2) Nhân rộng mô hình trang trại tổng hợp, trồng cây ăn quả kết hợp chăn nuôi, mô hình chăn nuôi có hiệu quả

Các Đoàn KTQP cần phối hợp với địa phương nghiên cứu, rà soát, lựa chọn cây trồng, vật nuôi có thế mạnh, có giá trị kinh tế cao; phổ biến chủ

trương về chuyển đổi cây trồng, vật nuôi; đồng thời hỗ trợ người dân trong một số hoạt động như: Chuyển đổi gần đất vườn tạp, hiệu quả sản xuất thấp để xây dựng mô hình trang trại tổng hợp, trồng cây ăn quả kết hợp chăn nuôi; hỗ trợ người dân được ưu tiên vay vốn ngân hàng; hướng dẫn kỹ thuật lựa chọn cây trồng trọt, vật nuôi phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng ở địa phương... Đối với lâm nghiệp, cần phát triển theo hướng bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái; trồng rừng gỗ lớn; khoán khoán nuôi; bảo vệ rừng phòng hộ; thâm canh khôi phục rừng luồng...

Ngoài ra, cần khuyến khích người dân mạnh dạn thử nghiệm, thực hiện các mô hình mới, đi từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn như sản xuất rau sạch, nuôi gia súc, gia cầm sạch có giá trị kinh tế cao... từng bước, xóa bỏ dần lối sản xuất manh mún, thay vào đó là tư duy và cách thức sản xuất hàng hóa theo hướng tập trung, giúp người dân vươn lên làm giàu chính đáng. Chính quyền địa phương cần đánh giá tình hình thực hiện, đặc điểm về khí hậu, thổ nhưỡng, thế mạnh của từng địa bàn để hỗ trợ người dân nhân rộng, phát triển các mô hình sản xuất hiệu quả; điển hình như một số mô hình được triển khai trên địa bàn Khu KTQP trong thời gian qua như: 22 mô hình chăn nuôi trâu bò, ngựa, dê sinh sản, lợn bản địa, gà lai chọn tại các Khu KTQP giáp biên giới với Trung Quốc; 07 mô hình trồng cây ăn quả, cây công nghiệp như: Mít tố nữ, vải thiều, mắc ca, mận... của Khu KTQP Bình Liêu - Quảng Hà - Móng Cái; mô hình trồng cây dong giềng, lúa nước tại Khu KTQP Khe Sanh; mô hình trồng và chiết xuất sả java, trồng dưa lưới, chế biến chè Shan Tuyết tại Khu KTQP Kỳ Sơn; mô hình nuôi cá rô đầu vuông tại Khu KTQP Mường Lát.

Bên cạnh đó, cần phát huy hơn nữa vai trò của lực lượng tri thức trẻ tình nguyện trong việc hỗ trợ người dân xây dựng, thử nghiệm và nhân rộng được các mô hình trồng trọt, chăn nuôi mới. Các đơn vị quản lý tri thức trẻ tình nguyện cần giao nhiệm vụ để các đội viên làm tốt công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức đoàn thể của địa phương trong việc điều tra, khảo sát tình hình kinh tế, chính trị, xã hội; xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết, phù hợp với yêu cầu phát triển KTXH của địa phương và thực tế nhiệm vụ của đơn vị. Thực hiện phương châm 4 cùng “cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc” với nhân dân; nghiên cứu khí hậu, thổ nhưỡng,...; nắm bắt điều kiện kinh tế, đời sống dân cư, phong tục tập quán; nghiên cứu các mô hình PTKT, đề xuất các giải pháp giúp dân sản xuất, nhân

rộng mô hình giảm nghèo. Phối hợp với cán bộ khuyến nông - khuyến lâm tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân đổi mới phương thức sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, các mô hình mới, nâng cao năng suất vật nuôi, cây trồng như: Xây dựng mô hình trồng cây công nghiệp có lợi thế; hướng dẫn phương pháp trồng, bảo vệ, chăm sóc rừng, phòng chống cháy rừng; xây dựng mô hình Vườn - Ao - Chuồng; xây dựng vườn ươm, trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng; chăm sóc, thu hoạch nông sản; chăn nuôi tập trung, tạo ngân hàng con giống, cấp con giống, nuôi mẫu vật nuôi; hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ chăn nuôi; tổ chức tiêm phòng, điều trị dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, kiểm tra đôn đốc các hộ làm chuồng trại, vệ sinh, chống rét cho gia súc, gia cầm.

3) Nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình kinh tế hợp tác xã

Trước hết, cần nâng cao năng lực của hợp tác xã trong việc tham gia cung cấp dịch vụ công như khuyến nông, các dịch vụ quản lý, phân phối đầu vào, đầu ra. Đổi mới cơ chế, phương thức hoạt động để các thành viên của hợp tác xã được đảm bảo nhiều quyền lợi trong việc tham gia hợp tác xã như: Cập nhật, tiếp thu kiến thức về sản xuất kinh doanh; tiếp cận đối tác; được sử dụng các dịch vụ của hợp tác xã; hưởng lợi ích từ các yếu tố đầu vào để phục vụ sản xuất, hỗ trợ đầu ra sản phẩm ổn định; được tham gia khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn; tham quan học tập các mô hình SXKD mới, có hiệu quả; được tiếp cận với nhiều chương trình, mô hình hỗ trợ từ chính sách của Nhà nước và các nhà đầu tư; không bị tư thương ép giá, khi gặp khó khăn thì được hợp tác xã giúp đỡ. Người nông dân có quyền giám sát các doanh nghiệp bán vật tư đầu vào, giá cả, chất lượng ra sao, có quyền kiểm soát đầu ra bằng việc liên kết với các chuỗi siêu thị bán hàng giá gốc. Khi quyền lực và lợi ích của hợp tác xã được nâng cao thì sẽ có nhiều người muốn tham gia và trở thành thành viên của hợp tác xã.

Trong các dự án đầu tư phát triển Khu KTQP, cần nghiên cứu để thực hiện giao việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho các tổ chức kinh tế tập thể, xác định các tổ chức kinh tế tập thể là chủ thể phù hợp để kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân... Đây là bước tiến rất quan trọng để hợp tác xã có tài sản, có đất đai, có thêm nhiều dịch vụ, có lợi nhuận... Sự giúp đỡ, hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã là thông qua

những hoạt động như vậy chứ không phải chỉ bằng cách phân chia chính sách hỗ trợ. Để làm sao hợp tác xã bước vào “cuộc chơi” thị trường phải có sức mạnh tương đương, thậm chí phải mạnh hơn các hình thái kinh tế khác thì hộ nông dân mới có thể dựa vào đó để phát triển.

Ngoài ra, lãnh đạo, chính quyền các cấp cần quan tâm tới công tác đào tạo lực lượng quản lý, lãnh đạo trong hợp tác xã nhằm nâng cao trình độ quản lý, trình độ tổ chức sản xuất của người lãnh đạo hợp tác xã có trình độ, tổ chức sản xuất, thực sự trở thành “thủ lĩnh cộng đồng”; trao quyền quản lý và sử dụng cho người dân thông qua kinh tế tập thể. Xây dựng tổ chức kinh tế tập thể mới khác biệt so với tổ chức hợp tác xã cũ là hoàn toàn thuộc quyền quản lý của nhân dân, do dân bầu, do dân đóng góp.

4.2.4. Nhóm giải pháp về tăng cường sự tham gia của Quân đội đối với phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng

4.2.4.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp trong Quân đội trong việc thực hiện chủ trương PTKT trên địa bàn các Khu KTQP

Phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP chịu sự chi phối của nhiều tổ khách quan và chủ quan. Trong đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp là yếu tố đảm bảo cho quá trình thực hiện nhiệm vụ giữ đúng vị trí, vai trò, được tiến hành thường xuyên, đồng bộ, đồng thời làm cho quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ luôn đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn của đơn vị, địa bàn, tránh được những sai sót, lệch lạc trong quá trình tổ chức thực hiện. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, duy trì trật tự an toàn xã hội và đấu tranh với các loại tội phạm trong khu vực biên giới nhằm tạo ra môi trường chính trị, kinh tế ổn định cho PTKT, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới là giải pháp có ý nghĩa quan trọng, giữ vai trò chủ đạo, định hướng trong quá trình thực hiện PTKT trên địa bàn Khu KTQP.

Cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần phải quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của cấp trên, của phương hướng của nhiệm vụ quân sự quốc phòng và PTKT trên địa bàn các Khu KTQP mà trọng tâm là Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Nghị định của Chính phủ và quy hoạch Khu KTQP tại Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của

Thủ tướng Chính phủ. Luôn tạo ra sự gắn bó, thống nhất chặt chẽ trong chỉ huy, chỉ đạo với quá trình thực hiện nhiệm vụ giúp cho mọi cán bộ, làm nhiệm vụ trong các Khu KTQP, giúp các cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ tại đây hiểu sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về PTKT với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần xác định rõ nhiệm vụ chính trị trung tâm trong quân sự quốc phòng là nhiệm vụ trọng điểm, bên cạnh đó nhiệm vụ PTKT là nền tảng quan trọng để bảo vệ biên giới, biên cương, vùng biển, vùng trời của tổ quốc vững mạnh toàn diện. Nội dung này cần được thực hiện tốt hơn đối với các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia.

4.2.4.2. Tăng cường công tác điều tra, khảo sát của các Đoàn KTQP về đặc điểm tự nhiên, tình hình KTXH trên địa bàn các Khu KTQP

Để có những chủ trương, chính sách đúng đắn phải dựa trên những luận cứ, cơ sở khoa học. Vì vậy, để công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chỉ huy các cấp đúng đắn, hiệu quả đối với nhiệm vụ PTKT trên địa bàn các Khu KTQP đòi hỏi tiến hành cần nắm chắc tình hình trên địa bàn và tiến hành điều tra, khảo sát tình hình đặc điểm tự nhiên, KTXH trên địa bàn các Khu KTQP là cần thiết. Việc điều tra, khảo sát phải toàn diện, số liệu chính xác, đưa ra được bức tranh toàn cảnh, trung thực về đặc điểm tự nhiên, tình hình KTXH ở khu vực các Khu KTQP.

Điều tra khảo sát về đặc điểm tự nhiên, cần tập trung vào nghiên cứu tình hình thời tiết, khí hậu, đất đai, cùng các thế mạnh, đặc trưng của địa phương... Tình hình KTXH cần trung vào kết cấu hạ tầng cơ sở, ngành nghề của địa phương, tình hình đời sống sinh hoạt, thu nhập của nhân dân... vấn đề quan trọng, thông qua điều tra khảo sát phải chỉ ra được những thuận lợi, khó khăn về điều kiện tự nhiên và KTXH, những vấn đề bức xúc về đời sống, lao động sản xuất của nhân dân trên địa bàn các Khu KTQP. Lực lượng tiến hành điều tra, khảo sát là cán bộ, chiến sĩ trên địa bàn các Khu KTQP. Vì vậy, trên cơ sở kế hoạch chung của các Khu KTQP chỉ đạo các Đoàn KTQP tiến hành điều tra, khảo sát. Quá trình điều tra khảo sát cần phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành ở địa phương như: Kế hoạch và đầu tư, Tài nguyên và môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục... để có những số liệu phong phú, toàn diện, trung thực. Để đảm bảo tính thống nhất, thuận lợi

cho việc xử lý các số liệu, cần tổ chức tập huấn cho cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia điều tra, khảo sát; phải có hệ thống nội dung, mẫu biểu thống nhất. Cùng với việc điều tra, khảo sát như trên, cấp ủy, chỉ huy, cơ quan tham mưu theo chức năng, nhiệm vụ của mình cần đi sâu phân tích đánh giá những ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế và nguyên nhân, nhất là những nguyên nhân thuộc về lãnh đạo, chỉ huy để điều chỉnh, bổ sung công tác lãnh đạo, chỉ đạo sát thực tế và hiệu quả.

4.2.4.3. Xây dựng các nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của các Đoàn KTQP sát thực tế, có mục tiêu rõ ràng; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện cụ thể, kịp thời

Trên cơ sở quán triệt chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của trên và tình hình nhiệm vụ của đơn vị, cấp ủy các cấp có nội dung lãnh đạo nhiệm vụ tham gia phát triển KTXH ở khu vực biên giới. Tùy tình hình thực tế ở từng cấp, từng địa phương để xây dựng nghị quyết chuyên đề hoặc bổ sung điều chỉnh nội dung lãnh đạo. Nghị quyết lãnh đạo phải xác định rõ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, có phân công, phân cấp rõ ràng. Đối với các chi bộ, đảng bộ của các Đoàn KTQP cần chú ý tình hình, đặc điểm ở các khu vực để xây dựng nghị quyết lãnh đạo phù hợp, tránh tình trạng nội dung lãnh đạo chung chung, thiếu chủ trương, giải pháp cụ thể, thiết thực.

Khi thông qua nghị quyết để tạo ra sự thống nhất cao, cần thực hiện đúng thủ tục, nguyên tắc, phát huy trí tuệ tập thể của cấp ủy, dân chủ bàn bạc, thảo luận kỹ nội dung, nhất là các chỉ tiêu phấn đấu, các chương trình dự án số lượng kinh phí lớn, thời gian dài, phải sử dụng nhiều lực lượng các bên tham gia, những vấn đề khó khăn và các chủ trương, giải pháp cần phải tập trung lãnh đạo.

Khi có nghị quyết lãnh đạo của các cấp ủy, chỉ huy các cấp theo sự phân công phải xây dựng chương trình hành động hoặc kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết. Chỉ huy các Đoàn KTQP cần xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình hành động, kế hoạch phải cụ thể, rõ ràng về nội dung công việc, thời gian thực hiện và phân công cán bộ, đơn vị cấp dưới thực hiện chương trình hành động càng chi tiết, cẩn thận tỉ mỉ kế hoạch càng rõ ràng, cụ thể chi tiết thì càng thuận lợi cho quá trình chỉ huy, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cơ quan đơn vị, tránh được sự chông chéo, bị sót công việc hoặc

chậm trễ về thời gian thực hiện. Thực tế đã cho thấy một số thời điểm ở một số các Đoàn KTQP, một số đơn vị nhất là các đơn vị cơ sở việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, kế hoạch còn chung chung, sơ sài. Chính vì vậy, còn nhiều lúng túng trong tổ chức thực hiện, hiệu quả thấp.

4.2.4.4. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc trong thực hiện nhiệm vụ của các Đoàn KTQP

Kiểm tra, đôn đốc là chức năng nhiệm vụ của lãnh đạo, chỉ huy. Kiểm tra, đôn đốc để nhằm nắm được tình hình thực hiện nhiệm vụ, phát hiện những vấn đề mới nảy sinh. Uốn nắn, cân nhắc những hạn chế, thiếu sót, kịp thời bổ sung chủ trương, giải pháp thực hiện và còn để động viên các đơn vị, bộ phận, cán bộ, chiến sĩ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những hạn chế thiếu sót đã nảy sinh.

Kiểm tra, đôn đốc của cấp ủy, chỉ huy có thể trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất. Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ tham gia phát triển KTXH kết hợp với kiểm tra công tác quân sự quốc phòng. Trực tiếp cấp ủy chỉ huy có kiểm tra hoặc giao cho cơ quan chuyên môn. Kiểm tra phải toàn diện, nhưng tập trung vào khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, những chương trình, dự án lớn sử dụng nhiều kinh phí, những dự án hiệu quả còn thấp, có nhiều sai phạm trong sử dụng kinh phí, vật tư... Trong quá trình kiểm tra, không chỉ dừng lại ở việc đơn vị tìm cách khắc phục, tháo gỡ khó khăn để chương trình, dự án được thực hiện đúng kế hoạch đạt hiệu quả cao.

4.2.4.5. Làm tốt công tác sơ, tổng kết rút kinh nghiệm đối với hoạt động của các Đoàn KTQP

Việc sơ, tổng kết rút kinh nghiệm là nội dung bắt buộc trong quá trình lãnh đạo, chỉ huy nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, kế hoạch của cấp ủy, người chỉ huy. Thực hiện công tác sơ, tổng kết cần đảm bảo nội dung, khách quan, trung thực, phải chỉ rõ những việc làm được, hiệu quả đến đâu, những hạn chế, thiếu sót, trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy. Sơ, tổng kết phải được lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Những dự án, chương trình lớn cần có sự tham gia ý kiến của địa phương. Cần làm tốt việc động viên, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia phát triển KTXH ở khu vực biên giới; đồng thời kiểm điểm làm rõ trách nhiệm những bộ phận, cá nhân không thực hiện nhiệm vụ được giao.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Xây dựng các Khu KTQP ở địa bàn chiến lược, biên giới là chủ trương chiến lược của Đảng, Nhà Việt Nam. Những năm gần đây, các Khu KTQP đã và đang phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh trên các địa bàn chiến lược của Tổ quốc. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với các cấp, các ngành, Quân đội, địa phương phải chung tay xây dựng, phát huy vai trò của các Khu KTQP, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tuy nhiên, so với yêu cầu đề ra, quá trình xây dựng, phát triển các Khu KTQP cũng còn những hạn chế nhất định nên chưa phát huy hết vai trò trong thực hiện mục tiêu phát triển KTXH gắn với củng cố QPAN trên địa bàn chiến lược, biên giới. Hạ tầng giao thông yếu kém, thường xuyên bị thiên tai, lũ lụt, dân cư thưa thớt, trình độ dân trí thấp, trình độ sản xuất lạc hậu, vốn đầu tư hạn hẹp... dẫn đến việc PTKT trên các địa bàn này gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Một số mô hình sản xuất, chế biến mới được triển khai thực hiện, nên còn lúng túng, chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh. Việc thực hiện mục tiêu giúp dân phát triển KTXH, xóa đói, giảm nghèo ở một số Khu KTQP hiệu quả chưa cao... Thời gian qua, các công trình nghiên cứu có liên quan đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP còn rất ít, chủ yếu là có đề cập đến một cách gián tiếp. Do vậy, việc nghiên cứu PTKT trên địa bàn các Khu KTQP là một đề tài nghiên cứu có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Trong phạm vi nội dung của luận án, luận án đã tập trung giải quyết được các vấn đề sau:

- *Thứ nhất*, luận án đã trình bày được vai trò và ý nghĩa của PTKT trên địa bàn Khu KTQP.

- *Thứ hai*, luận án đã hệ thống hóa và làm rõ lý luận chung về PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; trong đó, làm rõ sự khác biệt giữa PTKT trên địa bàn Khu KTQP so với các khu kinh tế thuần túy khác; xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

Trong đó, so với quan niệm về PTKT trước đây, luận án đã tách riêng và nhấn mạnh yếu tố bảo đảm quốc phòng an ninh và xem yếu tố này như là một trụ cột trong PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Theo đó, các tiêu chí để đánh giá bảo đảm an ninh quốc phòng cũng thể hiện khá rõ nét và khẳng định tính hợp lý của nó qua sử dụng khảo sát và phỏng vấn chuyên gia.

- *Thứ ba*, luận án đã đề xuất phương pháp nghiên cứu cả về định tính và định lượng trong việc phân tích thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; trình bày rõ mô hình và sử dụng mô hình kinh tế lượng để phân tích, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

- *Thứ tư*, luận án đã làm rõ, phân tích thực trạng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam hiện nay; xác định các nhân tố ảnh hưởng PTKT trên địa bàn các Khu KTQP và chỉ ra các hạn chế và nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong PTKT trên địa bàn Khu KTQP ở Việt Nam thời gian qua?

- *Thứ năm*, luận án đã đề xuất được các định hướng và giải pháp PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, bao gồm các nội dung về định hướng, quan điểm PTKT trên địa bàn các Khu KTQP, các giải pháp PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

Đồng thời, bên cạnh những việc đã làm được, luận án cũng đã chỉ ra được những hạn chế trong nghiên cứu của luận án và đề xuất các hướng nghiên cứu mới trong tương lai, thể hiện nghiên cứu của luận án là có tính kế thừa và phát triển trong tương lai.

2. Những hạn chế của luận án

Mặc dù luận án đã rất cố gắng nhưng vì một số điều kiện thực tế không cho phép nên luận án vẫn còn một số hạn chế nhất định. Cụ thể:

Thứ nhất, mẫu khảo sát chưa bao quát hết các đối tượng liên quan đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP; phạm vi đối tượng khảo sát còn hẹp, chỉ mới khảo sát trên 04 nhóm đối tượng là cơ quan chức năng của BQP, giảng viên, các Đoàn KTQP và người dân. Ngoài ra, đối tượng nghiên cứu chỉ tập

trung vào các Khu KTQP trên đất liền nên việc áp dụng những đóng góp mới của luận án có thể sẽ không phù hợp với các Khu KTQP trên biển, đảo.

Thứ hai, nội dung đánh giá thực trạng còn chưa đi sâu vào việc phân tích từng Khu KTQP và bao quát đầy đủ được nội hàm của PTKT.

Thứ ba, luận án đã xác định các nhân tố ảnh hưởng nhưng các giải pháp của luận án còn có phần hạn chế, chưa làm nổi bật hết các hàm ý chính sách cho việc PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

Thứ tư, nghiên cứu chỉ mới dừng lại ở việc sử dụng phương pháp thống kê mô tả và mô hình kinh tế lượng như: Kiểm định Cronbach Alpha, phân tích nhân tố EFA và mô hình hồi quy, ... để đánh giá và tìm kiếm các nhân tố ảnh hưởng đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP chứ chưa phân tích được mô hình SEM hay PLS-SEM, ... Ngoài ra, các yếu tố về kinh tế, xã hội và QPAN trong nội hàm của PTKT trên địa bàn các Khu KTQP và mô hình phân tích định lượng đang được luận án xác định tương đương, chưa xây dựng trọng số tương ứng với từng yếu tố.

3. Kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo

Thứ nhất, mở rộng phạm vi nghiên cứu đến tất cả các Khu KTQP (trên đất liền và trên biển, đảo) để nghiên cứu có tính toàn diện.

Thứ hai, mở rộng phạm vi đối tượng khảo sát, nhiều nhóm đối tượng hơn. Ngoài 04 nhóm đối tượng như luận án, bổ sung thêm nhóm đối tượng các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn, các chuyên gia... để kết quả khảo sát phản ánh chính xác hơn về mức độ PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.

Thứ ba, về phương pháp nghiên cứu định lượng, cần sử dụng thêm các mô hình SEM hoặc AMOS hoặc PLS-SEM để nghiên cứu nhằm làm rõ hơn mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến PTKT trên địa bàn các Khu KTQP. Trong nội hàm của PTKT trên địa bàn các Khu KTQP và mô hình phân tích định lượng cần xây dựng trọng số tương ứng với từng yếu tố về kinh tế, xã hội và QPAN để phân tích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Mẫn Hà Anh (2001), *Xây dựng Khu kinh tế - quốc phòng nhìn từ Bình đoàn 16*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (số 8/2001), Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Bảy (2004), *Phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng góp phần quan trọng vào việc xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân*, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng và Kinh tế (số 5/2004), Hà Nội.
3. Bình đoàn 16 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2017 - 2021*, Bình Phước.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mac Lê Nin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Quốc phòng (2005), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội
6. Bộ Quốc phòng (2006), *Xây dựng Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 1998 - 2006*, Hà Nội.
7. Bộ Quốc phòng (2017), *Thông tư số 294/2017/TT-BQP ngày 24/11/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Đoàn KTQP*, Hà Nội.
8. Bộ Quốc phòng (2017), *Báo cáo tổng kết của một số quân khu và đoàn kinh tế quốc phòng tại Hội nghị tổng kết xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2000 - 2016*, Hà Nội.
9. Bộ Quốc phòng (2017), *Báo cáo tổng kết xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2000 - 2016*, Hà Nội.
10. Bộ Quốc phòng (2017), *Văn bản pháp lý và tham luận của các địa phương, bộ, ngành và cơ quan Bộ Quốc phòng tại Hội nghị tổng kết xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2000 - 2016*, Hà Nội.
11. Bộ Quốc phòng (2019), *Báo cáo tổng hợp rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng các Khu KTQP đến năm 2015, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

12. Bộ Quốc phòng (2021), *Báo cáo tổng kết của một số Quân khu và Đoàn kinh tế quốc phòng tại Hội nghị tổng kết xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2010 - 2020*, Hà Nội.
13. Bộ Quốc phòng (2021), *Báo cáo tổng kết xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng giai đoạn 2010 - 2020*, Hà Nội.
14. Bộ Tài chính (2018), *Thông tư số 02/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 Hướng dẫn cơ chế hỗ trợ tài chính đối với Khu kinh tế - quốc phòng*, Hà Nội.
15. Bộ Tư lệnh Quân khu 3 (2003), *Kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội trong Khu kinh tế - quốc phòng*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Hải Phòng.
16. Công ty Cà phê 15 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2017 - 2021*, Đắk Nông.
17. Nguyễn Thanh Châu (2008), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng quản lý ngân sách nhà nước đầu tư dự án các Khu kinh tế - quốc phòng ở Quân khu 4 - Bộ Quốc phòng*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Học viện Hậu cần, Hà Nội.
18. Chính phủ (2020), *Báo cáo Đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội.
19. Chính phủ (2009), *Nghị định số 44/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 về xây dựng Khu kinh tế - quốc phòng*, Hà Nội.
20. Chính phủ (2018), *Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế xã hội với quốc phòng*, Hà Nội.
21. Chính phủ (2019), *Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2021), *Nghị định số 22/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 về Khu kinh tế - quốc phòng*, Hà Nội.
23. Trần Quốc Dũng (2003), *Khu kinh tế quốc phòng - Một số vấn đề đặt ra về chế độ, chính sách đảm bảo*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (số 9/2003), Hà Nội.

24. Đoàn KTQP 207 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Quảng Nam.
25. Đoàn KTQP 313 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Hà Giang.
26. Đoàn KTQP 326 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Sơn La.
27. Đoàn KTQP 327 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Quảng Ninh.
28. Đoàn KTQP 337 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Quảng Trị.
29. Đoàn KTQP 338 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Lạng Sơn.
30. Đoàn KTQP 345 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2017 - 2021*, Lào Cai.
31. Đoàn KTQP 356 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Lai Châu.
32. Đoàn KTQP 379 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Điện Biên.
33. Đoàn KTQP 4 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Nghệ An.

34. Đoàn KTQP 5 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Thanh Hóa.
35. Đoàn KTQP 710 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Gia Lai.
36. Đoàn KTQP 737 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Đắk Lắk.
37. Đoàn KTQP 79 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Quảng Bình.
38. Đoàn KTQP 799 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Cao Bằng.
39. Đoàn KTQP 915 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2017 - 2021*, Kiên Giang.
40. Đoàn KTQP 959 (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Đồng Tháp.
41. Đoàn KTQP Bắc Lâm Đồng (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và kết quả thực hiện xóa đói giảm nghèo vùng dự án Khu KTQP giai đoạn 2016 - 2021*, Lâm Đồng.
42. Phan Thanh Hải (2004), *Quận khu 4 với việc xây dựng các khu kinh tế quốc phòng*, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng và Kinh tế (số 1/2004), Hà Nội.
43. Phạm Xuân Hảo (2004), *Về việc định cư và tổ chức ổn định dân cư ở các khu kinh tế quốc phòng*, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng và Kinh tế (số 3/2004), Hà Nội.
44. Phạm Xuân Hảo (2005), *Quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc trong xây dựng, củng cố khu kinh tế quốc phòng*, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng và Kinh tế (số 1/2005), Hà Nội.

45. Đỗ Huy Hằng (2007), *Bàn về biện pháp giải ngân vốn đầu tư ngân sách Nhà nước để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, góp phần xây dựng tiềm lực hậu cần tại chỗ trong khu kinh tế quốc phòng*, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Hậu cần quân sự (số 4/2007), Hà Nội.
46. Đỗ Huy Hằng (2008), *Bàn về dự trữ vật chất hậu cần của các đoàn kinh tế quốc phòng*, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Hậu cần quân sự (số 4/2008), Hà Nội.
47. Đỗ Huy Hằng (2010), *Xây dựng tiềm lực hậu cần trong khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn quân khu phía Bắc*, Luận án tiến sĩ quân sự, Học viện Hậu cần, Hà Nội.
48. Học viện Hậu cần (2005), *Quân đội xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng*, Chuyên đề Thông tin khoa học (số 34/2005), Hà Nội.
49. Nguyễn Hữu Huệ (2005), *Một số vấn đề về thẩm định hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư ở các khu kinh tế quốc phòng*, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Hậu cần quân sự (số 4/2005), Hà Nội.
50. Đỗ Mạnh Hùng (2008), *Đầu tư phát triển các khu kinh tế quốc phòng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
51. Nguyễn Mạnh Hưởng (2004), *Vấn đề di dân và xây dựng cơ sở chính trị ở các khu kinh tế quốc phòng*, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng và Kinh tế (số 4/2004), Hà Nội.
52. Nguyễn Mạnh Hưởng (2005), *Một số vấn đề xây dựng cơ sở chính trị xã hội ở các khu kinh tế quốc phòng*, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng và Kinh tế (số 4/2005), Hà Nội.
53. Trần Thanh Kính (2004), *Đoàn kinh tế quốc phòng B79 (Quân khu 2) giúp dân xoá đói giảm nghèo, xây dựng đơn vị và địa bàn an toàn*, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng và Kinh tế (số 4/2004), Hà Nội.
54. Phạm Văn Khải (2008), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý vốn đầu tư tập trung Nhà nước tại các khu kinh tế quốc phòng*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hậu cần, Hà Nội.
55. Nguyễn Đức Lâm (2017), *Tổng cục Công nghiệp quốc phòng kết hợp chặt chẽ sản xuất quốc phòng với kinh tế*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (số 3/2017), Hà Nội.

56. Phạm Tiến Luật (2003), *Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế tạo tiềm lực hậu cần trên địa bàn Quân khu 3*, Luận án tiến sĩ quân sự, Học viện Hậu cần, Hà Nội.
57. Ngô Thắng Lợi (2013), *Phát triển kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
58. Đào Văn Mạnh (2004), *Đồn điền binh ngày xưa và khu kinh tế quốc phòng ngày nay - Mô hình kết hợp kinh tế với quốc phòng có hiệu quả*, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Hậu cần quân sự (số 8/2004), Hà Nội.
59. Nguyễn Quang Minh (2007), *Công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số của các đoàn kinh tế quốc phòng*, Học viện Hậu cần, Hà Nội.
60. Đặng Thị Minh Nguyệt (2020), *Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2015*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
61. Nguyễn Nhâm (2005), *Xây dựng khu kinh tế quốc phòng trên các địa bàn chiến lược của Tổ quốc - Thực trạng và mấy giải pháp*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (số 6/2005), Hà Nội.
62. Nguyễn Thị Nhung (2012), *Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân.
63. Tạ Thanh Phong (2004), *Vai trò các khu kinh tế quốc phòng với xây dựng tiềm lực hậu cần tại chỗ*, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Hậu cần quân sự (số 8/2004), Hà Nội.
64. Đặng Xuân Phong (2012), *Phát triển KKTCK biên giới phía Bắc Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân.
65. Nguyễn Xuân Phúc (2012), *Quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp kinh tế quốc phòng*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
66. Trần Xuân Phương (2003), *Xây dựng và phát triển các khu kinh tế quốc phòng ở nước ta hiện nay và vai trò của Quân đội trong quá trình đó*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Chính trị quân sự, Hà Nội.

67. Quân ủy Trung ương (2021), *Nghị quyết số 820-NQ/QUTW ngày 17/12/2021 lãnh đạo nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng của Quân đội đến năm 2030*, Hà Nội.
68. Nguyễn Văn Rinh (2006), Quân đội đẩy mạnh xây dựng Khu KTQP, tham gia phát triển KTXH, củng cố QPAN trên địa bàn chiến lược, biên giới, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (số 11.2003), Hà Nội
69. Trần Văn Tịch (2007), Hiệu quả kinh tế xã hội của các khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay, Luận văn thạc sĩ, Học viện Chính trị quân sự, Hà Nội.
70. Trần Trung Tín (2017), *Kết hợp kinh tế với quốc phòng ở nước ta hiện nay*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 534 tr.
71. Hồ Quốc Toàn (2001), *Xây dựng khu kinh tế quốc phòng trên các địa bàn chiến lược - Triển vọng và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (số 7/2001), Hà Nội.
72. Hồ Quốc Toàn (2001), Xây dựng một Khu KTQP - một kế sách dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (số 06.2001), Hà Nội.
73. Lê Thanh Tuấn (2019), *Phát triển kinh tế biên giới Việt - Trung (tỉnh Quảng Ninh): Vấn đề và giải pháp*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
74. Từ Ngọc Thạch (2004), *Đoàn 327 thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn chiến lược Đông Bắc Tổ quốc*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (số 2/2004), Hà Nội.
75. Bùi Đình Thanh (2015), *Về khái niệm phát triển*, truy cập ngày 20/3/2015 tại <https://tadri.org/vi/news/Tin-tuc/VE-KHAI-NIEM-PHAT-TRIEN-199/>
76. Kim Thanh (2005), *Đoàn kinh tế quốc phòng Mẫu Sơn xây dựng mối quan hệ gắn bó quân dân trên vùng dự án*, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng và Kinh tế (số 5/2005), Hà Nội.
77. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 174/2010/QĐ-TTg ngày 29/01/2010 Phê duyệt dự án “Tăng cường tri thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các Khu KTQP giai đoạn 2010-2020”*, Hà Nội

78. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 83/2010/QĐ-TTg ngày 15/12/2010 về việc ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế - quốc phòng*, Hà Nội
79. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 09/8/2010 Phê duyệt Quy hoạch xây dựng và phát triển các khu kinh tế - quốc phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025*, Hà Nội.
80. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng và phát triển các khu kinh tế - quốc phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025*, Hà Nội.
81. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia tham gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025*, Hà Nội.
82. Nguyễn Thị Trang (2014), *Phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Nghệ an*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng.
83. Hoàng Huy Trọng (2021), *Phát triển kinh tế trong xây dựng nông thôn mới ở huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
84. Nguyễn Trung (2006), *Binh đoàn 15 - mô hình thành đạt Khu KTQP trên địa bàn chiến lược*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (số 07.2001), Hà Nội
85. Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn quân sự (2006), *Quân đội tham gia xây dựng cơ sở chính trị xã hội ở các khu kinh tế quốc phòng*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
86. Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn quân sự (2010), *Một số vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Việt Nam trong tình hình mới*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
87. Nguyễn Trọng Xuân (2004), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả xóa đói giảm nghèo ở các khu kinh tế quốc phòng*, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng và Kinh tế (số 6/2004), Hà Nội.

Tiếng Anh

88. David Lei (2008), *China's New Multi-Faceted Maritime Strategy*, Orbis, United States of America, PP 139-157.
89. Dwight H.Perkins, Steven Radelet, David L.Lindauer (2013), *Economics of Development*, W. W. Norton & Company, PP 880.
90. Heo, Uk. (2009), *The Relationship between Defense spending and economic growth in the United States*, Political Research Quarterly, United States of America, PP 760-770.
91. Jomana Amara (2008), *Military industrialization and economic development: Jordan's defense industry*, Review of Financial Economics, United States of America, PP 38-53.
92. Joseph Alois Schumpeter, 1934 (1949), *The Theory of Economic Development*, Harvard University Press, PP 266.
93. Malik, T.H. (Tariq H. Malik) (2018), *Defence investment and the tranformation national science and technology: A Perspective on the exploitation of high technolygy*, technological Forecasting and Social Change, United States of America, PP 199-208.
94. Michal P.Torado và Stephen C. Smith (2012), *Economic Development*, Trans-Atlantic Publications, PP 860.
95. Muhammad Shahbaz, Nuno Carlos LeiTão, Gazi Salah Uddin, Mohamed Arouri, Frédéric Teulon (2013), *Should Portuguese economy invest in defense spending? A revisit*, Economic Modelling, Portugal, PP 805-815.
96. Richard A.Bitzinger (2009), *The Modern defense industry: Political, Economic, and Technological issues*, Greenwood Publishing Group, United States of America.
97. Tai Ming Cheung (2009), *The Struggle to build a modern defense economy*, Cornell University Press, United States of America.
98. Woodrow.W Clark (1995), *Defence conversion: The economic conversion of the American economy*, Industrial Marketing Management, United States of America, PP 391-409. Continuty and change in China's maritime strategy.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. **Lê Mạnh Cường** (2021). Phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 07 (761).
2. **Lê Mạnh Cường** (2021). Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các khu kinh tế quốc phòng ở Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 29 (783).
3. **Lê Mạnh Cường** (2022). Những giải pháp xây dựng khu kinh tế quốc phòng vững chắc tại vùng biên giới của Tổ quốc trong thời gian tới. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 19 (809).
4. **Lê Mạnh Cường** (2022). Giải pháp phát triển các khu kinh tế quốc phòng. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 29 (819).
5. **Lê Mạnh Cường** (2023). Tiếp tục xây dựng và phát triển các khu kinh tế quốc phòng vững mạnh trong tình hình mới. *Tạp chí Quân sự quốc phòng*, số 59.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Mẫu phiếu tham vấn ý kiến chuyên gia

PHIẾU THAM VẤN Ý KIẾN CHUYÊN GIA

Mã phiếu:

Xin kính chào quý Ông/ Bà!

Tôi là Lê Mạnh Cường, hiện tôi đang học nghiên cứu sinh bậc Tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hiện tại tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu: ***“Phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam”***. Được biết quý Ông/Bà là chuyên gia trong ngành kinh tế phát triển, tôi rất mong quý Ông/Bà cung cấp những thông tin để phục vụ nghiên cứu bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát dưới đây. Tôi cam kết chỉ sử dụng các thông tin này cho mục đích nghiên cứu của tôi, không sử dụng vào mục đích nào khác.

Mọi thông tin liên lạc, xin quý Ông/ Bà vui lòng liên hệ:

Lê Mạnh Cường

Điện thoại: 0972.197.410

Email: ktqdmanhcuong@gmail.com

Rất mong nhận được sự giúp đỡ của Quý Ông/Bà!

Xin chân thành cảm ơn!

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Xin quý Ông/Bà cho biết một số thông tin về cá nhân:

1. Họ và tên (có thể không ghi vì lý do bảo mật):.....

2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

3. Học hàm, học vị cao nhất

☐ Cử nhân/ Kỹ sư ☐ Thạc sĩ ☐ Tiến sĩ

☐ Phó Giáo sư, Tiến sĩ ☐ Giáo sư, Tiến sĩ ☐

Khác:.....

4. Đơn vị công tác hiện nay:

.....

5. Số năm công tác

☐ Dưới 5 năm

☐ Từ 5 năm đến 10 năm

☐ Từ 11 năm đến 20 năm

☐ Trên 20 năm

6. Số điện thoại liên hệ:.....

B. THÔNG TIN CẦN THAM VẤN

PHẦN I. THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KTQP

1. Về khía cạnh đánh giá phát triển kinh tế

Ông/bà có đồng ý về đánh giá phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP theo các khía cạnh sau:

Khía cạnh đánh giá	Đồng ý	Không đồng ý
1. Khía cạnh về kinh tế		
2. Khía cạnh về xã hội		
3. Khía cạnh về quốc phòng – an ninh		

Ý kiến khác:

2. Về nội dung các khía cạnh đánh giá phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP

2.1. Khía cạnh về kinh tế

Ông/bà có đồng ý về khía cạnh kinh tế cần đánh giá theo các tiêu chí sau:

	Tiêu chí đánh giá	Đồng ý	Không đồng ý
1	Giá trị sản xuất theo ngành kinh tế		
2	Giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế		

3	TNBQ đầu người		
4	Cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành kinh tế		
5	Cơ cấu sản phẩm vùng		
6	Cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế		
7	Cơ cấu thu nhập của hộ gia đình		
8	Sản lượng lương thực, chăn nuôi		
9	Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất canh tác		
10	Cơ cấu sản phẩm theo chủ thể đầu tư: Quân đội/người dân		
11	Giá trị sản phẩm do Quân đội đầu tư, hỗ trợ trên địa bàn Khu KTQP		
12	Quy mô và tỷ trọng đầu tư của Quân đội trong Khu KTQP		

Ý kiến khác:.....

2.2. Khía cạnh về xã hội

Ông/bà có đồng ý về khía cạnh văn hoá – xã hội cần đánh giá theo các tiêu chí sau:

Tiêu chí đánh giá		Đồng ý	Không đồng ý
1	Tỷ lệ nghèo đói		
2	Tỷ lệ thất nghiệp		
3	Tỷ lệ thiếu việc làm		
4	Tỷ lệ người lớn biết chữ (từ 15 tuổi trở lên) phân theo giới tính		
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường		
6	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi		
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo		
8	Tuổi thọ trung bình của người dân		
9	Tỷ lệ trẻ em chết yểu		
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng		
11	Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế		
12	Tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản		
13	Trẻ em sơ sinh được chăm sóc y tế		
14	Số con bình quân trong một gia đình		
15	Tỷ lệ người dân được tham gia BHYT		
16	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh		
15	Tỷ lệ thôn có đường nhựa đến trung tâm của xã		
16	Tỷ lệ gia đình có điện		

17	Tốc độ tăng trưởng dân số		
18	Số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất được đầu tư vào các Khu KTQP		
19	Tỷ lệ thôn có đường nhựa đến trung tâm của xã		
20	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đời sống, sản xuất của người dân		

Ý kiến khác:

2.3. Khía cạnh về quốc phòng an ninh

Ông/bà có đồng ý về khía cạnh quốc phòng an ninh cần đánh giá theo các tiêu chí sau:

Tiêu chí đánh giá		Đồng ý	Không đồng ý
1	Số vụ biểu tình trái phép		
2	Số vụ bắt cóc, buôn người qua biên giới		
3	Số vụ bạo loạn gây an ninh chính trị xã hội		
4	Số vụ vượt biên trái phép		
5	Số vụ buôn bán ma túy qua biên giới		
6	Số vụ buôn lậu và gian lận thương mại		

Ý kiến khác:.....

3. Ông/bà cho biết quan điểm của mình về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP.

3.1. Đặc điểm tự nhiên của Khu KTQP (TN)

Nội dung xin được tham vấn	Đồng ý	Không đồng ý
Đặc điểm tự nhiên là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)		

Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
CS01	Vị trí địa lý của các Khu KTQP		
CS02	Điều kiện về khí hậu		
CS03	Điều kiện về thổ nhưỡng		
CS04	Tình hình mưa, bão, lũ lụt		
CS05	Tình hình sạt lở đất		

Ý kiến khác:

3.2. Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất (HT)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			
Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
HT01	Hạ tầng giao thông		
HT02	Hạ tầng về trường học		
HT03	Hạ tầng về trạm xá, bệnh viện		
HT04	Hạ tầng về thủy lợi		
HT05	Hạ tầng điện lưới		

Ý kiến khác:.....

.....

3.3. Vốn đầu tư (DT)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			

Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
DT01	Quy mô vốn đầu tư		
DT02	Cơ cấu vốn đầu tư		
DT03	Nguồn vốn đầu tư		
DT04	Sự hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư		
DT05	Khả năng tiếp cận vốn tín dụng của người dân		

Ý kiến khác:.....

.....

3.4. Sở hữu đất của người dân (DD)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Sở hữu đất của người dân là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			
Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
DD01	Bố trí đất ở cho người dân		
DD02	Bố trí đất trồng trọt, chăn nuôi cho người dân		
DD03	Bố trí đất cho các khu công nghiệp		
DD04	Việc thu hồi đất của người dân phục vụ cho các dự án phát triển KTXH		

Ý kiến khác:.....

.....

3.5. Lao động (LD)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Lao động là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			

Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
LD01	Số lượng lao động		
LD02	Trình độ chuyên môn của người lao động		
LD03	Kỹ năng, tay nghề của người lao động		
LD04	Thái độ, tác phong làm việc của người lao động		
LD05	Đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn		

Ý kiến khác:.....

.....

3.6. Khoa học và công nghệ (CN)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Khoa học và công nghệ là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			
Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
CN01	Ứng dụng KHCN vào canh tác, trồng trọt		
CN02	Ứng dụng KHCN vào chăn nuôi		
CN03	Ứng dụng KHCN vào các mô hình chăn nuôi, trồng trọt tiêu biểu trên địa bàn		
CN04	Tập huấn kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cho người dân		
CN05	Đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng KHCN		

Ý kiến khác:.....

.....

3.7. Cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước (CS)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			

Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
CS01	Chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở đối với người dân sinh sống trên địa bàn		
CS02	Cơ chế hỗ trợ người dân trồng trọt, chăn nuôi		
CS03	Cơ chế hỗ trợ người dân phát triển sản xuất		
CS04	Chính sách xóa đói, giảm nghèo		
CS05	Chính sách về trợ cấp xã hội, BHYT của người dân		

Ý kiến khác:.....

3.8. Quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP (QH)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Quy hoạch và triển khai quy hoạch là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			
Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
QH01	Quy hoạch bố trí nhà ở, đất ở dân cư		
QH02	Quy hoạch đất trồng trọt, chăn nuôi		
QH03	Quy hoạch dự án ĐTXD công trình giao thông		
QH04	Quy hoạch dự án ĐTXD công trình thủy lợi		
QH05	Quy hoạch dự án ĐTXD các công trình dân sinh		

Ý kiến khác:.....

3.9. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương (DP)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			

Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
DP01	Sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế		
DP02	Số lượng cán bộ quản lý hành chính của chính quyền địa phương		
DP03	Cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền địa phương		
DP04	Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở địa phương		
DP05	Thái độ, tác phong công tác của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính địa phương		

Ý kiến khác:.....

.....

3.10. Cải cách thủ tục hành chính (HC)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Cải cách thủ tục hành chính là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			
Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
HC01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		
HC02	Thủ tục đăng ký kinh doanh		
HC03	Thủ tục vay vốn sản xuất		
HC04	Thủ tục đầu tư		
HC05	Thủ tục hộ tịch, đăng ký thường trú, tạm trú		

Ý kiến khác:.....

.....

3.11. Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội (VH)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			
Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
VH01	Sự ổn định về môi trường chính trị trên địa bàn		
VH02	Người dân được pháp luật bảo vệ an toàn để sinh sống và sản xuất		
VH03	Không có các phong tục cổ hủ, lạc hậu trên địa bàn		
VH04	Môi trường văn hóa, xã hội văn minh, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc		
VH05	Chăm lo xây dựng các thiết chế văn hóa		

Ý kiến khác:.....

.....

3.12. Các mô hình phát triển kinh tế (MH)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Các mô hình phát triển kinh tế là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			
Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
MH01	Sự hiệu quả từ mô hình trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn		
MH02	Sự hiệu quả từ mô hình hỗ trợ hai đầu		
MH03	Sự hiệu quả từ mô hình khuyến nông, khuyến lâm phát huy hiệu quả		
MH04	Sự hiệu quả của mô hình khuyến công		
MH05	Sự hiệu quả từ mô hình trí thức tình nguyện mang lại hiệu quả		

Ý kiến khác:.....

.....

3.13. Sự tham gia của Quân đội (QD)

Nội dung xin được tham vấn		Đồng ý	Không đồng ý
Sự tham gia của Quân đội là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP? (Nếu đồng ý, Ông/bà vui lòng cho ý kiến tiếp về nội dung của nhân tố này dưới đây; nếu không đồng ý, Ông/bà vui lòng chuyển sang cho ý kiến đối với nhân tố tiếp theo)			
Các nội dung của nhân tố ảnh hưởng này gồm:			
QD01	Hỗ trợ người dân định cư, ổn định cuộc sống		
QD02	Hỗ trợ người dân xóa nạn mù chữ		
QD03	Hỗ trợ người chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh		
QD04	Hỗ trợ người dân xóa đói giảm nghèo		
QD05	Hỗ trợ người dân phát triển sản xuất		

Ý kiến khác:.....

.....

4. Ngoài các nhân tố nêu trên, theo ông/bà, phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam còn ảnh hưởng bởi những nhân tố nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KTQP Ở VIỆT NAM

1. Về thực trạng phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam

Câu 1: Ông (bà) đánh giá như thế nào về mức thu nhập của người dân trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?

Câu 2: Ông (bà) đánh giá như thế nào về sự tăng trưởng giá trị sản xuất của các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?

Câu 3: Ông (bà) đánh giá như thế nào về sự tăng trưởng giá trị sản xuất của các thành phần kinh tế (khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế hộ gia đình) trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?

Câu 4: Ông (bà) đánh giá như thế nào về sự chuyển dịch cơ cấu các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?

Câu 5: Ông (bà) đánh giá như thế nào về sự chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế (khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế hộ gia đình) trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?

Câu 6: Ông (bà) đánh giá như thế nào về sự cải thiện đối với khía cạnh xã hội (như: Tình trạng nghèo đói, công ăn việc làm, giáo dục, chăm sóc y tế, sử dụng nước hợp vệ sinh của người dân...) trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?

Câu 7: Ông (bà) đánh giá như thế nào về tình hình quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội (như: Tình trạng biểu tình, vượt biên, bạo loạn, buôn bán ma túy...) trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?

Câu 8: Đánh giá chung về thực trạng phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua đối với các khía cạnh: Kinh tế, xã hội và QPAN, ý kiến của Ông (bà) như thế nào?

2. Về nguyên nhân của hạn chế trong phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam

Câu 1: Theo Ông (bà), nguyên nhân nào dẫn đến những hạn chế trong phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?

Câu 2: Trong số các nguyên nhân kể trên, theo Ông (bà), nguyên nhân nào là nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trong phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?

3. Về giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam trong thời gian tới

Câu 1: Theo Ông (bà), để thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian tới cần những giải pháp nào?

Câu 2: Trong số các giải pháp kể trên, giải pháp nào là quan trọng nhất, có tính đột phá nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian tới?

Xin chân thành cảm ơn Ông/Bà đã cung cấp những thông tin trên.

Kính chúc Ông/Bà sức khỏe và thành đạt!

Phụ lục 2: Phân bổ số lượng chuyên gia tham vấn ý kiến

TT	Tên cơ quan	Số lượng chuyên gia tham vấn
1	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	05
2	Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương	03
3	Học viện Hậu cần	02
4	Cục Kinh tế/BQP	05
5	Cục Tài chính/BQP	03
6	Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP	02
7	Đoàn KTQP 338 (01 Thủ trưởng Đoàn, 01 cán bộ Phòng Kế hoạch, 01 cán bộ Ban Tài chính, 01 cán bộ Ban Quản lý dự án)	04
8	Đoàn KTQP 4 (01 Thủ trưởng Đoàn, 01 cán bộ Phòng Kế hoạch, 01 cán bộ Ban Tài chính, 01 cán bộ Ban Quản lý dự án)	04
9	Đoàn KTQP 959 (01 Thủ trưởng Đoàn, 01 cán bộ Phòng Kế hoạch, 01 cán bộ Ban Tài chính, 01 cán bộ Ban Quản lý dự án)	04
10	UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng (01 lãnh đạo UBND huyện, 01 cán bộ Phòng Tài chính - Kế hoạch, 01 cán bộ Phòng Kinh tế - Hạ tầng, 01 cán bộ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	04
11	UBND huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An (01 lãnh đạo UBND huyện, 01 cán bộ Phòng Tài chính - Kế hoạch, 01 cán bộ Phòng Kinh tế - Hạ tầng, 01 cán bộ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	04
12	UBND huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (01 lãnh đạo UBND huyện, 01 cán bộ Phòng Tài chính Kế hoạch, 01 cán bộ Phòng Kinh tế và Hạ tầng, 01 cán bộ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	04
Tổng cộng		44

Phụ lục 3: Kết quả tham vấn ý kiến chuyên gia

PHẦN I. KẾT QUẢ THAM VẤN VỀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KTQP

1. Đối với khía cạnh đánh giá phát triển kinh tế

TT	Khía cạnh đánh giá	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý	Kết quả lựa chọn
1	Khía cạnh về kinh tế	100%	0%	Chọn
2	Khía cạnh về xã hội	100%	0%	Chọn
3	Khía cạnh về quốc phòng - an ninh	100%	0%	Chọn

Ý kiến khác: Khía cạnh về kinh tế, xã hội là quan trọng nhất để đánh giá.

2. Đối với tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP đối với từng khía cạnh

Tiêu chí đánh giá		Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý	Kết quả lựa chọn
I	Khía cạnh về kinh tế			
1	Giá trị sản xuất theo ngành kinh tế	100%	0%	Chọn
2	Giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế	95%	5%	Chọn
3	TNBQ đầu người	100%	0%	Chọn
4	Cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành kinh tế	100%	0%	Chọn
5	Cơ cấu sản phẩm vùng	14%	86%	Không
6	Cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế	95%	5%	Chọn
7	Cơ cấu thu nhập của hộ gia đình	93%	7%	Chọn
8	Sản lượng lương thực, chăn nuôi	14%	86%	Không
9	Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất canh tác	14%	86%	Không
10	Cơ cấu sản phẩm theo chủ thể đầu tư: Quân đội/người dân	21%	79%	Không

11	Giá trị sản phẩm do Quân đội đầu tư, hỗ trợ trong Khu KTQP	17%	83%	Không
12	Quy mô và tỷ trọng đầu tư của Quân đội trong Khu KTQP	33%	67%	Không
II	Khía cạnh về xã hội			
1	Tỷ lệ nghèo đói	100%	0%	Chọn
2	Tỷ lệ thất nghiệp	50%	50%	Không
3	Tỷ lệ thiếu việc làm	95%	5%	Chọn
4	Tỷ lệ người lớn biết chữ (từ 15 tuổi trở lên)	52%	48%	Không
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường	90%	10%	Chọn
6	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi	48%	52%	Không
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	7%	93%	Không
8	Tuổi thọ trung bình của người dân	17%	83%	Không
9	Tỷ lệ trẻ em chết yểu	88%	12%	Chọn
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi, suy dinh dưỡng	86%	14%	Chọn
11	Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được can thiệp y tế	86%	14%	Chọn
12	Tỷ lệ các bà mẹ tử vong vì lý do sinh sản	86%	14%	Chọn
13	Trẻ em sơ sinh được chăm sóc y tế	14%	86%	Không
14	Số con bình quân trong một gia đình	100%	0%	Chọn
15	Tỷ lệ người dân được tham gia BHYT	100%	0%	Chọn
16	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	98%	2%	Chọn
15	Tỷ lệ thôn có đường nhựa đến trung tâm của xã	17%	83%	Không
16	Tỷ lệ gia đình có điện	19%	81%	Không
17	Tốc độ tăng trưởng dân số	21%	79%	Không
18	Số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất được đầu tư vào các Khu KTQP	17%	83%	Không
19	Tỷ lệ thôn có đường nhựa đến trung tâm của xã	24%	76%	Không
20	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đời sống, sản xuất của người dân	14%	86%	Không
III	Khía cạnh về quốc phòng an ninh			
1	Số vụ biểu tình trái phép	100%	0%	Chọn
2	Số vụ bắt cóc, buôn người qua biên giới	95%	5%	Chọn
3	Số vụ bạo loạn gây an ninh chính trị xã hội	98%	2%	Chọn
4	Số vụ vượt biên trái phép	98%	2%	Chọn

5	Số vụ buôn bán ma túy qua biên giới	100%	0%	Chọn
6	Số vụ buôn lậu và gian lận thương mại	100%	0%	Chọn

Ý kiến khác: PGS.TS Vũ Văn Tùng, Học viện Hậu cần đề nghị bổ sung thêm một số tiêu chí phản ánh khía cạnh bảo đảm QPAN như: Tỷ lệ bản trắng; số vụ xâm canh, xâm cư.

3. Đối với nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP

TT	Nhân tố	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý	Kết quả lựa chọn
1	Đặc điểm tự nhiên của Khu KTQP (TN)	100%	0%	Chọn
2	Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất (HT)	95%	5%	Chọn
3	Vốn đầu tư (DT)	95%	5%	Chọn
4	Sở hữu đất của người dân (DD)	93%	7%	Chọn
5	Lao động (LD)	100%	0%	Chọn
6	Khoa học và công nghệ (CN)	100%	0%	Chọn
7	Cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước (CS)	100%	0%	Chọn
8	Quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP (QH)	95%	5%	Chọn
9	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương (DP)	95%	5%	Chọn
10	Cải cách hành chính (HC)	93%	7%	Chọn
11	Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội (VH)	100%	0%	Chọn
12	Các mô hình phát triển kinh tế (MH)	95%	5%	Chọn
13	Sự tham gia của Quân đội (QD)	95%	5%	Chọn

PHẦN II. KẾT QUẢ THAM VẤN VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU KTQP Ở VIỆT NAM *(tham vấn các chuyên gia là cán bộ cơ quan chức năng của BQP, các Đoàn KTQP và chính quyền địa phương)*

Câu hỏi tham vấn	Tổng hợp ý kiến các chuyên gia <i>(cán bộ thuộc cơ quan chức năng của BQP, Đoàn KTQP và chính quyền địa phương)</i>
1. Về thực trạng phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam	
Câu 1: Đánh giá về mức thu nhập của người dân trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?	29/34 (85%) các ý kiến cho rằng mức TNBQ của người dân trên địa bàn các Khu KTQP còn thấp, thấp hơn nhiều so với mặt bằng chung của cả nước và của các địa phương. Theo Ông Lê Văn Thắng, Đoàn trưởng Đoàn KTQP 4, tuy đã có sự tăng trưởng trong giai đoạn vừa qua nhưng mức TNBQ của người dân trên địa bàn Khu KTQP Mường Lát vẫn còn thấp, chỉ bằng ½ mức bình quân của tỉnh Thanh Hóa và khoảng cách này đang có xu hướng bị nói rộng.
Câu 2: Đánh giá về sự tăng trưởng giá trị sản xuất của các ngành NN, CN, DV trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?	28/34 (82%) các ý kiến cho rằng, những năm vừa qua, ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ có tốc độ tăng trưởng tốt do các địa bàn Khu KTQP đã từng bước bổ sung, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho phát triển các ngành phi công nghiệp .
Câu 3: Đánh giá về sự tăng trưởng giá trị sản xuất của các thành phần kinh tế (khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế hộ gia đình) trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?	29/34 (85%) các ý kiến cho rằng giá trị sản xuất của các thành phần kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua đã có sự tăng trưởng nhất định. Theo Ông Bùi Duy Quân, Đoàn trưởng Đoàn KTQP 959, khu vực kinh tế nhà nước có vai trò dẫn dắt nhiều hơn nên tốc độ tăng trưởng chưa đạt kỳ vọng, khu vực kinh tế tư nhân gặp nhiều khó khăn và chưa có nhiều đột biến trong phát triển.
Câu 4: Đánh giá về sự chuyển dịch cơ cấu các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?	30/34 (88%) các ý kiến cho rằng cơ cấu các ngành kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian qua đã có sự chuyển dịch theo xu hướng tốt nhưng sự chuyển dịch còn chậm, chưa rõ nét, nhất là đối với ngành công nghiệp – xây dựng. Theo TS Lê Thành Công, Cục Kinh tế/BQP, ngành nông nghiệp vẫn là ngành chủ đạo trên địa bàn các Khu KTQP, bên cạnh đó, thời gian qua, ngành dịch vụ cũng cho thấy sự phát triển nhất định và đóng góp ngày càng lớn đối với phát triển kinh tế, từ đó tạo ra sự chuyển dịch tích cực trong cơ cấu các ngành trên địa bàn Khu KTQP.

Câu 5: Đánh giá về sự chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế (khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế hộ gia đình) trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?	29/34 (85%) các ý kiến cho rằng, thời gian qua, kinh tế tư nhân đã có sự chuyển dịch theo xu hướng tích cực và do chưa có nhiều yếu tố thúc đẩy tăng trưởng nên đóng góp của các doanh nghiệp tư nhân trong cơ cấu kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP là chưa đáng kể. Theo PGS.TS Tạ Quang Tuấn, Cục Tài chính/BQP, do đặc thù nên hiện nay trên địa bàn Khu KTQP, khu vực kinh tế hộ gia đình vẫn là thành phần kinh tế chủ đạo trên địa bàn các Khu KTQP; trong thời gian qua, Nhà nước đã có nhiều các dự án để thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình và kinh tế hợp tác xã, đạt được những kết quả tích cực.
Câu 6: Đánh giá về sự cải thiện đối với khía cạnh xã hội (như: Tình trạng nghèo đói, công ăn việc làm, giáo dục, chăm sóc y tế, sử dụng nước hợp vệ sinh của người dân...) trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?	33/34 (97%) các ý kiến cho rằng, thời gian qua, các mặt về đời sống xã hội của người dân đã có sự chuyển biến rõ rệt và tích cực như: Tình trạng nghèo đói giảm dần, người dân có nhiều cơ hội có việc làm, trẻ em được đi học, chăm sóc y tế, người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, điện lưới quốc gia... Theo TS Lê Thành Công, Cục Kinh tế/BQP, các Đoàn KTQP cùng với lực lượng Bộ đội Biên phòng đã tích cực phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt các dự án, chương trình mục tiêu để cải thiện các vấn đề xã hội của người dân trên địa bàn các Khu KTQP, so với trước khi thành lập các Khu KTQP thì giờ đây, người dân các thôn, bản trên địa bàn đã có cuộc sống ấm no, ổn định hơn.
Câu 7: Đánh giá như thế nào về tình hình quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội (như: Tình trạng biểu tình, vượt biên, bạo loạn, buôn bán ma túy...) trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?	33/34 (97%) các ý kiến cho rằng, tình hình QPAN, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các Khu KTQP thời gian qua đã được bảo đảm tốt; theo ý kiến của các Đoàn trưởng Đoàn KTQP 4, Đoàn KTQP 799, Đoàn KTQP 959, cán bộ thuộc các Đoàn KTQP đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân chấp hành, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nên tình trạng biểu tình, vượt biên, bạo loạn, buôn bán ma túy trên địa bàn giảm đi rõ rệt so với giai đoạn trước đây.
Câu 8: Đánh giá về thực trạng phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua đối với các khía cạnh: Kinh tế, xã hội và QPAN?	Về cơ bản, các chuyên gia cho rằng sự phát triển các mặt kinh tế, xã hội, QPAN trên địa bàn các Khu KTQP thời gian qua là tương đối đồng bộ; có một số giai đoạn phải ưu tiên cho mặt này hoặc mặt khác nhưng nhìn chung các khía cạnh trong phát triển đều được quan tâm. Có một số hạn chế trong phát triển cần được nghiên cứu, quan tâm để giải quyết sớm như: Thu nhập người dân vẫn còn thấp, cơ cấu kinh tế vẫn còn lạc hậu, tăng trưởng chưa có nhiều đột phá, một số mặt xã hội cũng còn những hạn chế trong thực hiện.

2. Về nguyên nhân của hạn chế trong phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam	
Câu 1: Nguyên nhân nào dẫn đến những hạn chế trong phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua?	Các chuyên gia được tham vấn cho rằng, có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP thời gian qua. Tổng hợp lại gồm 05 nhóm: Do khách quan từ điều kiện tự nhiên; thiếu và sử dụng chưa hiệu quả nguồn lực cho phát triển; cơ chế, chính sách, quản lý nhà nước; các mô hình phát triển kinh tế và sự tham gia của Quân đội còn hạn chế ở một số mặt công tác.
Câu 2: Nguyên nhân nào là nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trong phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua	27/34 (79%) các chuyên gia cho rằng mô hình phát triển kinh tế chưa phát huy hiệu quả là nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trong phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong những năm vừa qua. Theo Lê Văn Thắng, Đoàn trưởng Đoàn KTQP 4, tuy đã có sự chuyển biến tích cực trong việc nâng cao hiệu quả của các mô hình sản xuất trên địa bàn nhưng nhìn chung vẫn chưa đạt được yêu cầu so với mục tiêu đặt ra, một số mô hình còn mang tính hình thức, chưa có ứng dụng vào thực tế.
3. Về giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP ở Việt Nam trong thời gian tới	
Câu 1: Để thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian tới cần những giải pháp nào?	Các chuyên gia đưa ra nhiều giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP thời gian qua. Tổng hợp lại gồm 04 nhóm: Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực KTXH; Hoàn thiện cơ chế, chính sách, công tác quản lý nhà nước; đổi mới và hoàn thiện các mô hình phát triển kinh tế; Nâng cao hơn nữa vai trò của Quân đội trong phát triển kinh tế trên địa bàn.
Câu 2: Giải pháp nào là quan trọng nhất, có tính đột phá nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian tới?	27/34 (79%) các chuyên gia cho rằng việc hoàn thiện, đổi mới mô hình phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP kết hợp với việc sử dụng hiệu quả vốn đầu tư là giải pháp quan trọng nhất, có tính đột phá nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP trong thời gian tới

6. Trình độ học vấn, chuyên môn:

☐ Trung học ☐ Trung cấp, cao đẳng ☐ Đại học ☐ Sau đại học

7. Ông/Bà đã sinh sống trên địa bàn Khu KTQP bao lâu:

☐ Dưới 3 năm ☐ Từ 03 đến 05 năm ☐ Từ 05 đến 10 năm ☐ Trên 10 năm

8. Ông/Bà đang làm việc trong lĩnh vực nào:

☐ Nông, lâm nghiệp, thủy sản ☐ Lâm nghiệp

☐ Công nghiệp ☐ Xây dựng

☐ Dịch vụ ☐ Khác

(Nếu lĩnh vực khác xin cho biết cụ thể:)

9. Thu nhập trung bình mỗi tháng:

☐ Dưới 3 triệu VND

☐ 3 triệu VND - 5 triệu VND

☐ Trên 5 triệu VND

PHẦN 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG

1. Thực trạng phát triển kinh tế của hộ gia đình

Câu 1: Ông/bà vui lòng cho biết mức thu nhập bình quân đầu người của gia đình Ông/bà năm 2017 và năm 2021 là khoảng bao nhiêu?

- Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2017:..... triệu đồng/người/tháng.

- Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2021:..... triệu đồng/người/tháng.

Câu 2: Ông/bà vui lòng cho biết thu nhập từ các nguồn dưới đây của gia đình Ông/bà năm 2017 và năm 2021 là khoảng bao nhiêu?

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Thu nhập	Năm 2017	Năm 2021
1	Thu nhập của gia đình từ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản <i>(đã trừ các chi phí)</i>		
2	Thu nhập của gia đình từ sản xuất ngành nghề phi nông, lâm nghiệp, thủy sản <i>(đã trừ các chi sản xuất)</i>		
3	Thu nhập từ tiền lương, tiền công		
4	Thu nhập khác <i>(không tính tiền rút tiết kiệm, bán tài sản, vay nợ)</i>		

2. Đánh giá về mức độ phát triển kinh tế chung trên địa bàn mà Ông/bà đang sinh sống.

Câu 1. Ông/Bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của Ông/bà về mức độ phát triển kinh tế chung trên địa bàn bằng cách khoanh tròn các số mô tả quan điểm của Ông/bà đối với các nhận định tại câu hỏi, cụ thể: 1 = Hoàn toàn không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Bình thường; 4 = Đồng ý; 5 = Hoàn toàn đồng ý.

Mã câu	Tiêu chí	Quan điểm của Ông/bà				
KT01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, thu nhập người dân đã tăng lên hay không?	1	2	3	4	5
KT02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, ngành nông nghiệp đã có sự phát triển hay không?	1	2	3	4	5

KT03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, ngành công nghiệp đã có sự phát triển hay không?	1	2	3	4	5
KT04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, ngành dịch vụ đã có sự phát triển hay không?	1	2	3	4	5
KT05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, kinh tế hợp tác xã, hộ gia đình trên địa bàn đã có sự phát triển hay không?	1	2	3	4	5
KT06	Câu 6: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn đã có sự phát triển hay không?	1	2	3	4	5
KT07	Câu 7: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn đã có sự phát triển hay không?	1	2	3	4	5

Câu 2. Ông/Bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của Ông/bà về mức độ tiến bộ xã hội trên địa bàn bằng cách khoanh tròn các số mô tả quan điểm của Ông/bà đối với các nhận định tại câu hỏi, cụ thể: 1 = Hoàn toàn không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Bình thường; 4 = Đồng ý; 5 = Hoàn toàn đồng ý.

XH01	Câu 7: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, tình trạng nghèo đói giảm đi hay không?	1	2	3	4	5
XH02	Câu 8: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, tình trạng thất nghiệp giảm đi hay không?	1	2	3	4	5
XH03	Câu 9: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, số lượng trẻ em được đến trường tăng lên hay không?	1	2	3	4	5
XH04	Câu 10: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, số lượng người lớn được học và biết chữ tăng lên hay không?	1	2	3	4	5
XH05	Câu 11: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, số lượng lao động trên địa bàn được học nghề tăng lên hay không?	1	2	3	4	5

XH06	Câu 12: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, người dân được quan tâm, chăm sóc sức khỏe, y tế nhiều hơn hay không?	1	2	3	4	5
XH07	Câu 13: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, người dân được tham gia BHYT ngày càng nhiều hay không?	1	2	3	4	5
XH08	Câu 14: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, người dân được sử dụng nước sạch ngày càng nhiều hay không?	1	2	3	4	5
XH09	Câu 15: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, số người dân được sử dụng điện lưới quốc gia càng tăng hay không?	1	2	3	4	5
XH10	Câu 16: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, đường nhựa đến các thôn bản được đầu tư, xây dựng càng tăng hay không?	1	2	3	4	5

Câu 3. Ông/Bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của Ông/bà về mức độ bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn bằng cách khoanh tròn các số mô tả quan điểm của Ông/bà đối với các nhận định tại câu hỏi, cụ thể: 1 = Hoàn toàn không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Bình thường; 4 = Đồng ý; 5 = Hoàn toàn đồng ý.

QP	3. Khía cạnh về quốc phòng an ninh					
QP01	Câu 17: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, tình trạng biểu tình trái phép ngày càng giảm đi hay không?	1	2	3	4	5
QP02	Câu 18: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, tình trạng bắt cóc, buôn người qua biên giới được giảm đi hay không?	1	2	3	4	5
QP03	Câu 19: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, tình trạng bạo loạn gây an ninh chính trị xã hội gần như không xảy ra hay không?	1	2	3	4	5
QP04	Câu 20: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, tình trạng vượt biên trái phép ngày càng giảm đi hay không?	1	2	3	4	5

QP05	Câu 21: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, tình trạng buôn bán ma túy qua biên giới ngày càng được hạn chế không?	1	2	3	4	5
QP06	Câu 22: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, những năm vừa qua, tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại ngày càng giảm đi không?	1	2	3	4	5

2. Ông/Bà vui lòng cho biết ý kiến về mức độ hài lòng của ông bà đối với các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP dưới đây bằng cách khoanh tròn các số mô tả mỗi yếu tố (biến) đo lường sau đây với: 1= Hoàn toàn không đồng ý; 2= Không đồng ý; 3 = Bình thường; 4= Đồng ý; 5= Hoàn toàn đồng ý.

Mã câu	Tiêu chí	Mức độ đánh giá				
TN	2.1. Đặc điểm tự nhiên của Khu KTQP					
TN01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, địa bàn Ông/bà đang sinh sống có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển kinh tế không?	1	2	3	4	5
TN02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, địa bàn Ông/bà đang sinh sống có điều kiện về khí hậu thuận lợi để phát triển kinh tế không?	1	2	3	4	5
TN03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, địa bàn Ông/bà đang sinh sống có điều kiện về đất đai thuận lợi để phát triển kinh tế không?	1	2	3	4	5
TN04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, tình hình mưa, bão, lũ lụt trên địa bàn Ông/bà đang sinh sống ít xảy ra không?	1	2	3	4	5
TN05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, trên địa bàn Ông/bà đang sinh sống ít xảy ra tình hình sạt lở đất hay không?	1	2	3	4	5
HT	2.2. Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất					
HT01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, địa bàn Ông/bà đang sinh sống có hạ tầng giao thông là thuận lợi để phát triển kinh tế không?	1	2	3	4	5

HT02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, địa bàn Ông/bà đang sinh sống có hạ tầng về trường học cho trẻ em đầy đủ và thuận tiện không?	1	2	3	4	5
HT03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, địa bàn Ông/bà đang sinh sống có hạ tầng về trạm xá, bệnh viện đầy đủ và thuận tiện không?	1	2	3	4	5
HT04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, địa bàn Ông/bà đang sinh sống có hạ tầng về thủy lợi đầy đủ và thuận tiện không?	1	2	3	4	5
HT05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, địa bàn Ông/bà đang sinh sống có hạ tầng điện lưới đầy đủ và thuận tiện không?	1	2	3	4	5
DT	2.3. Vốn đầu tư					
DT01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, vốn đầu tư của Nhà nước cho phát triển kinh tế trên địa bàn Ông/bà sinh sống đã đáp ứng đủ nhu cầu không?	1	2	3	4	5
DT02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, cơ cấu vốn đầu tư của Nhà nước cho phát triển kinh tế trên địa bàn đã phù hợp không?	1	2	3	4	5
DT03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, ngoài vốn đầu tư của Nhà nước cho phát triển kinh tế trên địa bàn thì còn có nhiều nguồn vốn đầu tư khác không?	1	2	3	4	5
DT04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, việc sử dụng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế trên địa bàn đã mang lại hiệu quả không?	1	2	3	4	5
DT05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, việc tiếp cận vốn tín dụng của người dân là thuận lợi không?	1	2	3	4	5
DD	2.4. Sở hữu đất của người dân					
DD01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc bố trí đất ở cho người dân trên địa bàn trong thời gian vừa qua là phù hợp không?	1	2	3	4	5

DD02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc bố trí đất trồng trọt, chăn nuôi cho người dân thời gian qua là phù hợp không?	1	2	3	4	5
DD03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc bố trí đất cho các khu công nghiệp là phù hợp không?	1	2	3	4	5
DD04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc thu hồi đất của người dân để phục vụ cho các dự án phát triển KTXH là phù hợp và có sự đồng thuận từ phía người dân không?	1	2	3	4	5
LD	2.5. Lao động					
LD01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, số lượng lao động trên địa bàn đã đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng không?	1	2	3	4	5
LD02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, trình độ chuyên môn của người lao động trên địa bàn là tốt không?	1	2	3	4	5
LD03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, kỹ năng, tay nghề của người lao động trên địa bàn là tốt không?	1	2	3	4	5
LD04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thái độ, tác phong làm việc của người lao động trên địa bàn là tốt không?	1	2	3	4	5
LD05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, công tác đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn được quan tâm không?	1	2	3	4	5
CN	2.6. Khoa học và công nghệ					
CN01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc ứng dụng KH-CN vào canh tác, trồng trọt trên địa bàn đã mang lại hiệu quả không?	1	2	3	4	5
CN02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc ứng dụng KH-CN vào chăn nuôi trên địa bàn đã mang lại hiệu quả không?	1	2	3	4	5
CN03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc ứng dụng KH-CN vào các mô hình chăn nuôi, trồng trọt tiêu biểu trên địa bàn đã mang lại hiệu quả không?	1	2	3	4	5

CN04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc tập huấn kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cho người dân trong thời gian qua đã được chính quyền quan tâm không?	1	2	3	4	5
CN05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng KHCN trong thời gian qua đã được chính quyền quan tâm không?	1	2	3	4	5
CS	2.7. Cơ chế, chính sách ưu đãi					
CS01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở đối với người dân trên địa bàn trong thời gian qua là tốt không?	1	2	3	4	5
CS02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, cơ chế hỗ trợ người dân trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn trong thời gian qua là tốt không?	1	2	3	4	5
CS 03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, cơ chế hỗ trợ người dân trên địa bàn phát triển sản xuất trong thời gian qua là tốt không?	1	2	3	4	5
CS04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, chính sách xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn trong thời gian qua là tốt không?	1	2	3	4	5
CS05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, chính sách về trợ cấp xã hội, BHYT của người dân trong thời gian qua là tốt không?	1	2	3	4	5
QH	2.8. Quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP					
QH01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc quy hoạch bố trí nhà ở, đất ở dân cư trên địa bàn trong thời gian qua là phù hợp không?	1	2	3	4	5
QH02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc quy hoạch đất trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn trong thời gian qua là phù hợp không?	1	2	3	4	5
QH03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc quy hoạch dự án ĐTXD công trình giao thông trên địa bàn trong thời gian qua là phù hợp không?	1	2	3	4	5

QH04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc quy hoạch dự án ĐTXD công trình thủy lợi trên địa bàn trong thời gian qua là phù hợp không?	1	2	3	4	5
QH05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc quy hoạch dự án ĐTXD các công trình dân sinh trên địa bàn trong thời gian qua là phù hợp không?	1	2	3	4	5
DP	2.9. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương					
DP01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo trong phát triển kinh tế không?	1	2	3	4	5
DP02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, cán bộ quản lý hành chính của chính quyền địa phương hiện nay đã đáp ứng đủ về số lượng không?	1	2	3	4	5
DP03	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hiện nay là hợp lý không?	1	2	3	4	5
DP04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở địa phương hiện nay là tốt không?	1	2	3	4	5
DP05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thái độ, tác phong công tác của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính địa phương hiện nay là tốt không?	1	2	3	4	5
HC	2.10. Cải cách thủ tục hành chính					
HC01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay là nhanh gọn, thuận lợi không?	1	2	3	4	5
HC02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thủ tục đăng ký kinh doanh hiện nay là nhanh gọn, thuận lợi không?	1	2	3	4	5
HC03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thủ tục vay vốn sản xuất hiện nay là nhanh gọn, thuận lợi không?	1	2	3	4	5
HC04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thủ tục đầu tư hiện nay là nhanh gọn, thuận lợi không?	1	2	3	4	5

HC05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thủ tục đăng ký hộ tịch, đăng ký thường trú, tạm trú hiện nay là nhanh gọn, thuận lợi không?	1	2	3	4	5
VH	2.11. Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội					
VH01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, môi trường chính trị trên địa bàn hiện nay là ổn định không?	1	2	3	4	5
VH02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, hiện nay, người dân trên địa bàn được pháp luật bảo vệ an toàn để sinh sống và sản xuất không?	1	2	3	4	5
VH03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, hiện nay, không còn các phong tục cổ hủ, lạc hậu trên địa bàn hay không?	1	2	3	4	5
VH04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, môi trường văn hóa, xã hội trên địa bàn văn minh, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không?	1	2	3	4	5
VH05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, việc xây dựng các thiết chế văn hóa được chính quyền các cấp quan tâm, chăm lo không?	1	2	3	4	5
MH	2.12. Các mô hình phát triển kinh tế					
MH01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, mô hình trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn hiện nay mang lại hiệu quả cao không?	1	2	3	4	5
MH02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, mô hình hỗ trợ hai đầu trên địa bàn hiện nay mang lại hiệu quả cao không?	1	2	3	4	5
MH03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, mô hình khuyến nông, khuyến lâm trên địa bàn hiện nay mang lại hiệu quả cao không?	1	2	3	4	5
MH04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, mô hình khuyến công trên địa bàn hiện nay mang lại hiệu quả cao không?	1	2	3	4	5
MH05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, mô hình trí thức tình nguyện hiện nay mang lại hiệu quả cao không?	1	2	3	4	5

QD	2.13. Sự tham gia của QĐ					
QD01	Câu 1: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, Quân đội đã tham gia có hiệu quả việc hỗ trợ người dân định cư không?	1	2	3	4	5
QD02	Câu 2: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, Quân đội đã tham gia có hiệu quả việc hỗ trợ người dân xóa nạn mù chữ không?	1	2	3	4	5
QD03	Câu 3: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, Quân đội đã tham gia có hiệu quả việc hỗ trợ người dân chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh không?	1	2	3	4	5
QD04	Câu 4: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, Quân đội đã tham gia có hiệu quả việc hỗ trợ người dân xóa đói giảm nghèo không?	1	2	3	4	5
QD05	Câu 5: Ông/bà có đồng ý với nhận định rằng, thời gian qua, Quân đội đã tham gia có hiệu quả việc hỗ trợ người dân phát triển sản xuất không?	1	2	3	4	5

Phụ lục 5: Đặc điểm KTXH, dân cư của Khu KTQP lựa chọn khảo sát và kết quả thu nhập phiếu sau khi khảo sát người dân

I. Đặc điểm KTXH, dân cư của Khu KTQP lựa chọn khảo sát

T T	Khu KTQP lựa chọn khảo sát	Mật độ bản (ha/bản)	Mật độ dân cư (người/km²)	TNBQ đầu người 2021 (tr.đ/người)
1	Nhóm Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc	569	63	18,6
	Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm (<i>lựa chọn khảo sát</i>)	494	59	15,5
2	Nhóm Khu KTQP giáp biên giới Lào	1.286	28	8,8
	Khu KTQP Kỳ Sơn, Nghệ An (<i>lựa chọn khảo sát</i>)	1.357	22	6,7
3	Nhóm Khu KTQP giáp biên giới Campuchia	38	34	28,3
	Khu KTQP Tân Hồng (<i>lựa chọn khảo sát</i>)	42	27	23,5

Nguồn: Báo cáo rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng các Khu KTQP đến năm 2025, định hướng dẫn năm 2023 của Bộ Quốc phòng.

II. Kết quả thu nhập phiếu sau khảo sát

TT	Tên Khu KTQP thực hiện khảo sát	Số phiếu khảo sát	Số phiếu thu về	Số phiếu sau khi làm sạch
1	Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm	132	126	122
2	Khu KTQP Kỳ Sơn, Nghệ An	96	91	90
3	Khu KTQP Tân Hồng	202	195	187
	Cộng	430	412	400

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Phụ lục 6: Phân nhóm các Khu KTQP ở Việt Nam

TT	Tên Khu KTQP	Phân nhóm Khu KTQP
1	Khu KTQP Mẫu Sơn	Các Khu KTQP giáp biên giới Trung Quốc
2	Khu KTQP Bảo Lạc - Bảo Lâm	
3	Khu KTQP Thông Nông - Hà Quảng	
4	Khu KTQP Vị Xuyên	
5	Khu KTQP Xín Mần	
6	Khu KTQP Bát Xát	
7	Khu KTQP Phong Thổ	
8	Khu KTQP Bình Liêu - Quảng Hà - Móng Cái	
9	Khu KTQP Mường Chà	Các Khu KTQP giáp biên giới Lào
10	Khu KTQP Sông Mã	
11	Khu KTQP Mường Lát	
12	Khu KTQP Kỳ Sơn	
13	Khu KTQP Khe Sanh	
14	Khu KTQP Tây Giang – Nam Giang	
15	Khu KTQP Nam Quảng Bình	
16	Khu KTQP Quảng Sơn	Các Khu KTQP giáp biên giới Campuchia
17	Khu KTQP Easup	
18	Khu KTQP Bắc Lâm Đồng	
19	Khu KTQP Tân Hồng	
20	Khu KTQP Tứ Giác Long Xuyên	
21	Khu KTQP Binh đoàn 15	
22	Khu KTQP Binh đoàn 16	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ QĐ số 49/QĐ-TTg và Báo cáo rà soát, điều chỉnh quy hoạch ĐTXD các Khu KTQP đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Phụ lục 7: Các giả thuyết của mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP

Giả thuyết	Nội dung giả thuyết
H1	Đặc điểm tự nhiên của Khu KTQP (TN) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP.
H2	Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất (HT) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H3	Vốn đầu tư (DT) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H4	Sở hữu đất của người dân (DD) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H5	Lao động (LD) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H6	Khoa học và công nghệ (CN) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H7	Cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước (CS) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H8	Quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP (QH) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H9	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương (DP) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H10	Cải cách hành chính (HC) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H11	Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội (VH) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H12	Các mô hình phát triển kinh tế (MH) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP
H13	Sự tham gia của Quân đội (QD) có mối quan hệ thuận chiều với PTKT trên địa bàn các Khu KTQP

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả nghiên cứu)

Phụ lục 8: Thang đo mức độ phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu KTQP

TT	Biểu đại diện	Các biểu quan sát	Ký hiệu
1	Thành tựu về kinh tế (KT)	Thu nhập người dân được tăng lên	KT1
		Sự phát triển của ngành nông nghiệp	KT2
		Sự phát triển của ngành công nghiệp	KT3
		Sự phát triển của ngành dịch vụ	KT4
		Sự phát triển của sản phẩm có lợi thế	KT5
		Sự phát triển của sản phẩm được Quân đội đầu tư, hỗ trợ	KT6
		Sự đầu tư, hỗ trợ của Quân đội vào sản xuất	KT7
2	Tiến bộ xã hội (XH)	Tình trạng nghèo đói	XH1
		Tình trạng thất nghiệp	XH2
		Trẻ em được đi học	XH3
		Người lớn biết chữ	XH4
		Lao động được quan tâm, đào tạo nghề	XH5
		Người dân được chăm sóc sức khỏe, y tế	XH6
		Người dân được tham gia BHYT	XH7
		Người dân được sử dụng nước sạch	XH8
		Người dân được sử dụng điện lưới quốc gia	XH9
		Đường nhựa đến các thôn bản	XH10
3	Bảo đảm quốc phòng an ninh (QP)	Tình trạng biểu tình trái phép	QP1
		Tình trạng bắt cóc, buôn người qua biên giới	QP2
		Tình trạng bạo loạn gây an ninh chính trị xã hội	QP3
		Tình trạng vượt biên trái phép	QP4
		Tình trạng buôn bán ma túy qua biên giới	QP5
		Tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại	QP6

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ cơ sở lý thuyết và kết quả nghiên cứu)

**Phụ lục 9: Thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trên
địa bàn các Khu KTQP**

TT	Nhân tố	Các biến quan sát	Ký hiệu
1	Đặc điểm tự nhiên của Khu KTQP (TN)	Vị trí địa lý của các Khu KTQP	TN1
		Điều kiện về khí hậu	TN2
		Điều kiện về thổ nhưỡng	TN3
		Tình hình mưa, bão, lũ lụt	TN4
		Tình hình sạt lở đất	TN5
2	Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất (HT)	Hạ tầng giao thông	HT1
		Hạ tầng về trường học	HT2
		Hạ tầng về trạm xá, bệnh viện	HT3
		Hạ tầng về thủy lợi	HT4
		Hạ tầng điện lưới	HT5
3	Vốn đầu tư (DT)	Quy mô vốn đầu tư	DT1
		Cơ cấu vốn đầu tư	DT2
		Nguồn vốn đầu tư	DT3
		Sự hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư	DT4
		Khả năng tiếp cận vốn tín dụng của người dân	DT5
4	Sở hữu đất của người dân (DD)	Bố trí đất ở cho người dân	DD1
		Bố trí đất trồng trọt, chăn nuôi cho người dân	DD2
		Bố trí đất cho các khu công nghiệp	DD3
		Việc thu hồi đất của người dân phục vụ cho các dự án phát triển KTXH	DD4
5	Lao động (LD)	Số lượng lao động	LD1
		Trình độ chuyên môn của người lao động	LD2
		Kỹ năng, tay nghề của người lao động	LD3
		Thái độ, tác phong làm việc của người lao động	LD4
		Đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn	LD5
6	Khoa học và công nghệ (CN)	Ứng dụng KHCN vào canh tác, trồng trọt	CN1
		Ứng dụng KHCN vào chăn nuôi	CN2
		Ứng dụng KHCN vào các mô hình chăn nuôi, trồng trọt tiêu biểu trên địa bàn	CN3

TT	Nhân tố	Các biến quan sát	Ký hiệu
		Tập huấn kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cho người dân	CN4
		Đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng KH-CN	CN5
7	Cơ chế, chính sách ưu đãi (CS)	Chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở đối với người dân sinh sống trên địa bàn	CS1
		Cơ chế hỗ trợ người dân trồng trọt, chăn nuôi	CS2
		Cơ chế hỗ trợ người dân phát triển sản xuất	CS3
		Chế độ trợ cấp, BHYT của người dân	CS4
		Chính sách xóa đói, giảm nghèo	CS5
8	Quy hoạch và triển khai quy hoạch các Khu KTQP (QH)	Quy hoạch bố trí nhà ở, đất ở dân cư	QH1
		Quy hoạch đất trồng trọt, chăn nuôi	QH2
		Quy hoạch dự án ĐTXD công trình giao thông	QH3
		Quy hoạch dự án ĐTXD công trình thủy lợi	QH4
		Quy hoạch dự án ĐTXD các công trình dân sinh	QH5
9	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương (DP)	Sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế	DP1
		Số lượng cán bộ quản lý hành chính của chính quyền địa phương	DP2
		Cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền địa phương	DP3
		Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở địa phương	DP4
		Thái độ, tác phong công tác của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính địa phương	DP5
10	Cải cách thủ tục hành chính (HC)	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	HC1
		Thủ tục đăng ký kinh doanh	HC2
		Thủ tục vay vốn sản xuất	HC3
		Thủ tục đầu tư	HC4
		Thủ tục hộ tịch, đăng ký thường trú, tạm trú	HC5
11	Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội (VH)	Sự ổn định về môi trường chính trị trên địa bàn	XH1
		Người dân được pháp luật bảo vệ an toàn để sinh sống và sản xuất	VH2
		Không có các phong tục cổ hủ, lạc hậu trên địa bàn	VH3

TT	Nhân tố	Các biến quan sát	Ký hiệu
		Môi trường văn hóa, xã hội văn minh, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	VH4
		Chăm lo xây dựng các thiết chế văn hóa	VH5
12	Các mô hình phát triển kinh tế (MH)	Sự hiệu quả từ mô hình trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn mang	MH1
		Sự hiệu quả từ mô hình hỗ trợ hai đầu	MH2
		Sự hiệu quả từ mô hình khuyến nông, khuyến lâm phát huy hiệu quả	MH3
		Sự hiệu quả của mô hình khuyến công	MH4
		Sự hiệu quả từ mô hình trí thức tình nguyện mang lại hiệu quả	MH5
13	Sự tham gia của Quân đội (QD)	Hỗ trợ người dân phát triển sản xuất	QD1
		Hỗ trợ người dân xóa đói giảm nghèo	QD2
		Hỗ trợ người dân xóa nạn mù chữ	QD3
		Hỗ trợ người chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh	QD4
		Giúp ổn định tình hình chính trị, xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh	QD5

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ cơ sở lý thuyết và kết quả nghiên cứu)

Phụ lục 10.1: Bảng thống kê biến phụ thuộc từ kết quả khảo sát

Biến quan sát	Số quan sát (n/%)	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý	Trung bình	Độ lệch chuẩn
KT	n %	0 0%	260 9.30%	1490 53.20%	1050 37.50%	0 0%	3.28	0.62
KT1	n %	0 0%	42 10.50%	196 49.00%	162 40.50%	0 0%	3.30	0.65
KT2	n %	0 0%	36 9.00%	218 54.50%	146 36.50%	0 0%	3.28	0.62
KT3	n %	0 0%	34 8.50%	230 57.50%	136 34%	0 0%	3.26	0.60
KT4	n %	0 0%	26 6.50%	236 59%	138 34.50%	0 0%	3.28	0.58
KT5	n %	0 0%	36 9.00%	210 52.50%	154 38.50%	0 0%	3.30	0.62
KT6	n %	0 0%	52 13.00%	194 48.50%	154 38.50%	0 0%	3.26	0.67
KT7	n %	0 0%	34 8.50%	206 51.50%	160 40.00%	0 0%	3.32	0.62
XH	n %	0 0%	0 0%	262 6.55%	1948 48.70%	1790 44.75%	4.38	0.61
XH1	n %	0 0%	0 0%	42 10.50%	198 49.50%	160 40%	4.30	0.65
XH2	n %	0 0%	0 0%	26 6.50%	190 47.50%	184 46.00%	4.40	0.61
XH3	n %	0 0%	0 0%	22 5.50%	206 51.50%	172 43.00%	4.38	0.59
XH4	n %	0 0%	0 0%	26 6.50%	204 51.00%	170 42.50%	4.36	0.60
XH5	n %	0 0%	0 0%	16 4.00%	196 49.00%	188 47.00%	4.43	0.57
XH6	n %	0 0%	0 0%	14 3.50%	204 51%	182 45.50%	4.42	0.56
XH7	n %	0 0%	0 0%	36 9%	170 42.50%	194 48.50%	4.40	0.65
XH8	n %	0 0%	0 0%	32 8.00%	180 45.00%	188 47.00%	4.39	0.63
XH9	n %	0 0%	0 0%	18 4.50%	208 52%	174 43.50%	4.39	0.57

XH10	n %	0 0%	0 0%	30 7.50%	192 48%	178 44.50%	4.37	0.62
QP	n %	0 0%	0 0%	76 3.17%	1220 50.83%	1104 46.00%	4.43	0.56
QP1	n %	0 0%	0 0%	24 6.00%	232 58.00%	144 36.00%	4.30	0.58
QP2	n %	0 0%	0 0%	10 2.50%	208 52%	182 45.50%	4.43	0.54
QP3	n %	0 0%	0 0%	16 4.00%	188 47.00%	196 49.00%	4.45	0.57
QP4	n %	0 0%	0 0%	10 2.50%	196 49.00%	194 48.50%	4.46	0.55
QP5	n %	0 0%	0 0%	8 2.00%	194 48.50%	198 49.50%	4.48	0.54
QP6	n %	0 0%	0 0%	8 2.00%	202 50.50%	190 47.50%	4.46	0.54

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát.

Phụ lục 10.2: Bảng thống kê biến quan sát từ kết quả khảo sát

Biến quan sát	Số quan sát (n/%)	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý	Trung bình	Độ lệch chuẩn
LD	n %	0 0%	6 0.3%	143 7.15%	744 37.20%	1107 55.35%	4.47	0.63
LD1	n %	0 0%	1 0.25%	19 4.75%	130 32.50%	250 62.50%	4.57	0.61
LD2	n %	0 0%	2 0.50%	18 4.50%	122 30.50%	258 64.50%	4.59	0.60
LD3	n %	0 0%	3 1.50%	29 7.50%	175 44.00%	193 48.00%	4.40	0.66
LD4	n %	0 0%	0 0%	56 14.00%	180 45.00%	164 41.00%	4.27	0.7
LD5	n %	0 0%	0 0%	21 5.75%	137 34.25%	242 60.50%	4.55	0.62
TN	n %	3 0.15%	45 2.25%	568 28.4%	1384 69.2%	0 0%	3.67	0.52
TN1	n %	0 0%	6 1.50%	102 25.50%	292 73%	0 0%	3.72	0.48
TN2	n %	2 0.5%	5 1.25%	125 31.25%	268 67.00%	0 0%	3.65	0.54
TN3	n %	1 0.25%	13 3.25%	128 32.0%	258 64.5%	0 0%	3.61	0.57
TN4	n %	0 0%	14 3.50%	108 27.00%	278 69.50%	0 0%	3.66	0.54
TN5	n n	0 0%	7 1.75%	105 26.25%	288 72.0%	0 0%	3.70	0.50
HT	n %	14 0.7%	85 4.25%	462 23.10%	888 44.40%	551 27.55%	3.94	0.70
HT1	n %	0 0%	9 2.25%	112 28.0%	279 69.75%	0 0%	3.68	0.52
HT2	n %	0 0%	0 0%	16 4.0%	113 28.25%	271 67.75%	4.65	0.56
HT3	n %	14 3.50%	76 19.0%	104 26.0%	206 51.50%	0 0%	3.26	0.88
HT4	n %	0 0%	0 0%	109 27.25%	149 37.25%	142 35.50%	4.08	0.79
HT5	n %	0 0%	0 0%	121 30.25%	141 35.25%	138 34.50%	4.05	0.81

CN	n %	11 0.55%	242 12.10%	842 42.15%	904 45.20%	0 0%	3.32	0.71
CN1	n %	5 1.25%	53 13.25%	182 45.50%	160 40.00%	0 0%	3.25	0.73
CN2	n %	2 0.5%	54 13.50%	168 42%	176 44.0%	0 0%	3.30	0.71
CN3	n %	1 0.25%	62 15.50%	171 42.75%	166 41.50%	0 0%	3.26	0.73
CN4	n %	3 0.75%	37 9.25%	158 39.50%	202 50.50%	0 0%	3.40	0.68
CN5	n %	0 0%	36 2.50%	164 41.0%	200 50.0%	0 0%	3.42	0.67
DT	n %	20 1.0%	378 18.90%	545 27.25%	1057 52.85%	0 0%	3.36	0.80
DT1	n %	19 4.75%	93 23.25%	122 30.50%	166 41.50%	0 0%	3.10	0.92
DT2	n %	1 0.25%	69 17.25%	90 22.50%	240 60.00%	0 0%	3.42	0.77
DT3	n %	0 0%	78 19.50%	97 24.25%	225 56.25%	0 0%	3.40	0.79
DT4	n %	0 0%	76 19.0%	110 51.0%	214 47.50%	0 0%	3.35	0.79
DT5	n %	0 0%	62 15.50%	126 31.50%	212 53.0%	0 0%	3.38	0.74
CS	n %	7 0.035%	79 3.95%	262 13.10%	816 40.80%	836 41.80%	4.20	0.70
CS1	n %	0 0%	5 1.25%	47 8.75%	85 19.75%	262 70.25%	4.50	0.76
CS2	n %	0 0%	0 0%	34 8.50%	79 19.75%	287 71.75%	4.63	0.71
CS3	n %	4 1.0%	42 10.0%	72 18.0%	282 70.5%	0 0%	3.58	0.72
CS4	n %	3 0.75%	31 7.75%	78 19.50%	288 72.0%	0 0%	3.64	0.68
CS5	n %	0 0%	1 0.25%	31 7.75%	82 20.50%	287 71.75%	4.64	0.67
MH	n %	0 0%	434 21.7%	1198 59.9%	368 18.4%	0 0%	2.97	0.63
MH1	n	0	86	242	72	0	2.97	0.63

	%	0%	20.0%	58.0%	22.0%	0%		
MH2	n %	0 0%	80 7.75%	232 20.50%	88 72.25%	0 0%	3.02	0.65
MH3	n %	0 0%	98 24.5%	242 60.5%	60 15.0%	0 0%	2.91	0.62
MH4	n %	0 0%	80 20.0%	236 59.0%	84 21.0%	0 0%	3.01	0.64
MH5	n %	0 0%	90 22.5%	246 61.5%	64 16.9%	0 0%	2.94	0.62
QD	n %	24 1.20%	143 7.15%	352 17.60%	760 38.00%	721 36.05%	4.00	0.84
QD1	n %	0 0%	18 4.5%	43 10.75%	96 24.0%	243 60.25%	4.41	0.85
QD2	n %	0 0%	10 2.5%	50 12.5%	80 20%	260 65%	4.48	0.81
QD3	n %	0 0%	12 3.0%	63 15.75%	107 26.75%	218 54.5%	4.33	0.85
QD4	n %	12 3.0%	51 12.75%	99 24.75%	238 59.5%	0 0%	3.41	0.82
QD5	n %	12 3.0%	52 13.0%	97 24.25%	239 59.75%	0 0%	3.40	0.83
QH	n %	2 0.1%	483 24.15%	621 31.05%	894 44.7%	0 0%	3.20	0.81
QH1	n %	0 0%	102 25.5%	126 31.5%	172 43.0%	0 0%	3.18	0.81
QH2	n %	0 0%	94 23.5%	121 30.25%	185 46.25%	0 0%	3.23	0.81
QH3	n %	0 %	93 23.25%	129 32.25%	178 44.5%	0 0%	3.21	0.79
QH4	n %	2 0.5%	95 23.75%	118 29.5%	185 46.25%	0 0%	3.22	0.82
QH5	n %	0 0%	99 24.75%	127 31.75%	174 43.5%	0 0%	3.19	0.80
DP	n %	0 0%	0 0%	661 33.05%	724 36.2%	615 30.75%	3.98	0.80
DP1	n %	0 0%	0 0%	138 34.5%	155 38.75%	107 26.75%	3.92	0.78
DP2	n %	0 0%	0 0%	154 38.5%	127 31.75%	119 29.75%	3.91	0.82
DP3	n	0	0	98	162	140	4.11	0.77

	%	0%	0%	24.5%	40.5%	35.0%		
DP4	n %	0 0%	0 0%	128 32.0%	139 34.75%	133 33.25%	4.01	0.81
DP5	n %	0 0%	0 0%	143 29.0%	141 35.25%	116 29.0%	3.93	0.80
HC	n %	0 0%	0 0%	623 31.15%	709 35.45%	668 33.4%	4.02	0.80
HC1	n %	0 0%	0 0%	129 32.25%	136 34%	135 33.75%	4.02	0.813
HC2	n %	0 0%	0 0%	131 32.75%	142 35.5%	127 31.75%	3.99	0.80
HC3	n %	0 0%	0 0%	120 30.0%	148 37.0%	132 33.0%	4.03	0.79
HC4	n %	0 0%	0 0%	107 26.75%	151 37.75%	142 35.5%	4.09	0.78
HC5	n %	0 0%	0 0%	136 34%	132 33.0%	132 33.0%	4.0	0.82
DD	n %	0 0%	0 0%	617 30.85%	473 23.65%	510 25.5%	3.93	0.83
DD1	n %	0 0%	0 0%	127 31.75%	145 36.25%	128 32%	4.0	0.80
DD2	n %	0 0%	0 0%	166 41.5%	111 27.75%	123 30.75%	3.89	0.84
DD3	n %	0 0%	0 0%	148 37%	114 28.5%	138 34.5%	3.98	0.85
DD4	n %	0 0%	0 0%	176 44%	103 25.75%	121 30.25%	3.86	0.85
VH	n %	0 0%	0 0%	626 31.3%	695 34.75	679 33.95	4.03	0.82
VH1	n %	0 0%	0 0%	125 31.25%	138 34.5%	137 34.25%	4.03	0.81
VH2	n %	0 0%	0 0%	114 28.5%	145 36.25%	141 35.25%	4.07	0.80
VH3	n %	0 0%	0 0%	122 30.5%	145 36.25%	133 33.25%	4.03	0.84
VH4	n %	0 0%	0 0%	134 33.5%	142 35.5%	124 31%	3.98	0.81
VH5	n %	0 0%	0 0%	131 32.75%	125 31.0%	144 36%	4.03	0.83

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát.

Phụ lục 10.3: Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha đối với các biến phụ thuộc và biến độc lập

T T	Các biến cần kiểm định	Ký hiệu	Số quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
I	Biến phụ thuộc	KKT		
1	Thành tựu về kinh tế (KT)	KT	7	0.830
2	Tiến bộ xã hội (XH)	XH	10	0.786
3	Bảo đảm quốc phòng an ninh (QP)	QP	6	0.769
II	Biến độc lập			
1	Đặc điểm tự nhiên	TN	5	0.914
2	Cơ sở hạ tầng và tính kết nối về vật chất	HT	5	0.704
3	Vốn đầu tư	DT	5	0.873
4	Sở hữu đất của người dân	DD	4	0.477
5	Lao động	LD	5	0.855
6	Khoa học và công nghệ	CN	5	0.890
7	Cơ chế, chính sách	CS	5	0.849
8	Quy hoạch và triển khai quy hoạch	QH	5	0.932
9	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương	DP	5	0.492
10	Cải cách hành chính	HC	5	0.349
11	Môi trường chính trị, văn hóa, xã hội	XH	5	0.533
12	Các mô hình phát triển	MH	5	0.895
13	Sự tham gia của Quân đội	QD	5	0.926

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả tính toán

Phụ lục 10.4: Kết quả tổng biến thiên của dữ liệu được giải thích

Comp onent	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	6.647	15.825	15.825	6.647	15.825	15.825	5.348	12.732	12.732
2	5.656	13.466	29.291	5.656	13.466	29.291	4.008	9.543	22.276
3	4.441	10.573	39.864	4.441	10.573	39.864	3.985	9.488	31.764
4	4.075	9.702	49.565	4.075	9.702	49.565	3.659	8.712	40.476
5	3.240	7.713	57.279	3.240	7.713	57.279	3.635	8.654	49.130
6	2.570	6.119	63.397	2.570	6.119	63.397	3.455	8.227	57.357
7	2.011	4.789	68.186	2.011	4.789	68.186	3.230	7.692	65.049
8	1.807	4.303	72.489	1.807	4.303	72.489	3.125	7.441	72.489
9	.975	2.322	74.812						
Extraction Method: Principal Component Analysis.									

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy mô hình)

Phụ lục 10.5: Ma trận xoay nhân tố

	Component							
	1	2	3	4	5	6	7	8
LD1							.866	
LD2							.734	
LD3							.669	
LD4							.629	
LD5							.887	
TN1	.848							
TN2	.800							
TN3	.805							
TN4	.911							
TN5	.860							
HT1	.905							
HT2	.892							
CN1					.795			
CN2					.820			
CN3					.817			
CN4					.831			
CN5					.838			
MH1				.746				
MH2				.833				
MH3				.800				
MH4				.842				
MH5				.834				
DT1						.689		
DT2						.714		
DT3						.855		
DT4						.874		
DT5						.863		
CS1								.588
CS2								.853
CS3								.764
CS4								.799
CS5								.757
QD1			.820					
QD2			.840					
QD3			.876					
QD4			.832					
QD5			.871					
QH1		.875						

QH2		.901						
QH3		.870						
QH4		.867						
QH5		.898						
Extraction Method: Principal Component Analysis.								
Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.								
a. Rotation converged in 6 iterations.								

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy mô hình)

Phụ lục 11: Một số hình ảnh về hoạt động hỗ trợ người dân trên địa bàn các Khu KTQP phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống của các Đoàn KTQP



Ảnh 1. Cán bộ Đoàn KTQP 79 hướng dẫn bà con trên địa bàn Khu KTQP Nam Quảng Bình khai thác mỏ cao su.



Ảnh 2. Cán bộ Công ty 72 tập huấn canh tác nông nghiệp cho bà con trên địa bàn Khu KTQP Bình đoàn 15.



Ảnh 3. Cán bộ Đoàn KTQP 337 giúp người dân trên địa bàn Khu KTQP Khe Sanh xây dựng nhà ở theo vị trí bố trí quy hoạch dân cư mới.



Ảnh 4. Cán bộ Đoàn KTQP 337 cùng lực lượng trí thức trẻ tình nguyện hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt cho bà con trên địa bàn Khu KTQP Khe Sanh.